

Đề tựa của việc giải thích luận MA HA DIỄN (Đại Thừa Khởi Tín)

- *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, quyển thứ 32, thuộc Luận Tập Bộ Toàn.*
- *Thứ tự Kinh Văn số 1668.*
- *Do Nhi Hồi Phụng Uy Diêu Hưng Hoàng Đế chế ra.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 10 tháng 6 năm 2008.*

Nghe rằng: Trăng như kính, trời sáng như ngọc. Ở chỗ âm áp nơi núi là chỗ tối tôn trong nhà Thiên. Che mát cả hai đường, đến tận các nước, rồi thấy được mọi việc, đạt được nhiều điều lợi ích và giương cao sự hoan hỷ của ánh sáng kia. Rồi vắng lặng nơi linh thiêng, nghe đạo ấy tự ngàn xưa, mà giống như điều hiểu biết ấy. Có cả trăm chỗ hiểu biết khác nhau, huông gì lúc bắt đầu cho việc giải thích này.

Trước đã nghe chỗ giải thích về thời kỳ giáo hóa. Thấy hình voi như không có, như gió tan đi. Sau đó gặp Ma Ni Bảo Tạng cho đến phía Đông và tốt đẹp quý giá nhiều như mắc võng Nhơn Đà La, nhiều như cát vậy. Bên trong làm cho vui thích, tâm ấy chẳng rộng sao? Như hoa sen mãi khai trong vườn Kỳ Viên, há là nơi đến của chỗ tốt mà mắt thấy vui ở bên ngoài? Từ chỗ ở nhìn ra thấy nổi lên. Chớ có bỏ qua mà hãy khâm thừa bên bờ sao ấy. Trẫm nay giải rõ như ấy hóa ra bảy giác chi trong rừng quý báu. Trông hoa sen tám công đức trong hồ quý, đến đó vui hưởng. Liên mau đến đó rồi, phía Đông tự đến thêm xe vàng. Ở ngay trước cửa. Phàm làm vua là cái đạo, phải viết tựa trước sách, như kiếng quý chiếu xuống nơi núi không, rồi liền hòa vào trong thế giới. Dùng văn Ma Già để ghi lại, để cho tương lai, tám vạn luân lưu về phía Đông. Đồng thời quá khứ 500 giác chi quý hóa ấy đến phía Nam để mà giáo hóa vậy. Ở nơi Quan Âm mà tạm xin tay mắt. Đây thuộc về giáo môn nhiều vô số. Đây chính là nghĩa ấy. Ở nơi Thi Ca mà chứa ngọc quý thì lo sợ, mà cái nghĩa là nhiều vô kể. Dùng cái đức, ánh sáng của Mã Minh thánh nhơn, lúc ấy đã làm hiển lộ đầy đủ về Ngài Long Thọ Đại Sĩ. Như đóa mây lành, trùm lên khắp cõi. Cao cao đẹp đẹp. Tự mình chẳng liên kết với Tăng ở trong núi, mà trồng hai loại ấy là cái nhơn làm cho hương thơm trong ao; diễn thuyết như nước chảy quý báu; che khuất trước Di Lạc. Đây không phải là chỗ bí mật phục tùng sau Thích Ca sao? Người giải thích Ma Ha Diễn luận ấy, do chỗ chứa nghĩa sâu xa nguồn cội, tánh ấy không cùng như biển cả. Nghe cái gốc gác ấy mà thấy đáng tán dương, giống như sao mai chiếu sáng sánh với mặt trăng. Người đời chưa rõ để quay về chỗ này. Khi về rồi như gắm hoa và đến chỗ tỏ rõ. Chẳng phải chỗ đo lường trong cuộc sống vậy. Có thể nên biết trong một cõi có cả mặt trời và mặt trăng. Dưới trời ấy lại có hai Hoàng Đế. Trẫm nghe rằng bản tiếng Phạn này trước ở Thiên Trúc, rồi được cung nghinh đến phía Đông này; đó là vào năm Hoàng Thi thứ 3 nhằm thượng tuần tháng 9 tại Chùa Đại Trang Nghiêm, rồi đón nhận nét bút, kính dịch luận này. Người trực tiếp phiên dịch là Ngài Tam Tạng Phiệt Đề Ma Đa, cùng với người đời tên Lưu Liên Đà đã chấp bút, cảm tạ thánh hiền quý báu. Trước sau cả hai năm mới dịch xong. Cả hai phương diện đều thành công tốt đẹp. Giống như dưới các vì sao, tất cả đều đầy đủ. Nước sông đã lắng sạch; nên biển lớn cũng trong lây. Ta tuy chưa rõ hết nhưng đã xuất kho báu cần khôn trên hết, để cho vào núi Diệu Cao này một ít nhỏ nhoi cho vui cửa mà rộng vì pháp giới. Lành lớn đến, vào chỗ đoan nghiêm, quyết ở chỗ lý này. Được gọi là tuyệt diệu vui mừng như được che chở của cánh chim. Là việc ấy thì sao gọi là âm được. Nói như thế ắt đẹp, gọi là Trẫm vậy. Gọi là tốt lành, ấy lời của Trẫm. Đời sau làm chỗ

nương vào. Ở vào chỗ lý tuyệt đối mà phúng tụng. Dừng lại ở câu mà suy nghĩ. Phá bỏ chỗ thấy ấy, tức chưa làm rộng được, mà còn hư lớn. Mất kiên quý ấy, chớ tìm giải thích dấu vết của voi. Trăm sẽ chẳng lấy đó ràn rụa mặt trăng để viết lời văn qua sự thỉnh cầu, như rùa và thỏ che chở với nhau, mượn đó để chế ra việc này, gọi là đề tựa cho việc này vậy.

Giải thích luận MA HA DIỄN (Quyển thứ nhất)

- Ngài Long Thọ Bồ Tát tạo luận
- Đời Diêu Tần, Ngài Tam Tạng Pháp Sư Phiệt Đề Ma Da phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.

Đảnh lễ viên mãn giác
Chỗ giác chứng pháp tạng
Bậc Đại Sĩ tạo luận
Cùng với bậc Thánh Hiền
Muôn mở cửa ngõ cách
Quyền hiển đến nơi chốn
Lợi ích các chúng sanh
Nhằm báo ân Thầy vậy

Luận rằng: Nay tạo luận này nhằm giải thích luận Ma Ha Diễn (luận Khởi Tín). Vì muốn hiển thị cái thể này của chính sư về sự thâm sâu kỳ cùng vi diệu đó. Nếu chưa chứng được chánh giác thì chưa ra khỏi việc làm tà. Mờ mờ tối tối, tuyệt nhiên không thấy được, qua khỏi chỗ suy nghĩ vậy. Hoặc vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh nên khai mở cửa ngõ để vào, hiển bày chỗ đến, rồi vào chỗ sâu xa lý giải; hoặc do Thầy đến chỗ cực sâu xa, mà chia ra phần nhỏ để báo ơn lớn của Thầy; hoặc yên lặng quan sát về chúng sanh trong tương lai, khởi lên trăm ngàn sự luận tranh về tông chỉ; hoặc chính mình gần gũi nghe nhận A Thế Gia vậy (chúng tử). Có nhiều nhơn duyên như vậy; cho nên tạo ra luận này.

Đã nói về chỗ căn bản rồi, lần lượt sẽ nói về sự sai biệt của luận. Luận có nhiều loại và luận này nhiếp lấy Ma Ha Diễn và chỗ nhiếp ấy là gì? Tụng rằng:

Mười vạn chín ngàn bộ
Cả mười luận đều nhiếp Ma Ha La Phật Đề (vô tri)
Ổ Xá Ma Xà Tha (Ông Thầy, thân giáo sư)
Phật Na Đề Xá Luận
A Bộ Đế Phật Ma
Hồ A Ma Tăng Na
Kiền Bà Ma Ca Nhiếp

Luận rằng: Phàm tập hợp lại các loại luận thì tổng cộng có mười vạn chín ngàn bộ. Như vậy các luận tổng cộng 10 chỗ nhiếp. Thế nào là mười?

Một là Ma Ca La luận
Hai là Bát Đề luận
Ba là Ổ Xá Ma luận
Bốn là Xà Tha luận
Năm là Phật Na Đề Xá luận
Sáu là A Bộ Đế luận
Bảy là Phật Ma luận
Tám là Hồ A luận
Chín là Ma Tăng Na luận
Mười là Kiền Bà luận.

Đây gọi là mười. Ma Ha Diễn luận, như ý ấy mà luận nhiếp. Mã Minh Bồ Tát tạo ra luận. Trong đây có nhiều chữ nhiều nghĩa. Do Ma Ha Diễn luận sẽ nhiếp những gì? Tụng rằng:

Tất cả một trăm bộ
Chín mươi chín loại văn
Mười loại nghĩa chỗ nhiếp
Tách luận nhiếp chỗ hay

Luận rằng: Mã Minh Bồ Tát tạo ra luận tổng cộng có 100 bộ. Trong 100 bộ ấy có 99 loại văn luận nhiếp; trừ 10 loại luận nhiếp nghĩa luận nhiếp. Tách luận sách hay ấy thì 10 loại nhiếp nghĩa luận này gọi tên chữ là gì? Chỗ này sẽ giải bày cùng với Già Di Già. Tụng rằng:

Biển mẫn và quy chơn
Trong tạng thật vi diệu
Hợp nhất với ba vị
Thanh tịnh là gốc luận
Lý sâu, luận khởi tin
Kiến lập cùng một tướng.

Luận rằng: Những gì là 10 ?

Một là nhưt tâm biển mẫn luận
Hai là dung tục quy chơn luận
Ba là pháp giới trung tàng luận
Bốn là bí mật vi diệu luận
Năm là chúng mệnh hợp nhưt luận
Sáu là chơn như tam muội luận
Bảy là tâm tánh thanh tịnh luận
Tám là bất động bất nguyên luận
Chín là thậm thâm huyền lý luận
Mười là Đại Thừa Khởi Tín luận.

Đây chính là 10. Như vậy 10 luận này, tuy số lượng có sai khác, mà chỗ kiến lập lại giống nhau cùng một loại vậy.

Nói về luận sai biệt rồi; kể nói về tạng sai biệt. Tạng ấy có bao nhiêu và tạng ấy nhiếp chỗ nào? Còn Ma Ha Diễn luận thì nhiếp cái gì?

Tụng rằng:

Hoặc năm mươi một tạng
Hoặc chỉ mười như kinh
Gồm ba tạng chỗ nhiếp
Luận hoặc thông hoặc biệt.

Luận rằng: Năm mươi một ấy là biệt hơn quá vậy. Là biểu công đức, dẫn dắt cho hành giả. Trong Kim Cang kệ kinh có nói như thế này: Phật bảo Xá Lợi Tử: Nay ta sẽ vì ông mà nói lời vô ngại, tuyên thuyết khai thị 50 hơn tạng và một quả tạng. Hoặc có 10 tạng. Thế nào là 10 ?

Một là chỉ lập một tạng mà tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là pháp giới, pháp luân tạng. Trong Viên Mãn kệ kinh nói như thế này: Tất cả chúng sanh đều có ngôn ngữ âm thanh. Chẳng phải là Đức Như Lai không dùng pháp luân để nhiếp tánh nghe ấy.

Hai là lập nên hai tạng và tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là Thanh Văn tạng và Bồ Tát tạng. Trong Tổng Trì khế kinh có nói như thế này: Pháp môn tuy là vô biên; nhưng không ra ngoài hai tạng này vậy.

Ba là thành lập ba tạng để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm Như Lai tạng. Trong Quang Minh khế kinh nói như thế này: Về hàng sa kiếp về trước, tất cả chư Phật chỉ tuyên thuyết Thanh Văn pháp tạng, Bồ Đề pháp tạng và Như Lai pháp tạng. Ngoài ra không còn đường nào khác.

Bốn là lập nên bốn tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm tạng Bồ Đặc Già La (chúng sanh). Trong Đạo Phẩm khế kinh nói rằng: Phật tử hãy nghe đây, ta sẽ vì ông mà giải thích. Nhơn tạng, nghĩa tạng, thể tạng, trí tạng cùng với tín tạng và Thanh Văn, Bồ Tát tạng, Đại Giác pháp tạng. Vì sao vậy? Vì tất cả hành giả dần dần chuyển đổi qua pháp tốt hơn.

Năm là thành lập nên năm tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm vào đó Thiên tạng. Trong Thiên Tử khế kinh nói rằng: Phật bảo Già luận chẳng thể nói thanh tịnh báo không. Ta vì đại chúng mà tuyên thuyết tịnh tạng, nhơn tạng và nhị thừa tạng cùng với tất cả chư Phật đại giác pháp tạng.

Sáu là lập nên sáu tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm vào Nại Lạc Ca tạng (Địa ngục). Trong Bồ Úy khế kinh nói rằng: Ta chẳng ngồi yên để phân biệt tuyên nói 8 vạn 4 ngàn Nại Lạc Ca tạng. Như phía trước đã nói 5 loại tạng rồi.

Bảy là lập nên bảy tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm Ma La Cưu Đa Gia tạng. Trong Bang Mẫu khế kinh có nói rằng: Ta nay lấy lời thật vì Bàn Mẫu và một ức bảy vạn ba ngàn đại chúng phân biệt để nói năm vạn một ngàn ba trăm mười một loại quý thần đạo tạng như trước đã nói về 6 tạng rồi.

Tám là lập nên tám tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm Kiền Bà Đà Na Phật tạng. Trong Long Vương khế kinh có nói như thế này: Nan Đà Long Vương phát ra 8.000 câu hỏi để hỏi Như Lai. Phật khai mở 10 ức Bàn Sanh đạo tạng như trước đã nói 7 tạng rồi.

Chín là lập nên chín tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm vào đó Khí Thế Giới tạng. Trong Thế Giới khế kinh nói rằng: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với Thọ Thần rằng: Lành thay! Lành thay! Như người rõ biết; nếu người muốn nghe, ta sẽ vì người mà phân biệt giải nói chỗ y chỉ tạng, như trước đã nói về 8 loại tạng rồi.

Mười là lập nên 10 tạng, để tổng nhiếp các pháp. Nghĩa là thêm Tạp Loạn tạng. Trong âm thanh khế kinh nói rằng: Ta nay khai thị cho 8 loại tạp tạng như trước đã nói về 9 tạng rồi.

Đây có tên là 10. Như thế tất cả các tạng đều tổng nhiếp 10 ức 8 ngàn pháp tạng. Căn bản là ba tạng hoặc gồm cả 10 tạng. Thế nào là ba ?

Một là Tổ Đán Lâm tạng (Tu Đa La = Kinh); hai là Tỳ Nại Gia tạng (luật) và ba là A Tỳ Đạt Ma tạng (luận). Đây gọi là ba vậy. Ma Ha Diễn luận hoặc các tạng nhiếp; hoặc chỉ có A Tỳ Đạt Ma tạng nhiếp. Cho nên tụng rằng:

Hoặc thông hoặc biệt. Thông nghĩa là tổng thông. Biệt nghĩa là giản biệt. Giữ pháp này để làm, tùy theo đó chẳng cho mất. Cho nên gọi là tạng vậy.

Đã nói về sự sai biệt của tạng rồi; lần lượt sẽ nói về sai biệt của kinh. Kinh có bao nhiêu loại? Và kinh ấy nhiếp cái gì? Nay Ma Ha Diễn luận lấy những kinh gì để y cứ? Tụng rằng:

Trong một trăm số ấy

Có mười hai bộ kinh
Tu Đa La, Kỳ Dạ
Và Tỳ Ca La Na
Già Dù, Ưu Đà Na
Cùng với Ni Đà Na
A Ba Đà Na kinh
Y Đế Viết Đa Già
Xà Đà Già Phật lược
A Phù Đà Đạt Ma
Ưu Ba Đề Xá kinh
Nương vào Thông hoặc Biệt

Luận rằng:

Phàm nói chung lại thì có nhiều loại kinh; có cả hằng trăm ức bộ và từ đó gồm lại thành 12 bộ tất cả. Thế nào là 12 ?

Một là Tu Đa La
Hai là Kỳ Dạ
Ba là Tỳ Ca La Na
Bốn là Già Đà
Năm là Ưu Đà Na
Sáu là Ni Đà Na
Bảy là A Bà Đà Na
Tám là Y Đế Viết Đa Già
Chín là Xà Đà Già
Mười là Tỳ Phật Lược.
Mười một là A Phù Đà Đạt Ma
Mười hai là Ưu Ba Đề Xá

Đây gồm tổng cộng là 12 bộ và Ma Ha Diễn luận căn cứ vào những kinh chính này; hoặc Thông hoặc Biệt. Thông nghĩa là tổng thông. Biệt nghĩa là Giản Biệt. Ma Ha Diễn Luận văn hẹp, câu ngắn ít; thật là chỗ vi diệu. Vì sao trong vô lượng vô biên kệ kinh nhiều như biển mà chỉ nương vào đây? Như Bà Tát Y Già Ngữ vậy. Như Phiêu Đa La Cựu Đề vậy. Cho nên chẳng mất mát. Biệt ấy nương vào kinh có bao nhiêu loại? Tên gọi quen biết có bao nhiêu thứ?

Tụng rằng:

Tất cả một trăm kinh
Quang minh cùng Đại Giác
Đầu năm mươi mỗi trăm
Sau năm mươi mỗi ngàn

Luận rằng:

Ma Ha Diễn luận riêng nương vào kinh. Tổng cộng có 100. Thế nào và những gì là 100

?

Một là Quang Minh Đại Giác kinh
Hai là thậm thâm thuận lý kinh
Ba là Kim Cang Tam Muội kinh
Bốn là Chư Pháp vô hành kinh
Năm là Thụ lâm thuyết pháp kinh
Sáu là Vô tận như đất kinh
Bảy là Thanh tịnh như như kinh
Tám là tự tánh tự thể kinh

Chín là Đại Thừa đồng tánh kinh
Mười là A Lợi Gia Thức kinh
Mười một là Quả Viên mãn kinh
Mười hai là Hư Không đẳng kinh
Mười ba là Tam Tam Muội kinh
Mười bốn là Nhứt tâm pháp kinh
Mười lăm là Bản tánh trí kinh
Mười sáu là Chơn pháp giới kinh
Mười bảy là Nhiếp vô lượng kinh
Mười tám là Tối thượng Cực kinh
Mười chín là Duy Ma Cật kinh
Hai mươi là Lăng Già Vương kinh
Hai mươi một là Trung Thật kinh
Hai mươi hai là Vô Thí kinh
Hai mươi ba là Thập Ân kinh
Hai mươi bốn là Chuyển Luân kinh
Hai mươi lăm là Từ Vân kinh
Hai mươi sáu là Khí Tâm kinh
Hai mươi bảy là Vô Vị kinh
Hai mươi tám là Hiền Thánh kinh
Hai mươi chín là Ôn Một kinh
Ba mươi là Hoa Nghiêm kinh
Ba mươi một là Đại Phẩm kinh
Ba mươi hai là Tịch Diệt kinh
Ba mươi ba là Thánh Quỹ kinh
Ba mươi bốn là Biến Duyên kinh
Ba mươi lăm là Huân Tập kinh
Ba mươi sáu là Phật Tánh kinh
Ba mươi bảy là Huyền Lý kinh
Ba mươi tám là Lăng Già kinh
Ba mươi chín là Bồn Nghiệp kinh
Bốn mươi là Uẩn Cao Sơn kinh
Bốn mươi một là Quy Bồn kinh
Bốn mươi hai là Chơn Tu kinh
Bốn mươi ba là Bát Đức kinh
Bốn mươi bốn là Phật Huệ kinh
Bốn mươi lăm là Duyên Khởi kinh
Bốn mươi sáu là Nhứt Thể kinh
Bốn mươi bảy là Bạch Phật kinh
Bốn mươi tám là Đại Hải kinh
Bốn mươi chín là Vô Tướng kinh
Năm mươi là Biến Chơn Như kinh
Năm mươi một là Thập Chủng Như Lai Tạng kinh
Năm mươi hai là Tam Thân Bồn Hữu kinh
Năm mươi ba là Bát Thức Thông Đạt Duyên kinh
Năm mươi bốn là Chúng sanh Thân đẳng pháp kinh
Năm mươi lăm là Chư Phật vô tận tạng kinh
Năm mươi sáu là Tán Thán bất thiện phẩm kinh
Năm mươi bảy là Chư Pháp đồng nhứt tướng kinh
Năm mươi tám là Nhứt Thể Đại Bi Quán kinh
Năm mươi chín là Như Lai bồn trí huệ kinh
Sáu mươi là Trần Trần pháp giới sát độ kinh

Sáu mươi một là Chuyển Luân bốn tế kinh
Sáu mươi hai là Pháp giới pháp luân kinh
Sáu mươi ba là Đại Trí Bản Hữu kinh
Sáu mươi bốn là Bình Đẳng pháp giới kinh
Sáu mươi lăm là Tứ Tướng Thường Trụ kinh
Sáu mươi sáu là Chơn Như Nhứt Tướng kinh
Sáu mươi bảy là Lưu Chuyển Bất Động kinh
Sáu mươi tám là Tịch Tĩnh Niết Bàn kinh
Sáu mươi chín là Thông Đạt âm thanh kinh
Bảy mươi là Như Lai Tự Tướng kinh
Bảy mươi một là Phu Nhon kinh
Bảy mươi hai là Pháp Môn kinh
Bảy mươi ba là Bát Dụ kinh
Bảy mươi bốn là Trung Tại kinh
Bảy mươi lăm là Tổng Trì kinh
Bảy mươi sáu là Bất Động kinh
Bảy mươi bảy là Vũ Trí kinh
Bảy mươi tám là Đạo Trí kinh
Bảy mươi chín là Bản Giác kinh
Tám mươi là Đại Vô Lượng kinh
Tám mươi một là Tự Nhiên Bản Quả kinh
Tám mươi hai là Thâm Thâm Pháp Tạng kinh
Tám mươi ba là Nhứt Đạo Thanh Tịnh kinh
Tám mươi bốn là Thập Chung Vọng Tướng kinh
Tám mươi lăm là Pháp Môn hiển liễu kinh
Tám mươi sáu là Cảnh Giới Viên Mãn kinh
Tám mươi bảy là Quang Minh Thật Trí kinh
Tám mươi tám là Nhon Quả Đồng Thể kinh
Tám mươi chín là Tâm Thần Bất Không kinh
Chín mươi là Chơn Trí Vô Sanh Hành kinh
Chín mươi một là Vô Ngại Giải Thoát kinh
Chín mươi hai là Tùy Duyên Tăng Trưởng kinh
Chín mươi ba là Pháp Tánh Thật Tế kinh
Chín mươi bốn là Quảng Đại Hư Không kinh
Chín mươi lăm là Bản Nhon Duyên Khởi kinh
Chín mươi sáu là Chư Pháp Vô Vi kinh
Chín mươi bảy là Bản Lai Thanh Tịnh kinh
Chín mươi tám là Tu Hành Đạo Địa kinh
Chín mươi chín là Bất Tu Cụ Đức kinh
Một trăm là Ma Ha Tát Vân Nhược kinh.

Đây là 100 kinh; như thế 100 kinh ấy là quyển thuộc với nhau. Như từ đầu đến giữa, mỗi thứ có 100 và nửa phía sau, mỗi kinh có 1.000. Ví dụ như mỗi mục kinh, thuộc về cương lĩnh của luận nào. Như dưới đây tùy theo câu văn mà mở bày hiển thị.

Đã nói những kinh sai biệt rồi, lần lượt sẽ nói về người tạo ra. Khế kinh nói khác với đây có bao nhiêu và bây giờ Ngài Mã Minh nhiếp lấy những gì?

Tụng rằng:

Mã Minh gồm lại sáu
Nói khác về khế kinh
Nên tùy cơ để nói
Chẳng có chỗ sai khác

Luận rằng: Phạm ở trong chỗ tập hợp ấy của các khế kinh, có nhiều loại văn khác nhau. Tổng cộng có sáu loại. Những gì là sáu?

Thứ nhất là các pháp Đại Thừa, khế kinh theo đó mà nói. Do đấng Vô Thượng Đại Giác nói và khi Phật vào Niết Bàn thì Bồ Tát Mã Minh từ chỗ ngồi đứng dậy mà đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính hướng về Đức Thế Tôn mà nói kệ rằng:

Đại Từ Mãn Túc Vô Thượng Tôn
Vô biên kiếp hải cùng vạn hạnh
Chỉ vì lòng từ thương chúng sanh
Mà Phật tự nói vào Niết Bàn
Con và tất cả đại chúng đây
Mờ mờ mất hết cả tâm thần
Đại từ mãn túc Đấng Thế Tôn
Bỏ lại con đây về cõi khác
Lòng từ con chưa gọi nhuần đủ
Theo Phật về kia, ai chê bai

Lúc bấy giờ khi Mã Minh đã nói bài kệ này xong rồi, thấy mắt của Phật thanh tịnh, từ từ dứt mạng sống.

Điều thứ hai là do sự biến hóa của công đức như trong khế kinh đã nói. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đã nói với Mã Minh rằng:

Sau khi ta diệt độ chừng 300 năm, nhà người sẽ nhờ lực của ta sẽ dùng các pháp phương tiện làm lợi ích an lạc ở đời vị lai cho chúng sanh. Nếu không có lực gia hộ của ta thì người sẽ chẳng thể tự mình làm được.

Điều thứ ba như trong khế kinh của Ma Ha Diễn Da đã nói như thế này. Sau khi Đức Như Lai diệt độ 600 năm rồi, sẽ có 96 loại ngoại đạo khác nhau dùng tà kiến để cạnh tranh nhau, nhằm hủy diệt Phật Pháp. Trong đó có một vị Tỳ Kheo tên Mã Minh lành nói các pháp yếu để hàng phục tất cả ngoại đạo.

Thứ tư là trong khế kinh của Thường Đức Tam Muội nói rằng: Sau khi Phật diệt độ chừng 800 năm, có một bậc trí giả tên là Mã Minh hay phá các ngoại đạo ở nơi ngoại đạo hoặc ở trong Phật Pháp để xây dựng Phật Pháp.

Điều thứ năm trong khế kinh của Ma Ni Thanh Tịnh có nói như thế này: Sau khi Phật nhập Niết Bàn độ 100 năm có vị Mã Minh Đại Sĩ xuất hiện nơi đời, gìn giữ chánh pháp, tạo dựng Phật môn.

Thứ sáu là Thắng Đảnh Vương khế kinh chép rằng: Sau khi Như Lai thành đạo 17 ngày có một ngoại đạo tên là Ca La Nặc Curu Thi Ma biến hóa thân ấy làm con rắn thân thật lớn, hóa ra 86.000 cái đầu và 86.000 cái lưỡi. Chỉ trong chốc lát biến ra 86.000 loại tướng khác nhau khó nói hết, rồi hỏi Như Lai và Như Lai liền dùng 3 loại đối đáp để làm cho kia hết nghi. Sau đó Long Vương này lại có 10 câu hỏi khác dùng để hỏi Như Lai. Như Lai liền dùng 100 loại đáp khác nhau để cho kia khỏi ngờ. Sau khi đối đáp xong, Đức Phật bảo Long Vương rằng:

Lành thay! Lành thay! Sa Môn Mã Minh. Vì hộ pháp mà làm vậy; lấy tướng phá hoại ấy để tạo dựng Phật Pháp mà chịu đựng vậy. Hãy như thế mà tu, hãy như thế mà hành. Chớ có làm chuyện nhỏ, mà hãy biến hóa khắp nơi. Lúc ấy Long Vương liền xả bỏ thân hình của súc sanh, rồi đánh lễ trước Đức Vô Thượng Tôn. Với dáng đáp hoan hỷ hướng về phía Phật mà tụng bài kệ rằng:

Lành thay! Lành thay vậy
Nghe qua nơi tai rồi
Giả hay thật mắt ấy
Tâm ta có nghi lớn
Thân ta chẳng súc sanh
Ta chẳng phải ngoại đạo
Vì biến hóa mà sanh
Ra hình như thế ấy
Thế Tôn như chiếc gương
Ta qua khỏi cảnh này
Sẽ về những đời sau
Như dạy, làm việc lớn

Sau khi Mã Minh đã nói bài kệ này xong rồi, lại nhập vào Thiên Định, vào sâu nơi tịch tĩnh; nên có tên là sáu. Như vậy các kinh mỗi mỗi được nói riêng biệt. Tùy theo căn cơ mà ứng hiện lúc này lúc khác. Mã Minh Bồ Tát sẽ là người như thế nào? Sanh ra ở nơi đâu và do nhơn duyên gì? Có kệ tụng rằng:

Nhờ hào quang của Phật
Ở giữa Nhơn Bất Động
Xuất hiện Tây Ấn Độ
Trong quá khứ có tên

Luận viết: Mã Minh Bồ Tát khắc phục do ánh quang minh của Phật. Nếu nói thì đây là vị đang ở Nhơn của Địa thứ tám làm Bồ Tát và sẽ sanh vào phía Tây của Ấn Độ. Lư Già ấy là cha và Cù Na chính là mẹ. Lúc sanh ra đã làm lợi ích. Ở trong đời quá khứ có vị Vua tên là Luân Đà, có 1.000 con ngựa, tất cả đều có thể nghe giỏi. Nếu nghe được âm thanh thì nhà vua tặng đức. Nếu chẳng nghe được âm thanh thì Đại Vương tởn đức. Như thế các con chim khi thấy, ngựa trắng liền hí lên thành tiếng. Nếu không thấy thì nó không hí. Lúc bấy giờ Đại Vương liền tìm bạch mã nhưng suốt ngày chẳng được. Liền nói lời rằng: Nếu chúng ngoại đạo nghe được tiếng hót của Mã Minh này thì có thể phá hoại được Phật Pháp và cứ độc tôn, độc tín. Nếu là đệ tử Phật mà hót được như tiếng chim này thì cả phá ngoại đạo, lẫn độc tôn độc tín. Lúc ấy Bồ Tát dùng lực thần thông hiện ra 1.000 con ngựa trắng và 1.000 con chim trắng mời đến giúp cho chánh pháp, làm cho chẳng đoạn tuyệt. Cho nên Thế Tôn gọi tên là Mã Minh. Đã nói về tiếng riêng của người rồi; thứ đến xướng lên và giải thích việc làm chính. Viết rằng:

Quy mạng khắp mười phương
Tối thắng nghiệp biến trí
Sắc vô ngại tự tại
Cứu thế bậc từ bi

Luận rằng: Ở trong bài tụng này có hai cửa. Thế nào là hai? Một là tổng nhiếp tất cả cửa sanh mạng của chúng sanh. Thứ hai là quy hướng viên mãn về cửa Đại Giác.

Tổng nhiếp môn là thông nhiếp tất cả mười phương thế giới, tất cả chúng sanh, tất cả mệnh căn, như bốn mạng ấy đến 10 phương khắp cõi.

Quy hướng môn có nghĩa là dùng các mạng của chúng sanh quy về nơi người có tâm lành đầy đủ. Điều chính yếu là quy mạng về chỗ tối thắng nghiệp biến chiếu trí sắc vô ngại, tự tại cứu thế, bậc đại từ bi. Luận sư dùng cái đức để tán thán bậc đại giác Thế Tôn và mỗi tướng ấy như thế nào? Kệ tụng rằng:

Tổng tám vạn bốn ngàn
Bốn mươi tám loại đức
Chung lại mỗi loại mười
Trí vô ngại mỗi bốn
Cùng tám vạn bốn ngàn
Sắc tướng có sai biệt
Công đức tuy vô lượng
Cuối chẳng khỏi số này

Lược viết: Bồ Tát Mã Minh đưa ra con số tổng cộng 84.048 loại công đức để quy ngưỡng tán thán đấng Đại Giác Vô Thượng. Nơi quả vị Phật đầy đủ những công đức thanh tịnh. Tuy nói là vô lượng vô biên; nhưng chung quy chẳng qua khỏi số này. Cho nên Bồ Tát Mã Minh đã tán thán các tướng tổng quát.

Thế nào là 84.000 công đức ?
Vì sắc tướng sai biệt nên thành 84.000
Vì sao gọi là 40 ?
Vì Tội Thắng nghiệp biến mỗi 10 loại mà thành 40.
Vì sao gọi là tám ?
Trí và Vô ngại mỗi thứ có 4 loại; cho nên thành 8 loại.
Thế nào là 10 loại tội cao ?
Một là siêu quá tội; xa rời hai thừa địa.
Hai là ra khỏi tội, vĩnh viễn xa lìa 3 cõi.
Ba là đối trị tội, mau rời Tứ Trụ địa.
Bốn là yếm xung tội, qua khỏi ngũ uẩn nhóm họp.
Năm là lìa ái tội, không còn ở trong 6 đường nữa.
Sáu là uy đức tội, lìa hẳn bảy quân ác.
Bảy là bình chúng tội, tất cả ra khỏi tám rừng tà.
Tám là trí huệ kiếm tội, quyết đoạn chín kiết sử.
Chín là giải thoát tội, đoạn trừ 10 loại trói buộc.
Mười là dũng mãnh tội, bẻ gãy 96 loại ngoại đạo.

Những gì là thập thắng ?
Một là lực thắng, đầy đủ 10 lực.
Hai là vô úy thắng, đầy đủ tứ vô úy.
Ba là bất cộng thắng, đầy đủ 18 pháp bất cộng.
Bốn là đạo phẩm thắng, đầy đủ 37 phẩm trợ đạo.
Năm là biến hóa thắng, đầy đủ trăm ngàn loại biến hóa.
Sáu là ngôn âm thắng, đầy đủ 88 tiếng Phạm âm.
Bảy là đoạn nghiệp thắng, đầy đủ 32 tướng trượng phu.
Tám là kiết tường thắng, tùy theo chỗ tạo tác của cảnh giới mà sanh ra và trưởng thành những công đức thiện căn.
Chín là nan đặc thắng, ở trong 3 cõi chỉ độc tôn một mình.
Mười là trụ xứ thắng, ở nơi cung điện có 98.000 vi diệu viên mãn làm chỗ trang nghiêm cho nên gọi là 10 thắng. Ở nơi khế kinh có 10 loại thù thắng.

Thế nào là 10 nghiệp ?
Một là nghiệp tự nhiên, chỗ tạo ra tự tại.
Hai là nghiệp bình đẳng, giáo hóa lợi ích chẳng sai biệt.
Ba là nghiệp tương ưng, tùy thời xuất hiện.
Bốn là nghiệp cụ túc, đầy đủ phước trí cả hai.
Năm là nghiệp vô tận, không có biên giới vậy.

Sáu là nghiệp đồng sanh, tùy theo nơi mà thọ sanh.
Bảy là nghiệp vô trước, xa lìa trần lụy như hoa sen vậy.
Tám là nghiệp y chỉ, tạo ra chỗ nương vào như chỗ đất lớn.
Chín là nghiệp vô yếm, nhiếp lấy sự sống vô cùng như biển cả.
Mười là nghiệp thông đạt, chẳng có chương ngại như hư không.

Đây có tên là 10 nghiệp. Ở trong Khế Kinh có 10 loại tác dụng. Thế nào là thập biến ?
Một là căn biến – Các căn của Phật mỗi mỗi thứ căn đều biến khắp pháp giới.
Hai là thức biến – Tâm thức của Phật chẳng có nơi nào là không hiện hữu.
Ba là cảnh giới biến - Nương vào trí tuệ tròn đầy, chẳng có chỗ phân biệt.
Bốn là thọ mệnh biến, chẳng thể nói hết được.
Năm là quyền thuộc, chẳng thể đo lường vậy.
Sáu là công đức biến, mỗi mỗi công đức đều sánh với hư không.
Bảy là từ bi biến, chẳng lựa chọn.
Tám là ngôn thuyết biến; âm thanh của Phật chẳng có nơi nào là không lan đến
Chín là chứng biến, chẳng có chỗ cuối cùng.
Mười là vô đẳng biến, chẳng có chỗ so cùng.

Như trên gọi là thập biến. Ở trong Khế Kinh cũng có nói về 10 loại chu biến và thế nào là bốn trí ?

Một là quang minh vô tận tạng trí, hay xuất sanh 10 ức một ngàn môn trí huệ.
Hai là trí của một vị, một tướng, thông đạt nhiều vô số các pháp, chẳng sai biệt
Ba là đại bi vô biên trí, tùy theo chỗ khởi lên mà một lần biến hóa, đầy khắp tất cả mười phương thế giới.
Bốn là vô vi tịch diệt trí; xa rời tất cả những khởi động tác nghiệp.

Đây gọi tên là 4 trí. Lại ở trong Khế Kinh cũng có nói đến loại trí viên mãn. Thế nào là tứ vô ngại ?

Một là pháp vô ngại, rõ biết thật tánh và thật tướng của các pháp.
Hai là nghĩa vô ngại, rõ biết các pháp cùng với tướng sai biệt và tướng sanh diệt.
Ba là từ vô ngại, chẳng hoại giả danh mà nói thật tướng.
Bốn là lạc thuyết vô ngại, nói ra nhiều lời, nói khế kinh rộng như biển, lần lượt chẳng dứt mắt.

Cho nên đây gọi là Tứ Vô Ngại. Ở trong Khế Kinh cũng có 4 loại trí giải thoát. Lời nói tự tại, đều thông đạt bên trên; cho nên chẳng riêng giải thích, sắc, tướng, danh nghĩa như đại tổng trì. Trong ấy rộng nói hiển bày, rồi nói giác thật, kế nói pháp tăng. Lại nói rằng:

Cùng với tướng thân kia
Pháp tánh biến chơn như
Vô lượng công đức tạng
Như thật mà tu hành

Luận rằng: Trong tụng này lại có hai môn. Thế nào là hai ?
Một là thể nhiếp tất cả chúng thân môn.
Hai là tổng đạt pháp tạng Tăng Già môn.

Thể nhiếp môn nghĩa là nhiếp tất cả vô lượng chúng sanh, sanh diệt lưu chuyển với thân vô thường này; như lấy gốc của thân kia làm thể tướng.

Tổng đạt môn nghĩa là lấy những thân này tổng đạt các pháp tạng sâu xa và tất cả tu hành như thật. Tất cả nói chung với ý là Tổng Thông Hòa Nam. Có phải luận sư nương tựa vào pháp tạng để Hòa Nam chăng ? Tướng này như thế nào ? Kệ rằng:

Tổng quy nương mười bốn
Tăng mười pháp cùng bốn
Hoặc kiêm cả trên dưới
Có nhiều loại tăng chúng

Luận rằng: Mã Minh Bồ Tát quy y hết thầy ở 14 Đức Xứ; 10 Tăng, 4 Pháp ấy mỗi mỗi sai biệt. Thế nào là 10 Tăng ? Có khác biệt với 10 Địa chẳng ? Sao gọi là 4 pháp ? Giáo lý hành quả mỗi mỗi sai biệt. Pháp đây có nghĩa là giáo pháp. Cho nên phải tùy thuận với căn cơ của tất cả kẻ kinh rộng sâu như biển cả. Tánh chơn như ấy là lý của pháp. Ở nơi tất cả pháp, thể tánh đều bình đẳng. Lìa khỏi những hư vọng giả huyền cũng như sự thật của việc chấp trước tuyệt đối. Biên đây có ý nói là cái quả của pháp. Ở nơi quả Diệu Giác, tất cả các đức đều viên mãn; chẳng có cùng tận, giống như biển rộng bao la vậy. Vô lượng công đức tạng nghĩa là pháp hành, là quyền thuộc của lục độ vạn hạnh tịnh phẩm. Thật là bất khả tư nghì, vượt qua số lượng vậy. Còn Như ở đây nghĩa là 10 loại Chơn Như. Thật tu hành có nghĩa là 10 loại chánh trí; chúng lý chơn như ở nơi trí chơn thật và kiến lập nên Tăng danh. Lý và trí cùng thông nhau trở thành một vị bình đẳng. Bình đẳng có nghĩa là chẳng tranh nhau.

Vì sao mà giữ lấy mạng sống trong 10 phương ?
Vì dục hiển thị chỗ nhiếp lấy mạng căn, rộng rãi to lớn không ngăn mé.

Tại sao lại giữ thân này và tướng này ?
Vì dục hiển thị 4 tướng và tất cả chỗ loạn động của chúng sanh đều được nhiếp thủ. Dục ấy hay làm cho rộng được kim cương thường trụ bất động thân.

Vì sao Bát Chánh Đạo lại chẳng tự nương vào tự thân này ?
Hay thông đạt với tất cả vô lượng chúng sanh, phạm chỗ có thân mệnh, đều quy y nơi Tam Bảo. Do rõ biết tất cả chúng sanh bình đẳng. Và bình đẳng ấy chỉ có một chơn như, chẳng có sai biệt. Thân mệnh của chúng sanh và thân mệnh của ta cùng một vị, một tướng, chẳng lìa tướng ấy. Cho nên nói là tụng ngôn. Những lời nói ấy thật là thâm diệu.

Vì sao lại nhiếp thủ tất cả chúng sanh và vô lượng thân mệnh ?
Quy y nơi Tam Bảo, thành tướng Hòa Nam. Từ đó trong 10 phương ba đời tất cả chư Phật đều hoan hỷ. Mười phương ba đời tất cả các vị Bồ Tát cũng đều tán thán. Mười phương ba đời tất cả các pháp tạng thường hay lưu bố chẳng đoạn tuyệt. Mã Minh Bồ Tát chúng Bất Động Địa. Những địa công đức ở dưới đều đã đầy đủ rồi.

Vì sao ở hạ vị, chư Tăng phái Hòa Nam ?
Do chỗ người quy hướng không đồng đều, ở nơi tự thể mà được vị ấy. Nếu tự trở về, chỉ nên Hòa Nam và Bất Động Địa đầy đủ lần lên Nhị Địa.

Nếu là vậy thì tại sao Bất Thủ Địa lại trước ?
Chẳng có người nương vào nên chẳng lấy thí dụ riêng biệt. Từ trên xuống dưới như hình ảnh hiển bày vậy. Ở Pháp Vân Địa, Bồ Tát thường hay làm cho người quy kính và lúc ấy sẽ nương vào Tăng nào ?

Ở nơi Diệu Giác Địa có Chơn Thật Tăng; cho nên không sai phép.

Nếu là vậy thì tại sao chẳng nói ra riêng biệt ?
Vì từ dưới lên trên như ảnh hiển thị vậy. Do đó mà tụng nói: Hoặc trên lẫn dưới đều có các loại tăng chúng. Thuyết pháp cho Tăng rồi, sau đó mới lần lượt nói chỗ chánh. Kệ rằng:

Vì dục làm chúng sanh

Trừ nghi xả tà chấp
Khởi Đại Thừa chánh tín
Giống Phật chẳng đoạn hết

Luận rằng: Trong bài tụng ấy tức có nhị môn. Thế nào gọi là hai ?

Một là đoạn tuyệt chương triển môn và hai là liên tục giải thoát môn.

Trong đoạn tuyệt môn có 4 loại sai biệt. Thế nào là bốn ?

Một là Quyết Định Tính Tâm Môn, hay làm cho tất cả chúng sanh đoạn trừ tâm nghi hoặc, phát khởi lòng tin kiên cố. Quyết định ở chỗ thâm thâm với con đường của Đại Thừa.

Hai là Viễn Ly Xả Tâm Môn. Nghĩa là làm cho tất cả chúng sanh xa rời tâm che đậy, tăng trưởng ý dục lực và siêng năng ở nơi con đường Đại Thừa sâu xa diệu vợi.

Ba là Đối Trị Tà Luận Môn. Nghĩa là đối trị với 96 loại ngoại đạo và ngoại đạo ấy có đến 93.000 quyển thuộc. Bốn loại đại ma, ba vạn hai ngàn quyển thuộc ma chúng. Đoạn trừ một ức bốn vạn sáu ngàn các loại thể luận và thâm nhập vào con đường Đại Thừa sâu xa.

Bốn là Trừ Khiên Chấp Trước Môn, làm cho tất cả vô lượng chúng sanh khác và tất cả nhị thừa Bồ Tát đoạn trừ 5 loại nhơn kiến, chứng được 5 loại đối trị; đoạn trừ 2 loại pháp chấp, chứng được hai loại đối trị. Quy hướng về con đường Đại Thừa thâm thâm vi diệu. Như điều chính yếu là làm cho tất cả chúng sanh trừ nghi, xả bỏ tà chấp, khởi lòng tin chân chánh vào Đại Thừa.

Trong Liên Tục Môn có 3 sự sai biệt. Thế nào là ba ?

Một là: Bất Đoạn Đại Giác Môn, làm cho huân tập lại làm nhơn của muôn hạnh, đề trang nghiêm quả của Đại Giác. Quả ấy là Vô Thượng Pháp Vương chẳng bị đoạn tuyệt.

Hai là: Bất Đoạn Pháp Tạng Môn, làm cho xuất hiện thắng diệu Phạm âm. Tuyên nói tất cả khế kinh rộng như biển cả. 84.000 pháp tạng chẳng đoạn diệt.

Ba là: Bất Đoạn Tăng Già Môn. Nghĩa là làm cho sự tu hành ở Địa Tiên và Địa Thượng được to lớn cũng như kiến lập cung điện của chơn như pháp giới, Sau trụ ở Nhị Tăng mà chẳng đoạn tuyệt. Như hạt giống Phật quyết cho chẳng đoạn vậy.

Nói về chúng sanh, thì phân chia nhỏ ra như thế nào ? Lấy dục để đối trị, để đoạn trừ là những gì ? Có phải kiến lập Tam Bảo mà chẳng đoạn chẳng ?

Kệ rằng:

Người thông nhiếp tam tụ
Chưa chứng đắc viên mãn
Đối bốn loại đoạn trừ
Kiến lập Tam Bất Đoạn

Luận rằng: Mã Minh Bồ Tát nương vào tam tụ mà tạo ra cảnh giới. Vì sao thế ? – Do chưa chứng được quả viên mãn vậy. Tuy nhiên tam tụ môn có 3 loại này. Thế nào là ba ?

Một là Thập Tín, trước có tên là Tà Định Tụ. Nghĩa là chẳng thể tin được nghiệp và quả báo. Tam Hiền và Thập Thánh gọi là Chánh Định Tụ, là địa vị quyết định an lập chẳng lùi bước.

Thập chủng tín tâm gọi là Bất Định Tụ. Nghĩa là hoặc tiến hoặc thoái, chưa có tính cách quyết định.

Hai là Thập Tín Tiên cùng với Thập Tín Tâm gọi là Tà Định Tụ. Nghĩa là chẳng có căn lành. Vô Thượng Đại Giác quả, gọi là Chánh Định Tụ. Sau khi đã đầy đủ rồi thì Tam Hiền và Thập Thánh gọi là Bất Định Tụ. Tất cả đều chưa cứu cánh rốt ráo.

Ba là Thập Tín Tiên, có tên là Tà Định Tụ. Cầu tâm không an lạc. Còn Thập Thánh có tên là Chánh Định Tụ, có thể chứng được chánh chơn. Thập Tín Tam Hiền tên là Bất Định Tụ vì chưa được chứng quả. Nên gọi là ba. Mã Minh Bồ Tát lấy đó làm cửa đầu, lấy dục đối trị với 4 loại đoạn. Nghĩa ấy là chẳng đoạn trừ việc kiến lập Tam Bảo. Vì sao lại có bốn ?

Một là Đoạn Nghi Hoặc, do tâm do dự nên chẳng thể quyết định, đoạn trừ hạt giống Tam Bảo.

Hai là Đoạn Yếm Xả, do tâm có ái, nên chẳng vui với pháp, đoạn hạt giống Tam Bảo.

Ba là Đoạn Tà Kiến, do tâm vọng tưởng mà chẳng thể thấy đúng, đoạn trừ hạt giống Tam Bảo.

Bốn là Đoạn Định Chấp, do chấp vào tâm có thật, chẳng thể lìa nhiễm, đoạn mất hạt giống Tam Bảo.

Đây gọi tên là Tứ Đoạn. Đã nói về chỗ chánh rồi. Bây giờ lần lượt mở bày tổng thể.

Nói rằng: Có pháp hay khởi lên làm gốc rễ cho lòng tin Ma Ha Diễn. Cho nên lại nói rằng: Trong câu văn này lại có Nhị Môn. Thế nào gọi là hai ?

Một là có thể nhập môn; hai là sở nhập môn.

Năng nhập môn nghĩa là ở nơi chơn lý giải thích rõ ràng ở chỗ vào. Còn sở nhập môn có nghĩa là lành làm pháp kia, làm chỗ nương tựa vậy. Còn hữu pháp nghĩa là tổng cộng 16 pháp Năng Nhập Môn. Có thể làm cho người ta khởi lòng tin. Đó là tướng của tổng tiêu môn pháp tác nghiệp. Ma Ha Diễn nghĩa là Tổng Tiêu 16 sở nhập pháp thể, lại chẳng phải hai Ma Ha Diễn thể. Lòng tin quyết định tâm tinh tấn ấy. Căn sanh trưởng các pháp hành. Nếu đã nhập vào lý thì chẳng khởi làm hai. Do vậy nên nói tín căn. Lại nữa ở đây nói tín có nghĩa là thập tín. Căn có nghĩa là từ sơ phát tâm, trụ cho đến Pháp Vân Địa. Vì sao vậy ? Lòng tin ban đầu chẳng có gốc mà tùy duyên tới lui; giống như hoa Bang Đa Già Y Ma. Sau đó lòng tin chuyển thành thẳng kiên cố chẳng động; giống như cây Kiền Cưu A Di Thế. Tín căn có bao nhiêu nghĩa ? Mỗi nghĩa này như thế nào ?

Tụng rằng:

Mỗi có mười loại nghĩa

Lắng trong và chuyên thấp

Luận viết: Tín có 10 loại nghĩa. Thế nào là mười ?

Một là nghĩa lắng trong, hay làm cho tâm tánh thanh tịnh sáng sủa.

Hai là nghĩa quyết định, có thể làm cho tâm tánh sáng suốt kiên cố.

Ba là nghĩa hoan hỷ, có thể đoạn trừ tất cả các ưu não.

Bốn là nghĩa vô yếm, có thể làm cho đoạn trừ tâm giải đãi.

Năm là nghĩa tùy hỷ. Ở nơi tha thắng hạnh có thể phát khởi tâm đồng đều.

Sáu là nghĩa tôn trọng; ở nơi các đức, chẳng thể khinh khi.

Bảy là nghĩa tùy thuận; tùy theo chỗ thấy nghe, mà chẳng có chỗ ngược lại.

Tám là nghĩa tán thán; tùy theo thắng hạnh kia, mà tâm ấy xưng tán.

Chín là nghĩa bất hoại; tâm chuyên như một chỗ, chẳng hay quên mất.

Mười là nghĩa ái lạc; có thể làm thành tựu tâm từ bi.

Đây gọi tất cả là mười.

Căn lại có nghĩa là thập chủng. Thế nào là mười ?

Một là nghĩa hạ chuyên; hay trừ được kiêu mạn.

Hai là nghĩa ổn mật; hay làm cho cái lý được rõ ràng.

Ba là nghĩa xuất sanh; sanh trưởng nhiều loại công đức.

Bốn là nghĩa kiên cố; tất cả đều có thể nhiếp trì, chẳng làm cho khiếm khuyết.

Năm là nghĩa tương tục; chuyển chuyển tăng trưởng, chẳng thể đoạn tuyệt.

Sáu là nghĩa xuất ly; địa địa chuyển dần đến viễn ly.

Bảy là nghĩa tập thành; tu tập các loại pháp đạo phẩm.

Tám là nghĩa tốt tươi; lấy những đức hạnh mà trang nghiêm, làm cho có thể ưa thích.

Chín là nghĩa cụ túc; ở trong Đăng Giác Vị, viên mãn như hạnh.

Mười là nghĩa Cao Thắng; ở nơi quả Diệu Giác, tối thắng quảng đại, chẳng thể cao hơn.

Đây có tên là mười.

Năng nhập và sở nhập có nhiều loại sai biệt. Trong phân lập nghĩa, tự sẽ làm hiển bày thuyết này.

Đã nói tổng thể rồi, bây giờ lần lượt nói rõ việc kiến lập.

Nói rằng: Thuyết có 5 phần. Sao gọi là năm ?

Một là nhơn duyên phần; hai là lập nghĩa phần; ba là giải thích phần; bốn là tu hành tín tâm phần; năm là khuyến tu lợi ích phần.

Luận rằng: Vì sao lại phải theo thứ tự như thế - Vì giáo pháp xuất hiện pháp như thế. Nghĩa này như thế nào ? Vì muốn hiển thị thượng vị diệu được. Lại do chỗ đối tạt chướng mà xuất hiện; có thể hóa ra giáo pháp. Nhất định do chỗ trị căn cơ mà phát khởi. Bệnh ấy trước chẳng có thuốc và căn cơ ấy trước đây chẳng có sự dạy dỗ.

Đầu tiên lập nên nhơn duyên phần. Vì muốn hiển thị như ý bảo châu, tuy nhiên duy chỉ có một mà vì tất cả các bảo căn bản. Pháp Ma Ha Diễn tuy chỉ có một mà vì hằng hà sa pháp môn thể tánh, giống như oai đức của rồng lớn cho đến chỗ thọ dụng, kẻ lợi căn trí tuệ cũng đều lãnh thọ giải bày hết.

Thứ hai là lập nên nghĩa phần. Vì muốn hiển thị ma ni bảo tạng để giúp thêm cho vô lượng vạn bảo khác, mà mở ra ngàn cửa rõ biết. Pháp căn bản của Đại Thừa tuy là đầy đủ vô biên trăm ngàn nghĩa, mà cũng riêng giải thích rộng ra để nói căn tánh thuần khiết có chỗ rõ ràng.

Thứ ba là lập nên giải thích phần. Vì muốn hiển thị, tuy trong mắt tai thấy nghe mưa hoa quý nhưng là diệu thuật. Trong tâm tư rõ biết và biết hết tất cả những công đức viên mãn; mà xuất hiện nơi lưỡi, chẳng cạnh tranh chỗ vào, khai thông hướng đến, chẳng gần với đàn, được như ý bảo tạng, chẳng phải do ở nơi cung điện. Tuy trong miệng có trì tụng những giáo nghĩa tôn từ. Trong tâm quan sát, rộng lược các giáo lý thâm sâu mà thêm gia hạnh để thẳng tiến đến. Đây chính là Kim Cang, chẳng khởi lên tín tâm kiên cố, cũng được pháp giới bảo tạng, lại cũng do khế cơ mâu nhiệm.

Thứ tư là lập nên tu hành tín tâm phần. Chỉ khai ra pháp giảng lược, chỉ bày tiến vào cửa, mà sợ hãi chúng sanh; nghe pháp môn nói rộng, chẳng vào sâu tu hành. Chỉ có chúng sanh thuần căn mới nghe được pháp môn tóm lược. Chẳng thể giải bày cho nên sinh ra tâm xa lìa. Như thế các chủng loại, nếu ngay thẳng khuyến thỉnh duyên theo thì dần dần tiến tu. Giúp cho 100 nhơn duyên của việc làm, cho đến cả vạn cái quả của công đức. Nếu chẳng được ngay thẳng khuyến bảo sách tấn duyên vào, cứ thế mà từ từ xa dần, cùng với hằng hà phiến nào để dẫn đến vô tánh.

Mã Minh Bồ Tát thấy điều lợi này; nên hiển thị lợi ích, khuyến thỉnh tu hành. Cho nên sau này lập thêm khuyến tu lợi ích phần. Có nhơn duyên gì mà chẳng tăng chẳng giảm, mà chỉ lập 5 phần ?

Kệ tụng rằng:

Nhiếp kia Đại Tổng Địa

Năm mươi pháp môn vậy

Cho nên chẳng tăng giảm

Chỉ kiến lập ngũ phần

Luận rằng: Mã Minh Bồ Tát ở trong 10 vạn Ốt Đà Nam đại tổng địa luận, tổng lập 50 pháp môn riêng biệt để giải thích giáo nghĩa. Bây giờ ở trong luận này chỉ có 5 phần pháp môn. Mỗi phần nhiếp lấy 10 pháp môn kia. Cho nên chẳng tăng chẳng giảm mà chỉ lập nên 5 phần. Do vậy luận kia kiến lập chỗ biến hóa viên mãn của mười môn. Do nhơn duyên phần sở nhiếp; nên 160 Ma Ha Diễn cùng với 10 môn, lập nghĩa phần để nhiếp. An lập tùy thuận chọn

lựa với 10 môn. Giải thích phân sở nhiếp là quyết định tu tập chỗ vào 10 cửa. Tu hành phân sở nhiếp là khuyên thỉnh hỏi rõ dẫn đạo vào 10 cửa khuyên tu phân sở nhiếp.

Đã nói xong phần kiến lập môn, bây giờ lần lượt xướng lên chương Phán thuyết môn.

Viết rằng:

Đầu tiên nói về nhân duyên phần.

Hỏi rằng: Có bao nhiêu nhân duyên mà tạo ra luận này?

Đáp rằng: Nhơn duyên này có 8 loại. Thế nào gọi là tám ?

Một là nhân duyên tổng tướng có thể làm cho tất cả chúng sanh lia tất cả khổ, được niềm vui cứu cánh chẳng phải cầu thế gian danh lợi để được cung kính.

Hai là vì muốn giải thích ý nghĩa căn bản của Như Lai, làm cho chúng sanh giải nghĩa đúng, chẳng phải ngoa ngôn.

Ba là vì làm cho thiện căn của chúng sanh thành tựu. Ở pháp Ma Ha Diễn luôn có lòng tin sâu xa chẳng rời.

Bốn là làm cho căn lành vi diệu của chúng sanh có tín tâm tu tập.

Năm là vì muốn chỉ bày phương tiện, làm cho tiêu trừ những nghiệp chướng ác, lành mở tâm này xa lìa si mạn, ra khỏi lưới tà.

Sáu là vì muốn chỉ bày tu tập chỉ quán đối trị tâm phàm phu sai trái của nhị thừa.

Bảy là vì muốn hiển thị chuyên tâm phương tiện sanh ra trước Phật, nhất định sẽ chẳng thối tín tâm.

Tám là vì muốn chỉ bày sự lợi ích; nên khuyên tu hành. Có những nhân duyên như thế. Cho nên tạo ra luận này.

Luận rằng: Ở trong 8 nhân duyên ấy. Đầu tiên là lập nghĩa phân làm nhân duyên chánh. Hai điều giải thích phân làm nhân duyên chánh. Bốn điều tiếp theo là tu hành tín tâm, phân làm nhân duyên chánh. Điều tiếp theo là khuyên tu lợi ích, phân làm nhân duyên chánh. Trong nhân duyên đầu tiên, tức có 4 môn. Trong 7 phần nhân duyên sau, mỗi cái đều có đủ ba môn.

Thế nào là bốn ?

Một là hay làm cho giáo pháp trở nên hưng thịnh. Hai là chỗ giáo hóa chúng sanh phân biệt rõ ràng. Ba là tạo ra công việc lành tốt. Bốn là trừ đi những sự tranh luận phi báng.

Thế nào là ba ?

Nghĩa là 3 môn trước. Bây giờ sẽ đơn cử tướng tùy theo, sau đó sẽ giải thích riêng biệt, nhân duyên tổng tướng vậy. Tổng quát đưa ra việc hay làm cho giáo pháp trở nên hưng thịnh. Nghĩa là vì tám loại căn bản, mà cái gốc là tạo tác ra nhân duyên chánh. Cho nên nói rằng: Tổng nhơn duyên. Rồi chia ra 24 loại phân ly biệt tướng, tạo thành chánh nhơn duyên. Cho nên cũng gọi là tướng nhơn duyên. 32 loại tổng biệt pháp tướng. Trong sự phân chia lập nghĩa, tự sẽ nói rõ. Vì làm cho chúng sanh vậy. Chỗ giáo hóa chúng sanh phân biệt rõ ràng nghĩa là nhiếp phục tà, định lại 10 ức 8 vạn 6 ngàn loại chúng sanh. Bất Định Tự 30 loại chúng sanh. Chánh Định Tự 120 loại chúng sanh. Lìa tất cả khổ, được cứu cánh an lạc. Nói tổng quát đơn cử tạo ra công việc tốt lành nghĩa là duyên vào 3 tụ mà làm cảnh giới. Tuyên thuyết khai thị, chỉ bày những pháp yếu vậy. Muốn làm cho tất cả vô lượng chúng sanh xa rời sự sanh diệt, vô thường, khổ; liền được căn bản tổng tướng của sự vui. Chẳng phải cầu thế gian danh lợi cung kính vậy. Tổng đưa ra việc trừ đi sự tranh luận hủy báng có nghĩa là những chúng sanh ngu muội tạo ra những sự nghi ngờ như thế. Ngài Mã Minh Bồ Tát đang ở Bất Động Địa chưa đến được Pháp Vân Địa; nên nương vào những Địa trên của các vị Bồ Tát, rồi làm hóa hiện cảnh giới ra, duy chỉ tự hiển thị thù thắng. Vì cầu danh lợi; nên có lời không thật; chẳng phải là nghĩa thật, há Địa Hạ Bồ Tát lại muốn được giáo hóa Thượng Địa Bồ Tát. Cho nên Ngài Mã Minh khiến cho điều này không còn nghi nữa. Tự nói lời rằng: Ta từ trong lâu xa đã thành chánh giác rồi, chỉ giúp đỡ giáo hóa lợi ích cho quần sanh, vì làm cho đầy đủ bốn nguyện; nên hay quyền hiện chỗ địa vị tu chúng, chẳng có nghĩa là muốn cầu danh lợi, cho nên mới nói như thế. Rồi nói về nhân duyên đầu.

Đến nhân duyên thứ hai giải thích về cái nghĩa căn bản Như Lai. Cũng chỉ để làm cho giáo pháp ấy mãi hưng thịnh. Nghĩa là Nhơn duyên này hay làm rõ bày nghĩa chánh, đối trị lại với tà pháp, tạo nên Nhơn duyên chánh vậy.

Nói là Như Lai căn bản nghĩa. Vì sao vậy ?

Mười phương ba đời tất cả các Đức Như Lai chẳng có một vị Phật nào mà chẳng có nhứt tâm, nhị môn và 7 loại đối trị để thành chánh giác, làm cho các chúng sanh vậy. Tổng quát đưa ra sự giáo hóa chúng sanh phân biệt rõ ràng. Nghĩa là nhiếp phục 10 ức 8 vạn 6 ngàn loại tà định tụ của chúng sanh, giải rõ nghĩa chánh vậy. Tổng đưa ra công việc làm thiện xảo nghĩa là những chúng sanh duyên vào Tà Định Tụ cuồng loạn mà làm cảnh giới; nên mới tuyên thuyết khai diễn hiển thị chánh nghĩa để đối trị với tà chấp pháp sâu xa. Giải thích sai rất nhiều, thấy nghe nghịch loạn nhiều như cát bụi, nhằm đoạn trừ xiển đề chẳng tin, chướng hại này và làm cho vào được nơi thập tín đại đạo vậy. Ở đây đã nói về Nhơn duyên thứ hai rồi.

Nhơn duyên thứ ba là làm cho phân biệt phát khởi tướng đạo, tạo tác ra chánh Nhơn duyên. Nên gọi là hay hóa hiện và làm cho giáo pháp hưng thịnh. Nghĩa là gồm 3 loại phát tâm để căn lành thành tựu nơi chúng sanh. Tổng đưa ra sự giáo hóa chúng sanh phân biệt rõ ràng. Nghĩa là nhiếp lấy Thượng Phẩm Thập Tín, Tam Phẩm Thập Giải, Tam Phẩm Thập Hạnh, Tam Phẩm Thập Hồi Hướng, Tam Phẩm Thập Địa của các chúng sanh. Ở nơi pháp Ma Ha Diễn mà chẳng hề thối lui tín tâm. Tổng đưa ra việc làm thiện xảo nghĩa là duyên vào 2 tụ của chúng sanh để làm cảnh giới. Tuyên thuyết khai thị ba loại phát tâm. Vì làm cho qua khỏi cá nhân, được vào chỗ thắng tiến. Đây là nói về Nhơn duyên thứ ba rồi.

Đến Nhơn duyên thứ tư là làm cho tu hành tín tâm, phân ra 4 loại tín tâm và 4 loại tu hành, tạo ra chánh Nhơn duyên. Nên đây gọi là hay hóa hiện giáo pháp cho hưng thịnh, đối với những chúng sanh ít căn lành. Tổng cử sở hóa chúng sanh Phân tế môn có nghĩa là nhiếp được Thập Tín Vị, trước ngũ tâm trung phẩm của chúng sanh, rồi được tiền ngũ vậy. Cả 2 đều chẳng có căn lành; nên gọi là nhỏ nhoi, chưa được 5 phần sau cho nên gọi là chưa đầy đủ, chẳng gọi là thành tựu, tu tập tín tâm vậy. Tổng nói về công việc làm thiện xảo nghĩa là hay làm thành tựu 5 tín tâm. Đây đã nói về Nhơn duyên thứ tư rồi.

Nhơn duyên thứ năm là làm cho sự tu hành tín tâm cuối cùng đến phân tiền môn. Lại nữa nếu có người chỉ tu hành tín tâm cho đến được miễn các chướng và căn lành tăng trưởng; nên gọi là tạo ra Nhơn duyên. Nên có tên là hay biến hóa giáo pháp để cho vào cửa hưng thịnh. Ở trong này chúng sanh nhiếp được thập tín vị sơ tâm hạ phẩm chúng sanh. Đây cũng còn gọi là sở hóa chúng sanh phân tế môn, trừ được các nghiệp chướng ác. Tổng cử xuất hưng tác nghiệp thiện xảo môn nghĩa là lấy lễ bái sám hối làm phương tiện, mà làm tiêu trừ các loại nghiệp chướng nhiều như biển. Đây nói về Nhơn duyên thứ 5 rồi.

Nhơn duyên thứ sáu nói về sự tu tập chỉ quán. Tổng cử năng hóa giáo pháp xuất hưng môn. Nghĩa là vì sự tu hành tín tâm phần, tu hành chỉ quán môn, tạo ra Nhơn duyên vậy. Phạm phu nhị thừa. Tổng cử sở hóa chúng sanh phân tế môn nghĩa là nhiếp được 10 tín vị, 2 tâm của hạ phẩm chúng sanh. Tà Định Tụ nhiếp tất cả nhị thừa vậy. Đối trị với tâm sai quấy. Tổng cử xuất hưng tác nghiệp thiện xảo môn nghĩa là Vũ luân thông làm đối trị với phạm phu nhị thừa, kiến chấp sai trái vậy. Đây đã nói về Nhơn duyên thứ 6 rồi.

Nhơn duyên thứ bảy là tu hành tín tâm phân chi chung. Lại nữa chúng sanh đầu tiên học pháp này, cho đến cứu cánh được sanh trụ ở Chánh Định Tụ. Cho nên gọi là tạo ra chánh Nhơn duyên. Còn gọi là hay hóa giáo pháp xuất hưng môn. Ở trong này chúng sanh nhiếp được Thập tín vị, trước 4 tâm, lại chẳng thể thắng tiến hạ phẩm chúng sanh. Nghĩa là trụ ở thế giới này, tín tâm thành tựu hay sợ hãi. Đây gọi là vị sở hóa chúng sanh phân tế môn. Nhứt

định chẳng thoái tín tâm vậy. Tổng cử xuất hưng tác nghiệp thiện xảo môn nghĩa là thắng duyên lực mà làm cho an lập Chánh Định Tự vậy. Đây đã nói về nhơn duyên thứ 7 rồi.

Nhơn duyên thứ tám là khuyến tu lợi ích, phân tác chánh nhơn duyên, lại gọi là hay biến hóa giáo pháp để được hưng thịnh. Trong đây chúng sanh nhiếp 10 ức 8 vạn 6 ngàn các loại tà định tự của chúng sanh; nên gọi tên là hóa chúng sanh phân tế môn, hiển thị sự lợi ích, siêng năng tu hành vậy. Tổng cử xuất hưng tác nghiệp thiện xảo môn nghĩa là làm cho tuyên nói công đức hay tăng trưởng dục lạc, hiển thị sự xung khắc với sự xa lìa giác ngộ. Đây đã nói về nhơn duyên thứ 8 rồi.

Tất cả các giáo pháp cuối cùng đều lập nên phần nghĩa. Tất cả những chỗ giáo hóa căn cơ cuối cùng đều lập nên phần nhân duyên. Vì sao lại khai thị 3 phần mà phân biệt giải thích, lập thành 7 nhơn duyên và nói rộng ra vậy ?

- Vì muốn cho hiển thị lợi lạc nói rộng, nói lược, nói tổng, nói biệt chẳng giống nhau vậy. Vì sao người nhị thừa lại nặng nơi giữ gìn tứ xứ ?

- Vì muốn hiển thị nhị thừa chúng sanh hạ liệt yếu kém, phát tâm Bồ Đề, hướng vô thượng đạo, cắt đứt đi những chỗ sai trái đối với các loại chúng sanh. Do vậy mà để trừ tà định chúng sanh, chỉ giữ lại 3 xứ.

- Vì muốn làm hiển thị chỗ nhị thừa hình của chúng sanh, khinh xuất sai trái vậy. Vì sao bất định nhơn riêng giữ 3 phẩm vậy ?

- Vì muốn hiển thị bất định chúng sanh không còn những chỗ mờ ám nhỏ nhặt nữa, phát tâm quyết định, hướng vô thượng đạo, mà khó vượt qua chỗ khó khăn để đến Chánh Định Tự chúng sanh. Vì sao người Chánh Định chẳng riêng 3 phẩm mà qua được tổng nhiếp ?

- Vì muốn hiển thị Chánh Định chúng sanh hình ở Bất Định khinh mạng sai trái vậy. Có nhơn duyên nào chẳng tăng chẳng giảm mà chỉ lập nên tám loại. Vì sao phải lần lượt như vậy?

Tụng rằng:

Tổng nhiếp đại tổng địa

Tám mươi nhân duyên vậy

Tu hành chẳng thắng pháp

Lần lượt như thế ấy

Luận rằng: Mã Minh Bồ Tát 10 vạn Ôn Đà Nam (Tứ Pháp Ấn) Đại Tổng Địa Luận trung, tổng lập có 80 nhân duyên, vì làm luận duyên vậy. Bây giờ trong luận này có 8 loại nhơn duyên; mỗi loại đều nhiếp luận kia 10 loại nhơn duyên; cho nên chẳng tăng giảm, chỉ lập 8 loại. Do đây mà nghĩa nói rằng như thế. Các chữ tổng nhiếp kia là 80 vậy. Nhân duyên lần lượt hành pháp và pháp như vậy đó. Nghĩa là trừ Xiển Đề bất tín, chướng ngại, được thập tín tâm. Trừ chấp trước vào ngã chướng được 10 trụ tâm; trừ sợ khổ chướng được 10 hành tâm. Trừ xả ly chướng được 10 hướng tâm. Đoạn lìa tánh dị sanh 10 loại chướng sẽ chứng được Hoan Hỷ Thập Địa vậy. Đã nói về nhơn duyên thứ 8 rồi.

Bây giờ lần lượt nói về 4 loại căn.

Viết rằng:

Hỏi: Trong Tu Đa La (Kinh) có đủ pháp này, sao lại nói thêm nữa ?

Đáp rằng: Trong Tu Đa La chỉ có pháp này, lấy chúng sanh căn hành chẳng giống; nên tạo giải duyên riêng biệt. Cho nên lúc Như Lai còn tại thế thì chúng sanh có lợi căn, hay nói sắc tâm nghiệp thắng của con người, tiếng nói tròn đầy, một nói nhiều thứ để giải thích, tức chẳng cần luận giải gì thêm. Nhưng sau khi Như Lai tịch diệt hoặc có chúng sanh hay lấy tự lực rộng nghe mà thủ giải; hoặc có chúng sanh lại lấy tự lực ít nghe mà giải nhiều; hoặc có chúng sanh chẳng có tâm lực, nhơn đó luận giải rộng ra. Tự có chúng sanh lại lấy luận rộng,

vấn nhiều thêm phiền. Tâm vui tổng trì, ít vấn mà nhiếp nhiều nghĩa, hay thủ giải. Như thế luận này vì muốn tổng nhiếp Như Lai quảng đại pháp sâu, nghĩa vô biên. Nên nói luận này.

Luận rằng: Trong vấn này có nhị môn. Vì sao lại hai ? Một là chỗ nói không khác, nan vấn môn. Hai là cử thời phần vị, quyết nghi môn.

Hỏi rằng: Trong Tu Đa La đầy đủ pháp này, sao lại còn phải nói thêm nữa ?

Tức là nan vấn môn. Nghĩa là quang minh đại giác cùng với 100 khế kinh mở bày tất cả vô lượng pháp tạng. Tùy theo căn cơ mà lường để nhiếp thủ lợi ích chẳng có chỗ nào để mất. Ở đây sao lại phiền thêm để tạo luận này ? Chỉ có pháp kia không, lại chẳng thêm hiển lực sao? Mà bây giờ tạo luận này để nói thêm về pháp kia ? Và lại chẳng cầu xung tán chẳng hay cứu cánh tôn tín chẳng tận là lý này; nên đây là chỗ nói vô dị nan vấn môn ?

Đáp rằng: Trong Tu Đa La duy chỉ có pháp này lấy chúng sanh căn, việc làm chẳng giống, thọ giải duyên riêng biệt thành Tổng Cử quyết nghi môn. Cho nên Ngài Mã Minh tự thông qua mà nói: Tam thế chư Phật tất cả giáo lý tự nhiên thường trụ ở một vị bình đẳng, chẳng có di chuyển, chẳng có khởi diệt cho nên chỉ đề bằng sai biệt rồi đọc lên chẳng giống, mà thật ra giáo pháp này chỉ có một vị, chỉ có bình đẳng; hoặc chẳng phân; hoặc chẳng biệt, mà vì chúng sanh căn tánh sai biệt, lợi độn chẳng giống; tâm hành sai biệt, rộng hẹp chẳng đồng. Cho nên để dạy cho căn cơ sai biệt này, hay hóa ra người, chứ chẳng phải tự giống, làm cho sự lãnh thọ giáo pháp danh tự mỗi mỗi khác biệt; rồi làm cho sự giải thích ý nghĩa câu văn tạo thành như duyên khác biệt. Nghĩa là hoặc có chúng sanh nương vào Đức Phật, tu Lê Tỳ La mà được giải thoát; hoặc có chúng sanh nương vào Bồ Tát Già Đà Thi, tu Lê Tỳ La mà được giải thoát. Cho nên người này vì đó mà tu tạo luận. Lại nữa lúc Đức Như Lai còn tại thế, làm cho thanh tịnh, hay làm cho đầy đủ 84.000 loại sắc và 4 loại tâm, biến trí thành 10 loại, làm cho 10 loại nghiệp thù thắng. 68 Phạm Viên, 86 Diệu Âm, chẳng có trước sau lúc nào chẳng diễn xuất. Vô lượng vô biên chủng chủng dị loại. Hoặc có chúng sanh thấy Phật sắc đẹp mà được giải thoát. Hoặc có chúng sanh nhớ nghĩ đến tâm Phật mà được giải thoát. Hoặc có chúng sanh quán sát Như Lai 10 nghiệp thù thắng mà được giải thoát. Hoặc có chúng sanh nghe được tiếng Phật tròn đủ mà được giải thoát. Như thế bình đẳng rõ biết thông đạt, tức chẳng làm luận. Sau khi Phật diệt độ, chẳng để cho tạp loạn, chẳng để thành yếu kém. Nên kinh luận theo căn cơ khác nhau mà tạo ra sự sai biệt rộng hẹp. Căn ấy có 4 loại. Cơ ấy nghĩa là 3 Thừa cơ. Sao gọi là bốn ? Một là căn của chính mình rộng lớn. Hai là căn của chính mình nhỏ hẹp. Ba là lực chẳng lớn nên nương vào căn kia. Bốn là hẹp chẳng lực nên nương vào căn kia. Đây là 4 loại căn tánh. Hai cái đầu là Kinh Điển. Hai cái sau là Ưu Bà Đề Ya (Luận). Vì sao trong như duyên môn phải tạo cho viên mãn. Trong căn tánh môn phải hóa cho nhỏ lại ? – Là vì muốn hiển thị thanh tịnh tạng Na A Thế Ya (Đại Thế) chẳng có biên tế vậy. Vì muốn hiển thị thọ giáo, thực hành cho các loại chúng sanh mà có sự phân biệt rõ ràng này. Do vậy mà tùy theo như duyên bày ra 2 loại giáo pháp rộng hẹp. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Bốn nguyện để lại vậy
Xuất cùng pháp môn này
Lăng Già Vương khế kinh
Phân minh hiển thuyết vậy.

Luận rằng: Lành chúc như duyên lực; nên cho ra hai loại pháp môn sâu xa. Vì sao vậy ? Ở trong Khế Kinh đã nói rõ ràng vậy. Trong Lăng Già Vương khế kinh nói như thế này. “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Ta nhớ về quá khứ vô lượng kiếp hải, trong 500 đời làm nhân nhục Tiên như. Ở trong rừng núi chuyên tâm tu hành, thiếu dục tri túc, tứ thánh chúng loại với pháp thanh tịnh. Lúc ấy có một con rắn lớn từ đỉnh núi bò xuống đến nơi ta để nghe ta tụng, rồi cúi đầu thi lễ, lễ bái sám hối. Thi lễ xong rồi lấy đầu đập xuống đất, run run nói bài kệ rằng:

Con trong đời trước

Nhân nhục tiên nhờn
Trụ ở núi này
Sáu thời hành đạo
Nhưng một thời sân
Nhơn duyên lực ấy
Nay làm thân rắn
Thường thọ khổ lớn
Sau khi mạng chung
Được cùng làm người
Con là đệ tử
Theo Ngài tu hành
Ngài hay đọc tụng
Thường cho con tụng
Cho nên con nay
Phát đại tâm quý (xấu hổ)

Nói kệ ấy xong rồi tức liền mệnh chung, sau khi được làm thân người và làm đệ tử ta. Lúc ấy gặp ngay phát nguyện để lại. Nên đã làm như lời nguyện này. Nếu ta chúng được vô thượng đạo, tuyên nói 90 Lạc Xoa (Laksa = 10 vạn), diễn nói kinh điển, làm lợi ích ý vui cho nhiều chúng sanh. Tuyên thuyết 10 Lạc Xoa, lược nói kinh điển, làm lợi ích ý lạc tổng trì chúng sanh. Tức đệ tử của ta tạo ra nguyện này. Khi ta tịch diệt, sau đó tạo ra 90 bộ để rộng nói Ưu Bà Tát Đề Na làm lợi ích vui vẻ cho quảng đại chúng sanh. Tạo ra 10 bộ lược nói Ưu Bà Tát Đề Na làm lợi ích ý lạc tổng trì của chúng sanh. Do nhân duyên này mà ta nay tuyên thuyết các kệ kinh rộng lớn. Đây chính là nhờn duyên ấy vậy. Sau khi ta diệt độ, đệ tử của ta tạo tác luận để dạy dỗ.

Nói về phần nhờn duyên rồi, sau đó nói về phần lập nghĩa. Trong phần lập nghĩa có tên các pháp môn. Số đó là bao nhiêu và tướng ấy thế nào ?

Tụng rằng:
Có ba mươi ba loại
Mười sáu chỗ nhập pháp
Mười sáu hay nhập môn
Cùng bất nhị chẳng khác.

Luận rằng: Trong phần lập nghĩa, pháp môn có tên gọi. Tổng cộng có 33 loại khác nhau. Thế nào là 33 loại sai biệt ? Đó là 16 chỗ nhập môn pháp và 16 có thể nhập môn cùng với chẳng phải hai Ma Ha Diễn (Đại Thừa Khởi Tín) mỗi cái có sai biệt. Vì sao mà Ma Ha Diễn (Đại Thừa Khởi Tín) thành 16 loại. Trong căn bản của Ma Ha Diễn có khai mở 8 loại. Nhứt tâm pháp giới gồm 3 nghĩa lớn, mỗi mỗi mở ra hai loại. Vì sao hay nhập môn thành 16 loại ? Nhứt tâm pháp giới và 3 đại nghĩa, mỗi mỗi 2 loại. Hoặc mỗi mỗi khai hai loại môn. Đây gọi tên là số lượng.

Đã nói về số lượng rồi, liền nói về biệt thích.

Viết rằng:

Tổng quát Ma Ha Diễn nói có hai loại. Một là pháp; hai là nghĩa. Phải nói rằng pháp. Nghĩa là tâm chúng sanh. Với tâm này liền nhiếp tất cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp. Nuơng ở nơi tâm này để làm rõ nghĩa Ma Ha Diễn. Vì sao vậy ? Tâm này tướng chơn như, tức là thể của Ma Ha Diễn vậy. Tâm này sanh diệt tướng nhờn duyên, hay chỉ bày tự thể, tướng, dụng của Ma Ha Diễn vậy. Nói về nghĩa tức có 3 loại. Thế nào là ba ? Một là thể lớn. Nghĩa là tất cả pháp đều chơn như bình đẳng, chẳng tăng chẳng giảm vậy. Hai là tướng đại. Nghĩa là Như Lai Tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức. Ba là dụng lớn. Nghĩa là hay sanh tất cả thế gian, xuất thế gian những nhân quả lành tốt. Tất cả chư Phật đều ở chỗ này. Tất cả Bồ Đề đều lên pháp này để đến Như Lai địa.

Luận rằng: Trong văn này có 3 môn. Thế nào là ba ? Một là sở nhập căn bản tổng thể môn. Hai là năng y thú nhập biệt tướng môn. Ba là thông đạt quy tắc bất động môn. Hai loại môn đầu lại có thêm 2 loại. Trụ ở tư ứng quán, Ma Ha Diễn là tất cả. Tức là sở nhập căn bản tổng thể môn, tức là căn bản trong Ma Ha Diễn có 8 sai biệt. Thế nào là 8 ?

Một là thể nhứt tâm Ma Ha Diễn. Hai là ba tự nhứt tâm Ma Ha Diễn. Ba là vô lượng vô biên chư pháp sai biệt, chẳng tăng chẳng giảm, thể đại Ma Ha Diễn. Bốn là tịch tĩnh vô tạp nhứt vị bình đẳng, bất tăng bất giảm, thể Đại Ma Ha Diễn. Năm là Như Lai Tạng công đức tướng, Đại Ma Ha Diễn. Sáu là cụ túc tánh công đức tướng, Đại Ma Ha Diễn. Bảy là hay sanh tất cả thế gian như quả, Dụng Đại Ma Ha Diễn. Tám là hay sanh tất cả thế gian như quả, Dụng Đại Ma Ha Diễn. Đây gọi là 8.

Như thế 8 loại Ma Ha Diễn Pháp. Tất cả đều có thể vào tạo nên tên này. Nghĩa là nhứt thể nhứt tâm, mà dùng môn này để vào vậy. Tên gọi là nhứt thể nhứt tâm Ma Ha Diễn. Cho đến hay sanh tất cả xuất thế gian như quả lành, dụng lớn mà làm môn này, chỗ vào được. Tên là hay sanh tất cả xuất thế gian như quả lành, dụng đại Ma Ha Diễn. Giống như chuyện luân Thán vương. Nghĩa là như Luân Vương tùy theo tướng luân này mà lập nên tên gọi. Ma Ha Diễn Pháp lại cũng như vậy. Tùy ở môn này mà tướng được lập tên vậy.

Trong đại giác khế kinh nói như thế này. Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Hãy nghe! Hãy nghe và suy nghĩ kỹ. Ta nay vì người mà phân biệt khai nói 8 loại thân pháp. Thế nào là 8 ?

Một là nhứt thể thú nhập thân pháp. Hai là 3 tự thú nhập thân pháp. Ba là các pháp sai biệt, chẳng tăng chẳng giảm, thể đại thú nhập thân pháp. Bốn là thuần tịnh một tướng chẳng tạp, chẳng tăng chẳng giảm, thể đại thân thú nhập thân pháp. Năm là Như Lai Tạng công đức hiển liễu đại thú nhập thân pháp. Sáu là viên mãn tánh công đức, hiển liễu đại thú nhập thân pháp. Bảy là xuất sanh xuất thế gian như quả tự tại vô ngại đại thú nhập pháp thân. Tám là ra khỏi xuất thế gian diệu như quả, tự tại vô ngại thú nhập thân pháp. Đây gọi là 8. Cho đến nói rộng ra.

Mã Minh Bò Tát chánh nhiếp lấy văn kia, cho nên nói rằng Ma Ha Diễn Tổng. Trong Tổng này nói: Ở trong 2 nơi, thì là tổng thể vậy. Cho nên thấu lên trên và ngấm đến dưới vậy. Trong Đại Tổng Địa Luận có khai 80 môn, giải thích căn bản Ma Ha Diễn Pháp, làm cho mỗi nhiếp 10 thành một loại. Chỉ lập ra 8 pháp. Do nghĩa này mà có 8 phải nên biết thế. Hay nhập biệt tướng có 8 loại. Chỗ nhập tổng thể có 8 nên biết. Năng nhập sở nhập 8 loại pháp tướng. Hơn thua rộng hẹp với tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Bình đẳng bình đẳng một
Đều chẳng có dị biệt
Mỗi nhiếp các pháp vậy
Chung cuộc chẳng tạp loạn

Luận rằng: Như thế hay có 16 pháp tướng, biến khắp, biến khắp, bình đẳng, bình đẳng. Một vị một tướng, đều chẳng sai biệt. Vì sao vậy ? Mỗi nhiếp các pháp cứu cánh rốt ráo vậy. Cho đến cuối cùng, cùng với tổng biệt. Tất cả đều cùng, có tạp loạn chăng? Cuối cùng trước sau không có tướng tạp loạn. Tổng biệt môn này, đầu đuôi chẳng không, mà mỗi mỗi riêng biệt đều có thể sánh được. Lại nói: Bình đẳng chẳng phải là một pháp; nên gọi là bình đẳng. Đã nói phần đầu rồi. Bây giờ nói đến 2 lần 4 loại pháp. Mỗi cái đầy đủ 3 môn. Thế nào là 3 ?

Một là pháp nương vào quyết định môn. Hai là căn bản nhiếp, mặt phân tế môn. Ba là lập nên hai loại Ma Ha Diễn môn.

Cho nên nói pháp là tâm chúng sanh. Tức là pháp này nương vào quyết định môn. Bây giờ Ôn Đà Nam (Tứ Pháp Ấn) tụng tất cả và nói rõ. Tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Tất cả gồm bốn chúng

Sanh vị bốn loại sanh
Là một pháp giới tạng
Biến nơi tám xứ kia.

Luận rằng: Chúng có 4 loại. Thế nào là 4 ? Một là Nhứt Thiết Như Lai chúng. Hai là Nhứt Thiết Bồ Tát chúng. Ba là Nhứt Thiết Thanh Văn chúng. Bốn là Nhứt Thiết Duyên Giác chúng. Đây có tên là 4 chúng.

Sanh lại có 4 loại. Thế nào là 4 ? Một là noãn sanh. Hai là thai sanh. Ba là thấp sanh. Bốn là hóa sanh. Đây gọi là tứ sanh.

Qua khỏi số ấy là chúng. Thọ sanh nên sanh, là một pháp giới tâm. Trong 8 xứ kia chu biến viên mãn. Bất khả phân chiết, chẳng thể ly tán. Chỉ có một thể, chỉ có một tướng. Lấy 4 loại chúng nhiếp hóa các bậc Thánh. Lấy 4 loại sanh, nhiếp tất cả loại phàm. Mã Minh luận sư vì muốn hiển một tâm rộng lớn viên mãn, gọi là chúng sanh, thuận lý trong khế kinh và nói như thế này:

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn phóng ánh sáng lớn, hiển bày thần lực rồi, cho các đệ tử biết rằng: Hãy nghe hãy lắng nghe và hãy suy nghĩ kỹ! Ta nay vì người phân biệt giải thích một pháp giới tạng. Nay Thiện Nam Tử! Một pháp giới tạng ấy có thể biến đến các Đức Như Lai và các Bồ Tát, các vị Thanh Văn, các vị Duyên Giác và các loài sanh khác. Chẳng có nơi nào mà không đến được. Chẳng có nơi nào không thấu. Chẳng có nơi nào không gặp. Cho nên gọi đây là một pháp giới tạng. Làm cho nhiếp câu văn này, nên gọi là chúng sanh. Mã Minh Bồ Tát luận trong 6 vạn Ôn Đà Nam (Tứ Pháp Ấn) bốn tạng, khai mở 10 loại cửa, biệt giải rộng nói. Làm cho lược nhiếp mà gọi chúng sanh. Đây nói bốn pháp sở y quyết định môn rồi và tâm này liền nhiếp tất cả thế gian pháp, xuất thế gian pháp. Tức là căn bản nhiếp, mặt phần tế môn. Tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Là một pháp giới tâm
Tổng nhiếp hai loại môn
Gọi nhiếp thế, xuất thế
Tạo pháp giới tên gọi

Luận rằng: Một pháp giới tâm tổng nhiếp tất cả pháp môn sanh diệt. Cho nên gọi tên là nhiếp thế gian pháp. Tổng nhiếp tất cả các pháp môn chơn như, gọi tên là nhiếp xuất thế gian pháp. Tất cả đều tạo ra pháp giới cho nên có tên là pháp. Tự thể ở trong khế kinh nói như thế này. Quảng Đại Thần Vương tức nhiếp tất cả các loại vô minh. Tất cả các loại nhiễm ô. Tất cả các loại pháp trong trắng. Lại nhiếp tất cả pháp thanh tịnh. Tất cả pháp vô ngại. Tất cả pháp giải thoát. Tất cả pháp tuyệt ly. Tất cả pháp mãn túc. Tất cả pháp tịch tịnh, mà Quảng Đại Thần Vương thì chẳng phải pháp thế gian; mà cũng chẳng phải pháp xuất thế gian. Làm cho nhiếp câu văn này; nên có tên là nhiếp. Mã Minh Bồ Tát 8 vạn Ôn Đà Nam đều luận quy về gốc. Khai mở 20 cửa, giải bày rõ ràng. Trong này đã lược nói như vậy rồi. Ở đây cũng đã nói xong phần căn bản nhiếp mặt phần tế môn. Nương vào nơi tâm này để diễn thị Ma Ha Diễn Nghĩa vậy. Tức là kiến lập hai loại Ma Ha Diễn môn. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Tổng cả hai loại môn
Nói nương nơi tâm này
Tổng cả hai bốn pháp
Hiển thị Ma Ha Diễn

Luận rằng: Tổng tiêu hay vào hai loại môn; nói là nương theo tâm này. Tổng tiêu nhập vào hai loại pháp; nói là hiển thị Ma Ha Diễn nghĩa. Sao lại có hai môn? Một là tâm chơn như môn. Hai là tâm sanh diệt môn.

Sao gọi là hai môn lớn? Một là như thể Ma Ha Diễn. Hai là tự thể, tự tướng, tự dụng Ma Ha Diễn. Như thể chổ nhập vào hai loại bốn pháp. Hoặc từ đó có thể theo vào để tạo ra tên này. Cho nên lấy thể chơn như mà làm môn này, để vào nơi ấy vậy. Gọi đây là thể, lấy tự tướng của tâm giác ngộ lớn, mà làm môn này, để vào được nơi ấy. Gọi đây là tự. Do có thể vào cửa ấy bằng hai loại riêng biệt. Chổ nhập vào bốn pháp có hai, nên biết. Vì sao vậy? Liên hỏi ngay. Nghĩa là do từ ý nghĩa gì vậy? Nương vào tâm này như trong câu văn đầy đủ hai loại môn, hiển thị Ma Ha Diễn Nghĩa, trong câu ấy đầy đủ hai loại bốn pháp chăng? – Đáp rằng: Tạo ra một pháp giới tâm chơn như môn tức là hiển thị một thể Ma Ha Diễn pháp. Tạo một pháp giới tâm sanh diệt môn, có thể hiển thị tự thể, tự tướng, tự dụng Ma Ha Diễn Pháp. Do nghĩa đây nên rõ mỗi mỗi đều đủ hai môn, hai pháp. Trong Đại Giác Khế Kinh tạo ra như điều đã nói. Lại nữa Văn Thù Sư Lợi có 2 loại pháp, thậm thâm vi diệu, chẳng thể nghĩ bàn. Thế nào là hai? Một là thể tướng bình đẳng Ma Ha Diễn. Hai là tự tướng tự nhiên Ma Ha Diễn. Nếu muốn chứng được hai loại pháp này nên hành nhị môn. Thế nào là hai? Một là chẳng đoạn chẳng trói môn. Hai là có đoạn có trói môn. Cho đến nói rộng làm cho nhiếp được câu văn này, rồi nói như vậy.

Trong Đại Tổng Địa mở ra tám loại môn, giải thích rõ ràng. Đã nói qua kiến lập hai loại Ma Ha Diễn môn. Trong 3 nghĩa lớn mỗi mỗi lược qua 2 môn đầu, lập sau đó một môn. Mã Minh Bồ Tát chổ này ý vui, rồi sau đó nhiếp ở đầu và giữa; nên như thế đã qua. Lại nữa điều này lần lượt đến rõ ràng minh bạch rồi. Bên trên là 3 kệ tụng về bốn pháp, cho đến phần này. Một là thể lớn. Tổng tiêu sở nhập hai loại bốn pháp. Thế nào là hai? Một là vô lượng vô biên các pháp sai biệt, bất tăng bất giảm Ma Ha Diễn. Hai là tịch tịnh vô tạp, một vị bình đẳng, bất tăng bất giảm Ma Ha Diễn. Nghĩa là tất cả pháp chơn như bình đẳng bất tăng bất giảm vậy. Tổng tiêu hay nhập hai loại môn riêng biệt. Thế nào là hai? Đó là như bốn pháp, gọi là môn cũng lại như vậy. Hai là tướng lớn. Tổng tiêu sở nhập hai loại bốn pháp. Thế nào là hai? Một là Như Lai Tạng công đức Ma Ha Diễn. Hai là cụ túc tánh công đức Ma Ha Diễn. Nghĩa là Như Lai Tạng cụ túc vô lượng tánh công đức vậy. Tổng tiêu hay nhập hai loại biệt môn. Thế nào là hai? Đó là như bốn pháp gọi môn cũng lại như vậy. Ba là dụng lớn. Tổng tiêu sở nhập hai loại bốn pháp. Thế nào là hai? Một là hay sanh tất cả thế gian như quả Ma Ha Diễn. Hai là hay sanh tất cả xuất thế gian như quả lành Ma Ha Diễn. Nghĩa là sanh hay tất cả thế gian xuất thế gian thiện như quả vậy. Tổng tiêu hay nhập hai loại môn riêng biệt. Những gì là hai? Nghĩa là như bốn pháp, gọi là môn cũng lại như thế. Ba loại nghĩa lớn biệt biệt phân loại giải thích, như trong phẩm Tổng Địa Luận Bốn Địa đã giải thích rõ ràng. Vì sao lại chẳng phải hai pháp Ma Ha Diễn không có nhân duyên?

- Pháp này cực diệu, thậm thâm độc tôn, lia căn cơ vậy.

Vì sao lia căn cơ?

- Vì không căn cơ vậy.

Kiến lập để làm gì?

- Chẳng kiến lập gì cả.

Có phải đây là Ma Ha Diễn Pháp mà chư Phật được chăng?

- Có thể ở nơi chư Phật mà được, mà chư Phật chẳng được. Bồ Tát nhị thừa tất cả những chúng sanh khác lại cũng như vậy. Tánh đức viên mãn như biển cả vậy. Vì sao thế?

- Vì lia căn cơ vậy; lia giáo thuyết vậy.

Vì sao 8 loại bốn pháp từ như duyên khởi? lại ở nơi cơ? thuận theo thuyết vậy? Vì sao lại là cơ?

Có căn cơ sao? Như thế 8 loại, bốn pháp chư Phật có chỗ được sao?

Ở chỗ chư Phật mà được, còn chư Phật thì chẳng được. Bồ Tát nhị thừa tất cả các loại chúng sanh khác cũng lại như vậy. Tu hành là trồng cái nhân rộng rãi này. Vì sao thế? Vì có căn cơ vậy. Vì có giáo thuyết vậy? Vì sao lại nương vào chơn như môn để nhập vào chỗ Ma Ha Diễn Pháp, chỉ lập thể danh. Nương nơi sanh diệt môn để vào chỗ Ma Ha Diễn Pháp, chỉ lập thể danh? Trong chơn như môn chẳng có tướng kia vậy. Cái kia nghĩa là tất cả các pháp bất thiện. Tự ấy chính là tất cả pháp thanh tịnh. Chổ đối trị kia chẳng có và chổ đối trị tự cũng

phải có. Chỉ nói thể, chẳng hề nói tự. Nếu chỗ đối trị kia có, hay chỗ đối trị tự có, thì sẽ nói tự chẳng dung ở thể. Lại nữa và muốn hiển thị một pháp giới thể bình đẳng, bình đẳng chẳng có cái gì riêng tư, vô lượng tánh đức tự nhiên, có, không, được nơi tha lực kia. Lại nữa tùy theo đó mà an lập, chẳng có nhất định vậy. Sao lại phải nói riêng về môn ? một tâm riêng biệt. Một, ba đại tổng làm một, mà giống nhau với mỗi hai Ma Ha Diễn. Ba nghĩa lớn hợp nhau, rồi gặp được hai Ma Ha Diễn. Nghĩa lớn ấy tên thông với ba loại. Rồi tổng lại một nghĩa; chẳng có ý nghĩa riêng, làm cho mở bày 16 pháp môn. Tốt, xấu, rộng, hẹp với tướng ấy là gì ?

Tụng rằng:

Bình đẳng bình đẳng một
Chẳng có không hay khác
Mỗi nhiếp hết các pháp
Cuối cùng chẳng tạp loạn.

Luận rằng: Năng nhập sở nhập 16 pháp môn, viên mãn, viên mãn, bình đẳng, bình đẳng, chu biến pháp giới, chẳng có sai biệt. Vì sao vậy ?

Vì mỗi mỗi nhiếp tất cả các pháp, cứu cánh rốt ráo. Cuối cùng chẳng hỗn tạp; cái gốc là chỗ ấy.

Đã nói về tổng biệt hai môn rồi. Tất cả chư Phật đã rõ biết rồi. Tất cả Bồ Tát đều lên pháp này đến được Như Lai địa. Nghĩa là thông đạt quy tắc bất động môn. Nghĩa là vi trần số quá khứ chư Phật, vi trần số hiện tại chư Phật. Vi trần số vị lai chư Phật, tất cả đều lên được 32 loại này, yên ổn ngồi trên chỗ sâu xa mà thẳng đến chỗ thanh tịnh vô thượng. Mười phương ba đời tất cả chư Bồ Tát lại cũng như thế. Ở trong đây Bồ Tát nói rằng thông thủ tam tụ tất cả chúng sanh. Vì sao thế ? Vì chẳng có chúng sanh nào mà chẳng đến được Như Lai địa vậy.

Thích Ma Ha Diễn Luận Hết quyển một

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN (Quyển thứ 2)

- Long Thọ Bồ Tát tạo
- Diêu Tần Tam Tạng Phiệt Đề Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.
- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, nhân lần nhập thất thứ 6, ngày 17 tháng 11 năm 2008.

Đã nói phần lập nghĩa rồi. Bây giờ nói đến phần giải thích. Trong phần giải thích về pháp môn này, tên gọi có bao nhiêu và tương ấy như thế nào ?

Tụng rằng:

Chỉ có bốn loại pháp

Cùng với hai mươi chín môn

Lược chẳng giải thích vậy

Chín luận đã nói rồi.

Luận rằng: Trong phần giải thích chỉ giải thích 4 pháp. Còn các môn khác lược nói, chẳng giải thích riêng lẻ. Vì sao gọi là 4 ? Một là thể Ma Ha Diễn. Hai là tam tự Ma Ha Diễn. Ba là chơn như môn. Bốn là sanh diệt môn. Vì sao những pháp khác chỉ nói qua mà chẳng giải thích ? Vì ở nhưt tâm biến mãn cứu luận đã giải thích rồi vậy. Cho nên trong nhưt tâm biến mãn luận chỉ giải thích về 4 pháp thôi. Còn những pháp môn khác chỉ lược qua chứ không giải thích. Vì sao gọi là 4 ? Một là nhưt thể nhưt tâm Ma Ha Diễn. Hai là tam tự nhưt tâm Ma Ha Diễn. Ba là nhưt thể nhưt tâm môn. Bốn là tam tự nhưt tâm môn. Trong luận dung tục quy chơn chỉ giải thích 4 pháp. Còn các pháp khác chỉ lược qua, không giải thích riêng. Sao gọi là 4 ?

Một là vô lượng vô biên các pháp sai biệt, chẳng tăng chẳng giảm, thể đại Ma Ha Diễn.

Hai là tịch tịnh chẳng tạp, một vị bình đẳng, chẳng tăng chẳng giảm thể đại Ma Ha Diễn.

Ba là các pháp sai biệt, bất tăng bất giảm, thể đại môn.

Bốn là một vị bình đẳng, chẳng tăng chẳng giảm, thể đại môn.

Trong luận về pháp giới tạng chỉ giải thích 4 pháp và các môn khác cũng lược nói, chẳng giải thích riêng lẻ. Thế nào là 4 ?

Một là Như Lai Tạng công đức, tướng Đại Ma Ha Diễn.

Hai là đầy đủ tánh công đức, tướng Đại Ma Ha Diễn.

Ba là Như Lai Tạng công đức, tướng Đại Môn.

Bốn là đầy đủ tánh công đức, tướng Đại Môn.

Trong bí mật vi diệu luận chỉ giải thích 4 pháp. Còn các pháp khác thì lược nói, chẳng giải thích riêng. Thế nào là 4 ?

Một là hay sanh tất cả thể gian nhơn quả, dụng Đại Ma Ha Diễn.

Hai là hay sanh tất cả xuất thể gian thiện nhơn quả, dụng Đại Ma Ha Diễn.

Ba là Thể gian nhơn quả, dụng Đại Môn.

Bốn là xuất thể gian thiện nhơn quả, dụng Đại Môn.

Ở trong luận Chúng Lệnh Hợp Nhưt chỉ giải thích 4 pháp. Còn các pháp môn khác chỉ lược nói, chẳng phân biệt giải thích riêng. Sao gọi là 4 ?

Một là vô lượng vô biên các pháp sai biệt, chẳng tăng chẳng giảm Ma Ha Diễn.

Hai là tịch tịnh chẳng tạp, một vị bình đẳng, chẳng tăng chẳng giảm Ma Ha Diễn.

Ba là các pháp sai biệt chẳng tăng chẳng giảm môn.

Bốn là một vị bình đẳng, chẳng tăng chẳng giảm môn.

Trong luận Chơn Như Tam Muội chỉ giải thích 4 pháp. Còn những pháp môn khác chỉ lược nói, chẳng giải thích riêng biệt. Sao gọi là 4 ?

Một là Như Lai tạng công đức Ma Ha Diễn.

Hai là đầy đủ tánh công đức Ma Ha Diễn.

Ba là Như Lai tạng công đức môn.

Bốn là đầy đủ tánh công đức môn.

Trong luận Tân Tánh Thanh Tịnh chỉ giải thích 4 pháp. Ngoài ra các môn khác chỉ lược nói, chẳng phân biệt giải thích. Sao gọi là 4 ?

Một là hay sanh tất cả thế gian nhơn quả Ma Ha Diễn.

Hai là hay sanh tất cả xuất thế gian thiện chơn quả Ma Ha Diễn.

Ba là thế gian nhơn quả môn.

Bốn là xuất thế gian thiện nhơn quả môn.

Trong luận Bất Động Bản Nguyên thậm thâm huyền lý nhị chủng chỉ giải thích một pháp. Còn những pháp môn khác lược nói, chẳng giải thích riêng biệt. Sao gọi là một ?

Đó là bất nhị Ma Ha Diễn Pháp.

Nói rộng nói lược mỗi mỗi sai biệt vậy. Vì sao mà các luận kiến lập các môn lấy số gốc làm chính ? Trong các môn nói rộng ra thì mỗi pháp môn đều có chỗ thiếu sót. Do muốn hiển thị pháp thể, chẳng phân nghĩa môn có sai biệt. Lại nữa vì muốn làm cho những người học hay tăng trưởng sự suy nghĩ vậy. Lại nữa vì muốn làm cho khai thị giáo lý sâu xa huyền diệu mà sanh ra tâm tán thán tôn trọng vậy. Lại nữa vì muốn hiển thị pháp môn rộng như hư không giới, nghĩa lý vô cùng như Trùng Thần Hải nên nói chẳng thể đàm luận, suy nghĩ chẳng thể rõ biết số lượng này.

Ở đây đã nói về bốn số. Bây giờ sẽ nói về sự giải thích riêng.

Viết rằng: Giải thích có 3 loại. Thế nào là ba ?

Một là hiển thị chánh nghĩa. Hai là đối trị tà chấp. Ba là phân biệt phát thú đạo tướng.

Luận rằng: Như thế 3 môn giải thích 4 pháp, đại môn số lượng.

Viết rằng: Hiển thị chánh nghĩa, nương vào nhưt tâm pháp có 2 loại môn. Thế nào là hai ?

Một là tâm chơn như môn.

Hai là tâm sanh diệt môn.

Đây là hai loại môn mà tất cả mỗi mỗi đều tổng nhiếp tất cả pháp. Nghĩa này như thế nào? Lấy đây hai môn, chẳng lìa tướng vậy.

Luận rằng: Tức thị phần nói lược, trong đây có 3 môn. Thế nào là ba ?

Một là kiến lập 4 loại pháp tướng môn.

Hai là pháp môn cai nhiếp viên mãn môn.

Ba là phát khởi vấn đáp hiển nhơn môn, nương vào nhưt tâm pháp có 2 loại môn. Thế nào là hai ?

Một là tâm chơn như môn.

Hai là tâm sanh diệt môn. Nghĩa là kiến lập 4 loại pháp tướng môn. Hai pháp hai môn, tiếng gọi riêng biệt. Số lượng là bao nhiêu và tướng này là gì ?

Tụng rằng:

Mỗi có mười loại tên.

Khế kinh nói khác đi

Mà chẳng có thể riêng

Tùy đó lập tên khác.

Luận rằng: Hai pháp hai môn mỗi mỗi có 10 tên gọi. Trong các khế kinh nói rất rõ ràng; mà pháp này thể của nó chẳng có sai biệt. Tùy theo công năng đó mà lập nên tên này vậy. Hai loại bốn pháp và 10 tên gọi ấy là gì ?

Tụng rằng:

Tỳ Na Ha Kiên Na

Ma Ha Cưu Thi Đề

Ma Thi Đà Na La

Ma Ca La Cưu Xá

Tất Tất Y Ni La

Bà Già Bà Cu Xá
Tất Đạt Ma Biến Na
Hoặc tên Ma Ha Diễn
Sa Già Xoa La Bà
Tất A Tác Ma Lợi
Như Thế mười tên gọi.
Thông hai loại bốn pháp.

Luận rằng: Hai loại bốn pháp, mỗi mỗi có 10 tên. Tên thông nghĩa biệt. Thế nào là 10 ? Một là tên Quảng Đại Thần Vương. Trong này lại có hai. Những gì là hai ? Một là Cựu Na Già Thần Vương. Hai là Khứ Tỳ Khư La Thần Vương. Vị Thần Vương thứ nhất trụ ở Kim Cang Sơn, một hướng xuất sanh, kiết tường thần chúng.

Vị Thần Vương thứ hai trụ trong biển lớn. Biển thông xuất sanh tất cả các loại kiết tường thần chúng, qua hoạn thần chúng. Hai loại bốn pháp, quảng đại Thần Vương lại cũng như thế. Một thể bốn pháp, một hướng xuất sanh chơn như tịnh pháp.

Ba là tự bốn pháp, biến thông xuất sanh tất cả các loại tịnh bạch phẩm pháp, nhiễm ô phẩm pháp vậy. Tự thể ở trong khế kinh nói như thế này. Văn Thù Sư Lợi ở trước Phật thưa rằng:

“Thế Tôn! Thâm thâm vi diệu, hai loại Đại Thừa, chẳng rõ chẳng biết giống hay khác là điều nghi ngờ nhiều ở tâm của chúng con. Như vậy xin Thế Tôn vì chúng con mà giải bày”.

Phật ngồi đoan nghiêm rồi bảo Văn Thù:

“Này Thiện Nam Tử! Như thế hai pháp, giống như Kim Cương Thần Vương và Chủ Hải Thần Vương, tướng này mỗi mỗi sai biệt. Nghĩa là như Kim Cang Thần Vương thì trụ ở Kim Cang Sơn, thấy các cảnh giới, chỉ hiện ra ánh sáng vàng, chẳng hiện ánh sáng khác. Chơn Như như tâm Thần Vương lại cũng như thế. Duy chỉ có tịnh pháp, không có các pháp khác. Lại nữa như Kim Cang Thần Vương chỉ xuất sanh thanh tịnh quyền thuộc, sẽ chẳng cho ra tạp loạn quyền thuộc. Chơn Như như tâm lại cũng như thế, duy chỉ cho ra vô cấu thanh tịnh pháp. Lại nữa giống như chủ Hải Thần Vương trụ ở trong biển lớn, cho ra đủ loại thô ác quyền thuộc, đủ loại thiện diệu quyền thuộc. Sanh diệt như tâm, chủ Hải Thần Vương cũng lại như thế. Cho ra tất cả những pháp dơ sạch.

Thứ hai gọi là Đại Hư Không Vương. Trong này lại có hai. Thế nào là hai ? Một là Không Tự Tại Không Vương. Hai là Sắc Tự Tại Không Vương. Đệ Nhứt Không Vương, lấy không dung thọ, mà làm tự tại. Đệ Nhị Không Vương lấy sắc dung thọ mà làm tự tại. Hai loại Bốn Pháp lại cũng như thế. Nhứt Thể Không Vương lấy Vô Trụ Xứ mà làm tự tại. Tam Tự Tại Vương lấy hữu trụ xứ mà làm tự tại. Trong Kim Cang Tam Muội Khế Kinh nói như thế này: Nhứt tâm như pháp lý, tự thể không vô. Như Hư Không Vương kia, chính chẳng có trụ xứ. Trong Nhứt Địa Khế Kinh cũng nói như thế. Nhứt tâm pháp thể ở trong các chương ngại mà chẳng có chương ngại, làm cho ở lại nơi các pháp. Giống như Không Vương ở nơi tất cả sắc mà được tự tại vậy, dung thọ những loại lớn.

Ba là Xuất Sanh Long Vương. Ở trong này có hai. Những gì là hai ? Một là xuất sanh Quang Minh Long Vương. Hai là xuất sanh Phong Thủy Long Vương. Đệ nhứt Long Vương lấy tịnh quang minh mà nương nhờ vào đó. Đệ nhị Long Vương lấy cái đức của gió, nước mà nương nhờ. Hai loại bốn pháp xuất sanh Long Vương cũng vậy. Một thể bốn pháp lấy pháp thuần sạch mà làm thể này. Ba tự bốn pháp lấy pháp sạch dơ mà làm đức này vậy.

Ở trong Thuận Lý Khế Kinh có nói như thế này: Nhứt tâm bốn pháp thuần như chẳng tạp. Giống như Quang Minh Long Vương dùng Tịnh Quang Minh để làm cung điện vậy, dùng tịnh quang minh mà làm tướng của thân, dùng tịnh quang minh mà làm đồ chúng.

Trong Vô Thi Khế Kinh cũng nói như vậy. Giống như trong biển lớn có một Đại Long Vương tên là Xuất Sanh Phong Thủy. Từ đánh đầu cho ra trùng thủy (nước gạn sạch). Từ nơi sau đuôi cho ra cột khói. Do từ Long Vương này mà nên nước biển lớn. Gió thường hay liên

tục không dừng nghỉ; nên Nhứt Tâm Long Vương lại cũng như thế. Hay sanh tất cả sai biệt bình đẳng các loại pháp, thường hay liên tục, không có đoạn tuyệt.

Bốn gọi tên là Như Ý Châu Tạng. Trong này có hai. Những gì là hai ?

Một là Kim Cương Như Ý. Hai là Mãn Vương Như Ý. Đệ nhứt Như Ý chỉ phóng ra Kim Cang. Đệ nhị Như Ý cho ra đầy đủ vật thiện và bất thiện. Hai loại bốn pháp lại cũng như vậy. Nhứt thể Như Ý chỉ sanh tịnh pháp. Tam Tự Như Ý thông sanh nhiễm tịnh pháp. Như trong khế kinh cũng nói như vậy.

Phật bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát rằng: Này Phật Tử! Giống như Kim Sứy Điều Vương chết đi, sau đó tâm này nhập vào biển làm Như Ý châu, hay sanh Kim Sa lợi ích Long Vương. Nhứt tâm bốn pháp lại cũng như thế. Hay sanh chơn lý, lợi ích viên mãn. Cho nên trong Bốn Tánh Trí Kinh cũng nói như thế. Giống như Già Đa Lợi quý, vì báo ân mà ở một vạn kiếp làm Như Ý châu, lợi ích cho đời sống trong biển. Nhứt Tâm Như Ý lại cũng như vậy, hay sanh tướng sanh tử và pháp Niết Bàn.

Thứ năm có tên là Phương Đẳng. Ở trong đây lại có hai. Thế nào là hai ? Một là Bạch Hào Phương Đẳng. Hai là loạn sắc phương đẳng. Trong đệ nhứt phương đẳng chỉ hiện trước thiên tượng. Trong đệ nhị phương đẳng thường hiện ra ngũ thứ. Như thể nhị hào chúng sanh phân thân. Hiểu rõ phân minh, giống như tấm kính sáng trong. Hai loại bốn pháp lại cũng như vậy.

Trong Nhiếp Vô Lượng Khế Kinh cũng nói như thế. Thanh tịnh pháp giới như bạch tất Tát Y Ni La. Vô tận pháp giới như Loạn Tất Tát Y Ni La.

Thứ sáu gọi là Như Lai Tạng. Trong đây lại có hai. Thế nào là hai ? Một là Viên Chuyển Viên Phục Như Lai Tạng. Hai là cùng hành cùng tướng Như Lai Tạng. Trong Thật Tế Khế Kinh cũng nói như thế. Này Phật Tử! Như Lai Tạng duy chỉ có bậc giác ngộ. Duy chỉ có bậc như như, lìa cái nhơn lưu chuyển, lìa nơi trí bị trói buộc mỗi mỗi trắng trong. Cho nên gọi tên là Như Lai Tạng. Trong kinh Lăng Già cũng nói như thế. Như Lai Tạng là cái nhơn thiện, bất thiện, thọ khổ vui, cùng với cái nhơn đầy đủ của sanh, của diệt, giống như cánh tay của đứa bé.

Thứ bảy là Nhứt Pháp Giới. Trong đây lại có hai. Thế nào là hai ? Một là thuần bạch nhứt pháp giới. Hai là vô tận nhứt pháp giới. Đệ nhứt pháp giới như lúc kiếp không. Đệ nhị pháp giới như trụ ở kiếp có thời gian. Trong Chơn Pháp Giới Khế Kinh cũng nói như thế. Loại không ấy vô ngại như không dài thời gian. Loại biên vô ngại như có thời gian dài.

Tám là Ma Ha Diễn Nghĩa như trước đã nói.

Chín là Trung Thật. Trong này lại có hai. Những gì là hai ? Một là Đẳng Trụ Trung Thật; hai là Biệt trụ trung thật. Đệ nhứt trung thật như viên minh châu ở một mình. Đệ nhị trung thật như thuần minh châu. Ở trong Minh Trung Thật Khế Kinh cũng nói như thế. Lìa khỏi chơn tâm nếu chơn như nung vào như hạt châu giống hay khác nhau; hay sanh diệt nung vào nơi hạt châu giống hay khác vậy.

Mười là Nhứt Tâm. Trong đây lại có hai. Thế nào là hai ? Một là thị nhứt thị, nhứt nhứt tâm. Hai là thị nhứt thiết, thị nhứt thiết tâm. Đệ nhứt nhứt tâm tùy chỗ tạo tác mà lập nên tên. Đệ nhị nhứt tâm tùy chỗ hay tạo mà lập nên tên. Trong Nhứt Tâm Pháp Khế Kinh cũng nói như vậy.

Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Bốn Địa Tu Đa La (Kinh) tác như thị xướng. Tâm này thể tánh chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng pháp, chẳng phi pháp, chẳng giống, chẳng khác, chẳng một, chẳng tất cả. Do nhân duyên gì vậy ? Ngày nay tự nói chơn

như nhứt tâm, nhưn một rồi một; sanh diệt nhưt tâm, nhưn nhiều rồi một. Chẳng phải Thế Tôn không có trước sau, đúng sai hay sao ?

Phật bảo: Thiện Nam Tử! Hãy đừng nói như thế. Vì sao vậy ? Vì tâm pháp không có một. Nhưn tạo ra một là chỗ giả danh làm một. Tâm pháp chẳng phải tất cả. Nhưn chỗ tạo tác tất cả; nên giả danh là tất cả. Mà nói nhưt tâm, chẳng nói tất cả tâm. Tùy hay tạo tâm, mà lập nên tên này vậy. Cho đến nói rộng ra. Có tên là mười. Như vậy 10 tên tổng nhiếp chư Phật tất cả pháp tạng căn bản danh tự.

Đã nói 2 pháp 10 loại tên riêng biệt. Bây giờ lần nói đến 2 môn và tên gọi sai biệt. Đúng là 10 tên và tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Bà già bà Cu Xá

Kiên Giá A Đa Na

Tất Bồ Đề Hấp Lê

Kiên Ha Kiên Bà Na

A Đà A Chỉ Ni

A Già Ta Thi Ya

Độ La Nặc Bồ Đề

Hán Hồ Kiên Na Địa

Ma Ha Phước Đà Nhưt

Bà A Xoa Ni La

Như thế mười tên gọi

Chơn như chẳng thế khác

Luận rằng: Tâm chơn như môn có 10 tên gọi. Những gì là 10 ?

Một là Như Lai Tạng môn, chẳng có tạp loạn vậy.

Hai là bất nhị bình đẳng môn, chẳng sai biệt vậy.

Ba là nhưt đạo thanh tịnh, chẳng khác gì cả.

Bốn là bất khởi bất động môn, lia những việc làm vậy.

Năm là vô đoạn vô phược môn, chẳng có gì chướng ngại cả.

Sáu là vô khứ vô lai môn, chẳng có trên dưới.

Bảy là vi xuất thế gian môn, chẳng có bốn tướng.

Tám là tịch diệt tịch tịnh môn, chẳng trở lại vậy.

Chín là đại tổng tướng môn, chẳng có tướng riêng vậy.

Mười là Chơn Như môn, chẳng hư ngụy vậy.

Đó là 10 tên gọi. Mười tên như vậy tổng nhiếp chư Phật tất cả pháp tạng bình đẳng nghĩa lý pháp môn danh tự. Sanh diệt 10 tên của tướng này là gì ?

Tụng rằng:

A Lê Ya Kiên Ma

Bà Già Bà Cu Xá

A Y Bà Na La

Kiên Ha Kiên Chỉ Ni

Kiên Già Kiên Thi Ya

Xoa Noa Phật Na La

La Nặc Bồ Đề Ni

Xà Phước Đa Niết Bàn

A Chỉ Già Na Thi

Đa Bạt Đa Kiên Xá

Như thế mười loại tên

Sanh diệt chẳng cùng gọi.

Luận rằng: Tâm sanh diệt môn có 10 loại. Thế nào là 10 ?
Một là Tạng Thức môn, nhiếp giữ tất cả nhiễm tịnh pháp.
Hai là Như Lai Tạng môn, che đậy Như Lai pháp thân thể.
Ba là Khởi Động môn, tương tục tạo nghiệp vậy.
Bốn là hữu đoạn hữu phược môn, có trị chướng vậy.
Năm là hữu khứ hữu lai môn, có trên dưới vậy.
Sáu là đa tướng phân vị môn, pháp sạch hơn nhiều như cát.
Bảy là thế gian môn, do 4 tướng chuyển đổi.
Tám là lưu chuyển hoàn diệt môn, đầy đủ sanh tử và Niết Bàn.
Chín là tướng đãi cụ thành môn, chẳng tự thành pháp vậy.
Mười là sanh diệt môn, biểu vô tướng vô thường.
Đây gọi là 10 tên. Mười tên như thế tổng nhiếp chư Phật, tất cả pháp tạng, các loại sai biệt pháp môn danh tự.

Đã nói qua nhị môn 10 loại tên gọi riêng biệt. Lần lượt nói về sự giống và khác nhau của tướng môn. Hai loại bốn pháp đồng dị sai biệt của tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Có 3 khác 2 giống
Mỗi nương môn cảnh khác
Mỗi mỗi biến giống nhau
Đồng tên khác nghĩa vậy.

Luận rằng: Hai loại bốn pháp có 3 dị 2 đồng. Những gì là 3 khác ? Một là y dị, mỗi mỗi có chỗ nương vào Ma Ha Diễn. Hai là môn dị, mỗi mỗi đều có thể nhập vào chỗ sai biệt. Ba là cảnh dị, mỗi mỗi duyên vào nơi chính mình để làm cảnh giới. Cho nên đây gọi là 3 dị.

Thế nào là 2 đồng ? Một là biến đồng, nghĩa là chu biến pháp giới so với lượng này. Hai là danh đồng, nghĩa là 10 loại danh tự thông qua hai pháp vậy. Đây gọi là hai đồng. Vì sao lại như thế ? Đồng danh khác nghĩa. Hai loại pháp môn đồng dị sai biệt tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Có 7 khác 1 giống
Người, pháp nương hành thể
Cảnh giới dị biệt vậy
Tên khác nghĩa khác vậy

Luận rằng: Đây là hai loại môn, có 7 khác và 1 giống. Thế nào là 7 khác ?

Một là nhơn chúng dị, trong chơn như môn có thanh tịnh giải thoát vậy. Trong sanh diệt môn đều gồm đủ 3 nơi của chúng sanh.

Hai là pháp môn dị. Trong chơn như môn chỉ có một hướng thanh bạch phẩm. Trong sanh diệt môn đều có tất cả nhiễm tịnh pháp.

Ba là sở y dị. Mỗi cái có chỗ nương vào Ma Ha Diễn.

Bốn là hành pháp dị. Trong chơn như môn như tâm như niệm sanh phược, chẳng sanh là việc làm này vậy. Trong sanh diệt môn lấy sanh diệt sanh, lấy diệt diệt diệt, lấy việc làm này vậy.

Năm là thể tướng dị, tâm chơn như môn cùng với việc làm căn bản này. Tâm sanh diệt môn cùng với căn bản riêng biệt này. Trong Lăng Già khế kinh nói như thế này: Tịnh diệt là tên của một tâm; như tâm là tên của Như Lai tạng.

Sáu là cảnh giới dị. Mỗi cái duyên vào tự chính mình làm cảnh giới.

Bảy là vị địa dị. Trong chơn như môn, tương tạc trụ vậy. Trong sanh diệt môn, đến, lui và trụ lại.

Đây là 7 dị. Thế nào là một giống ? Nghĩa là biến ra cho giống vậy. Vì sao lại như thế ? Vì khác tên khác nghĩa vậy. Nhị môn vị địa có bao nhiêu sự phân chia rõ ràng trong khế kinh ? Mỗi mỗi có bao nhiêu vị ?

Tụng rằng:
Lăng Già cùng khế kinh
Chơn như có một loại
Sanh diệt môn có hai
Chỉ loạn ở trên dưới

Luận rằng: Nhị môn vị địa, trong Lăng Già cùng khế kinh đã nói rõ ràng rồi. Nghĩa là trong Đại Bản Lăng Già Khế Kinh nói như thế này:

Hồi hướng tức tín tâm
Tín tâm tức Phật địa
Phật địa tức Phật địa
Thập địa tức phát tâm

Trong phần Lưu Lăng Già khế kinh nói như thế này:

Thập địa là Sơ địa
Sơ địa là Bát địa
Cửu địa là Thất địa
Thất địa là Bát địa
Nhị địa là Tam địa
Tứ địa là Ngũ địa
Tam địa là Lục địa
Tịch diệt có thứ lớp

Trong chơn tu khế kinh nói như thế này:

Có lúc mẹ một tuổi
Sanh con năm mươi tuổi
Con kia năm mươi tuổi
Hoài thai mẹ một tuổi
Sanh ra năm một tuổi
Đại trượng phu nam tử
Hoặc có như thế sao
Hoặc há chẳng có sao

Như vậy tất cả các kinh đều nương vào tâm. Chơn như môn tạo nên vị địa này. Đối với chơn như môn, duy chỉ có một hướng, tạp loạn trụ vị, chẳng có vị nào khác. Cho nên tụng rằng:

Trong các khế kinh lần lượt qua lại hướng đến các loại vị địa, nương vào sanh diệt môn, mà đề an vị, hay đề xem xét. Ở nơi sanh diệt môn có hai loại vị. Thế nào là hai ? Một là hướng thượng môn; hai là hướng hạ môn. Như thế cả hai môn sanh diệt quyết chọn cho mình rồi sẽ nói rõ. Tâm sanh diệt môn, chánh trí sở chứng tánh chơn như lý và nhiếp ở môn nào ? Nhiếp ở sanh diệt môn, chẳng phải chơn như môn, phân chia riêng biệt rõ ràng. Hai môn chơn như lại có những sai biệt gì ? Chơn như môn, lý lý tự lý vậy. Sanh diệt môn, lý trí tự lý vậy. Nhị môn vị địa lấy nghĩa gì để phân biệt mỗi lý này ? Lấy vô chướng, hữu chướng vậy. Đưa ra một tùy nghi để quán.

Đây đã nói qua sự kiến lập 4 loại pháp tướng môn. Đây là hai loại môn mà mỗi mỗi tổng nhiếp. Tất cả các pháp tức là pháp môn, lại nhiếp viên mãn môn. Nghĩa là chơn như môn nhiếp tất cả pháp. Chẳng có một pháp nào mà phi chơn như cả. Lấy sanh diệt môn nhiếp tất cả pháp. Chẳng có một pháp nào mà chẳng sanh diệt cả. Nên chơn như môn chẳng thể nhiếp sanh diệt môn, tất cả các pháp. Lại nữa sanh diệt môn, chẳng thể nhiếp chơn như môn tất cả

các pháp. Lại nữa sanh diệt môn chẳng thể nhiếp chơn như môn tất cả các pháp, mà nói tổng nhiếp tất cả pháp. Tổng nhiếp sanh diệt tất cả pháp. Tổng nhiếp chơn như tất cả pháp. Vì sao vậy ? Vì cả hai môn đều bình đẳng, mỗi mỗi riêng biệt vậy. Đã nói pháp môn hay nhiếp viên mãn môn rồi. Nghĩa này là gì ? Đây là hai môn chẳng thể rời nhau vậy. Tức liền khởi lên sự hỏi đáp để làm rõ nguyên nhân của môn. Nghĩa là nương thẳng vào câu hỏi và nương thẳng vào lời đáp vậy.

Đã nói qua phần tóm lược. Bây giờ nói phần nghĩa rộng.

Nói rằng: Tâm chơn như tức là một pháp giới, đại tổng tướng pháp môn thể. Cho nên tâm tánh chẳng sanh chẳng diệt. Tất cả các pháp, chỉ nương vào vọng niệm mà có sai biệt. Nếu lìa tâm niệm, tức chẳng có tất cả tướng của cảnh giới. Cho nên tất cả pháp từ trước đến nay, lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự. Lìa tâm duyên tướng cứu cánh bình đẳng, chẳng có thay đổi, chẳng thể phá hoại. Chỉ có nhứt tâm gọi là chơn như, mà tất cả những lời nói đều là giả danh vô thật. Hay tùy theo vọng niệm, chẳng thể được vậy. Nói rằng chơn như lại chẳng có tướng. Cho nên lời nói ấy là tốt. Cái nhơn của lời nói còn để lại lời nói, mà thể của chơn như này thì không thể để lại cái gì cả. Tất cả các pháp đều là chơn, lại chẳng thể lập được. Dùng tất cả pháp đều đồng như vậy. Nên biết tất cả pháp, chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ. Nên gọi là chơn như.

Hỏi rằng: Nếu nghĩa này thì các chúng sanh là thể nào tùy thuận để được nhập vào ?

Đáp rằng: Nếu tất cả các pháp chỉ nói hữu vô, có thể nói và nói được. Chỉ nhớ nghĩ lại chẳng thể nhớ nghĩ, có thể nhớ nghĩ. Đây gọi là tùy thuận. Nếu lìa nói về nhớ nghĩ gọi tên là có thể nhập. Lại nữa chơn như có nghĩa là nương vào lời nói phân biệt có 2 loại nghĩa. Thế nào là hai ? Một là như thật không, dùng chỗ hay cứu cánh để hiển bày sự thật. Hai là như thật chẳng không, lấy có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu. Cho nên nói không là từ xưa đến nay. Tất cả các pháp chẳng tương ưng vậy. Nghĩa là lìa tất cả pháp có tướng sai biệt. Lấy chẳng có hư vọng mà nhớ nghĩ đến. Nên biết rằng đó là chơn như tự tánh. Chẳng có tướng, chẳng không tướng; Chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải chẳng không tướng. Chẳng phải có, không đầy đủ. Chẳng phải một tướng, chẳng phải tướng khác. Chẳng phải chẳng một tướng, chẳng phải không là tướng khác. Chẳng phải tướng khác một cho đến nói tổng quát. Nương vào tất cả chúng sanh mà có vọng tâm, niệm niệm phân biệt, tất cả đều chẳng giống nhau. Cho nên nói là không. Nếu lìa vọng tâm, thật không thể là không. Cho nên nói là chẳng không vậy. Ở đây đã nói rõ pháp thể không vô vọng rồi, tức là chơn tâm thường hằng bất biến; tịnh pháp đầy đủ. Nên có tên là chẳng không. Lại chẳng có tướng để chấp, hay lìa sự nhớ nghĩ cảnh giới, chỉ chứng tương ưng vậy.

Luận rằng: Đây nói rộng ra, trong này có 3 môn. Thế nào là 3 ? Một là căn bản thể tánh chơn như môn. Hai là phát khởi vấn đáp quyết nghi môn. Ba là giả thuyết khai tướng chơn như môn. Trong đệ nhứt môn lại có 3 môn. Những gì là 3 ? Một là kiến lập danh tự môn. Hai là chơn thuyên chơn thể môn. Ba là giải thích danh tự môn. Tâm chơn như tức là một pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Tức là kiến lập danh tự môn. Nghĩa là tùy theo công năng lập nên tên này. Nhứt tâm chơn như mỗi mỗi có 10. Vì sao phải lập thêm cách gọi này ? Vì chỗ làm vậy. Ở nơi những chúng sanh khác, tất chẳng phải như vậy; nên lược qua chẳng lập. Nghĩa này như thế nào ? Nghĩa là tâm này tạo nghiệp lớn, pháp tạo ra tổng nghiệp, giới tạo ra tướng nghiệp. Nên pháp ấy là môn. Môn tức là thể. Cho nên nói pháp môn thể. Có nhiều tướng khác nhau để phán đoán.

Ở đây nói về kiến lập danh tự môn rồi. Lần nói đến Trục Thuyên Chơn Thể Môn. Nghĩa là tâm tánh bất sanh bất diệt vậy. Chơn Thuyên Chơn Như Môn, đơn giản nói sanh diệt môn. Nghĩa là pháp chơn như ấy chẳng sanh chẳng diệt vô sanh vô diệt, chẳng trụ chẳng khác, không trụ không dị, chẳng như pháp sanh diệt; là sanh là diệt; có sanh có diệt; là trụ là khác; có trụ có khác. Lấy tướng có không làm sai biệt. Lại nữa chẳng nói là không. Không ở đây nghĩa là không; nên nói chẳng là vậy. Vì sao thế ? Pháp chơn như này trăm lần không không

không; ngàn lần cũng là chẳng có. Chẳng chẳng chẳng có. Ở đó không hai lại chẳng có trụ lại. Tất cả các pháp chỉ nương vào vọng niệm mà có sai biệt. Chỉ giả danh có kia, làm hiểu rõ cái không này. Nghĩa là giả sanh diệt môn nên giả có. Để chỉ chơn như môn về thật không ấy. Nếu lìa tâm niệm tức chẳng có tất cả tướng của cảnh giới. Nếu lìa các sự hiểu biết hí luận thì chẳng có tất cả cảnh giới vọng. Cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay lìa lời nói để nói về tướng, lìa danh tự tướng, lìa tâm duyên tướng. Hiện thị thẳng pháp chơn như, lìa tuyệt các tướng. Nên nói là danh tự, tâm lượng mỗi mỗi có bao nhiêu số ? Tướng này như thế nào vậy ?

Tụng rằng:

Lời nói có năm loại

Danh tự có hai loại

Tâm lượng có mười loại

Khế Kinh có nói khác

Luận rằng: Nói rằng có 5. Vậy 5 ấy là những gì ? Một là Tướng ngôn thuyết. Hai là Mộng ngôn thuyết. Ba là Vọng Chấp ngôn thuyết. Bốn là Vô Thi ngôn thuyết. Năm là Như Nghĩa ngôn thuyết. Trong Lăng Già Khế Kinh nói như thế này. Nay Đại Huệ! Tướng ngôn thuyết nghĩa là chấp trước sắc và các tướng mà sanh ra. Nay Đại Huệ! Mộng ngôn thuyết nghĩa là sự nhớ nghĩ gốc gác việc thọ dụng hư vọng cảnh giới. Nương vào cảnh giới mộng. Khi rõ biết rồi thì nương vào cảnh giới hư vọng, chẳng thật mà sanh. Nay Đại Huệ! Chấp trước ngôn thuyết nghĩa là, nhớ nghĩ chuyện nghe từ xưa về việc tạo nghiệp mà sanh. Nay Đại Huệ! Vô Thi ngôn thuyết nghĩa là từ vô thi đến nay cứ chấp trước hí luận, phiền não chủng tử, huân tập mà sanh. Trong Khế Kinh Kim Cang Tam Muội nói như thế này:

Xá Lợi Phất hỏi: Tất cả vạn pháp đều nói thành lời và tướng của lời ấy tức không, lấy đó làm nghĩa. Nếu là nghĩa như thật thì chẳng thể nói được. Bây giờ Như Lai thuyết pháp như thế nào ?

Phật bảo: Ta thuyết pháp là lấy chúng sanh các người đang sống thì nói là sanh. Nói chẳng thể nói. Cho nên là nói. Chỗ ta nói nghĩa là chẳng thành văn tự. Chúng sanh nói văn tự là chẳng hiểu nghĩa. Phi nghĩa ngữ nên tất cả đều là không không. Lời nói không không ấy là nghĩa của lời nói. Chẳng nói nghĩa tất cả đều là vọng ngữ. Như nghĩa ngữ thì thật không chẳng không, không thật chẳng thật, lìa nơi 2 tướng, trong ấy chẳng có gì. Trong pháp không ấy lìa nơi ba tướng, chẳng thấy xứ sở, như như lời nói. Như thế trong 5 loại trước nói 4 rồi. Hư vọng nên chẳng thể nói chơn. Sau nói một lời, nói như thật nên được nói là chơn lý. Mã Minh Bồ Tát đã nương cây y cứ vào 4 phía trước, nên nói như thế này; lìa ngôn thuyết tướng, tên có 2 loại. Thế nào là hai ? Một là tự tự danh; hai là tự ảnh danh. Theo trong Lăng Già khế kinh nói như thế này. Nay Đại Huệ! Lại nói về tên của thân. Đó là các chữ mà từ đó có tên khác nhau. Từ chữ A đến chữ Ha, gọi là danh thân. Trong Đạo Phẩm khế kinh nói như thế này: Trong tám kính nói là có ảnh. Còn tự thì có hai loại. Những gì là hai ? Một là y thanh tự. Hai là y không tự. Trong Lăng Già khế kinh nói như thế này. Nay Đại Huệ! Lại cũng gọi là tự thân. Nghĩa là tiếng dài âm ngắn, giọng cao thấp nên gọi là tự thân. Trong Đại Hải khế kinh nói như thế này. Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Như người trước đã hỏi về thế nào là Hư Không luân tự. Giống như trong hư không chim bay. Giống như gặp lúc đẹp trời thì 10 loại tiếng cùng hòa nhau. Hãy quán về hư không luân tự như thế. Như vậy trong hai đây mỗi mỗi có một loại trước, chẳng thể giải bày sâu xa chơn lý được. Mỗi một loại sau được giải bày chơn lý này vậy. Bây giờ căn cứ vào môn trước mà nói như thế này. Lìa tâm tự tướng, tâm lượng có 10. Thế nào là 10 ?

Một là tâm thức của mắt. Hai là tâm thức của tai. Ba là tâm thức của mũi. Bốn là tâm thức của lưỡi. Năm là tâm thức của thân. Sáu là tâm thức của ý. Bảy là tâm thức của Mạt Na. Tám là tâm thức của A Lợi Ya. Chín là tâm thức của Đa Nhứt. Mười là tâm thức của mỗi một.

Trong 10 tâm ấy, chín loại tâm đầu chẳng duyên vào chân lý. Tâm sau cùng được duyên vào chơn lý mà tạo ra cảnh giới. Bây giờ nương vào 9 loại phía trước mà nói như thế này: Lìa tâm duyên tướng. Trong Bồn Hữu khế kinh nói như thế này: Thậm thâm chơn thể chẳng ngoài

cảnh giới. Chỉ tự nương vào duyên mà làm cảnh giới vậy. Cứu cánh bình đẳng chẳng có thay đổi, chẳng thể phá hoại. Hiện thị tam ly công đức. Cho nên đây là tất cả những sai biệt lấy 4 loại vọng ngữ để mà nói, để làm căn bản mà chuyển. Tất cả ngoại đạo 9 loại biên luận 10 loại dị chấp. Duy chỉ lấy danh tự làm gốc mà chuyển. Tất cả những phiền não phá chướng; tất cả sở tri hoại chướng, chỉ lấy tâm pháp làm chỗ nương vào đó để chuyển, mà trong chơn thể, lia 3 tướng vậy, đầy đủ 3 đức của lỗ tai. Chỉ với tâm kiên cố, gọi tên là chơn như. Tổng kết thể chơn như, lấy tất cả những lời nói, giả danh chẳng thật, hay tùy theo vọng niệm, chẳng thể được vậy. Hiện thị tam ly làm nhân duyên. Cho nên tất cả những lời nói đều chẳng thật. Tất cả đều giả danh chẳng thật. Tất cả những tâm thức thường theo các vọng niệm, chẳng thể được; chẳng thể nói cái lý chơn thật. Cho thấy chỗ lia 3 tướng vậy. Tướng hư giả và pháp như thật, thật khác nhau lắm. Nói là chơn như lại chẳng có tướng.

Đệ nhị là lời nói lưu lại sự chấp trước sai trái. Nghĩa là gặp chúng sanh, tạo ra sự chấp này. Xa lia 3 tướng, đầy đủ 3 đức, thể chơn như lý. Tuy vô giả tướng mà có thật tướng. Tự nhiên thường trụ, quyết định có thật. Do sự tính toán như vậy nên hay rơi vào chỗ thường biên, chẳng thể ra khỏi. Cho nên nói là thấy như thế ấy. Nói là chơn như, lại chẳng có tướng. Nghĩa là nói lời nói ấy là cái nhọn để lại. Đúng là chơn như là cái nhọn của vô tướng. Nghĩa là những lời nói ở chỗ chơn như, liền chưa hiện ra được; cho nên phải không còn lời nói. Há được hữu tướng vô ngôn ? Do vậy được lời nói làm nhọn, rồi để lại lời nói mới xong. Ở nơi hay để lại lời nói như như như vậy. Ở chỗ để lại ấy có 4 loại lời nói hư vọng. Trong Đại Bản Duy Ma Cật khế kinh nói như thế này. Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát Ma Ha Tát nói Cưu Na A Phiệt Đà nhiều lời ! Tất cả chúng ta mỗi mỗi đều từ theo chỗ mình mà tự lấy làm vui. Tuyên nói 8.001 loại hướng đến bất nhị môn. Như thế thì Duy Ma Cật vì chúng ta và Đại Chúng, lia lời nói để nói, nói chẳng phải hai, chẳng hai. Trừ lời nói giả là hư cấu. Cho nên Duy Ma Cật yên lặng chẳng nói lời nào. Lúc ấy Văn Thù Sư Lợi tán thán Duy Ma Cật và nói rằng: Lành thay! Lành thay cư sĩ. Như lời nói ấy như như, lỗ tai nghe như vậy. Lành thay! Lành thay. Như vậy chơn thật, bất nhị pháp môn. Như vậy chơn thật, bất nhị pháp thể.

Đã nói xong phần giải thẳng Chơn Thể Môn. Bây giờ lần lượt giải thích về Danh Tự Môn. Chơn như thể này chẳng có thể để lại, dùng tất cả pháp, tất cả đều là chơn. Dùng chơn ấy để giải thích về tên gọi. Lại chẳng thể lập. Dùng tất cả pháp đều đồng với như vậy. Ước đoán như thế mà giải thích tên. Câu văn này muốn làm rõ nghĩa gì? Đó là việc hiện thị việc không có đoạn trừ của chướng trí. Nghĩa này là thế nào ? Nghĩa là đoạn đạo khởi, tức là cái nhọn để trị những chướng. Chẳng thể tự khởi, mà ở trong chơn thể chẳng có nhiễm pháp, mà có thể ngoại trừ được. Không có thể trị mà đoạn đạo. Vì sao vậy ? Lấy vô hữu mỗi mỗi pháp mà phi chơn thể vậy. Lại nữa nếu có chướng trí, tùy theo tâm cao thấp; nên có thể kiến lập tất cả địa vị, mà như trong thể ấy chẳng có phân vị, mà có thể kiến lập được. Chẳng có thể lập nên phương tiện. Vì sao vậy ? Lấy có không mỗi mỗi pháp mà phi như thể vậy. Nên biết rằng tất cả pháp chẳng thể nói, chẳng thể nhớ nghĩ; nên gọi tên là chơn như. Tổng kết việc ấy đã nói như bên trên.

Đã nói căn bản thể tánh chơn như môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về sự phát khởi vấn đáp quyết nghi môn vậy.

Hỏi rằng: Nếu như nghĩa này thì tất cả chúng sanh tùy thuận như thế nào mới có thể nhập được. Sanh nghi nên hỏi. Kẻ hỏi nương vào đâu mà phát ra câu ấy và nghi cái gì ? Cho nên phải nương vào chỗ không thể nói, câu chẳng thể nghĩ bàn, phát sanh sự khó tùy thuận nên nghi. Nương vào lời nói thứ hai chuyển đổi, phát sanh khó khăn nên chẳng thể vào được, nên nghi. Câu văn ở nơi tùy thuận, liền lấy nhọn này mà nghi. Câu vào được vào, liền nghi là quả. Tại sao vậy ? Vì đây là thiện xảo ngôn thuyết, sanh ra sự nghe biết lâu dài, tùy thuận phương tiện. Nghe ấy sẽ thành huệ, sanh trưởng tư huệ và tùy thuận phương tiện. Suy nghĩ thành huệ sanh trưởng tu huệ, tùy thuận phương tiện. Tất cả những lời dạy lành đã nói rõ ràng rồi. Tất cả tam huệ đều ở nơi niệm Pháp. Nếu chẳng dùng lời nói, tức chẳng có ba huệ. Nếu chẳng có 3 huệ, tức không có vạn hạnh, mà chơn như pháp chẳng thể nói; nên chẳng có lời

dạy nào cả. Chẳng thể nhớ nghĩ tức chẳng có tam huệ. Chẳng có tam huệ nên khó thành tựu 10 địa vạn hạnh.

Các chúng sanh lấy cái gì để dần dần tiến tu ? Nghi như vậy đó! Rồi hỏi rằng: Thế nào là tùy thuận ? Cái nguyên nhơn việc làm hay khởi lên thì cái quả đức cũng sẽ khởi lên. Nếu cái nhơn chẳng khởi, tức chẳng thể nhập. Nếu chẳng thể nhập, tức chẳng được chỗ nhập. Hay nhập nghĩa là Kim Cang tâm. Sở nhập nghĩa là Kim Cang địa. Mà cái này thì không có nguyên nhơn, vậy lấy gì để làm môn ? Chúng nhập nơi Như Lai Tát Bà như ở trong biển. Nghi như thế nên liền hỏi về chỗ có thể nhập. Như thế hai câu hỏi nương vào sanh diệt môn và nghi chơn như môn. Nghĩa là có chúng sanh tạo ra cái nghi như thế. Ví dụ như trong sanh diệt môn thì phải đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, giúp cho đầy đủ nhơn, hạnh và quả đức tròn đầy; trong chơn như môn lại cũng như thế. Há chẳng nói bỏ gia hạnh lành, chẳng thể nhớ nghĩ, bài bác ngũ đẳng vị. Nay nên thêm ý này phát ra nghi mà hỏi như thế !

Đáp rằng: Nếu như tất cả pháp tuy rằng nói rằng chẳng thể nói, chỉ có nhớ nghĩ lại cũng chẳng thể nhớ nghĩ; có thể nhớ nghĩ là tên gọi tùy thuận. Nếu lìa chỗ nhớ nghĩ tức có thể nhập. Như điều này lần lượt chắc chắn kia sẽ có 2 nghi. Cho nên việc tùy thuộc tự nó cũng có 2 loại. Thế nào là hai ? Một là sanh diệt tùy thuận. Hai là chơn như tùy thuận. Trong sanh diệt tùy thuận lại có 2 loại này. Những gì là hai ? Một là hướng thượng tùy thuận. Hai là hướng hạ tùy thuận. Hướng thượng tùy thuận nghĩa là từ niềm tin cho đến Kim Cang. Có thể vì quả Bồ Đề mà tùy thuận phương tiện. Hướng hạ tùy thuận nghĩa là từ tự tánh tịnh diệu tạng cho đến đệ nhứt niệm tín, hay vì Ya Ya địa mà tùy thuận phương tiện. Cho nên nói hướng thượng tùy thuận. Cái nhơn vô thường, nghe âm thanh, nói sanh trưởng vô thường là văn huệ. Cái nhơn vô thường văn huệ, sanh trưởng vô thường tư huệ. Cái nhơn vô thường tư huệ, sẽ sanh trưởng vô thường của tu huệ. Cái nhơn vô thường của tu huệ, sanh trưởng vô thường hạnh đức. Đây gọi là hướng thượng. Còn nói về chỗ hướng hạ tùy thuận nghĩa là cái nhơn là thường của hạnh đức sẽ sanh trưởng cái thường của tu huệ. Cái nhơn là thường của tu huệ sẽ sanh trưởng cái thường của tư huệ. Cái nhơn là thường của tư huệ sẽ sanh trưởng cái thường của văn huệ. Cái nhơn là thường của văn huệ sẽ sanh trưởng cái thường của lời nói. Đây gọi là hướng hạ. Như vậy 2 môn đồng thời đầy đủ có, không, trước, sau. Chương tri biệt tướng cho đến nơi văn xứ, tự sẽ nói rõ. Trong Chơn Như Môn có nói như thế này: Bất khả thuyết. Lấy vô hữu thường, vô thường của âm thanh mà nói. Chẳng thể nhớ nghĩ, lấy vô hữu thường, vô thường của 3 huệ. Chẳng không phải tự môn mà nói và nhớ nghĩ, nên nói rằng: Chẳng thể nói, chẳng thể nhớ nghĩ. Đây là nghĩa này vậy. Lại cũng chẳng thể dị môn, nan dị môn. Có cái này cho nên có cái kia. Cái kia có nên có cái này. Nếu nói vậy thì trong chơn như môn lời nói và sự nhớ nghĩ ấy cái tướng như thế nào ? Nghĩa là nó có lời nói. Âm thanh chẳng phải thường mà âm thanh cũng chẳng vô thường. Nghĩa là chẳng thể nói, có thể nói – như như như thuyết. Lại nữa có niệm, phi thường tam huệ, phi vô thường tam huệ. Nghĩa là chẳng thể nhớ nghĩ, có thể nhớ nghĩ, tịch diệt tịch tịnh nhớ nghĩ. Vì sao vậy ? Trong chơn như môn chẳng có vãng hướng (lui tới). Ở nơi tạp loạn. Vì sao lại có tên là chơn như tùy thuận ? Nghĩa là nếu rõ tất cả pháp để nói, chẳng có nói thường, chẳng có nói nói vô vô thường. Chẳng thể nói nói, chẳng thể nói nói. Đây có nghĩa là tùy thuận ở nơi chơn như âm thanh. Nếu so đây khác nhau thì tên này là điên đảo đối với chơn như âm thanh. Lại nữa nếu rõ tất cả pháp chỉ có sự nhớ nghĩ thì vô thường huệ niệm, vô vô thường huệ niệm. Chẳng thể niệm niệm, chẳng có thể niệm niệm. Đây gọi tên là tùy thuận đối với tịch diệt tịch tịnh niệm. Nếu việc này sai khác thì đây gọi là điên đảo đối với tịch diệt tịch tịnh niệm.

Đã nói qua về tướng tùy thuận rồi. Bây giờ đến quyết đặc nhập nghi. Ở trong đây có 2. Những gì là 2 ? Một là sanh diệt đặc nhập; hai là chơn như đặc nhập. Trong sanh diệt đặc nhập lại có 2 loại. Thế nào là hai ? Một là hướng thượng đặc nhập; hai là hướng hạ đặc nhập. Nói rằng hướng thượng đặc nhập nghĩa là Kim Cang Địa. Nói là hướng hạ đặc nhập tức là Ya Ya Địa, liền tùy thuận theo câu và quan sát kỹ. Chơn như đặc nhập tức là tự nương vào nơi mình, dùng cái gì để được vào ? Nghĩa là đây là tạp trụ. Làm sao có thể vào ? Nghĩa là lìa sự

nói năng nhớ nghĩ. Lìa những nói năng nhớ nghĩ gì ? Nghĩa là chơn như môn chẳng có lời nói và cũng chẳng có nhớ nghĩ. Cho nên nói rằng lìa nói năng nhớ nghĩ; nên gọi tên là đặc nhập. Điều thứ nhất là chuyển ngôn được thành tựu và điều thứ hai là chuyển nghi quyết đoạn lý đã rõ ràng.

Đã nói xong phát khởi vấn đáp quyết nghi môn. Bây giờ lần lượt nói về giả thuyết khai tướng chơn như môn. Trong này có nhị môn. Những gì là hai ? Một là như thật không chơn như môn và hai là như thật bất không chơn như môn. Như thật không nghĩa là như như thể, qua khỏi hằng sa tất cả các nhiễm pháp. Tất cả đều không không, không chỗ có vậy. Như thật bất không nghĩa là như như thể, qua khỏi hằng sa tất cả tịnh pháp. Tất cả đều đầy đủ, chẳng chỗ ít vậy. Như thế nhị môn tùy theo mỗi mỗi, đều chẳng thể xa lìa. Cho nên phải tụng rõ nghĩa này. Như lời tụng kia rằng:

Xa lìa ba giả tướng
Đầy đủ ba thật đức
Đây chính là nhơn duyên
Kiến lập thể chơn như
Xa rời tứ cú tướng
Đầy đủ bốn pháp đức
Đây chính là nhơn duyên
Kiến lập tướng chơn như
Tất cả việc sai trái
Ba bốn tướng làm gốc
Tất cả công đức phẩm
Ba bốn đức làm gốc
Do nhơn duyên này vậy
Chẳng tăng lại chẳng giảm
Dừng nơi phần số lượng
Làm như thế an lập

Nay đọc tụng lên bài này để rõ chơn như môn. Hãy lìa sự nhớ nghĩ đến cảnh giới, chỉ chứng tương ưng. Đây là loạn trụ, chứng phi vãng hướng chứng (không tới lui).

Đã nói về tâm chơn như rồi, bây giờ lần lượt nói về tâm sanh diệt môn.

Nói rằng: Tâm sanh diệt nghĩa là nương vào Như Lai Tạng mà có tâm sanh diệt. Cho nên chẳng sanh chẳng diệt cùng với sanh diệt hòa hợp. Phi nhưt phi dị, tên là A Lợi Gia Thức. Thức này lại có 2 nghĩa. Đó là hay nhiếp tất cả pháp và hay sanh tất cả pháp. Thế nào là hai? Một là giác nghĩa; hai là chẳng giác nghĩa.

Luận rằng: Trong này có hai môn. Thế nào là hai ? Một là chỗ nương tựa Tổng Tướng môn. Hai là có thể nương tựa biệt tướng môn. Trong đây lại có hai lần trụ tương ưng quan sát. Nghĩa là sanh diệt môn, nhưt tâm nương vào đó, sanh diệt môn nhiếp giác nghĩa chẳng giác nghĩa. Lợi Ya nương vào đó. Trước đó nói môn đầu, tâm sanh diệt vậy. Gọi là thượng vị. Nương vào Như Lai Tạng. Chỗ nương vào một tâm. Nhưt tâm của nhiều kia lại cũng có tên là Như Lai Tạng. Tức là thượng tâm tự, hạ lại kiến lập tên khác đi. Có tâm sanh diệt, hay nương vào pháp môn. Nghĩa là sanh diệt môn. Nay lại nương vào kinh Như Lai Tạng môn để phân minh hiển thị. Như Lai Tạng này có số lượng bao nhiêu? Như vậy Như Lai Tạng chỗ nhiếp là gì ?

Tụng rằng:
Như Lai Tạng có mười
Khế Kinh nói cách khác
Trong này Như Lai Tạng
Cùng hành cùng tướng nhiếp

Luận rằng: Như Lai Tạng có 10 loại. Ở trong Khế Kinh nói mỗi mỗi riêng khác. Những gì là 10 ?

Một là Đại tổng trì Như Lai Tạng. Tận nhiếp hết tất cả Như Lai Tạng. Trong Khế Kinh Chư Phật Vô Tận Tạng nói như thế này: Phật bảo Ngài Văn Thù! Có Như Lai Tạng tên gọi là Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên Mãn Đà La Ni, nhiếp hết các tạng, chẳng có chỗ nào chẳng thông, không có chỗ nào chẳng bằng. Viên mãn viên mãn, bình đẳng bình đẳng. Tất cả chỗ có Như Lai Tạng. Chẳng có điều này, chẳng lấy làm căn bản. Vì sao mà là Như Lai Tạng này ? Như Lai Tạng Vương, Như Lai Tạng Chủ, Như Lai Tạng Thiên, Như Lai Tạng Địa. Đây là nghĩa này vậy. Lại có tên là Đại Bảo Vô Tận Thù Thắng Viên Mãn Đà La Ni Tạng. Trong kinh này câu văn muốn làm sáng rõ nghĩa gì? Nghĩa là muốn hiển thị Đà La Ni Tạng Sở Y Tổng Tướng. Ngoài Khế Kinh ra các Như Lai Tạng hay nương vào biệt tướng. Như vậy thì cái nghĩa gì gọi là Như Lai Tạng? Nghĩa là nhiếp trì vậy.

Hai là Viên chuyển viên phục Như Lai Tạng. Một thanh một mãn vậy. Trong Thật Tế Khế Kinh nói như thế này. Phật Tử! Như Lai Tạng nghĩa là chỉ có người giác ngộ, chỉ có như như, lìa khỏi sự lưu chuyển. Cái nhờn lìa sự lo nghĩ, biết rõ sự trói buộc, mỗi mỗi rõ ràng. Vì đó cho nên gọi là Như Lai Tạng. Trong kinh này câu văn muốn nói rõ cái gì ? Ở đây muốn hiển thị rõ ràng Chơn Như Môn như tâm. Chẳng có cái nhờn của hoặc, cũng không có cái nhờn của giác ngộ. Chẳng có hoặc quả, chẳng có giác quả. Như tâm như tâm chỉ có tịnh diệu, Như Lai thể vậy. Nhưng sao gọi nghĩa ấy là Như Lai Tạng? Nghĩa là không có tạp vậy.

Ba là Dữ hành dữ tướng Như Lai Tạng. Cùng với lực lưu chuyển, pháp thân Như Lai làm cho che đậy vậy. Trong Lăng Già Khế Kinh nói như thế này. Như Lai Tạng nghĩa là: Làm thiện, chẳng thiện. Cái nhờn là thọ, khổ, lạc. Cùng với cái nhờn đầy đủ hoặc sanh, hoặc diệt. Giống như tay chân của đứa bé. Kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì ? Ở đây muốn chỉ rõ sanh diệt môn như tâm. Đối với hoặc cùng lực, đối với giác cùng lực. Xuất hiện pháp sanh tử Niết Bàn. Giống như chẳng phải huyền, huyền người, đối với các việc huyền. Tùy ở nơi đây mà dùng đến sức mạnh. Ở đây với nghĩa gì mà gọi là Như Lai Tạng ? Nghĩa là làm cho che mất vậy.

Bốn là Chơn như chơn như Như Lai Tạng. Duy chỉ có như. Trong khế kinh Chơn Tu nói như thế này. Như lý như lý Như Lai Tạng; chẳng tạo nên, chẳng phi báng, chẳng thường, chẳng vô thường, chẳng chánh thể trí mà chứng đắc được. Lại cũng phi ý, ý thức để duyên vào nơi cảnh giới. Vì sao vậy ? Chỉ có lý lý, chẳng phải kia kia. Kinh này muốn nói rõ câu văn nghĩa gì ? Muốn làm hiển thị Chơn Như môn, trong đó tánh chơn như lý. Chỉ lý tự lý, chẳng phải trí, tự mình rõ lý. Nghĩa là gì mà gọi là Như Lai Tạng ? Nghĩa là Vô Tha vậy.

Năm là Sanh diệt chơn như Như Lai Tạng. Bất sanh bất diệt và bị nhiễm sự sanh diệt. Trong Lăng Già khế kinh nói như thế này: Này Đại Huệ! Kẻ ngu si phạm phu chẳng rõ chẳng biết, chấp trước các pháp, sát na chẳng giữ lại. Rơi vào tà kiến mà nói rằng: Pháp vô lậu lại cũng chẳng trụ ở trong sát na. Phá bỏ chơn như kia là Như Lai Tạng. Lại nữa này Đại Huệ! Kim Cang Như Lai Tạng Như Lai chứng pháp, chẳng có sát na nào mà chẳng trụ. Này Đại Huệ! Như Lai chứng pháp ở sát na chẳng trụ này vậy. Tất cả Thánh Nhơn chẳng thành thánh nhờn. Trong kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì? Đó là hiển thị sanh diệt môn trung, tánh chơn như lý. Xa rời tướng vô thường, là pháp bất sanh bất diệt vậy. Nghĩa gì gọi là Như Lai Tạng ? Nghĩa bị nhiễm ô vậy.

Sáu là Không Như Lai Tạng. Tất cả các không, che đậy Như Lai Tạng. Trong Thắng Phát khế kinh nói như thế này: Thế Tôn! Không Như Lai Tạng là lìa, là thoát, là khác với tất cả phiền não tạng. Trong kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì ? Ở đây muốn hiển thị sanh diệt môn trung, tất cả các nhiễm pháp. Ẩn nấp che đậy tự tướng, bản giác vô lượng tánh công

đức. Với nghĩa gì mà tất cả nhiệm pháp gọi là không ? Đó là tất cả các pháp huyền hóa sai biệt. Thể tướng vô thật, tác dụng phi chơn; nên tên gọi là không. Mà hay che đây pháp thân Như Lai, thật đức chơn thể. Cho nên gọi tên là Như Lai Tạng. Từ nơi tạng nhiệm, lập nên tên này.

Bảy là Bất không Như Lai Tạng. Tất cả chẳng không, bị không nhiệm vậy. Trong Thắng Phát khế kinh nói như thế này: Thế Tôn! Bất Không Như Lai Tạng là qua khỏi hằng sa chẳng lìa, chẳng thoát, chẳng khác, bất tư nghi Phật Pháp. Trong kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì ? Đó là muốn hiển thị sanh diệt môn trung, tự tướng bốn giác. Thêm hơn cả hằng sa, tất cả công đức, bị hơn hằng hà tất cả nhiệm pháp mà sở nhiệm. Với ý nghĩa gì mà tất cả tịnh pháp, có tên chung là bất không ? Có nghĩa là tất cả tịnh pháp trong tự thể, thật tác dụng thắng diệu, xa lìa hư giả, siêu việt xảo nguy. Cho nên có tên là bất không. Bị nhiệm ô che đây; nên gọi tên là Như Lai Tạng. Lúc xuất hiện thì gọi là pháp thân. Lúc che đây thì gọi là Như Lai Tạng. Cho nên từ chỗ tàng chứa đó, liền lập tên này.

Tám là Năng nhiếp Như Lai Tạng. Trong Vô Minh Tạng, tự tánh tịnh tâm, hay nhiếp tất cả các công đức. Trong khế kinh bất tăng bất giảm nói như thế này: Như Lai Tạng bốn tế tương ưng thể và thanh tịnh pháp. Pháp này như thật, chẳng hư vọng, chẳng lìa, chẳng ra khỏi trí, thật là pháp bất tư nghi. Từ vô thi đến nay có sự thanh tịnh này tương ưng với pháp thể. Trong kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì ? Đó là hiển thị tất cả các chúng sanh tự tánh thanh tịnh tâm. Từ vô thi cho đến nay đầy đủ 3 trí, viên mãn 4 đức, chẳng có chỗ nào thiếu khuyết. Ở đây nghĩa gì mà gọi là Như Lai Tạng ? Do tâm điên đảo, chẳng rõ chẳng biết vậy. Từ đây có thể tịnh lập nên tên này.

Chín là Sở Nhiếp Như Lai Tạng. Tất cả nhiệm pháp, vô minh địa tạng, liền làm cho xa lìa, viên mãn giác ngộ, rồi làm chỗ nhiếp. Trong khế kinh bất tăng bất giảm nói như thế này: Như Lai Tạng gốc ấy chẳng có thể tương ưng. Cùng với sự trói buộc của phiền não, chẳng thanh tịnh pháp. Chỗ vi tế ấy lìa thoát, chẳng tương ưng. Phiền não cột chặt chẳng được pháp thanh tịnh. Duy chỉ có Như Lai với trí Bồ Đề làm chỗ hay đoạn được. Trong kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì ? Đó là muốn hiển thị thi giác mãn Phật (sự giác ngộ đầu tiên đã đầy đủ Phật), đoạn lìa tất cả chướng, đầy đủ tất cả trí, rõ biết những chướng bên ngoài, làm tối bên trong, tất cả nhiệm pháp, rõ biết chỗ nhiếp giữ lấy. Tại sao mà nghĩa là Như Lai Tạng ? Nghĩa là nhiếp trì vậy.

Mười là Ôn phú Như Lai Tạng. Pháp thân Như Lai bị phiền não che đây; nên gọi là phú ôn một tạng. Trong khế kinh bất tăng bất giảm nói như thế này: Như Lai Tạng ở thời vị lai bình đẳng hay cùng với pháp. Tức là các pháp căn bản, giúp tất cả pháp đầy đủ tất cả pháp. Trong pháp thế gian chẳng lìa chẳng thoát vậy. Trong kinh này câu văn muốn làm rõ nghĩa gì ? Đó là hiển thị đa nhứt tâm thể, cùng với pháp giới khắp trong 3 thời; đầy đủ viên mãn, nhiệm tịnh các pháp. Chẳng có chỗ nào chẳng thông, chẳng có chỗ nào chẳng đến. Lại nữa hiển thị ở tùy duyên môn, tự tánh thanh tịnh. Đến với pháp nhiệm ô, ẩn tàng trầm mặc, pháp thân Như Lai chưa xuất hiện. Đây gọi là 10. Như thế trong 10 ấy, làm thành Như Lai Tạng. Cùng với Hành cùng với Tướng đã nói qua về Như Lai Tạng môn rồi. Lần lượt nói đến A Lợi Gia Thức môn. Đây nghĩa là bất sanh bất diệt, cùng với sanh diệt hòa hợp, chẳng một chẳng khác; nên gọi là A Lợi Gia Thức vậy. Lược nói tên rõ rồi, mới lập nên tên đầy đủ. Tuy nghĩa đầy đủ mà nói chưa đầy đủ. Trong này nói chẳng sanh chẳng diệt cùng với sanh diệt. Mỗi mỗi pháp ấy phân biệt rõ ra là những gì ?

Tụng rằng:

Tổng nhiếp các vô vi

Tên là chẳng sanh diệt

Tổng nhiếp các hữu vi

Nên gọi tên sanh diệt

Luận rằng: Tổng nhiếp tất cả vô vi pháp; cho nên gọi là bất sanh bất diệt. Bất sanh bất diệt là tổng tướng của các pháp vô vi. Tổng nhiếp tất cả các pháp hữu vi. Cho nên gọi là sanh diệt. Sanh diệt là lời nói để nói về tổng tướng của ác pháp hữu vi. Như thế hữu vi vô vi hai pháp, mỗi mỗi có bao nhiêu số ? Tên gọi là gì ?

Tụng rằng:

Vô vi tuy vô lượng
Lược nói có 4 loại
Là chơn như bốn giác
Thị giác cùng hư không
Hữu vi tuy vô lượng
Lược nói có 5 loại
Nghĩa căn bản vô minh
Cùng với 4 tướng khác

Luận rằng:

Vô vi pháp có 4 loại. Thế nào là bốn ? Một là chơn như vô vi. Hai là bốn giác vô vi. Ba là thị giác vô vi. Bốn là hư không vô vi. Đây gọi tên là 4.

Hữu vi có 5 loại. Những gì là 5 ? Một là căn bản vô minh hữu vi. Hai là sanh tướng hữu vi. Ba là trụ tướng hữu vi. Bốn là dị tướng hữu vi. Năm là diệt tướng hữu vi. Đây gọi tên là 5. Mà 4 vô vi ấy có thể là gì? Có dụng là gì ?

Tụng rằng:

Nương mỗi có hai loại
Cho nên thông và biệt
Như thể dụng cũng thế
Tùy thích ứng quan sát.

Luận rằng: Chơn như vô vi có 2 chỗ sở y. Thế nào là hai ? Một là thông sở y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể. Hai là biệt sở y. Sanh diệt môn nội, tịch tịnh lý pháp lấy làm thể. Bốn giác vô vi có 2 chỗ sở y. Những gì là hai? Một là thông sở y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể vậy. Hai là biệt sở y. Sanh diệt môn nội, tự nhiên bốn trí lấy làm thể vậy. Thị giác vô vi có hai chỗ sở y. Những gì là hai ? Một là thông sở y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể vậy. Hai là biệt sở y. Sanh diệt môn nội, tùy kia khởi trí lấy làm thể vậy. Hư không vô vi có 2 chỗ sở y. Những gì là hai ? Một là thông sở y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể vậy. Hai là biệt sở y. Sanh diệt môn nội, không chỗ sở hữu lấy làm thể vậy. Đây có tên là 2 nơi nương tựa. Lại nữa chơn như vô vi có hai loại dụng. Những gì là hai ? Một là thông dụng. Tất cả các pháp làm cho ra khỏi sự sanh. Hai là biệt dụng, tánh bình đẳng làm cho chẳng mất vậy. Bốn giác vô vi có hai loại dụng. Những gì là hai? Một là thông dụng, chẳng giữ tự tánh. Hai là biệt dụng, chẳng chuyển biến vậy. Thế giác vô vi có hai loại dụng. Những gì là hai ? Một là thông dụng. Tùy theo vọng mà chuyển. Hai là biệt dụng, đối trị việc sai của chính mình. Hư không vô vi có hai loại dụng. Những gì là hai ? Một là thông dụng, muốn có làm cho có. Hai là biệt dụng, tánh hư không làm cho chẳng mất vậy. Đây có tên là hai dụng. Trong này nói thông có nghĩa là nghĩa kia, còn biệt nghĩa là tự nghĩa. Nương vào đây nói hai; để rộng quan sát. Nhiều loại tướng riêng cho đến văn xử, tự sẽ hiểu nói. Năm loại hữu vi lấy gì làm thể ? Có dụng gì chăng ?

Tụng rằng:

Y mỗi có hai loại
Đó là thông và biệt
Như thể dụng cũng vậy
Tùy giải nên quan sát

Luận rằng: Căn bản vô minh hữu vi có hai loại để nương vào. Những gì là hai ? Một là thông y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể. Hai là biệt y, sanh diệt môn nội, lực lớn giữ lại, lấy làm thể vậy. Sanh tướng hữu vi có hai loại nương vào. Những gì là hai ? Một là thông y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể vậy. Hai là biệt y. Sanh diệt môn nội, phân nhiệm pháp vi tế lấy làm thể. Trụ tướng hữu vi có hai loại nương vào. Những gì là hai ? Một là thông y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể vậy. Hai là biệt y. Sanh diệt môn nội, phân thô nhiệm pháp, lấy làm thể vậy. Di tướng hữu vi có hai loại nương vào. Những gì là hai ? Một là thông y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp lấy làm thể. Hai là biệt y. Sanh diệt môn nội, phân thô nhiệm pháp, lấy làm thể. Diệt tướng hữu vi có 2 loại nương vào. Những gì là hai? Một là thông y, phi hữu vi phi vô vi, nhứt tâm bốn pháp, lấy làm thể vậy. Hai là biệt y. Sanh diệt môn nội, phân thô nhiệm pháp lấy làm thể. Đây gọi là 2 chỗ nương tựa.

Lại nữa căn bản vô minh có 2 loại dụng. Những gì là hai ? Một là thông dụng, hay sanh tất cả các pháp nhiệm. Hai là biệt dụng, tùy nơi chỗ đến mà tạo ra chương ngại. Sanh tướng hữu vi có hai loại dụng. Những gì là hai ? Một là thông dụng, đối với giữa trên và dưới, cùng với lực này. Hai là biệt dụng, tùy chỗ nơi đến, tạo ra chương ngại. Như nói: Sanh, tướng, trụ, dị cũng lại như vậy. Diệt tướng hữu vi có hai loại dụng. Những gì là hai ? Một là thông dụng, đối với trên và tự mình cùng với lực này. Hai là biệt dụng, hay tạo ra chương ngại vậy. Đây gọi tên là hai dụng. Nhiều loại tướng khác cho đến văn xứ, tự sẽ hiển nói. Lấy nghĩa gì để nói như vậy ? Hữu vi vô vi tất cả các pháp, thông lấy nhứt tâm mà làm thể này. Trong khế kinh nói như vậy. Khế kinh nào như vậy ? Đó là Đạo Trí kinh. Nói như thế nào ? Trong kinh kia nói như thế này: Lúc bấy giờ Ngài Văn Thủ Sư Lợi bạch Phật rằng: Thế Tôn! A Lợi Gia Thức, đầy đủ tất cả pháp, gồm tất cả pháp, trải qua hằng hà, trải qua hằng hà, mà các pháp này lấy ai làm bản sanh nơi xứ nào ?

Phật bảo: Như thế! Hữu vi vô vi tất cả các pháp, sanh xứ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy ? Ở nơi phi hữu vi, phi vô vi xứ, pháp hữu vi này, pháp vô vi này mà hay sanh vậy.

Văn Thủ Sư Lợi bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Thế nào gọi là phi hữu vi, phi vô vi xứ ?

Phật bảo: Phi hữu vi phi vô vi xứ nghĩa là nhứt tâm bốn pháp, phi hữu vi nên có thể tạo ra hữu vi. Phi vô vi nên có thể tạo ra vô vi. Cho nên ta nói sanh xứ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa Thiện Nam Tử! Giống như người vợ lẽ có hai chỗ tựa. Một là Đại Vương, hai là cha mẹ. Hữu vi vô vi tất cả các pháp đều cũng như thế. Mỗi cái đều có hai chỗ nương. Nghĩa là thông đạt y và chi phần y. Lại nữa Thiện Nam Tử! Giống như tất cả cỏ cây có hai chỗ nương vào. Một là đất, hai là hạt giống. Hữu vi vô vi tất cả các pháp lại cũng như vậy. Mỗi cái đều có hai chỗ nương nghĩa là thông đạt y và chi phần y. Cho đến nói rộng ra cùng với sự hòa hợp. Nghĩa là mở bày, hay huân chỗ huân sai biệt ấy. Khai mở như thế nào ? Đó là hiển thị các pháp nhiệm tịnh. Có lực không lực, cùng có hơn thua. Bây giờ sẽ tạo ra hai môn để phân biệt hiển thuyết. Thế nào là hai ? Một là hạ chuyển môn. Hai là thượng chuyển môn. Trong sanh diệt môn, chẳng ra khỏi hai loại này. Như thế hai môn có gì khác nhau ?

Tụng rằng:

Các pháp nhiệm có lực

Các tịnh pháp không lực

Sau gốc dưới dưới chuyển

Gọi là Hạ chuyển môn

Các tịnh pháp có lực

Các nhiệm pháp không lực

Hướng lên thượng thượng chuyển

Gọi là Thượng chuyển môn

Luận rằng: Do nhiệm tịnh các pháp, mà có chỗ hơn thua. Hai loại chuyển môn được thành như vậy rồi nay sẽ nói trước về Sơ Hạ chuyển môn. Căn bản vô minh lấy những pháp gì mà làm chỗ huân tập và vào lúc nào thì làm việc huân tập ấy ?

Tụng rằng:
Chỗ Huân có 5 loại
Nghĩa là một pháp giới tâm
Và bốn loại vô vi
Chẳng đâu chẳng giữa sau
Đầu tiên, giữa và cuối
Như khế kinh nói rõ

Luận rằng: Căn bản vô minh lấy 5 loại pháp làm chỗ huân. Nghĩa là một pháp giới và 4 vô vi. Huân một pháp giới, tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Một loại pháp giới tâm
Có hai loại tự tại
Nghĩa hữu vi vô vi
Đó căn bản vô minh
Nương nơi sơ tự tại
Mà hay tạo việc huân

Luận rằng: Một pháp giới tâm có hai loại tự tại. Những gì là hai ? Một là hữu vi tự tại, có thể lấy hữu vi pháp mà tạo ra chỗ nương tựa. Hai là vô vi tự tại, có thể lấy vô vi pháp mà tạo ra chỗ nương tựa. Căn bản vô minh nương nơi sơ tự tại. Có thể tạo ra chỗ huân tập. Phi hậu tự tại, trong Thật Khế Kinh nói như vậy. Gốc của vô minh huân tự chỗ y phần tế lượng. Phi tha sở nương; nên huân pháp chơn như. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Chơn như vô vi pháp
Có hai loại tác dụng
Đó là thông và biệt
Như trước nói rõ ràng
Là căn bản vô minh
Nương nơi sơ tác dụng
Mà hay tạo huân sự
Ngoài vô vi cũng vậy

Luận rằng: Chơn như vô vi có hai loại dụng. Nghĩa là thông và biệt như trước đã nói. Căn bản vô minh nương nơi sơ tác dụng, có thể tạo ra huân sự. Phi hậu tác dụng. Như nói chơn như ngoài 3 vô vi cũng lại như vậy. Tất cả đều nương sơ dụng, phi hậu dụng vậy. Tạo huân sự thời lượng, chẳng phải đầu lại cũng chẳng phải giữa hay cuối, mà giữ cả đầu, giữa và cuối. Trong Bốn Trí Khế Kinh nói như vậy. Khi mà đại lực vô minh tạo ra huân sự thì đầu, và giữa, sau một thời đều giữ lấy, mà phi biệt thủ vậy. Ở trong đây nói là có thể huân chỗ huân lấy nghĩa gì mà nói là huân ? Nghĩa là có thể hướng dẫn pháp kia, mà hợp tự thể, chẳng hề cho mất, đều hành đều chuyển; nên gọi là hay huân. Lại nữa có thể pháp kia chẳng tạo ra chướng ngại; hoặc tùy hoặc thuận mà chẳng nghịch lại. Nên gọi là sở huân. Nghĩa là có 5 pháp hữu vi, có thể huân 4 loại vô vi pháp và một số pháp giới tâm. Chỗ huân 5 pháp tùy đến mà cùng với 5 có thể huân, cùng đến hòa hợp, cùng làm việc chuyển đổi; nên nói rằng chẳng sanh chẳng diệt cùng sanh diệt hòa hợp. Như đại vô minh hút tâm bốn pháp làm chỗ thông y vậy. Y sơ tự tại tạo ra việc huân tập. Bốn tướng hữu vi, nên như thế mà biết. Như Đại Vô Minh nương nơi 4 vô vi, thông đạt tác dụng, có thể tạo ra việc huân tập. Bốn tướng hữu vi nên như thế mà biết. Như vậy những nghĩa ấy tự làm rõ và lý này phân minh. Chẳng một mà cũng

chẳng khác vậy. Tức là khi thì hữu vi vô vi, đồng dị sai biệt vậy. Thế nào là khai thị ? Đó là hiển thị như pháp giới tâm vô vi tự tại, bốn loại vô vi biệt sự tác dụng cùng với một pháp giới tâm hữu vi tự tại, 4 loại vô vi thông đạt tác dụng, chẳng giống như lý vậy. Đây gọi là chẳng một, vì muốn hiển thị, thọ năng huân nhiễm pháp, như pháp giới tâm hữu vi tự tại, 4 loại vô vi thông đạt tác dụng, cùng có thể tạo sự huân tập 5 loại hữu vi chẳng khác với lý vậy. Đây tên là phi dị. Lại nữa chỗ huân tịnh pháp cũng có thể huân nhiễm pháp. Mỗi mỗi sai biệt; nên có tên là phi nhưt, có thể huân chỗ huân, đều một tâm tạo tác, chẳng có cái khác vậy nên gọi là chẳng khác. Đây có tên là A Lợi Gia Thức. Tổng hết đầy đủ.

Đã nói về Hạ Chuyển Môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về Thượng chuyển môn. Nếu muốn thành lập Thượng chuyển môn này nên cùng an trí lời trong kinh bốn. Đó là Lăng Già Vương khế kinh, trong đó nói như thế này. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đại chúng rằng:

Này các Phật Tử! Ta nhớ lại từ thuở xa xưa, khi mới ra khỏi, ta lại đến nương kia, khi vào đó, kia lại nương vào ta. Kinh này muốn nói rõ nghĩa gì ? Nghĩa là muốn hiển thị hai chuyển vậy. Thế nào là hiển thị ? Nghĩa là ở nơi ra khỏi đó ta đến nương với kia, tức là Hạ chuyển. Khi nhập vào trong thì kia đến nương với ta, tức là Thượng chuyển. Nghĩa này như thế nào ? Ta đây có nghĩa là chơn như bản giác Như Lai Tạng Phật vậy. Đến ở đây có nghĩa là thọ nhận sự huân tập. Y tha có nghĩa là tự bản giác của mình nương vào vô minh kia. Chữ y nơi kinh văn này đã giải thích rồi. Cho nên nói rằng bất sanh bất diệt cùng với sanh diệt hòa hợp. Đây chính là Hạ Chuyển Môn. Nếu muốn thành lập Thượng Chuyển Môn có thể nói sanh diệt cùng với bất sanh bất diệt hòa hợp. Lấy nghĩa này nên trong huyền lý luận tức còn tồn đọng lại ý tứ. Mã Minh Bồ Tát Bốn A Thế Gia ? Sự đến này sẽ lần lượt phân minh hiển thị. Đưa ra một với một ảnh thị đã qua. Cho nên chẳng có sai trái gì cả. Thượng Chuyển Môn nghĩa nơi đối trị, phân lý này ra tự rõ.

Đã nói về Thượng Chuyển Môn rồi. Thứ nói đến cai nhiếp an lập môn. Các thức sai biệt, số này có bao nhiêu ? Trong khế kinh nói những gì và mỗi thuyết có bao nhiêu thức ?

Tụng rằng:

Mâu Ni Đại Giác Tôn
Cả đời Thánh nói ấy
Tổng cả có 10 loại
Mỗi nói khác khế kinh
Nghĩa một loại làm đầu
Mười loại mà làm cuối
Quy bốn cùng khế kinh
Phân minh hiển nói vậy

Luận rằng: Phạm tập hợp một đời các Thánh nói trong khế kinh khác, tổng cộng có 10 loại. Nghĩa là từ một loại thức, cho đến 10 loại thức. Những gì là 10 loại kinh khác nhau ?

Một là lập một loại thức để nhiếp tất cả thức. Trong này có 4. Những gì là 4 ? Một là lập tất cả một tâm thức tổng nhiếp các thức. Cho nên lấy một tâm thức biến nơi hai loại tự tại chẳng chỗ bất an lập. Trong nhưt tâm pháp khế kinh nói như thế này.

Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi nương vào uy thần của Phật liền bạch Phật rằng: Thế Tôn nói có bao nhiêu thức ? Thế tướng như thế nào ? Xin nguyện vì con mà phân biệt khai thị.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Hay thay! Hay thay! Văn Thù Sư Lợi! Vì các Đại Chúng mà nay hỏi việc này. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì ngươi mà phân biệt giải nói. Thế rồi Ngài Văn Thù lại bạch Phật rằng: Lành thay Thế Tôn con nguyện vui nghe.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi rằng: Ta chỉ kiến lập một loại thức. Còn những thức khác thì không kiến lập. Vì sao vậy ? Vì một thức là nhiều một thức. Thức này có nhiều sức mạnh, hay

làm tất cả những loại danh tự, mà chỉ có một thức chứ cuối cùng chẳng có pháp khác. Cho nên ta nói kiến lập một chủng thức là vậy. Còn các thức khác thì không kiến lập.

Hai là lập A Lợi Gia Thức tổng nhiếp tất cả thức. Vì sao A Lợi Gia Thức đầy đủ chương ngại nghĩa, vô chương ngại nghĩa, không có chỗ chẳng nhiếp vậy. Trong A Lợi Gia Thức khế kinh nói như thế này.

Lúc bấy giờ Đức Quán Tự Tại Bồ Tát liền bạch Phật rằng: Thế Tôn! Thế nào là thông đạt tổng tướng thức ? Lấy nghĩa gì mà gọi là tổng tướng ?

Phật bảo Quán Tự Tại Bồ Tát rằng: Nói rằng thông đạt tổng tướng thức tức là A Lợi Gia Thức. Thức này có ngại sự và phi ngại sự, đầy đủ tất cả pháp, bổ sung tất cả pháp; giống như biển lớn, làm nên sóng nước là tổng tướng vậy. Với ý nghĩa này; nên gọi là tổng tướng vậy.

Ba là lập Mạt Na Thức nhiếp các thức khác. Nghĩa là Mạt Na Thức đầy đủ 11 loại nghĩa, không có chỗ nào là chẳng nhiếp. Trong hiền liễu khế kinh nói như thế này: Nhiều loại tâm thức tuy có rất nhiều; nhưng chỉ có Mạt Na chuyển chẳng có pháp khác. Vì sao vậy ? Mạt Na Thức này đầy đủ 11 nghĩa, chẳng có chỗ nào là chẳng tạo tác.

Bốn là lập 4 loại thức, tổng nhiếp tất cả thức. Cho nên dùng ý thức có 7 loại chuyển biến tự tại. Tùy theo có thể tạo thành việc này. Trong Thất Hóa khế kinh nói như thế này: Giống như thầy ảo thuật tuy chỉ có một mình; nhưng nhờ thuật huyền hóa có thể biến ra 7 người. Người ta thấy vậy cho là 7 người; nhưng kẻ trí thấy thế chỉ nói có một người mà không phải 7 người. Ý thức huyền sư cũng lại như vậy. Tuy chỉ có một thức, có thể làm 7 việc. Phàm phu thấy cho đó là 7 việc, mà kẻ giác ngộ thấy chỉ có ý thức, ngoài ra không có 7 việc. Cho nên gọi là kiến lập đồng một loại thức, 4 loại khế kinh. Hai là lập hai loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là hai ? Một là A Lợi Gia Thức. Hai là Ý thức. A Lợi Gia Thức tổng cử nhiếp chuyển hiện 3 thức. Ý thức tổng cử 7 loại chuyển thức. Trong Lăng Già khế kinh nói như thế này: Nay Đại Huệ! Nếu nói rộng thì có 8 thức. Lược nói thì có hai. Những gì là hai ? Một là liễu biệt thức; hai là phân biệt sự thức. Cho đến nói rộng ra vậy. Ba là lập ba loại thức tổng nhiếp các thức. Những gì là ba ? Một là A Lợi Gia Thức. Hai là Mạt Na Thức. Ba là Ý thức. A Lợi Gia Thức là tổng hợp của 3 tướng thức. Mạt Na Thức là trực ý căn. Ý thức là tổng nhiếp 6 loại chuyển thức. Trong kế kinh Từ Vân nói như thế này. Lại nữa nếu nói thật rộng ra thì có 10 loại thức. Tổng nói có 3. Những gì là ba ? Một là tế tướng tánh thức. Hai là căn tướng tánh thức. Ba là phân ly tướng tánh thức. Cho đến nói rộng ra vậy. Bốn là lập 4 loại thức, tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là bốn ? Nghĩa là trước 3 và thêm một tâm thức. Trong Vô Tướng khế kinh nói như vậy: Thức pháp tuy vô lượng; nhưng chẳng ra khỏi 4 loại thức. Những gì là 4 ? Một là sở y bốn nhứt thức. Hai là năng y trì tạng thức. Ba là ý trì thức và bốn là biến phân biệt thức. Cho đến nói rộng ra vậy.

Năm là lập 5 loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là 5 ? Nghĩa là trước 4 và thêm tùy thuận biến chuyển thức vậy. Trong Đại Vô Lượng khế kinh nói như thế này: Lại nữa có thức, chẳng nhiếp thức kia mà biến ra nơi kia. Cho nên nói là tùy thuận biến chuyển thức.

Sáu là lập 6 loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là sáu ? Đó là nhãn thức cùng với 5 loại biệt thức và đệ lục ý thức. Trong khế kinh Tứ Thánh Đế nói như thế này. Phật bảo Thụ Vương rằng: Ta vì các chúng sanh có gốc gác nhỏ, dùng mật ý mà xướng lên như thế này: Chỉ có 6 thức, không thức nào dư, mà thật ý chính là vì muốn làm cho rõ biết 6 loại thức ấy thì đầy đủ tất cả thức. Đối trước đại chúng xướng lên như vậy.

Bảy là lập 7 loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là 7 ? Nghĩa là trước 6 và thêm Mạt Na Thức nữa. Trong Pháp Môn khế kinh nói như thế này: Lại nữa Văn Thù Sư Lợi! Thức pháp có 7 loại. Những gì là 7 ? Đó là 6 thức thuộc về thân và Mạt Na Thức. Như thế là 7 thức.

Hoặc một lúc chuyển, hoặc chuyển trước sau. Lại nữa thức thứ 7 có lực thù thắng; hoặc lúc tạo tác trì tụng mà dùng; hoặc lúc tạo tác phân biệt mà nương.

Tám là lập 8 loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là 8 ? Nghĩa là trước 7 và thêm A Lợi Gia Thức. Trong Đạo Trí khế kinh nói như thế này: Tâm Vương có 8. Những gì là 8 ? Một là nhãn thức tâm vương cho đến 8 là dị thực báo thức tâm vương. Các loại thức pháp chẳng thể ra khỏi số này.

Chín là lập 9 loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là 9 ? Nghĩa là trước 8 và thêm Am Ma La thức. Trong khế kinh Kim Cang Tam Muội có nói như thế này: Lúc ấy Vô Trụ Bồ Tát bạch lên Phật rằng: Thưa Ngài! Lấy gì lợi chuyển, mà chuyển chúng sanh tất cả tình thức nhập Am Ma La ? Phật bảo: Chư Phật Như Lai thường lấy một giác mà chuyển các thức nhập Am Ma La vậy.

Mười là lập 10 loại thức tổng nhiếp tất cả thức. Những gì là 10 ? Nghĩa là trước 9 và thêm vào nhứt thiết nhứt tâm pháp nữa. Trong Pháp Môn khế kinh nói như thế này: Tâm lượng tuy vô lượng mà chẳng ra khỏi 10 thức, cho đến nói rộng ra vậy.

Đây là 10 loại nói khác trong khế kinh. Như thế 10 loại ở nơi sách quý cai nhiếp những gì ? Thế nào là an lập ?

Tụng rằng:

Nơi bản thể tuy sáng

Làm cho tạo nặng thêm

Như câu văn khế kinh

Thuộc về nói tổng quát

Luận rằng: Nơi luận chính tuy đã nói rõ ràng mà làm cho thuận tiện, nên giải thích thêm. Trong Tương Khế Kinh Văn gởi gắm luận rằng: Nghĩa là một tâm pháp khế kinh tổng sở kiến lập tất cả nhứt tâm thức, Ma Ha Diễn luận nhứt pháp giới nhiếp; nghĩa như trước đã nói. Trong A Lợi Gia Thức khế kinh, tổng sở kiến lập A Lợi Gia Thức, Ma Ha Diễn luận tổng A Lợi Gia nhiếp. Tổng sở kiến lập A Lợi Gia thức, Ma Ha Diễn luận tổng A Lợi Gia nhiếp. Vì sao vậy ? Ở trong luận chính nói như thế này: Sở dĩ chúng sanh chẳng diệt cùng sanh diệt hòa hợp, phi nhứt phi dị, tên là A Lợi Gia Thức. Thức này có 2 nghĩa, hay nhiếp tất cả pháp sanh tất cả pháp. Thế nào là hai ? Một là giác nghĩa. Hai là bất giác nghĩa. Trong Hiền Liễu khế kinh nói tổng sở kiến lập Đại Mạt Na Thức, Ma Ha Diễn luận tổng Ma Na nhiếp. Vì sao vậy ? Ở trong luận chính nói như thế này: Lại nữa sanh diệt như duyên là vì chúng sanh nương tâm ý, ý thức chuyển. Nghĩa này như thế nào ? Nghĩa là nương vào A Lợi Gia Thức nói có vô minh bất giác mà khởi, hay thấy hay hiện, hay giữ cảnh giới, khởi niệm tương tục nên nói là ý. Ý này lại có 5 tên gọi. Những gì là 5 ?

Một gọi là Nghiệp thức, nghĩa là vô minh lực bất giác tâm động.

Hai gọi là Chuyển thức, nghĩa là nương vào nơi tâm động, có thể thấy tướng vậy.

Ba gọi là Hiện thức, nghĩa là hay hiện tất cả cảnh giới; giống như cái kiếng sáng hiện màu sắc hình ảnh. Hiện thức cũng giống như thế. Tùy 5 trần này mà đối đãi, tức là hiện không có trước sau, lấy tất cả lúc mà thay đổi, khởi lên thường ở trước.

Bốn gọi là Trí thức, nghĩa là phân biệt pháp sạch dơ.

Năm gọi là Tương tục thức, dùng niệm tương ưng chẳng đoạn lìa vậy. Cho đến nói rộng ra.

Trong Thất Hóa khế kinh tổng sở kiến lập đồng nhứt ý thức, Ma Ha Diễn luận nhứt phân ý thức nhiếp. Nói tương tuy khuyết mà đầy đủ ý kín. Ở nơi luận chánh nói như thế này: Lại nữa nói là ý thức tức là tương tục thức; nương vào những phạm phu thủ chấp rồi chuyển sâu thêm. Đo lường ngã và ngã sở, nhiều loại vọng chấp, tùy việc phan duyên mà phân biệt

thành 6 trăn. Tên gọi là Ý Thức. Cho đến nói rộng ra. Như vậy như vậy các kinh kia tùy theo từng nơi mà phối trí như vậy.

Đã nói về cai nhiếp an lập môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến Tạng Thức phẩu tự môn. A Lợi Gia Thức tên chữ sai biệt có bao nhiêu thứ ? Khế kinh nói khác tướng này như thế nào ? Nghĩa của những chữ ấy là gì ? Để lại nơi nào ?

Tụng rằng:

Ma Ha Kiên HằngTiêu

Kiên A Thi Già La

Bạch bạch Am Ma La

Hắc bạch Am Ma La

Yết La La Kiên Ma

Phược đa đề Kiên Ma

Xà Ha Na Kiên Ma

Bà A Xoa Ni La

Bạch bạch Bà Tát La

Hắc bạch Bà Tát La

Như thế 10 loại thức

Trong Ma Ha Diễn luận

Phân minh nói rõ ràng

Tùy theo mỗi chia phân

Luận rằng: A Lợi Gia Thức tất cả có 10 loại. Vì sao thế ? Đối với trong khế kinh nói riêng ra vậy. Những gì là 10 ?

Một là tên gọi Đại Nhiếp chủ A Lợi Gia Thức. Cho nên đây là tổng tướng đại thức, nghĩa như trước đã nói.

Hai gọi là căn bản vô minh A Lợi Gia Thức. Nghĩa là căn bản vô minh biệt lập, lấy làm A Lợi Gia. Trong khế kinh Thập Chung Vọng Tướng nói như thế này. Sát Xà Chi Đa Đề Vương Thức, trực thị vọng pháp, chẳng thể rõ biết một pháp giới thể. Tất cả nhiễm pháp A Lợi Gia Thức lấy làm căn bản, xuất sanh tăng trưởng, không có lúc nào đoạn tuyệt. Nếu không có Đề Vương Thức thì những quyền thuộc của loại đen không có chỗ nương vào và chẳng thể sanh trưởng. A Lợi Gia Thức này sẽ nhiếp cái gì riêng biệt ? Đối với trong hiện chính có nói như thế này: Đó gọi là bất giác nghĩa. Nghĩa là chẳng như thật, rõ chơn như pháp một vậy. Bất giác tâm khởi, mà có niệm này. Cho đến nói rộng ra.

Ba gọi là thanh tịnh bản giác A Lợi Gia Thức. Đó là tự nhiên bản trí biệt lập, lấy làm A Lợi Gia Thức. Trong Bản Giác khế kinh nói như thế này: Tự Thể Tịnh Phật A Lợi Gia Thức, đầy đủ vô lậu, tròn đầy công đức, thường hằng thanh tịnh, thường hằng quyết định, chẳng giữ lại tướng đen, không biến thành tướng khác. Trí thể bất động, đầy đủ loại trắng. Cho nên gọi tên là độc nhứt tịnh thức vậy. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch nhiếp cái gì ? Ở trong luận chính nói như thế này: Lại nữa giác thể tướng có 4 loại nghĩa lớn cùng với hư không và dụ như kiếng sạch. Cho đến nói rộng ra vậy.

Bốn gọi là nhiễm tịnh bản giác A Lợi Gia Thức. Nghĩa là chẳng giữ tự tánh Đà La Ni trí, biệt lập lấy làm A Lợi Gia vậy. Trong khế kinh Bản Nhơn Duyên khởi nói như thế này: Lúc bấy giờ Quang Nghiêm Đồng Tử liền bạch Phật rằng: Thừa Thế Tôn! Dùng nhân duyên gì vậy mà trong nan nhập vị tổng hữu hội trong nói như thế này: Tùy theo tha duyên khởi kia, tên là Đà La Ni Trí; làm Lăng già Vương thức. Thế nào gọi là Lăng Già Vương ? Lấy làm thí dụ cho rõ biết, duyên kia khởi lên Đà La Ni Trí. Ở đây Thế Tôn đã bảo với Quang Nghiêm Đồng Tử rằng: Lăng Già Vương này thường hay ở nơi biển lớn, trong núi Ma La, có đến 10

vạn 6 ngàn quỷ thần chúng làm quyến thuộc. Như vậy các quyến thuộc này tất cả đều lên trên hóa cung điện mà đi dạo chơi các nước khác. Tất cả đều là nhờ vào Lăng Già Vương kia; mới có thể du hành được. Rồi quỷ thần chúng mới nói lời như thế này: Chúng tôi, những thần chúng này không có uy đức, chẳng có khí lực, làm những việc như vậy chẳng có thể được, như hỏi Đại Vương trong chúng tôi đây cũng có năng lực chẳng ?

Lăng Già Vương liền theo lúc mà tạo nên lực thù thắng, chẳng có tướng xa rời, mà cùng chuyên vậy. Nghĩa là Lăng Già Vương tuy chẳng phân thân, mà có thể biến khắp ra các quỷ thần. Mỗi mỗi làm được toàn thân sức mạnh. Với tất cả lúc với tất cả nơi cùng chẳng chẳng lìa. Bất thủ tự tánh rõ biết cũng lại như vậy. Hay thọ tất cả vô lượng vô biên phiền não nhiễm pháp, quỷ thần chúng huân tập lại; nhưng chẳng có tướng xa lìa, mà đều chuyên đầy đủ vậy. Do nhân duyên này mà ta nói rằng: Khó vào, khó gặp là như thế. Tùy chuyển giác trí gọi là Lăng Già Vương thức vậy. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch nhiếp được những gì ? Đối với luận chính nói như thế này: Tự tánh thanh tịnh tâm, nhơn vô minh gió động, tâm cùng với vô minh đều vô hình tướng chẳng hề xa lìa. Cho đến nói rộng ra vậy.

Năm là Nghiệp tướng Nghiệp thức A Lợi Gia Thức. Nghĩa là căn bản nghiệp tướng và cùng với nghiệp thức biệt lập lấy làm A Lợi Gia vậy. Trong Bản Tánh Trí kệ kinh nói như thế này: A Lợi Gia Thức không thể làm xong, không chỗ làm xong, không thể phân chia ra, không thể tách rời ra. Chỉ do động, yên, lưu chuyển vậy. Đây có tên là Kiên Ma vậy. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch được những gì ? Đối với trong luận chính có nói như thế này: Lại nữa nương nơi bất giác nên sanh 3 loại tướng, cùng với kia chẳng giác tương ưng và chẳng lìa. Những gì là ba ? Một là vô minh nghiệp tướng, lấy bất giác để nương tựa. Tâm động gọi tên là nghiệp. Giác tức chẳng động; động tức là có khổ, quả chẳng lìa nhân vậy.

Sáu gọi tên là Chuyển tướng nghiệp thức A Lợi Gia Thức. Nghĩa là có thể thấy tướng của cảnh giới và cùng với chuyển thức, riêng biệt dùng làm A Lợi Gia Thức. Trong Đại Vô Lượng kệ kinh nói như thế này: A Lợi Gia Thức có thấy thấy chuyển, không thấy thấy khởi. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch nhiếp được những gì ? Đối với luận chánh đã nói như vậy. Hai là có thể thấy tướng; dùng động để nương nên có thể thấy; bất động tức không thể thấy được.

Bảy gọi tên là Hiện tướng hiện thức A Lợi Gia Thức. Nghĩa là tướng của cảnh giới và cùng với hiện thức, biệt lập lấy làm A Lợi Gia Thức. Trong Thật Tế kệ kinh nói như thế này: Biệt di biệt dị, hiện tiền địa chuyển, tướng vi tướng vi đầy đủ hành chuyển. Cho nên gọi tên là A Lợi Gia Thức. Lại nữa A Lợi Gia Thức này đúng là dị thực vô ký của các pháp; tướng sạch trắng nên gọi tên là thành thực. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch nhiếp những gì ? Đối với luận chính nói như thế này: Ba là cảnh giới tướng, lấy chỗ nương tựa có thể thấy vậy. Cảnh giới vọng hiển ra, lìa sự thấy, tức chẳng có cảnh giới.

Tám gọi tên là Tánh Chơn Như Lý A Lợi Gia Thức. Nghĩa là chánh trí sở chứng thanh tịnh chơn như; biệt lập lấy làm A Lợi Gia Thức vậy. Trong kệ kinh các Pháp đồng thể nói như thế ấy. Có thức là thức, phi thức thức nhiếp. Nghĩa là như như A Lợi Gia Thức vậy. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch nhiếp những gì ? Đó là thanh tịnh bát nhã chất cảnh, chơn như nhiếp vậy.

Chín gọi tên là Thanh tịnh thể giác A Lợi Gia Thức. Nghĩa là gốc có sạch trắng, cái giác ban đầu là trí tuệ, biệt lập lấy làm A Lợi Gia Thức vậy. Trong Quả Viên Mãn kệ kinh nói như vậy. Phật bảo Bồ Đề Thọ Vương rằng: Tự nhiên thể giác A Lợi Gia Thức sẽ thường chẳng lìa thanh tịnh bản giác. Thanh tịnh bản giác sẽ thường chẳng lìa thể giác tịnh thức. Tùy đây mà kia có. Tùy kia mà đây có. Hoặc chẳng cùng loại; hoặc chẳng khác loại. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trạch được những gì ? Đối với luận chính nói như thế này: Bản giác nghĩa là đối trị với giác để nói. Lấy thể giác tức đồng nghĩa với bản giác.

Mười gọi tên là Nhiễm tịnh thể giác A Lợi Gia Thức. Nghĩa là tùy duyên thể giác bất nhã; biệt lập lấy làm A Lợi Gia Thức vậy. Trong Quả Viên Mãn khế kinh nói như thế này: Lại nữa Thọ Vương! Như thể giác tịnh thức và bạch tịnh bản giác nói nhiễm tịnh thể giác A Lợi Gia Thức. Bất thủ tự tánh duyên khởi bản giác lại cũng như vậy. A Lợi Gia Thức này sẽ quyết trách nhiếp được những gì ? Đối với luận chính nói như thế này: Thể giác nghĩa là nương vào bản giác mà có bất giác. Nương vào bất giác nên nói là hữu thể giác. Lại nữa lấy giác tâm làm gốc nên tên là cứu cánh giác. Bất giác tâm ban đầu nên gọi là phi cứu cánh giác. Cho đến nói rộng ra vậy. Như thế nghĩa cho đến tự chọn lựa, tự sẽ góp thêm vào. Mười loại Mạt Na, 6 loại Ý thức.

Đối với những câu văn sau sẽ lần lượt tùy đó mà giải thích vậy. Bây giờ đã lược nói rồi và đã nói qua về Tạng Thức Phần Tự Môn (môn giải thích từng chữ về tạng thức), phần tướng môn. Lần lượt nói đến tổng thức nhiếp sanh viên mãn môn. Thức này có hai nghĩa. Hay nhiếp tất cả các pháp có thể sanh tất cả pháp. Những gì là hai? Một là nghĩa giác; hai là bất nghĩa giác, mà tổng hiển thị đại thức thù thắng viên mãn tướng vậy. Câu văn và chữ giác nghĩa có thể nhiếp tất cả vô lượng vô biên qua khỏi hằng sa, chẳng lìa chẳng đoạn các công đức vậy. Hay sanh tất cả vô lượng vô biên qua khỏi hằng sa chẳng lìa chẳng đoạn các công đức vậy; quá hoạn viên mãn vậy. Bất giác nghĩa tự cú có thể nhiếp tất cả vô lượng vô biên qua khỏi hằng sa hoặc lìa hoặc thoát những quá hoạn vậy. Hay sanh tất cả vô lượng vô biên hơn cả hằng sa hoặc lìa hoặc thoát những quá hoạn vậy. Như vậy nhiều loại nhiếp sanh ra huân tập tướng sai biệt. Cho đến biệt tướng kia quyết trách phân ra, phân minh hiển thị rõ ràng.

Thích Ma Ha Diễn Luận Hết quyển hai

Dịch xong ngày 1 tháng 12 năm 2008
tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi
nhân lần nhập thất lần thứ 6 tại đây.

Code: Kinh Van so 1668 / 3

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN Quyển thứ 3

- Long Thọ Bồ Tát tạo.
- Diêu Tần Tam Tạng Phật Đà Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.
- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 1 tháng 12 năm 2008 tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi, nhân lần nhập thất thứ 6 tại đây.

Đã nói tổng thức nhiếp sanh viên mãn môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến Tổng Tướng Phủ Phân Tán Thuyết Môn.

Giải rằng: Nói giác có nghĩa là tâm thể lìa niệm tướng; lìa niệm tướng nghĩa cùng với hư không giới. Chẳng có chỗ chẳng biến, pháp giới một tướng. Tức là Như Lai bình đẳng pháp thân; nương vào pháp thân này để gọi tên là bản giác. Vì sao bản giác nói là đối nghĩa lại với thể giác ? Dùng thể giác tức là đồng với bản giác. Thể giác nghĩa là nương vào nơi bản giác vậy, mà có mà giác. Nương vào chỗ bất giác cho nên nói có thể giác. Lại lấy giác tâm ban đầu nên nói là cứu cánh giác. Bất giác tâm ban đầu cho nên nói là chẳng phải cứu cánh giác.

Luận rằng: Đối với câu văn trong này tức có 2 môn. Những gì là hai ? Một là lược nói bản giác an lập môn. Hai là lược nói thi giác an lập môn. Trong bản giác môn lại có 2 môn. Những gì là hai ? Một là thanh tịnh bản giác môn; hai là nhiễm tịnh bản giác môn. Trong thi giác môn lại cũng có hai môn. Những gì là hai ? Một là thanh tịnh thi giác môn; hai là nhiễm tịnh thi giác môn. Vì sao gọi là thanh tịnh bản giác ? Pháp thân này từ vô thi đến nay đầy đủ viên mãn hơn hằng sa đức, thường sáng suốt rõ ràng. Vì sao gọi là nhiễm tịnh bản giác ? Vì tự tánh tịnh tâm ấy thọ vô minh huân tập lưu chuyển trong đường sanh tử chẳng có lúc nào ngơi nghỉ. Vì sao gọi là thanh tịnh thi giác ? Vì vô lậu trí tánh ra khỏi tất cả vô lượng vô minh, chẳng thọ tất cả vô minh huân tập vậy. Vì sao gọi là nhiễm tịnh thi giác ? Vì thi giác bất nhả thọ nhận vô minh huân tập chẳng thể lìa ra vậy. Như thế các giác đều biết rõ quyền thuộc sẽ chứng lý gì, lấy làm thể phần. Nghĩa là tánh chơn như và hư không lý. Như vậy hai lý mỗi mỗi có bao nhiêu loại ? Mỗi mỗi có 2 vậy. Vì sao có tên là hai loại Chơn Như ? Một là thanh tịnh chơn như; hai là nhiễm tịnh chơn như. Hư không lý cũng lại như thế. Thế nào gọi là thanh tịnh chơn như ? Hai loại tịnh giác sở chứng chơn như, lìa sự huân tập vậy. Vì sao gọi là nhiễm tịnh chơn như ? Hai loại nhiễm tịnh, giác chỗ chứng chơn như, chẳng lìa sự huân tập vậy. Cái chơn lý của hư không lại cũng như vậy. Lấy nghĩa gì mà có thể gọi tên là Bản Giác ? Những chữ nghĩa của tướng này sai biệt ra sao ?

Tụng rằng:
Bồn giác mỗi có mười
Thể tuy giống mặt chữ
Mỗi mỗi sai biệt vậy
Nghĩa kiếng sáng cùng nghĩa

Luận rằng: Bồn giác mỗi có 10. Thế nào là 10 bồn ?

Một là Căn tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân hay lành giữ tất cả công đức, giống như gốc cây cũng hay lành giữ tất cả cành lá và hoa quả không để cho hư mất vậy.

Hai là Bồn tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân từ vô thi đến. Tự nhiên tánh, có bất thi khởi lên.

Ba là Viễn tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân và cái này có đức chồng lên nhau nhiều đời chẳng thể phân biệt được.

Bốn là Tự tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân, ta tự thành ta, chẳng phải kia thành ta được.

Năm là Thể tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân vì các chi đức tạo ra nơi nương tựa.

Sáu là Tánh tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân nghĩa là bất chuyển, thường hay kiến lập vậy.

Bảy là Trụ tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân trụ ở vô trụ, vô khứ lai vậy.

Tám là Thường tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân quyết định thật tế, chẳng lưu chuyển vậy.

Chín là Kiên tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân xa lìa tướng gió, kiên cố chẳng động như kim cương vậy.

Mười là Tổng tự sự bồn. Bồn hữu pháp thân quảng đại viên mãn, chẳng có chỗ nào là không biến đến làm thông thể vậy.

Đây gọi là 10. Còn 10 giác là những gì ?

Một là Kính tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ thanh tịnh minh bạch, chẳng có trần lụy vậy.

Hai là Khai thị tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ thông đạt hiểu rõ, chẳng có chướng ngại vậy.

Ba là Nhứt tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ độc tôn độc nhứt không có lường được.

Bốn là Ly tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ tự tánh giải thoát, xa rời tất cả những loại cột trói.

Năm là Mãn tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ đầy đủ vô lượng, nhiều loại công đức, chẳng có chỗ ít vậy.

Sáu là Chiếu tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ phóng đại quang minh, chiếu khắp tất cả vô lượng cảnh.

Bảy là Tế tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ thường hằng phân minh, chẳng mê loạn vậy.

Tám là Hiện tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ thanh tịnh thể, tịnh phẩm quyền thuộc, tất đều hiện tiền.

Chín là Tri tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ đối với tất cả pháp chẳng có cái cuối cùng.

Mười là Giác tự sự giác. Tát Bát Nhã huệ sở hữu công đức, chỉ có giác chiếu, chẳng mỗi mỗi pháp mà chẳng giác vậy.

Đây gọi là 10. Như thế 10 loại bồn giác tự nghĩa tuy nương vào một loại bồn tánh pháp thân, tùy theo nghĩa mà giải thích khác. Nương tựa vào tự thể này, chẳng khác gì cả. Ở trong này đã nói hai Bản Giác và Bản Giác ấy là gì ? Nghĩa là thanh tịnh bản giác, phi nhiễm tịnh bản giác, nhiễm tịnh bản giác tự nghĩa sai biệt với tướng này là những gì ?

Tụng rằng:
Nhiễm tịnh trong Bản Giác
Hoặc mỗi có mười nghĩa
Trước nói mười việc rồi
Mỗi mỗi lìa tánh vậy

Luận rằng: Trong Bản giác này hoặc mỗi mỗi có mười nghĩa. Vì sao vậy ? Vì trước 10 nghĩa mỗi mỗi có bất thủ tự tánh nghĩa. Tự sự phối thuộc nương vào hướng ấy nên biết. Như thế hai giác giống nhau hay khác nhau ? Chẳng phải giống giống nhau mà cũng chẳng phải

khác khác nhau. Dùng nghĩa này nên hoặc giống hoặc khác; hoặc không mà giống; hoặc không mà khác. Cho nên tất cả đều không mà qua. Với nghĩa gì mà gọi tên là Thi Giác Tự Sự sai biệt. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Từ vô thi đến nay
Chẳng có lúc loạn hoặc
Bây giờ thi, sơ, giác
Nên có tên Thi Giác

Luận rằng: Từ vô thi cho đến nay thi giác bát nhã, chẳng có lúc loạn hoặc, mà lúc chẳng hoặc, làm cho thi sơ giác. Cho nên có tên là thi giác. Như vậy thi giác trước hoặc (mê) sau giác tức là phi thi giác, mà lúc chẳng hoặc, lý thường làm cho thường cái đầu tiên ấy nên gọi tên là thi giác. Như thế thi giác trong 2 thi giác sẽ giác cái gì ? Nghĩa là thanh tịnh thi giác, phi nhiễm tịnh thi giác. Nhiễm tịnh thi giác tự sự sai biệt. Tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Thanh tịnh thi giác trí
Chẳng giữ tự tánh vậy
Mà hay thọ nhiễm huân
Nên tên nhiễm tịnh giác

Luận rằng: Thanh tịnh thi giác chỉ lúc không hoặc, mà chẳng giữ tự tánh, hay thọ nhiễm huân, tùy duyên lưu chuyển, dùng nghĩa này cho nên gọi tên là nhiễm tịnh thi giác. Đây là nghĩa gì mà gọi là chơn như ? Tự sự sai biệt, tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Tánh Chơn như lý thể
Bình đẳng bình đẳng một
Chẳng có một nhiều tướng
Nên tên là Chơn như

Luận rằng: Tánh Chơn như lý bình đẳng bình đẳng, tuy cùng một tướng lại chẳng có một tướng, lại cũng chẳng có nhiều tướng. Không phải một tướng nên xa lìa duyên giống nhau. Chẳng nhiều tướng nên xa lìa duyên khác nhau. Dùng nghĩa này nên gọi là Chơn như. Như vậy Chơn như 2 loại tịnh trí thân sở nội chứng. Lại nữa Chơn như mỗi mỗi có 10 nghĩa. Những gì là 10 chơn ?

Một là Căn tự sự chơn. Cho đến 10 tổng tự sự chơn. Như vậy 10 chơn, 10 loại, 10 nghĩa tương ưng với đầy đủ có, chẳng có tướng xa lìa. Cho nên cùng tên biểu thị như vậy rồi. Những gì là 10 như ? Một là kiếng tự sự như cho đến 10 học tự sự như. Như vậy 10 như, 10 loại giác nghĩa, tương ưng đầy đủ có, chẳng hề xả ly. Cho nên đồng danh biểu thị mà nói. Vì sao vậy ? Mười loại chơn lý, gốc có pháp thân, có đức phương tiện. 10 loại như lý, Tát Bát Nhã Huệ, có giác phương tiện. Với nghĩa này nên liền nói thêm từ để làm cho rõ ra. Trong này nói 2 chơn như sẽ là chơn như nào? Nghĩa là thanh tịnh chơn như, phi nhiễm tịnh chơn như. Nhiễm tịnh chơn như tự sự sai biệt. Tướng này ra sao ?

Tụng rằng:
Thanh tịnh chơn như lý
Chẳng giữ tự tánh vậy
Mà hay thọ nhiễm huân
Tên nhiễm tịnh chơn như

Luận rằng: Thanh tịnh chơn như từ vô thi đến, bình đẳng bình đẳng tự tánh thanh tịnh. Chúng sanh chẳng diệt lại không đến đi, lại không chỗ trụ mà chơn như lý tánh chẳng giữ tự tánh; nên tùy theo duyên mà động chuyển. Cho nên tên là nhiễm tịnh chơn như. Như vậy chơn như 2 nhiễm tịnh trí thân sở nội chứng, tương ưng đầy đủ, chẳng tướng xa lìa. Những

nghĩa như vậy. Xem trước đã nói loại này rồi nên biết. Dùng nghĩa gì mạnh để nói là hư không ? Tự sự sai biệt, tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Hư không có mười nghĩa
Thể tuy đồng nghĩa sự
Mỗi mỗi sai biệt vậy
Nghĩa vô ngại cùng nghĩa

Luận rằng: Tánh hư không lý, có 10 loại nghĩa. Những gì là 10 ?

Một là nghĩa vô chướng ngại.

Hai là nghĩa chu biến, chẳng có nơi nào là chẳng đến vậy.

Ba là nghĩa bình đẳng, chẳng giảng trạch (chọn lựa) vậy.

Bốn là nghĩa rộng lớn, không ngăn mé vậy.

Năm là nghĩa vô tướng, chẳng có sắc tướng vậy.

Sáu là nghĩa thanh tịnh, chẳng có trần lụy vậy.

Bảy là nghĩa bất động, chẳng có thành hoại vậy.

Tám là nghĩa hữu không, mất có số lượng vậy.

Chín là nghĩa không không, lia chấp không vậy.

Mười là nghĩa vô đặc, chẳng thể chấp vào đó vậy.

Đây có tên là 10. Như vậy 10 sự nghĩa dùng sai biệt. Nếu cùng với thể này chẳng khác mà được. Hư không lý này hai loại tịnh trí thân sở nội chứng, giống nhau đầy đủ, chẳng hề xa rời. Trong 2 hư không sẽ là hư không gì ? Nghĩa là thanh tịnh hư không, chẳng phải nhiễm tịnh hư không. Nhiễm tịnh hư không tự sự sai biệt. Tướng này nghĩa gì ?

Tụng rằng:

Thanh tịnh hư không lý
Chẳng giữ tự tánh vậy
Mà hay thọ nhiễm huân
Tên nhiễm tịnh hư không

Luận rằng: Thanh tịnh hư không đầy đủ 10 đức. Lại chẳng nhiễm tướng, lại không tịnh tướng, mà hư không tánh chẳng giữ tự tánh vậy. Hay thọ nhiễm huân tùy duyên mà chuyển. Cho nên gọi là nhiễm tịnh hư không, hay huân chỗ huân, kiến lập phi báng cùng với nhiều loại môn, cho đến nói rộng phân tích lý này đầy đủ hiển bày.

Đã nói về Tự Sự Môn. Bây giờ lần nói đến Tùy Thích Môn. Chỗ nói giác nghĩa vậy vậy. Tức là tổng cú. Từ đây trở xuống tất cả đều là câu riêng. Tổng nói là thông biểu của tất cả giác vậy. Phân khác mỗi mỗi nói sai biệt. Kết quả trong biệt cú, trước nói thanh tịnh bản giác, thanh tịnh thí giác. Lần nói đến nhiễm tịnh bản giác và nhiễm tịnh thí giác. Như đây lần lượt nói tướng ấy có thể thấy. Nghĩa là tâm thể lìa niệm tướng vậy. Tức là thanh tịnh bản giác. Tâm ấy tức là tự tánh thanh tịnh tâm. Thể ấy từ là bản hữu pháp thân thể. Như vậy tâm thể tức tên là bản giác. Lìa niệm tướng vậy, tức là hiển thị nghĩa thanh tịnh. Cho nên xa lìa niệm đại vô minh; do vậy nói là lìa niệm. Xa lìa 4 loại tướng vô thường cho nên nói rằng lìa tướng. Qua khỏi hằng sa phiền não quyến thuộc. Năm hữu vi này lấy làm căn bản. Cho nên gọi bản vô, để chỉ quyến thuộc đều không, lìa niệm tướng vậy. Tức nói thanh tịnh bản giác như từ, tức là con người vậy. Sánh với hư không giới, chẳng có chỗ bất biến. Như vậy kẻ giác ấy lãnh chúng đầy đủ 10 loại nghĩa đức hư không lý vậy. Pháp giới một tướng. Như thế giác tức là chúng như pháp giới, mà cùng hòa hợp. Một vị một tướng chẳng có sai biệt, tức là Như Lai bình đẳng pháp thân vậy. Lãnh chúng 2 loại thắng diệu lý, thanh tịnh giác vậy. Tức là pháp thân Như Lai tự tánh tự thể. Nương vào pháp thân này gọi tên là Bản Giác. Bản hữu pháp thân, tự tánh đức trung mà tạo chỗ nương vào, kiến lập và xưng là Thanh tịnh Bản giác.

Đã nói về Thanh tịnh Bản giác rồi. Bây giờ lần lượt nói đến Thanh tịnh Thi giác. Vì sao vậy ? liền xin hỏi. Nghĩa là muốn kiến lập thanh tịnh thi giác; nên hỏi như vậy. Hỏi rằng tướng ấy như thế nào ? Nghĩa là có chúng sanh, làm như thế khó. Pháp thân này từ xưa đến nay, đầy đủ vô lượng tánh công đức, thường hằng minh tịnh, thường hằng tự tại. Nương nơi nghĩa này; nên gọi là Bản Giác. Như vậy Bản Giác ở vào lúc nào ? Vì nhơn duyên gì ? đầy đủ tất cả vô lượng công đức mà gọi tên là Bản Giác ? Nếu làm như vậy thì Bản Giác này có Đại Trí Lực, hay lãnh đoạn trừ tất cả quá hoạn. Đầy đủ viên mãn các công đức tức là bản giác này trước mê sau giác, không có bản giác sáng sửa tức là công đức này, đoạn rồi trước an ổn, đoạn rồi sau hiển thị. Chẳng tự ý sáng, há mê giác an ổn hiển thị ? Bản có nghĩa ấy mà được thành lập. Nếu nói như vậy hay đoạn liền chẳng đoạn. Thường đầy đủ liền chẳng đầy đủ. Cho nên có bản đoạn bản đức. Nghĩa này lại chẳng được thành lập; chẳng có công đức gì hơn. Nghĩa là tất cả chướng từ gốc đoạn rồi, liền chẳng chờ đoạn, tất cả công đức. Từ gốc đầy đủ liền chẳng chờ đầy đủ giác vậy. Tức là thi giác chứ không là bản giác kia. Vì vậy trong Bát Nhã Ba La Mật nói như thế này: Nếu kẻ giác là thi giác. Nếu bất giác tức là vô minh. Nếu lìa hai loại này tức gọi tên là Bản Giác. Dùng nghĩa nào để nói như vậy ? Gốc ấy có pháp thân, tự tánh đức ở bên trong, mà tạo ra chỗ hướng về; nên nói tên là Bản Giác. Cho nên nói như thế nào ? Bản Giác nghĩa là đối lại với Thi Giác, trực quyết nghi kia. Nghĩa là Ngài Mã Minh tự thông mà nói: Thanh tịnh bản giác từ xưa đến nay chẳng sanh chẳng diệt; chẳng kiến lập có và chẳng hủy báng rằng không. Hoặc chẳng quá hoạn; hoặc chẳng công đức. Ngôn ngữ không còn nữa và tâm hành xử diệt mất, mà có nói rằng: Đầy đủ viên mãn hơn cả hằng sa vô lượng tánh đức, gọi là Bản Giác. Sẽ rõ từ vô thi đến, mà có thanh tịnh thi giác, phát trí lực lớn, phát định lực lớn. Ở nơi tất cả lúc, đối với tất cả nơi, thường hay đối trị hơn cả hằng sa vô lượng vô biên quá hoạn như biển. Đầy đủ viên mãn hơn cả hằng sa vô lượng vô biên công đức tịnh phẩm. Đối với thanh tịnh này là Thi Giác vậy. Lập nên thanh tịnh kia rồi, xưng là Bản Giác. Vậy Thi Giác tức đồng với Bản Giác vậy. Tạo chỗ này là do ở nơi tự nhiên Thi Giác cùng với Bản Giác kia giống nhau. Được đối lại với Thi Giác chỉ rõ Bản Giác vậy. Như vậy 2 giác ấy huân tập sai biệt. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Thanh tịnh Bản Thi Giác
Từ vô thi đến nay
Xa lìa tất cả nhiễm
Sáng rõ như hư không
Cho nên trong môn này
Chẳng hay huân nhiễm pháp
Không chỗ huân tịnh pháp
Tuy có đức tự mình

Luận rằng: Như vậy hai giác chẳng có thể huân chỗ huân sai biệt; chỉ có tự mình công đức chơn thật. Ở trong môn này chẳng nên kiến lập năng huân hay sở huân. Nếu như vậy thì ở trong môn này huân nghĩa gì ? mà gọi là có huân ? Huân này như thế nào ? Nghĩa là trắng trắng vậy. Trong ba thân gốc khế kinh nói như thế này: Gốc ấy chính là Bản Giác và gốc ấy có Thi Giác. Tuy có đức huân, chẳng hoạn đức huân. Chỉ có mãn chuyển chẳng phân chuyển vậy.

Đã nói về Thanh tịnh Thi giác rồi. Bây giờ lần lượt nói lìa tánh nhị giác. Thi giác nghĩa là nương vào nơi Bản Giác, mà có bất giác nương vào bất giác; nên nói là có thi giác. Thông thị 2 loại, lìa tánh bản thi. Nghĩa là nương vào Bản Giác mà có Bất Giác, tức là lìa tánh bản giác. Nương vào bất giác nên nói có Thi Giác tức là lìa tánh Thi Giác. Nghĩa này như thế nào ? Bản giác bất nhĩ chẳng giữ tự tánh vậy, lãnh thọ nhiễm huân. Các nhiễm pháp kia làm được sự dừng lại tức là Bản Giác lìa tánh vậy. Thi Giác Bất Nhĩ giữ tự tánh, nương vào các nhiễm pháp như làm phương khởi, bị nhiễm pháp cuồng kia, tức là thi giác lìa tánh là nghĩa ấy. Thi Giác Bất Nhĩ hay đoạn lìa các chướng chướng được những công đức. Sao lại nói rằng Thi Giác

trí bị nhiễm cuồng vậy ? Ở nơi các pháp kia lập nên những quá hoạn (lo âu), đoạn trừ chướng ngại; nên ở nơi vô đức pháp lập nên những công đức, chứng được cái lý vậy. Nếu như vậy thì Thi Giác ở trong lúc nào mà được lia vọng ? để đến được con đường giải thoát vậy ? mới được lia cứu cánh ? Ở nơi lúc kia, đến vô niệm vậy. Đã xong 2 việc, dưới đây làm hiển thị rõ ràng.

Đã nói sơ qua về hai giác an lập môn. Bây giờ lần lượt nói rộng về hai giác quyết trạch môn.

Viết rằng: Nghĩa này là gì ? Như người phạm phu rõ biết niệm trước khởi ác, rồi có thể niệm sau dùng lại làm cho cái này chẳng khởi. Tuy lại có tên là Giác nhưng là Bất Giác vậy. Như nhị Thừa quán trí đầu tiên phát thành ý Bồ Tát. Giác ở nơi niệm khác niệm, không khác tướng. Rồi bỏ phần thô, biệt chấp trước tướng. Cho nên gọi là tương tự giác; giống như Pháp Thân Bồ Tát vậy. Giác đối với niệm trụ, niệm vô trụ tướng, lấy lia phân biệt, thô niệm tướng vậy. Gọi là Tùy Phần giác như Bồ Tát Địa hết, đầy đủ phương tiện một niệm tương ưng. Giác tâm khởi lên đầu, tâm không phải là tướng đầu, rời xa rời niệm vi tế vậy, được thấy tâm thấy tánh tức là thường trụ, gọi là cứu cánh giác. Đây chính gọi là Tu Đa La (Kinh). Nếu có chúng sanh hay quán vô niệm, tức là hướng đến Phật Địa vậy. Lại khởi tâm, chẳng có tướng đầu có thể rõ biết, mà nói rõ về tướng đầu. Tức nghĩa là vô niệm. Cho nên tất cả chúng sanh chẳng gọi là Giác, mà từ xưa đến nay niệm niệm tương tục chưa hề lia niệm vậy. Nói là vô thi vô minh. Nếu được vô niệm tức rõ được tâm, tướng, sanh, trụ, di, diệt. Đều là vô niệm vậy, mà thật chẳng có Thi Giác khác, dùng 4 tướng đầy đủ thời gian mà có. Tất cả đều chẳng tự lập. Trước sau bình đẳng cùng với một Giác vậy.

Luận rằng: Tức là nói rộng về thi giác quyết trạch phần. Trong câu văn này có hai môn. Những gì là hai ? Một là kiến lập Tứ Tướng Môn. Hai là kiến lập Tùy Giác Môn. Trong Tứ Tướng Môn có bốn loại. Những gì là bốn ? Một là thô trọng quá hoạn tứ tướng. Hai là vi tế quá hoạn tứ tướng. Ba là vô thường công đức tứ tướng. Bốn là thường trụ công đức tứ tướng. Thô tứ tướng tức là thời gian dài. Tế tứ tướng tức là thời gian ngắn. Vô thường tướng, quá hoạn tướng, sai khác chỗ khởi thi của đức. Thường trụ tướng nghĩa là quá hoạn tướng sai khác với đức thường trụ có vậy. Tùy giác môn trung tức có hai môn. Những gì là hai ? Một là mãn giác môn. Hai là phần giác môn. Mãn Giác Môn nghĩa là Minh nhứt giác. Phần Giác môn nghĩa là đầy đủ hiển thị giác, bất giác.

Thế nào gọi là thời gian dài của bốn tướng ? Từ Thập Tín Vị cho đến cực giải thoát đạo chẳng lia cứu cánh vậy. Sao gọi là đoãn thời gian tứ tướng ? Nhon duyên có pháp chẳng quá một sát na. Thế nào gọi là Thi Khởi tứ tướng ? Khởi diệt diệt diệt, khởi dị dị dị, khởi trụ đức trụ, khởi sanh đức sanh. Đây nói là Thi Khởi tứ tướng. Phiền quá hoạn; nên nói là công đức. Làm cho Thi khởi; nên gọi tên là vô thường. Thế nào gọi là thường trụ tứ tướng ? Làm cho Thi khởi, đức gốc từ trước đến nay có. Thế nào gọi là một loại giác vậy ? Giác cùng bất giác không có hai. Vì sao gọi giác, bất giác ? Giác hoặc thọ nhiễm huân, hoặc chẳng thọ vậy. Như ở đây lần lượt nói về tướng có thể quán. Trong này 4 tướng có hai thứ đệ. Những gì là hai ? Một là trước sau thứ đệ. Hai là đủ các thứ đệ. Trước sau nghĩa là trong thời gian không ấy, trước sau sai khác. Cụ hữu nghĩa là trong lúc có ấy, trước sau một lúc vậy. Kia không có lúc cùng với lúc đoạn. Kia có lúc nghĩa là cùng với lúc loạn vậy. Cụ hữu thứ đệ, tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Tướng sanh, trụ, di, diệt
Như thế bốn loại tướng
Một lúc liền trước sau
Những chậm lẫn chuyển đổi
Một lúc lại có đủ
Trước sau rồi lần lượt
Chung lại thành một tướng

Riêng nói thành bốn tướng

Luận rằng: Chung quy lần lượt có 4 tướng. Một là tướng sanh, hai là tướng trụ, ba là tướng dị, bốn là tướng diệt. Như thế 4 tướng hoặc cùng một lúc; hoặc lại trước sau. Như thế nào là cùng một lúc ? Nghĩa là do thời gian giống nhau. Thế nào nghĩa là trước sau ? Do chỗ thô, tế vậy. Chẳng chậm liền chuyển đổi; nên riêng hiển thị nghĩa của một thời gian. Như thế nào là nghĩa có đủ do một thời gian ? Còn nghĩa thế nào là lần lượt ? Nghĩa là do có trước, sau vậy. Như thế 4 tướng đầy đủ có một và có thô tế nên gọi là bốn. Trong này thời gian ấy là thời gian nào ? Căn bản là do vô minh huân tập che đậy chơn tâm thì ở lúc này khởi lên 4 tướng. Chẳng rõ, chẳng biết tất cả các pháp chung quanh về tánh chơn thật của nó. Tạo ra quá nhiều hàng sa phiền não, mà có thể che khuất tự tánh tịnh tâm; trở lại không có ánh sáng; cho nên gọi tên là 4 tướng. Sao gọi là sanh cho đến gọi là diệt ? Theo nghĩa của những chữ này thì có tướng sai biệt như thế nào ?

Tụng rằng:

Đại vô minh trụ địa
Che bốn giác lại ngay
Sanh ba loại tướng nhỏ
Nên gọi là tướng sanh

Luận rằng: Căn bản vô minh che bản giác, lúc ấy sanh ra 3 tướng. Nên gọi là tướng sanh. Thế nào là ba ? Một là tướng mạnh riêng của nghiệp, hai là tướng mạnh riêng theo sau và ba là tướng hợp chung lại đầy đủ máy động. Độc lực nghiệp tướng nghĩa là chẳng lấy vô minh làm thể, mà lấy vô minh làm nghiệp. Độc lực tùy tướng có nghĩa là chẳng lấy bản giác làm thể mà lấy bản giác làm dụng. Cụ hợp động tướng nghĩa là lấy tướng hòa hợp động vậy. Tất cả 3 điều này gọi là tướng sanh. Tướng sanh là tướng lập ra ban đầu vậy. Nghĩa của chữ tướng trụ là gì ?

Tụng rằng:

Tướng trụ có bốn loại
Chuyển tướng cùng hiện tướng
Trí tướng và tương tục
Đây gọi là bốn tướng

Luận rằng: Trụ tướng có bốn. Những gì là bốn ? Một là chuyển tướng; hai là hiện tướng; ba là trí tướng; và bốn là tục tướng. Đây gọi là bốn. Như thế là bốn tướng. Lấy nghĩa gì để gọi tên là trụ ? Trong đây nghĩa trụ là tùy theo sự sai biệt. Cho nên nếu nương cậy vào chuyển tướng thì nói là tướng này trụ, mà hay trụ giữ tâm thức huân tập nên gọi là tướng trụ. Nếu nương vào hiện tướng; nói tướng này là tướng trụ, mà có thể trụ giữ sắc tướng huân tập cho nên gọi tên là tướng trụ. Nếu nương vào trí tướng; nói đây là tướng trụ, mà hay trụ giữ sáu loại lần lượt phân biệt trí tướng hay nhiễm; cho nên gọi tên là trụ tướng. Nếu nương vào tướng tương tục thì nói đây là tướng trụ, mà hay trụ giữ phân biệt việc thức bị liên tục nhiễm ô; cho nên gọi là tướng trụ. Tức là phần chia ra phần tế chứ không phân chia ra phần thô. Còn tướng dị thì nghĩa của tướng này là gì ?

Tụng rằng:

Tướng dị có hai loại
Chấp thủ, kế là tên
Như thế hai loại tướng
Chính là người chấp vật

Luận rằng: Dị tướng có hai loại. Những gì là hai ? Một là tướng chấp thủ; hai là tướng kế danh tự. Như thế hai tướng chính là người chấp vào vật. Như vậy thì hai tướng ấy lấy nghĩa gì mà gọi tên là tướng dị ? Nếu nương vào chấp thủ để nói tướng dị này, có thể duyên vào tất cả vô lượng biệt tướng. Tùy theo những tướng này, thô phân biệt thức lại hay chấp

trước; dị ấy tự trở thành dị; nên gọi tên là dị tướng. Nếu nương theo danh tự để nói dị tướng này thì tùy theo tướng mà lập danh; nương vào tên chữ này mà khởi lên chỗ đứng trước; nên gọi là tướng dị. Còn diệt tướng, nghĩa của tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Diệt tướng có hai loại
Khởi nghiệp và quả báo
Phá hoại, tiền dị tâm
Làm thọ khổ, tên diệt

Luận rằng: Tướng diệt có hai loại. Những gì là hai ? Một là khởi nghiệp tướng; hai là nghiệp trối buộc tướng khổ. Như vậy 2 tướng hoại, tiền vị lập, làm cho thọ khổ luân chuyển; nên có tên là tướng diệt. Lại nữa lúc thọ khổ luân chuyển thì hay diệt tất cả vô lượng thiện phẩm; cho nên gọi là tướng diệt. Lại nữa lúc phát khởi nghiệp, Phật tánh thiện căn dần dần tổn diệt. Cho nên gọi là tướng diệt. Đã nói đầy đủ rồi bây giờ nói đến trước, sau. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Diệt, dị, trụ, sanh tướng
Như thế bốn loại tướng
Tùy trí lực mạnh yếu
Có tăng, giảm chẳng giống

Luận rằng: Tiền hậu thứ đệ gồm: Một là tướng diệt; hai là tướng dị; ba là tướng trụ và bốn là tướng sanh. Như thế bốn tướng tùy theo trí huệ mà tăng giảm chẳng đồng. Nghĩa này như thế nào ? Ở Tín vị, người khuyết một đủ ba. Tam hiền vị, người khuyết hai đủ hai. Ở thập địa; nơi đệ cửu địa khuyết 3 đủ một. Trong Thập Địa khuyết một phần thô, đủ một phần tế. Nơi Như Lai địa 4 tướng đều chẳng cứu cánh thanh tịnh. Cho nên nói rằng tăng giảm chẳng đồng.

Đã nói về Kiến Lập Môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về Tùy Thích Môn. Nương vào nơi 4 tướng kia để rõ biết phân biệt. Tức là có ngũ vị. Thế nào là năm ? Một là Thập Tín vị. Hai là Tam Hiền vị. Ba là Cửu Địa vị. Bốn là Nhơn Mãn vị và năm là Quả Mãn vị. Trong 4 vị trước có 4 việc. Những gì là 4 ? Một là thú hưởng hạnh giả; hai là tu hành nhơn tướng; ba là hành nhơn quả tướng. Bốn là huân ly cụ tướng. Chỉ đệ ngũ vị lại có 3 việc. Những gì là 3 ? Một là hay đầy đủ; hai là đối trị hành tướng; ba là mãn cứu cánh tướng. Như đây lần lượt nói về quán tương ưng. Đệ nhứt vị nói như người phạm phu. Tức là thú hưởng hạnh giả. Vị tại Thập Tín chưa được bất thoái; nên gọi là phạm phu, ra khỏi định này tên gọi là giác. Giác rõ biết tiền niệm khởi lên việc ác, tức là hiện thị tu hành nhơn tướng. Nghĩa là chưa được vào Thập Tín phía trước. Hai loại tướng diệt là điều sai trái chẳng rõ chẳng biết, đều tạo ra tất cả nhiều loại nghiệp ác rồi lan ra thọ tất cả vô lượng quả khổ. Thường hay ở trong luân hồi ngũ thú, tứ sanh chẳng bao giờ dừng nghỉ, mà làm cho rõ biết duyên lành vi diệu nói năng thanh tịnh, tức có thể vào Thập Tín vị. Rõ các ác nghiệp đã quá sai trái, rõ biết các khổ quả, đây thật chẳng vui. Nói giác là rõ niệm trước khởi ác tức là hiện thị rõ biết nghĩa của tướng diệt. Cho nên hay dừng niệm sau làm cho điều này chẳng khởi. Tức là hiện thị hành tướng của quả này. Nghĩa là ở địa vị này đầu tiên khởi lên trị đạo, khí lực thật yếu; nên gọi là làm. Phát tâm này qua đi, phát khởi trị đạo, chuyển tự tại vậy. Lại nữa trước chẳng hay, chẳng biết, thường khởi nghiệp ác, bây giờ rõ biết cho nên dần dần tâm xấu hổ, chẳng tạo ra nghiệp ác nữa. Tướng diệt ấy dừng lại, liền chẳng khởi nữa. Lại có tên là giác, tức là chẳng giác vậy. Tức là hiện thị huân ly cụ tướng. Cho nên giác rõ biết pháp thật của tướng diệt, đây là điều sai, tướng phẩm của diệt kia chẳng tạo ra việc diệt. Cho nên nói là huân ly. Tướng phẩm diệt kia từ vô thi đến nay thể tánh thanh tịnh thật là công đức, chẳng rõ chẳng biết. Cho nên nói là huân cụ. Chữ câu trong này xa rời cho đến nơi Thập Địa. Lại nữa hiện thị giác cùng với bất giác, cùng tướng tức thông qua nhứt vị vậy. Đệ nhị vị nói như nhị thừa quán trí, sơ phát tâm Bồ Tát. Tức là thú

hướng hành giả. Vị tại Tam Hiền ở nơi vị này, người không, vô lậu thành tựu tại chẳng có chỗ nghi, sợ. Cho nên khiến Nhị Thừa đồng với Bồ Tát, rõ biết tất cả. Lại nữa hiển thị ở nơi Nhị Thừa, tất cả đều tu hành con đường Bồ Tát và vào biển Tự Tại Đại Giác Địa. Rõ biết nơi niệm khác tức là hiển thị tu hành như quả tướng. Nghĩa là Nhị Thừa dị tướng, hỗ tương cùng với sức mạnh mà hay chấp thủ cảnh giới của tướng, phát khởi ái trước, tìm cầu danh tự, phân biệt ngôn tướng. Cho nên chẳng lìa ngã, ngã sở, trở thành phan duyên, suy nghĩ là tăng, cuối cùng chẳng nghĩ, mà làm cho phát khởi như không Bát Nhã. Tạo lập phương tiện, pháp không hiện tiền, rõ biết bốn giác tịnh tâm, làm cho vô minh ngủ vùi và từ mộng nơi dị tướng mà phát khởi lên tất cả chướng, phân phân chậm chậm cùng xa lìa trí mà tương ứng với đây. Từ mộng niệm kia được ở giác ngộ. Cho nên nói rằng giác ở nơi niệm dị. Niệm không có tướng dị tức là hiển thị hành như quả tướng. Nghĩa là thi giác chánh niệm, hai loại dị tướng chẳng có vậy, lấy xả thô phân biệt chấp trước tướng, tức là hiển thị dị tướng duyên. Cho nên ý thức có 2 phân biệt mà hay phân biệt tất cả các pháp. Những gì là hai ? Một là phân biệt thô; hai là tế phân biệt. Thô có nghĩa là khởi lên tham, sân, si; có thể lành phân biệt cho thuận cảnh. Còn tế nghĩa là chấp vào phép để phân biệt, hay lưu chuyển vậy. Làm cho xa lìa phân biệt thô kia. Chẳng phải phân biệt tế, mà phân biệt tế, cực hỷ ly vậy. Cho nên gọi là tương tự giác, tức là nối kết với trước rồi cùng với thô hiển thị huân ly tướng đầy đủ. Trong này tương tự nghĩa lại có 2 loại. Những gì là hai ? Một là khác loại tương tự và hai là đồng loại tương tự. Dị loại tương tự nghĩa là Nhị Thừa tương tự đồng loại tương tự vậy. Bồ Tát tương tự, Nhị Thừa như không hình, Tam Hiền không tạo tương tự nghĩa. Tam Hiền Bồ Tát phương tiện pháp không. Hình thanh tịnh địa, tạo nghĩa tương tự. Cho nên tổng nói là tương tự giác. Đệ tam vị nói như pháp thân Bồ Tát v.v... tức là thú hướng hành giả. Vị tại Cửu Địa. Cửu Địa Bồ Tát chơn như pháp giới lấy làm tự thân. Bát Nhã chơn trí lấy làm tự tâm. Cấu chứa ra khỏi, triền chướng liền đoạn. Thanh tịnh minh bạch tự tại vô ngại. Cho nên gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Giác ở nơi niệm trụ vậy. Tức là hiển thị tu hành như quả tướng. Nghĩa là 4 loại trụ tướng ở tất cả lúc, có thể phát khởi pháp chấp phân biệt. Lìa tánh bốn giác hay làm cho buồn ngủ. Bốn giác của tâm, mộng nơi trụ tướng, chẳng thể rõ biết, cuồng loạn mà trụ. Làm cho phát ra thi giác Bát Nhã, như mặt trời chiếu tướng, tối tăm mê loạn trụ. Thi giác chánh trí không có tánh phân biệt. Mê loạn trụ tướng thì có tánh phân biệt, không có giác loạn, thật tương vi vậy. Chẳng thể cụ hành. Như vậy đạo lý phân minh hiện tiền. Cho nên nói là giác nơi niệm trụ. Niệm vô trụ tướng có nghĩa là hiển thị hành như quả tướng, dùng lìa phân biệt, niệm tướng thô; tức là hiển thị vô trụ tương duyên. Nghĩa là 4 loại trụ tướng hình ở tướng sanh kia, hiện ra cực thô, sợ sanh trụ tế, tướng nhỏ tạp loạn; nên nói như thế này. Dùng quán tư duy, như thế 4 loại mê loạn trụ tướng, như điều này lần lượt, ở nơi cực hỷ địa, qua tam hữu địa, tịch diệt tịnh địa Thiện Huệ Địa, mỗi mỗi lìa một tướng. Cho nên nói là tùy phần giác là vậy. Nghĩa là nối kết với trước rồi hiển thị thô, huân ly Cụ tướng. Sanh nơi niệm tế chưa ra khỏi.

Đệ Tứ vị nói như Bồ Tát Địa Tận vậy. Tức là thú hướng hành giả. Trong câu, chữ này tự có 2 người. Những gì là hai ? Một là như viên mãn; hai là quả viên mãn. Như viên mãn nghĩa là học địa tận. Quả viên mãn nghĩa là vô học quả vậy, đầy đủ cứu cánh cho nên sơ như đối trị Cụ hợp động tướng. Hậu như đối trị độc lực nghiệp tướng cùng với đại vô minh. Độc lực tùy tướng chẳng có đoạn pháp, không có con đường đối trị. Từ đây trở xuống hiển thị hai loại viên mãn vậy. Đầy đủ phương tiện, một niệm tương ứng, tức là hiển thị cái như viên mãn vậy. Nghĩa là ở vị này tức có hai loại Kim Cang Dự Định. Những gì là hai ? Một là phương tiện Kim Cang; hai là chánh thể Kim Cang vô cấu hành giả. Hai loại Kim Cang dự cho Tam Ma Địa, lấy làm tự thể. Cho nên dẫn đường chỉ lối cho người kia. Giác tâm sơ khởi, tâm không sợ tướng; tức là hiển thị quả viên mãn. Đại Viên Cảnh Trí phân biệt hiện tiền, không có chỗ nào là chẳng khắp, không có chỗ nào là chẳng cùng; pháp giới như thể chẳng có cùng vậy. Độc lực nghiệp tướng căn bản vô minh chẳng nên tự có; bình đẳng hư không, một tướng không tướng, vô sở niệm vậy. Dùng sự xa lìa niệm vi tế cho nên được thấy tánh của tâm. Tâm tức là thường trụ, gọi là cứu cánh giác vậy. Tức là hiển thị thi giác Bát Nhã tướng viên mãn, mà được đến nơi vô sanh giác. Cho nên kinh nói: Nếu có chúng sanh hay

quán vô niệm, tức là vì hướng đến Phật địa vậy. Tức là dẫn theo lời kinh để tự nói. Như vậy thì kinh vẫn làm chứng được nghĩa gì ? Chứng được Phật quả vậy. Thế nào là chứng ? Nghĩa là Phật quả chứng thành, xa lìa hai loại niệm vậy. Những gì là hai ? Một là đại vô minh niệm; hai là nghiệp tế tướng niệm. Như vậy hai niệm cực giải thoát đạo một thời tương phiến. Chẳng thể cùng hành. Cho nên nói rằng Phật quả vô niệm. Nếu không có vọng niệm thì sẽ có niệm gì ? Nghĩa là chánh niệm vậy. Thế nào gọi là chánh niệm ? Mười đức tương ưng vậy. Những gì là mười ?

Một là xuất ly công đức, xa rời tất cả các nạn xứ.

Hai là đồng thể công đức, tất cả nhiệm pháp quy về nơi chính mình.

Ba là thường trụ công đức, xa rời những sai trái có lúc ban đầu.

Bốn là nhứt vị công đức, đầy đủ thi giác, thường bốn giác.

Năm là Cụ ly công đức, xa rời tất cả nhiễm tịnh pháp.

Sáu là hoàn chuyển công đức, chu biến đản sanh nơi các thú.

Bảy là vô trụ công đức, đối với tất cả nơi, vô tại xứ vậy.

Tám là tu hành công đức, vì các chúng sanh tu vạn hạnh vậy.

Chín là viên mãn công đức, vì các chúng sanh, thành giác đạo vậy.-

Mười là Hư Không công đức, như trước đã nói về các loại công đức

Từ xưa đến nay tự tánh đều không, không thật có. Cho nên gọi là mười. Như thế 10 công đức cùng với cực giải thoát ở sát na đầu tiên, cùng hành cùng khởi, chẳng có trước sau; nhứt thời đều chuyển nên gọi tên là chánh niệm. Dẫn dụ kinh văn, chẳng ra khỏi nghĩa này; nên xem quan sát. Lại nữa tâm khởi, không có tướng đầu có thể rõ biết mà nói rõ tướng đầu. Tức nghĩa là vô niệm vậy. Tức là trừ nghi làm cho sanh thẳng giải; nghĩa là có chúng sanh tạo nghi như thế này, cực giải thoát đạo lúc gặp bốn giác thì vì tế sanh ra đầu tiên, rõ biết được có chăng ? rõ biết được không chăng ? Nếu rõ biết được có, cực giải thoát đạo thường chẳng vô niệm. Vì sao thế ? Rõ biết có sơ niệm thì có sơ niệm vậy. Nếu rõ biết vô thì cực giải thoát đạo sẽ chẳng thể có. Vì sao thế ? Liền không có niệm đầu. Chờ đợi niệm nào không lập giải thoát đạo ấy có. Như vậy là nghi rồi. Làm cho tự thông mà nói. Chỗ rõ biết tướng từ trước đến nay tự tánh không, vô. Có thể rõ biết trí, từ trước đến nay chẳng có lúc khởi, liền chẳng có tướng chỗ giác. Lại chẳng thể trí giác, há có thể nói rằng có tế ở tướng đầu mà trí tuệ có thể biết chăng; nên nói rõ biết sơ tướng, tức là hiển thị vô niệm thông lý. Vì sao vậy ? Vì lý của pháp tánh vậy. Tuy chẳng rõ biết tướng khởi đầu, lại chẳng thể rõ trí thi giác, mà hay thông đạt, không chỗ tri tướng, chẳng hay rõ biết. Chẳng có chỗ giác đều chẳng không không. Cho nên làm cho nên lại nương vào đạo lý này, nói như thế ấy, rõ biết tướng đầu tiên ấy. Cho nên tất cả chúng sanh chẳng gọi là giác, vì từ xưa đến nay niệm niệm tương tục, chưa hề lìa niệm; nên nói là vô thi, vô minh. Tức là thành lập nghĩa thượng vô niệm. Nghĩa là Kim Cang hoàn lại tất cả chúng sanh.

Độc lực nghiệp tướng đại vô minh, niệm chưa rời khỏi; tức là hiển thị tất cả chúng sanh đều có niệm, gọi là chúng sanh. Tất cả chư Phật đều vô niệm; nên gọi là Phật. Từ đây xuống dưới hiển thị thi giác, cảnh giới chu biến viên mãn. Nghĩa là bậc Đại Giác vậy, đã đến bờ kia rồi. Có trí tuệ biên khắp tất cả vô lượng chúng sanh; một tâm lưu chuyển tạo 4 tướng vậy. Như điều căn bản, nếu người được vô niệm, tức là rõ biết tâm tướng của sanh trụ dị diệt. Vậy thì dùng nghĩa gì để rõ biết điều này ? Lúc được chính mình vô niệm rồi, thì tất cả chúng sanh bình đẳng được vậy. Như điều căn bản là lấy vô niệm sánh với. Lấy nghĩa gì vậy ? Chỉ có một mình hành giả lúc được vô niệm thì tất cả chúng sanh tất được vô niệm. Mỗi mỗi chúng sanh tất cả đều có bản giác ấy. Nghĩa này như thế nào ? Nghĩa là mỗi một hành giả, thi giác viên mãn lúc mà đồng với bản giác thì cùng biến khắp tất cả vô lượng chúng sanh trong tâm của bản giác; chẳng phải là tự bản giác. Vì sao thế ? Tự tánh bản giác bao trùm chúng sanh giới; chẳng có chỗ nào là chẳng đến. Người có được tánh thanh tịnh giác, lúc được vô niệm, thì tất cả chúng sanh đều được vô niệm. Bậc thanh tịnh giác lúc đoạn trừ vô minh, thì tất cả chúng sanh lại có thể đoạn được chăng ? Nếu mà không đúng thì hoặc lúc bậc Thi Giác đoạn vô

minh, tất cả chúng sanh đều có thể đoạn. Vì sao bên trên lại nói trở lại Kim Cang tất cả chúng sanh, độc lực nghiệp tướng đại vô minh niệm ? Vì chưa ra khỏi nên chẳng gọi là giác. Nếu các chúng sanh vô thi vô minh chưa được ra khỏi mà cùng với chư Phật đồng được vô niệm thì vô niệm cùng nghĩa ấy. Chỉ có nói chẳng có thật nghĩa, há lại có thể nói tất cả chúng sanh đều có bốn giác lại cũng có Thi Giác. Quyết đoạn điều khó này tức có hai môn. Những gì là hai ? Một là tự tông quyết đoạn; hai là vọng biệt quyết đoạn. Tự tông quyết đoạn nghĩa là luận này chánh tông vì muốn hiển thị tất cả chúng sanh đồng như, tương tục không sai biệt. Cho nên được nói là kẻ tu hành, vô thi vô minh cứu cánh đoạn, thì tất cả chúng sanh lại cũng đồng đoạn tận. Nói kẻ tu hành tức là lúc đầy đủ Thi Giác. Tất cả chúng sanh lại cũng được đầy đủ. Cho nên ba thân vốn có, như trong kệ kinh nói như thế này:

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Ta do hai việc mà thành chánh giác. Những gì là hai ? Một là đoạn đẳng; hai là đắc đẳng. Nói đoạn đẳng có nghĩa là, ta đã ra khỏi con đường sơ phát khởi, khi mà tất cả chúng sanh còn vô lượng, vô thi, vô minh. Một lúc rốt ráo liền quyết đoạn. Nên nói là đẳng. Lúc ta mới thành đạo, đầy đủ thi giác, tất cả chúng sanh đều đầy đủ cả. Cho nên gọi là nhị đẳng. Còn vọng biệt quyết đoạn nghĩa là đưa ra việc đầy đủ. Vọng về chúng sanh giới; chẳng có mỗi một pháp nào mà chẳng thanh tịnh; đưa chúng sanh hướng đến Vô Thượng Tôn. Nhập vô minh tạng, chẳng chỗ rõ biết. Tất cả đều thanh tịnh, chẳng có chỗ chướng ngại. Vô niệm cùng với nghĩa được thành lập. Nhập vô minh tạng, chẳng rõ biết. Như câu văn ở trên đã nói, chẳng sai bao nhiêu. Đưa ra một góc này để có thể quan sát rộng ra. Từ đây xuống dưới, hòa cùng Thi Giác làm cho đồng với Bản Giác. Nghĩa là 51 phần đầy đủ Thi Giác. Thật chẳng đời hơn dần dần khác biệt. Lại cũng chẳng cứu cánh viên mãn tuyệt đối. Vì sao như thế ? Vì tất cả Thi Giác 4 tướng đầy đủ, lúc ấy được dừng nghỉ; tất cả đều chẳng tự lập. Từ xưa đến nay một vị bình đẳng, tự tánh viên mãn, kệ đồng chẳng hai, một tướng giác vậy. Như cái gốc mà thật chẳng có Thi Giác dị biệt, lúc lấy 4 tướng đầy đủ mà có, tất cả đều chẳng tự lập nên. Bản lai bình đẳng cùng với một giác vậy.

Trong kệ kinh Đại Tổng Trì nói như thế này: Ngộ, diệt, tướng phẩm thi giác bát nhã, trong có diệt tướng dị mà cùng với có đầy đủ. Trong khi không diệt thì Thi Giác theo không. Ngộ dị tướng phẩm, Thi Giác Bát Nhã là trong có tướng vị khác mà cùng với có đủ, thì chẳng khác và Thi Giác tùy theo đó không. Ngộ trụ tướng phẩm, Thi Giác Bát Nhã, trong có trụ tướng vị, mà cùng với có đầy đủ thì lúc vô trụ, thi giác tùy theo đó mà không. Ngộ sanh tướng phẩm, Thi Giác Bát Nhã; tuy có sanh tướng vị, mà cùng với có đầy đủ thì trong lúc chẳng sanh, Thi Giác tùy đó mà không. Vì sao như vậy ? Vì tất cả Thi Giác chẳng thể tự khởi sẽ chờ nhiệm pháp, mới được khởi lên. Tất cả nhiệm pháp chẳng thể tự diệt, sẽ chờ trí lực mà được diệt tận. Rộng nói cho đến từ xưa chí nay tất cả nhiệm pháp tự thể là không, chẳng có, mà Thi Giác thì không có nơi chôn tạo ra sự lý giải là có. Đầy đủ thì chuyển đổi, chẳng gọi là chánh vậy.

Đã nói rộng về Thi Giác quyết trách phần rồi; bây giờ lần nói rộng về Bản Giác quyết trách phần.

Viết rằng: Lại nữa Bản Giác tùy theo sự nhiễm ô mà phân biệt sanh ra hai loại tướng, cùng với Bản Giác kia chẳng có tướng xa lìa. Thế nào là hai ? Một là Trí tịnh tướng. Hai là Bất tư nghi nghiệp tướng.

Trí tịnh tướng nghĩa là nương vào pháp lực, huân tập như thật tu hành đầy đủ phương tiện vậy. Phá hòa hợp thức tướng, diệt tương tục tâm tướng; hiển hiện pháp thân, trí thuần tịnh vậy. Nghĩa này như thế nào? Dùng tất cả tướng của tâm thức, tất cả đều là vô minh; tướng của vô minh thì chẳng lìa giác tánh; chẳng thể hoại và chẳng thể chẳng hoại. Như nước trong biển lớn, cái nhỏ là gió nên sóng động. Tướng của nước, tướng của gió chẳng có tướng xa lìa; vốn nước chẳng có tánh động; nếu gió dừng nghỉ thì tướng động ấy liền mất, tánh ướt chẳng hoại đi. Như thế tự tánh của chúng sanh vốn là tâm thanh tịnh. Nhơn vì vô minh nên gió động; tâm cũng vô minh, lại chẳng hình tướng; nên chẳng thể xa lìa, mà tâm là tánh chẳng động; nên vô minh diệt thì tương tục sẽ diệt. Trí tánh bất hoại.

Bất tư nghì nghiệp tướng nghĩa là nương vào chỗ trí thanh tịnh ấy có thể tạo tất cả những thắng diệu cảnh giới. Cho nên vô lượng công đức của tướng, thường chẳng đoạn tuyệt. Tùy theo căn của chúng sanh, tự nhiên tương ứng; nhiều loại hiện được lợi ích vậy.

Luận rằng: Liên nói rộng về tùy theo sự nhiễm ô của Bản giác quyết trạch phần. Đối với câu văn này tức có hai môn. Những gì là hai ? Một là Bản hữu tánh trí thanh tịnh môn. Hai là nghiệp dụng tự tại vô ngại môn. Trong môn đệ nhưt có hai môn. Những gì là hai ? Một là bất thủ tự tánh tùy duyên môn; hai là đối trị tất cả nghiệp chướng môn. Trong đệ nhị môn lại cũng có hai môn. Những gì là hai ? Một là tùy thuận căn cơ khế đương môn; hai là bất động bản tánh thường tịnh môn. Như vậy 4 môn này tùy theo thích ứng mà phân phối.

Bổn Giác tùy nhiễm tức là nói câu giản lược. Giản dị thanh tịnh bản giác trí vậy. Câu này vì muốn hiển thị nghĩa gì vậy ? Nghĩa là vì hiển thị thọ huân nghĩa vậy. Xương lên ngay rằng Bản Giác thọ vô minh huân, chẳng cần giữ tự tánh. Tùy duyên vô ngại đầy đủ chuyển đổi vậy. Cho nên gọi là Bản Giác tùy nhiễm. Tức là câu chữ này từ chỗ tùy nhiễm mà lập nên tên gọi. Từ đây trở xuống hiển ngay, có thể tùy theo Bản Giác thể tướng, phân biệt sanh hai loại tướng cùng với Bản Giác kia, chẳng hề rời nhau. Những gì là hai ? Một là trí tịnh tướng; hai là bất tư nghì nghiệp tướng. Như thế hai loại tướng thù thắng cùng với Tùy Nhiễm Bản Giác tánh trí kia cùng hành cùng chuyển chẳng hề rời nhau. Như thế Bản Giác trí tịnh hạnh tướng. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Pha diệt tất cả chúng

Hiện hiện pháp tánh thân

Thật trí thanh tịnh vậy

Tên là Trí Tịnh tướng

Luận rằng: Đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, đầy đủ công đức viên mãn trí tuệ, trang nghiêm pháp thân thì gọi là Trí Tịnh tướng. Đoạn tất cả chướng phải đủ lực gì? Đầy đủ túc lực. Mãn túc lực nghĩa là có bao nhiêu loại ? Có hai loại vậy. Những gì là hai ? Một là pháp lực huân tập mãn túc phương tiện lực; hai là như thật tu hành mãn túc phương tiện lực. Như thế hai loại phương tiện lực. Từ vô thi đến, tự nhiên thường trụ, chẳng bắt đầu mà khởi; như thế trong hai ấy nương vào pháp lực huân tập, mãn túc phương tiện lực vậy. Phá căn bản vô minh cùng với độc lực nghiệp tướng. Nương vào như thật tu hành mãn túc phương tiện lực vậy. Diệt cụ hợp nghiệp tướng hay thấy tướng và cùng với hiện tướng phân biệt trí tướng cùng với tương tục tướng. Phá căn bản vô minh độc lực nghiệp tướng vậy. Tự tánh thân thể rõ biết hiện tiền. Diệt cụ hợp tướng cùng sự tương tục vậy. Bất Nhã thật trí thuần tịnh minh bạch. Như bổn trí tịnh tướng nghĩa là nương vào pháp lực huân tập như thật tu hành mãn túc phương tiện vậy. Phá hòa hợp thức tướng, diệt tương tục tâm tướng, hiển hiện pháp thân trí, thuần tịnh vậy.

Vì sao mà Tam Hiền và Thập Tín vị lại lược qua chẳng có hiển thị ? Điều này sẽ lần lượt phân minh hiển bày vậy. Vì sao làm cho trong môn này tối sơ đối trị căn bản vô minh cho đến tối hậu đối trị diệt tướng ? Vì muốn giản dị Thi Giác Bát Nhã; hoặc ngộ lần lượt vậy. Vì sao mà Thi Giác quên Phạm hướng Thánh ? Trên trên đi đi, vì lần lượt chuyển đổi và tùy nhiễm bổn giác thì quên Thánh hướng phạm. Còn dưới dưới đến đến thì lần lượt chuyển đổi và lấy pháp này vậy. Như thế hai loại chuyển sẽ cùng một lúc sao ? hay trước sau ? Quyết định cùng lúc tức là chẳng có trước sau. Như vậy cùng với nghĩa gì mà trong khế kinh nói rõ ràng ? Nghĩa là các kinh nói làm minh chứng. Trong khế kinh kia nói như thế nào ? Nghĩa là khế kinh kia chứng nói như thế này:

Lúc bấy giờ Đà La Ni Bồ Tát phát ra 10.000 câu hỏi đến Đức Như Lai. Đối với Như Lai liền tạo ra 10 vạn quyết nghi khó đáp và mở ra cho Bồ Tát hỏi và như thế lần lượt đáp câu hỏi kia rồi, liền bảo Đà La Ni Bồ Tát rằng: Vì sao như giả chẳng hỏi một việc mà hỏi nhiều việc ? Vì để trừ chỗ nghi của Phật Tử mà ta khai mở cho câu hỏi, vì tự lợi tha; nên hỏi Như Lai.

Lúc ấy Đà La Ni Bồ Tát liền thừa uy thần của Phật mà bạch Phật rằng: Thế Tôn vì nhơn duyên gì vậy ? Rồi ở trong đại chúng xướng lên lời như vậy:

Hãy nghe các Phật Tử
Ta từ chỗ trời buộc
Trải qua tất cả địa
Viên mãn hành nhơn hải
Trang nghiêm quả Đại Giác
Ta từ thanh tịnh địa
Trải qua tất cả địa
Cùng tất cả vạn hạnh
Được đệ nhất Tín Vị
Vào trong biển vô minh
Như thế hai việc lớn
Một lúc chẳng trước sau

Ta cùng với tất cả đại chúng, lúc còn hoài nghi chưa giải thoát, như thế Đức Thế Tôn vì các Phật Tử đủ loại phương tiện mà khai thị. Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Ngài Tổng Trì rằng:

Hãy nghe cho rõ! Hãy nghe cho rõ và hãy suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì người mà lược nói điều chính yếu này.

Này Thiện Nam Tử! Đây là hai việc lớn hiển thị hai loại Bát Nhã Giác Trí. Những gì là hai ? Một là Thi Giác Bát Nhã. Hai là Bản Giác Bát Nhã.

Này Thiện Nam Tử! Thi Giác Bát Nhã là từ chỗ bị cột trời dần dần ra khỏi, cho đến Kim Cang viên mãn nhơn hạnh, phát cứu cánh đạo, đốn đoạn căn bản vô minh trụ địa, ánh sáng giác ngộ chiếu soi tròn khắp không có chỗ nào là chẳng đến. Cho nên gọi tên là Thi Giác Bát Nhã.

Này Thiện Nam Tử! Còn Bản Giác Bát Nhã nghĩa là từ tánh thanh tịnh dần dần xa lìa; cho đến tìn sơ, phát cứu cánh trí, đoạn diệt tướng phàm, vào biển vô minh, tùy duyên động chuyển. Cho nên gọi đây là Bản Giác Bát Nhã.

Ở nơi đây Tổng Trì và tất cả Đại Chúng nghe điều này rồi, rõ biết các pháp một tướng một thể và lại chẳng không một tướng, lại chẳng không một thể; lại chẳng vô ngôn; không vô ngôn lại cũng không, mà các pháp tánh lại là thật tướng, lại là thường trụ; lại là quyết định, lại là thật hữu vậy. Từ đây trở xuống biệt thích tán thuyết, hiển thị nhơn duyên. Nghĩa này là gì ? Tức là tổng vân vậy. Lấy tất cả tâm thức của tướng; tất cả đều là vô minh, tức là tổng đáp. Cho nên đủ loại hí luận thức, phát khởi đủ loại, nhiều những phan duyên. Suy rõ tất cả vô lượng cảnh giới. Bị nhiễm trước tất cả cảnh giới tướng, chẳng thể xa lìa. Tất cả đều là vô minh khí phân vậy. Tức là thành lập bên trên, chỗ nói phá diệt 2 nghĩa. Từ đây xuống dưới hiển thị đoạn phí đoạn của sự sai biệt. Trong này vô minh sẽ có thể đoạn được chăng ? Sẽ chẳng thể đoạn được chăng ? Điều này là chỗ nghi. Nếu có thể đoạn được thì cái tâm của Bản Giác lại cũng có thể đoạn được. Vì sao vậy ? Vì vô minh nhiễm pháp, bản giác tánh trí, cùng hành cùng chuyển, chẳng thể xa lìa; giống như người nằm ngủ và người rõ biết, cùng hành cùng chuyển, chẳng xa lìa vậy. Lại chẳng thể nói là lúc người ngủ, rõ biết chẳng bị thương, tương tục như một vậy. Lại chẳng thể nói lúc được rõ biết người ngủ không gì cả, tương tục giống như thế. Nếu nói khác đi tức quá sai vậy. Nếu người chẳng đoạn được, tự tánh thanh tịnh tâm, thường vì vô minh che lấp mà luân chuyển trong 5 đường, chẳng thể ra khỏi. Cho nên nếu nói chẳng thể đoạn, lại cũng quá sai. Như thế vô minh lại chẳng thể đoạn được sao ? Lại chẳng thể đoạn trừ thì nghĩa này như thế nào ? Vô minh bản giác có hai nghĩa. Thế nào là hai ? Một là đồng thể đồng tướng nghĩa; hai là dị thể dị tướng nghĩa. Nói đồng nghĩa có nghĩa là tất cả các pháp đều là cái lý vậy. Nói dị nghĩa nghĩa là tất cả các pháp công đức quá hoạn, mỗi mỗi sai biệt vậy. Nếu làm cho sơ môn chẳng thể đoạn trừ; nếu làm cho cửa sau chẳng thể đoạn trừ thì trong các pháp vô hành khế kinh nói như thế này:

Tham dục là Niết Bàn
Sân si cũng như vậy

Như vậy ba việc kia
Có vô lượng Phật đạo
Thấy chẳng thấy một tướng
Đắm chẳng đắm cũng vậy
Đây không Phật, không Pháp
Rõ đây gọi thể trí

Trong khế kinh Bốn Địa nói như thế này:
Căn bản vô minh che
Lực này thật là lớn
Hay chướng tất cả trí
Làm được chẳng tự tại
Đoạn liền kiếm Bát Nhã
Trang sức công đức bảo
Biển vô minh dân khô
Núi pháp thân hiển bày

Như nói: Vô minh là tướng chẳng rời giác tánh, chẳng thể hoại, chẳng phải chẳng hoại. Từ đây trở xuống hiển thị nói thí dụ. Đại hải dụ cho A Lợi Gia Thức. Thức này có hai nghĩa. Rộng rãi đầy đủ như biển lớn. Nước ấy dụ cho bản giác của tâm. Tự tánh thanh tịnh tâm hiển rõ minh bạch, như nước trong vậy. Gió đây dụ cho căn bản của vô minh. Căn bản bất giác có thể khởi chuyển động suy nghĩ của thức, như gió kia vậy. Sóng động ấy dụ cho các thức hí luận. Như vậy các thức dời đổi lưu chuyển, đến đi vô thường như sóng biển vậy. Tướng của nước, tướng của gió chẳng lìa khỏi nhau dụ cho tướng của chơn vọng, đều do sự hòa hợp chuyển đổi. Nghĩa là bản giác tâm chẳng thể tự khởi, sẽ từ lực của vô minh mà có thể khởi được. Căn bản của vô minh chẳng thể chuyển; nhưng do cái nhọn quan yếu là lực của chơn tâm mới có thể chuyển được; như nước chẳng thể tự tạo ra sóng vậy. Cái nhọn của gió là lực mới có thể tạo ra sóng. Gió không tự hiện ra tiếng động được. Do gốc là nước kia mới có thể hiện ra tướng chuyển động được, mà nước thì không có tánh động, dụ cho bản giác tâm lìa hữu làm tướng. Nghĩa là bản giác chơn tâm từ xưa đến nay xa rời động niệm, giải thoát sự cột trói, thể tánh thanh tịnh tương dụng tự tại, mà chẳng giữ tự tánh. Tùy theo cái duyên của vô minh, tạo ra nhiều tướng khác. Ví như nước chẳng có tánh động mà chẳng giữ tự tánh vậy. Tùy theo gió duyên vào tạo ra các loại sóng. Nếu gió ngừng lại thì tướng động liền mất. Dụ cho căn bản vô minh diệt, hí luận các thức tất cả mất chẳng còn. Bản giác đoạn chướng, trước đối trị với căn bản của vô minh. Sau đó đối trị với các thức suy nghĩ phan duyên. Tánh ướt chẳng hoại dụ cho Bản Giác trí, lìa pháp đoạn diệt. Nghĩa là vô minh diệt thì các thức đều bất. Bản giác chơn tâm không có hoại diệt như gió kia mất thì tất cả sóng kia liền thành nước trắng yên, cuối cùng chẳng hoại diệt. Từ đây trở xuống hiển thị cùng nói. Như đây lần lượt nên chia ra chăng ?

Biển lớn gió nước từ đâu mà sanh ? Nghĩa là từ Long Vương sanh vậy. Mỗi mỗi đều từ nơi nào sanh ra ? Nghĩa là nước từ trên đầu mà ra. Gió thì từ dưới đuôi mà ra. Tại sao nước biển làm cho gió chuyển động tạo ra nhiều loại sóng chẳng ngừng nghỉ ? Nghĩa là do hai việc. Thế nào là hai ? Một là có loại giống hạt lớn; hai là do pháp vậy. Đây nghĩa ra làm sao ? Ở trong nước lớn ấy lại có chứa gió lớn. Trong gió lớn ấy lại có chứa nước lớn. Hỗ tương với nhau của sự có này mà cùng hòa hợp tác động tạo ra nhiều loại sóng, thường hằng tương tục chẳng có dứt mất. Nếu trong nước lớn chẳng có gió lớn thì gió sẽ chẳng thể làm cho nước động. Nếu trong gió lớn kia không có nước lớn kia thì nước ấy sẽ chẳng thể tùy theo gió mà chuyển động. Vì sao vậy ? Dùng bốn loại lớn đều sanh đều chuyển, chẳng lìa nhau vậy, mà tùy theo một đại phân minh hiện rõ, chẳng dư cái lớn ra. Tướng tăng tướng giảm chẳng đồng. Lại nữa từ vô thủy đến nay do pháp vậy. Vô minh bản giác lại cũng như vậy. Đại Long Vương đây dụ cho một tâm pháp; gió đây dụ cho vô minh trụ địa. Từ sau đuôi hiện ra là hiển thị pháp này hạ liệt hình tướng. Nước ấy dụ cho Bản Giác chơn tâm. Từ đầu ra dụ cho hiển thị pháp

này là thắng diệu hình tướng. Trong nước lớn kia lại cũng có gió lớn dụ cho tự tánh thanh tịnh, trong bản giác tâm có căn bản của vô minh. Trong gió lớn kia lại có nước lớn dụ cho căn bản vô minh trong ấy có tàng chứa Bản Giác Phật Tánh. Luận này bốn ý là lấy dị tướng làm đầu và đồng tướng làm sau. Tùy theo đó mà quán. Trong chư Phật Vô Tận Tạng khế kinh nói như thế này:

Trong biển phiền não to lớn kia có viên mãn Như Lai, tuyên thuyết thật tướng với cái lý thường trụ. Trong Bản Giác thật tánh có vô minh chúng sanh, khởi lên vô lượng vô biên sóng phiền não. Như thế việc lớn ấy ở cảnh giới Phật, Bồ Tát; chẳng thể phạm phu nhị thừa có thể rõ biết được.

Đã nói về bản hữu tánh trí thanh tịnh môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến nghiệp dụng tự tại vô ngại môn. Trong cái nghĩa của môn này: Bản hữu tánh trí lấy làm chỗ nương tựa, khởi lên hóa dụng, làm cho tất cả kẻ tu hành, hiển thị đủ loại thắng diệu sắc tướng. Lấy nhãn căn tạo cảnh giới, xuất hiện đủ loại thắng diệu âm thanh. Lấy nhĩ căn tạo cảnh giới, phát khởi đủ loại thắng diệu phân hương. Lấy tỉ căn tạo cảnh giới, xuất hiện đủ loại thắng diệu pháp vị. Lấy thiệt căn tạo cảnh giới, phát khởi đủ loại thắng diệu Tam Muội xúc. Lấy thân căn tạo cảnh giới, xuất hiện đủ loại thậm thâm pháp tạng. Lấy ý căn tạo ra cảnh giới... như thế lần lượt quang minh nhật nguyệt bảo đức Như Lai. Âm thanh Phạm hưởng thanh tịnh Như Lai. Hương Tích Phần lưu viên mãn Như Lai. Nhứt vị vô tạp bình đẳng Như Lai. Giác xúc phân minh hiển tướng Như Lai. Trí tuệ minh đạt biến mãn Như Lai. Cụ Túc thành tựu tùy thời tùy xứ, tùy cơ, căn lượng; giáo hóa lợi ích vô ngại tự tại. Chẳng động một niệm biến khắp trong 3 đời; chẳng lìa một thân, đầy trong 10 phương mà có thể làm những Phật sự vậy. Như gốc, bất khả tư nghì nghiệp tướng ấy nương vào trí tịnh có thể tạo nên tất cả thắng diệu cảnh giới. Cho nên vô lượng công đức của tướng thường chẳng đoạn tuyệt, tùy theo chúng sanh căn, tự nhiên tương ứng, đủ loại mà hiện, được lợi ích nhiều lắm.

Đã nói rộng về tùy niệm bản giác môn. Bây giờ lần lượt nói rộng về tánh tịnh bản giác môn.

Nói rằng: Lại nữa giác thể tướng có bốn loại nghĩa lớn cùng với hư không giống như kiếng sạch. Thế nào là bốn ?

Một là như một cái kiếng không, xa lìa tất cả tâm cảnh giới tướng, không có pháp nào có thể hiện được. Nghĩa là chẳng thể chiếu rõ được.

Hai là như huân tập kiếng. Nghĩa là như thật, chẳng trống không. Tất cả thế gian cảnh giới tất đều hiện ở trong. Chẳng ra, chẳng vào, chẳng mất, chẳng hoại thường trụ ở một tâm, dùng tất cả pháp, tức là chơn thật tánh vậy. Lại nữa tất cả nhiễm pháp lại chẳng thể nhiễm; trí thể chẳng động, đầy đủ vô lậu huân chúng sanh vậy.

Ba là pháp xuất ly kiếng. Nghĩa là không không pháp ra khỏi phiền não ngại, trí ngại; lìa tướng hòa hợp, thuần sạch sáng vậy.

Bốn là duyên huân tập kiếng. Nghĩa là nương vào pháp xuất lý, biến chiếu nơi tâm chúng sanh, làm cho tu căn lành, tùy theo niệm mà thị hiện vậy.

Luận rằng: Tức là rộng nói tánh tịnh bản giác phần. Trong đây có bốn nghĩa lớn. Mỗi mỗi có hai nghĩa, cùng với nghĩa lớn kia chẳng hề xa lìa. Những gì là hai ? Một là nghĩa sánh với không. Hai là nghĩa giống với kiếng. Như gốc lại nữa giác thể tướng có 4 nghĩa loại lớn cùng với hư không giống như kiếng sạch. Thế nào gọi là như thật không kính ? Lại có hai nghĩa. Tướng này ra sao ?

Tụng rằng:

Tánh tịnh trong Bản Giác

Xa lìa như rõ biết

Xa rời cảnh vọng, thật

Là nghĩa không, viễn ly

Kính Ma Xà Bạt Bà

Đưa một chẳng phải một

Luận rằng: Trong Tánh tịnh Bản giác thể tánh, xa rời tất cả những phan duyên suy nghĩ, cùng các thức hí luận; thành tựu một vị bình đẳng nghĩa; cho nên gọi là như. Xa lìa tất cả những hư vọng cảnh giới đủ loại tương phân, thành tựu quyết định tướng chân thật thì gọi đây là thật. Vì muốn hiển thị, nghĩa xa lìa, cho nên gọi là không. Kiếng ấy dụ cho danh từ. Rồi trong cái kiếng này dụ cho Ma Xà Bạt Bà châu kiếng, chẳng dùng những loại dầu để tẩy kiếng làm thí dụ. Vì sao vậy ? Lấy kiếng Ma Xà Bạt Bà quý báu này để một chỗ thì chỗ kiếng quý này trong đó hoặc có chứa đá; hoặc có chứa đủ loại đồ ăn; hoặc có chứa đủ loại đồ tốt đẹp; hoặc có chứa cùng loại kiếng quý. Trong kiếng quý ấy chẳng có hình nào chẳng hiện. Chỉ có cùng loại châu báu phân minh hiển rõ và như thật không kiếng cũng lại như vậy. Đối với trong kiếng này tuy đồng tự loại thanh tịnh công đức an vị mà thành; đủ loại sai biệt và pháp quá hoạn, tất cả đều xa lìa. Như gốc kia, thế nào là bốn ?

Một là như thật không kính, xa lìa tất cả tâm cảnh giới tướng, chẳng có pháp nào có thể hiện được. Vì sao mỗi thứ có 2 loại nghĩa ? mà duy để chỉ nghĩa cùng kính. Nghĩa không ấy chẳng hiển thị sao ? Lấy một nghĩa kiêm luôn một nghĩa kia. Nếu mà như vậy thì sao gọi là nghĩa là đẳng không ? Tức là như hư không thanh tịnh, chẳng nhiễm 4 chướng, lại chẳng thể che đậy, rộng lớn vô biên, chẳng thể nhiếp được 3 đời. Như thật không kính lại cũng như vậy. Phi giác chiếu nghĩa cố là hiển thị xa lìa nhơn duyên. Tức như trong kiếng quý Ma Xà Bạt Bà kia; đá và những hình ảnh khác không hiện lên. Đá và những pháp kia bị dơ uế vậy. Trong kiếng quý bản giác này đủ loại vọng pháp chẳng thể hiện ra trước. Tất cả nhiễm pháp, tất cả đều là vô minh nên tướng là bất giác. Nghĩa là chẳng chiếu đến được. Sao gọi là nhơn huân tập kính và 2 nghĩa ấy với tướng này là gì ?

Tụng rằng:

Tánh tịnh bản giác trí
Ba loại thể gian pháp
Tất cả chẳng xa lìa
Lấy một giác huân tập
Trang nghiêm pháp thân quả
Nên gọi nhơn huân tập
Vòng kiếng nhiều hoa lê
Không dung chứa biến một

Luận rằng: Tánh tịnh bản giác trong 3 đời tất cả đều chẳng lìa, huân tập 3 kia mà làm một giác. Trang nghiêm một pháp thân lớn là quả. Cho nên nói là nhơn huân tập kiếng. Vì sao gọi là 3 loại thể gian ? Một là chúng sanh thể gian; hai là khí thể gian; ba là trí chánh giác thể gian. Chúng sanh thể gian nghĩa là dị sanh tánh giới. Khí thể gian nghĩa là nương vào nơi đất ấy. Trí chánh giác thể gian nghĩa là Phật, Bồ Tát. Đây gọi là ba. Trong này kính nghĩa là bánh xe nhiều như hoa lê, giống như bánh xe có đầy hoa lê, để yên một nơi mà gồm thâu các vật. Do hoa này mà chiếu dụ tất cả các vật, tất cả đều sáng sạch. Lại nữa trong hoa sạch sáng kia, tất cả đều hiện hữu không thừa. Trong tất cả các vật, hoa kia hiện tiền lại cũng chẳng không thừa, cái nhơn huân tập của kiếng lại cũng như thế. Huân tất cả pháp làm thanh tịnh giác và làm cho bình đẳng vậy. Lại nữa hư không nghĩa, tức có 2 loại. Những gì là hai ? Một là dung thọ nghĩa. Hai là biến nhứt nghĩa. Dung thọ nghĩa tức là dung thọ cái sắc, không chướng ngại. Biến nhứt nghĩa là đủ các loại sắc đồng một loại lớn như hư không. Như bốn nhị giả nhơn huân tập kính nghĩa là như thật chẳng không, tất cả thể gian cảnh giới, tất cả đều hiện trong đó. Như thể Bản Giác từ vô thi đến đây xa lìa bốn loại rời. Tự tánh thanh tịnh thường trụ nhứt tâm. Những gì là bốn ?

Một là xa lìa chẳng biến quá. Ba loại thể gian chẳng ra khỏi Bản Giác thanh tịnh kiếng, như cái gốc ấy không thể ra khỏi được.

Hai là xa lìa những tạp loại quá đà. Tất cả các pháp chẳng vào Bản Giác thanh tịnh kiếng. Như gốc chẳng thể vào.

Ba là xa lìa quá hoạn sai trái trong kiếng Bản Giác, hiện tiền các pháp, chẳng có bản giác tịnh công đức vậy. Như vậy gốc chẳng mất.

Bốn là xa lìa vô thường quá đà; trong kiếng Bản Giác hiện tiền các pháp, chẳng phải chẳng thường trụ, trí vô vi vậy. Như gốc chẳng hoại, xa lìa biên quá, viên mãn trung thật.

Cho nên đây gọi là thường trụ như tâm. Từ đây trở xuống hiển thị như duyên. Với như duyên gì mà trong Bản giác trí có các loại pháp, như Bản giác kia lìa những sai trái vậy ? Tất cả các pháp đều không, chẳng có thể chơn thật. Như gốc lấy tất cả pháp tức là chơn thật tánh vậy. Từ đây trở xuống tạo duyên quyết nghị. Nghĩa là có chúng sanh tạo nghị như thế. Trong ba thế gian, chúng sanh thế gian vô minh nhiễm pháp, đầy đủ viên mãn, lưu chuyển loạn động, không lúc nào ngừng nghỉ. Như vậy thế gian hiện Bản giác, chẳng thể được nói bản giác thanh tịnh xa lìa những sai trái. Lấy nghĩa này cho nên làm cho thông thoáng mà nói. Lại nữa tất cả nhiễm pháp, lại chẳng chỗ nhiễm. Bát Nhã thật trí thể này chẳng động, tự tánh thanh tịnh, đầy đủ vô lậu, thường hay huân tập, chúng sanh thế gian, làm cho thanh tịnh vậy. Như gốc, lại nữa tất cả nhiễm pháp, chẳng thể nhiễm được, trí thể bất động đầy đủ vô lậu, huân chúng sanh vậy. Sao gọi là pháp xa lìa kiếng ? Cùng với hai nghĩa thì tướng này là gì ?

Tụng rằng:

Như thật, chẳng không pháp

Xa lìa ba điều sai

Đầy đủ ba loại đức

Nên gọi pháp xa lìa

Kiếng sạch như pha lê

Không xa lìa nghĩa sắc

Luận rằng: Vô lậu tánh đức xa lìa tam quá, viên mãn tam đức; gọi là pháp xuất ly. Những gì gọi là 3 loại quá thất ? Một là vô minh nhiễm phạm, gọi là phiền não ngại. Hai là căn bản vô minh, gọi là trí ngại. Ba là cụ hợp chuyển tướng, gọi là hí luận thức. Đây gọi là ba.

Như vậy ba quá, cứu cánh lìa vậy. Gọi đây là xuất ly. Như gốc 3 ấy là pháp xuất ly kiếng; nghĩa là chẳng phải không pháp xuất phiền não ngại, trí ngại lìa hòa hợp tướng vậy. Sao gọi là 3 loại công đức ? Một là thuần thành tựu công đức; hai là tịnh thành tựu công đức; ba là minh thành tựu công đức. Đây gọi là ba.

Như bốn thuần tịnh minh vậy. Xa lìa khỏi cái gì và viên mãn đức gì ? Nghĩa là xa lìa phiền não ngại, viên mãn tịnh thành tựu công đức; xa lìa trí ngại, viên mãn minh thành tựu công đức. Xa lìa hòa hợp chuyển tướng, viên mãn thuần thành tựu công đức. Vì sao lại tương đối pháp như vậy ? Trong cái kiếng này nghĩa là pha lê châu, dụ cho pha lê châu bị thấm sâu vào trong bùn; tức liền trôi lên xa lìa bùn kia, nhảy xa ra ngoài cả một trượng. Nếu bỏ vào trong nước dơ thì sẽ ở riêng. Chỉ ở trong nước trong mới an trụ trong ấy. Nếu để trong rừng Phước Đa Già thì xuất hiện mùi hương tốt đẹp và mùi hôi kia phải xa lìa đi chỗ khác. Pháp xa lìa kiếng lại cũng như vậy. Trong này có ví dụ, dụ cho nghĩa tự thể thanh tịnh. Ở yên nên quán với nghĩa không. Xuất ly sắc nghĩa tức là như hư không xa lìa loại lớn, một hướng thanh tịnh. Pháp xuất ly kiếng cũng lại như vậy. Sao gọi là duyên huân tập kiếng ? và có hai nghĩa thì tướng ấy là gì ?

Tụng rằng:

Ở vô lượng vô biên

Trong các chúng sanh duyên

Ra vô lượng vô biên

Thù thắng thân ứng hóa

Huân tập tâm chúng sanh

Xuất sanh những căn lành

Tăng trưởng hai vòng hoa

Trang nghiêm cả pháp thân

Gọi là duyên huân tập
Trong tường, kiếng pha lê
Không, tùy thuận thành nghĩa
Như pháp nên quan sát

Luận rằng: Giống như lấy pha lê châu an trí ở một nơi, chung quanh đó tụ loại các màu sắc quý. Pha lê châu kia tùy theo hướng màu sắc châu mà hiện tiền chuyển biến, duyên huân tập vào kiếng lại cũng như vậy. Lại nữa dụ như hư không, có tự tại lực. Ở tất cả nơi đều làm công việc, tùy thuận thành lập; nên duyên huân tập vào kiếng lại cũng như vậy. Ở nơi tất cả chúng sanh trong việc tu hành tùy nên kiến lập. Như gốc có bốn duyên huân tập kính; nghĩa là nương vào pháp, xa lìa vậy; trùm khắp tâm của chúng sanh, làm cho tu căn lành, tùy theo niệm mà thị hiện vậy. Như thế bốn loại Bản giác nghĩa lớn, biến tất cả chúng sanh giới, tất cả nhị thừa giới. Trong cảnh giới của tất cả Bồ Tát và cảnh giới của Như Lai, chẳng có trụ xứ; chẳng có chỗ nào là không chiếu đến, chẳng có chỗ nào là không thông suốt; chẳng có chỗ nào là chẳng đến được. Đầy đủ viên mãn - đầy đủ viên mãn.

**Thích Ma Ha Diễn luận
Hết quyển 3**

*Quyển này dịch xong vào ngày 23 tháng 12 năm 2008
tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi, nhân lần nhập thất thứ sáu.*

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN Quyển 4

- Long Thọ Bồ Tát tạo luận.
- Diêu Tần Tam Tạng Phật Đà Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.
- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi, ngày 23 tháng 12 năm 2008 nhân lần nhập thất thứ 6 tại đây.

Đã nói về Tánh Tịnh Bản Giác Môn rồi; bây giờ nói đến Căn Bản Vô Minh Trụ Địa Môn.

Giải rằng: Nói là Bất Giác nghĩa là chẳng rõ như thật, chơn như pháp chỉ có một. Tâm bất giác khởi lên mà có niệm này. Niệm ấy không có tự tướng, chẳng lìa khỏi bản giác; giống như người mê nương vào phương hướng vậy; nên vẫn mê; nếu lìa phương hướng, tức chẳng có mê. Chúng sanh lại cũng như thế. Nương vào giác cho nên mê; nếu lìa tánh giác tức chẳng thể chẳng giác, mà có bất giác là do tâm vọng tưởng vậy. Nên biết tên nghĩa mà nói chơn giác. Nếu lìa tâm bất giác, tức chẳng có chơn giác, tự tướng có thể nói.

Luận rằng: Trong câu văn này có hai môn. Những gì là hai ? Một là dị thuyết tương ưng khế đương môn và hai là tùy thứ biệt thích tán thuyết môn. Môn đầu nghĩa là gì ?

Tụng rằng:

Mâu Ni Đại Giác Tôn
Một đời Thánh nói ấy
Tổng có sáu loại nói
Nghĩa rõ tới đều chẳng
Không và cùng đầy đủ
Như thế sáu vô minh
Tùy nghĩa lập tên khác
Tức thể chẳng sai biệt

Luận rằng: Phàm trong suốt cuộc đời của Đức Thế Tôn nói nhiều loại khác nhau; nhưng tổng cộng có sáu loại. Những gì là sáu ? Một là minh vô minh; hai là ám vô minh; ba là cụ thị vô minh; bốn là cụ phi vô minh; năm là không vô minh và sáu là cụ túc vô minh. Như thế 6 loại tùy theo nghĩa mà gọi tên, giúp thể vô biệt. Minh vô minh nghĩa là chữ nghĩa sai biệt; còn tướng này ra sao ?

Tụng rằng:

Cứu cánh không ngoài không
Thông đạt hiển liễu minh
Đây do nhân duyên vậy
Nói tổng ý biệt minh

Luận rằng: Cứu cánh vô dư cho nên nói là vô. Thông đạt hiển liễu nên gọi là minh. Cho nên mặt trời viên mãn Bát Nhã chu biến khắp pháp giới; chẳng có mỗi một pháp nào mà

chẳng minh. Cho nên sẽ rõ như thế vô minh là nói tổng ý; còn trong khế kinh biệt quang minh bảo trí nói như thế này:

Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất liền bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì nhơn duyên gì mà trong đại chúng xướng lên như thế này: Ta nay nói trong tất cả các khế kinh, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu đều tận nhiếp tất cả vô lượng chỗ rõ ràng, mà vì các chúng sanh thuận căn, dùng những lời nói mà đàm luận. Nếu như Thế Tôn nói, sẽ vì chuyện sai trái thì vì sao vậy? như chữ vô minh, tuy có biểu hiện phẩm chất đen; chẳng thể biểu thị Bát Nhã Trí Minh. Cho đến chữ vô thường chỉ biểu hiện tướng của sanh diệt chẳng thể rõ ràng biểu hiện vô vi, sẽ trụ chơn thật lý sao? Vì sao mà Thế Tôn lại nói như vậy?

Sau đó Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất rằng:

Ta nay sẽ nói thật chẳng sai trái. Vì sao vậy? Như chữ vô minh, chẳng thể được nói, tuy biểu hiện phẩm chất tối. Ngươi trí huệ lực hẹp, yếu, nhỏ bé nên thấy nhỏ, nghe nhỏ; nên nghi như thế, mà chữ vô minh này tận nhiếp tất cả Bát Nhã Trí Minh đầy đủ viên mãn, không chỗ khuyết thất. Cho nên nghĩa là cứu cánh vậy. Nghĩa là chu biến; nghĩa là viên mãn; nghĩa là bình đẳng; nghĩa là vô dư; nên nói là không; nghĩa là thông đạt; nghĩa là hiểu rõ; nghĩa là quán chiếu; nghĩa là biện tìm; nghĩa là vô ngại; nên nói là minh. Cho đến nói rộng ra. Còn ám vô minh, chữ nghĩa ấy khác nhau; vậy tướng này là gì?

Tụng rằng:

Tất cả Bát Nhã minh
Chứa giấu làm chẳng sanh
Giống như trong chỗ tối
Chẳng có việc thù thắng

Luận rằng: Căn bản vô minh có thể che tất cả tổng trì huệ minh, chướng ngại làm cho chẳng sanh. Dụ như trong bóng tối, đồ đạc trang nghiêm, có tướng trắng diệu mà bị tối che đi. Việc thù thắng kia chẳng được xuất hiện. Cho nên nói bóng tối kia là vô minh. Trong viên mãn khế kinh nói như thế này: Tất cả chúng sanh đều đầy đủ ba trí; nhưng do vì điên đảo cho nên chẳng rõ, chẳng biết vậy. Còn Cụ Thị Vô Minh theo chữ nghĩa sai biệt, tướng này như thế nào?

Tụng rằng

Chỉ một loại vô minh
Hoặc sáng hay là tối
Giống như một màu tối
Hai người mỗi thấy khác

Luận rằng: Một loại vô minh hoặc sáng hoặc tối; giống như một màu mà hai người thấy khác nhau. Nghĩa này như thế nào? Nghĩa là như Ca La Cửu Xà Na và một người khác cùng ở trong một đêm tối, cùng tại một chỗ, thấy màu đen này. Trong khi Ca La Cửu Xà Na chỉ thấy màu sắc thanh tịnh quang minh. Còn người kia chỉ thấy một màu đen tối thì Cụ Thị Vô Minh lại cũng là như vậy. Tuy chỉ có một vô minh; hoặc trí huệ minh; hoặc hắc pháp ám, kể cả 2 việc vậy. Trong thậm thâm khế kinh nói như thế này: Căn bản vô minh đối với người huyễn có thể tạo ra huyễn chất; đối với người có đức có thể tạo ra đức chất; chẳng thể chấp vào một, mà cũng chẳng phải một vậy. Còn Cụ Phi vô minh nghĩa của chữ sai biệt và tướng ấy ra sao?

Tụng rằng:

Từ vô thi đến nay
Chẳng có nói nương vào
Xa rời liễu biệt chuyên
Xa lìa xa lìa vậy

Luận rằng: Nói Cụ Phi nghĩa là không nói nương tựa vậy; lìa tâm mà chuyển vậy. Cho nên gọi là Cụ Phi vô minh. Trong kệ kinh Bát Thắng Thiên Tử có nói như thế này:

Lúc bấy giờ Quang Minh Tự Tại Hoa Bảo Diệu Luân Thiên Tử liền thừa Phật thần lực mà bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Vô minh có chăng ?

Đáp rằng: Chẳng có.

Hỏi rằng: Không chăng ?

Đáp rằng: Không có.

Hỏi rằng: Cùng có cùng không chăng ?

Đáp rằng: Không có.

Hỏi rằng: Chẳng có chẳng không chăng ?

Đáp rằng: Chẳng có.

Hỏi rằng: Chẳng phải chăng ?

Đáp rằng: Không vậy.

Hỏi rằng: Vì sao có như vậy ?

Đáp rằng: Dùng vô có thể sáng việc ấy. Cho nên nói vô thủy, vô minh vậy. Còn Không Vô Minh, chữ nghĩa sai biệt, tướng này là gì ?

Tụng rằng:

Vô thể, dụng tắc không

Giống như sừng thỏ không

Như thế rõ đạo lý

Cho nên nói là minh

Luận rằng: Không vô minh, thể dụng đều không; cho nên gọi là vô. Như vậy đạo lý rõ ràng hiện tiền. Gọi đây là Minh; giống như sừng thỏ trước sau không có; tất cả mọi người đều biết như thế. Trong vô thủy kệ kinh nói như thế này:

Căn bản vô minh không có sở hữu, là do biến kế sở chấp vậy. Còn Cụ Túc vô minh thì chữ nghĩa khác nhau thì tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:

Nhiệm tịnh tất cả pháp

Thông xuất tăng sanh trưởng

Do nhân duyên này vậy

Kiến lập đầy đủ tên

Luận rằng: Nói là Cụ Túc nghĩa là căn bản vô minh có thể sanh tất cả nhiễm pháp và tịnh pháp, làm cho tăng trưởng, rồi lập nên tên gọi đầy đủ. Trong kệ kinh Phật Tánh Giải Thoát nói như thế này:

Từ loại vô minh, xuất ra cây giác trí. Từ cây giác trí xuất ra hoa công đức trí tuệ. Từ hai vòng hoa kết thành quả pháp thân giải thoát. Cho đến có thể nói rộng thêm nữa. Như vậy 6 loại căn bản vô minh; ở trong luận văn đã nói rõ ràng rồi. Bây giờ an lập phân phối lược đi vậy. Và lại ám vô minh tên chữ sai biệt; còn tướng này thì sao ? Trong kệ kinh nói khác với số lần có.

Tụng rằng:

Tổng có mười tên gọi

Khế kinh nói khác nhau

Thấy một xứ trụ địa

Hoặc báo ân vô tận

Hoặc vô thí hữu chung

Hoặc vô đẳng đẳng sanh

Hoặc sanh được, quán đủ

Trí ngại và bất giác

Giác rồi cùng tử tàng

Như thế mười loại tên
Tùy nghĩa dùng sai biệt
Chỉ một ám vô minh

Luận rằng: Phạm gọi chung nhiều loại khế kinh tổng nói có 10 loại. Những gì là mười ?
Một là thấy một nơi trụ địa.
Hai là báo ân vô tận địa.
Ba là vô thi vô chung trụ địa.
Bốn là vô đẳng đẳng sanh trụ địa.
Năm là sanh được trụ địa.
Sáu là quán mãn trụ địa.
Bảy là trí ngại trụ địa.
Tám là bất giác trụ địa.
Chín là giác liễu trụ địa.
Mười là tử tạng trụ địa.

Đây gọi là mười. Như vậy 10 tên, duy chỉ có một thể; tùy theo nghĩa mà dùng riêng; nên rõ quan sát. Kiến nhứt xứ trụ địa là chữ nghĩa sai biệt; còn tướng này thì như thế nào ?

Tụng rằng:
Viên mãn Bát Nhã huệ
Hiện thấy một pháp giới
Vô minh thể đôn mật
Nên gọi thấy một xứ

Luận rằng: Kim Cang tâm hoàn, trí huệ chưa đủ, phước đức vi diệu; chẳng đạt nhứt tâm, trung thật xứ vậy. Căn bản vô minh giống như chưa ra khỏi, mà cùng với vạn hạnh, lúc đến quả vị; thi giác Bát Nhã nếu phân minh rõ ràng thì bản hữu công đức cụ túc viên mãn; hiện thấy trong một pháp giới; tâm an vị trú xứ. Căn bản vô minh đôn đoạn không còn. Cho nên gọi là kiến nhứt xứ hoặc. Trong khế kinh Quang Nghiêm Đồng Tử nói như thế này:

Lại nữa có hoặc; tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật, cho đến Thập Địa Bồ Tát, chẳng thể đoạn được. Nghĩa là kiến nhứt xứ vô minh trụ địa. Như thế trụ địa chứng một pháp giới. Thanh tịnh giác giả, lại cũng có thể đoạn trừ. Còn báo ân vô tận trụ địa, chữ nghĩa sai biệt thì tướng này ra sao ?

Tụng rằng:
Vô lượng tất cả Phật
Báo vô minh ân ấy
Đến vị lai không cùng
Nên gọi ân vô tận

Luận rằng: Thập phương tam thế tất cả chư Phật, báo vô minh ân, cho đến tận vị lai chẳng có cùng tận. Vì sao vậy ? Vì tất cả những bậc giác ngộ đều lấy vô minh tạo ra nhơn vô vi, là quả đầy đủ trang nghiêm pháp thân vậy. Trong bốn lai thanh tịnh khế kinh nói như thế này:

Văn Thù Sư Lợi liền bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn trong vô lượng kiếp, chẳng tiếc thân mệnh đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, đầy đủ nhơn hạnh, trang nghiêm tánh hải, hỷ lạc tự tại, đức dụng vô ngại. Vì nhơn duyên gì mà nói rằng: Ta có nhiều ân đến tận vị lai chẳng thể báo hết ?

Phật bảo: Ta do vô minh, lấy đó làm chất để thành đạo chánh giác. Cho nên ta nói có rất nhiều ân nặng ở nơi trần kiếp báo ân chẳng hết là do nghĩa ấy. Vô minh trụ địa lại cũng còn gọi là báo ân vô tận trụ địa vậy. Còn Vô Thi Hữu Chung trụ địa, chữ nghĩa khác nhau; vậy tướng ấy là gì ?

Tụng rằng:

Kiếp quá khứ không cùng
Đến vị lai không tận
Do nhơn duyên này vậy
Gọi vô thí vô chung

Luận rằng: Căn bản vô minh nếu chối từ quá khứ thì chẳng có bản tế này; nên gọi là vô thí. Còn nếu tiến tới vị lai, tất cả có gián đoạn; nên gọi là hữu chung. Trong Bát Nhã Ba La Mật nói như thế này:

Thí giác tịnh trí hữu thí vô chung. Vô minh trụ địa vô thí hữu chung. Cho nên vô đẳng đẳng sanh trụ địa có chữ nghĩa khác nhau, mà tướng này là gì vậy ?

Tụng rằng:
Quá hằng thượng phiến não
Chẳng trước sau một lúc
Đầy đủ liền sanh ra
Gọi sanh không nói hết

Luận rằng: Căn bản vô minh có thắng lực. Qua cả hằng sa các phiến não, chẳng có trước sau một lúc đều sanh. Cho nên gọi là vô đẳng đẳng sanh. Trong Tự Thể khế kinh nói như thế này:

Giống như Thiên Ma Ba Tuần ở nơi Đại Tự Tại Thiên, sắc lực thọ mệnh, quyền thuộc đầy đủ tự tại thù thắng. Vô đẳng đẳng xuất sanh đại lực trụ địa lại cũng như thế; thô tế trước sau chẳng có trước sau; cùng lúc sanh trưởng. Còn Sanh Đắc Trụ Địa chữ nghĩa sai biệt; nhưng tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Sanh nghĩa ba loại sanh
Được nghĩa lập thành tựu
Vô minh kia thành lập
Nên gọi là sanh đắc

Luận rằng: Nói là sanh nghĩa là 3 loại tướng sanh. Cho nên nói được. Tức có hai nghĩa. Những gì là hai ? Một là nghĩa kiến lập; hai là nghĩa thành tựu. Căn bản vô minh có thể lãnh thành lập 3 loại tướng kia. Nên gọi là sanh đắc trụ địa. Trong thập chủng vọng tưởng khế kinh nói như thế này:

Nương tựa cùng còn, con chuyển sanh, được gọi địa. Chẳng có thể tự thể; nên gọi là sanh đắc vậy. Còn Quán Mãn Trụ Địa chữ nghĩa sai biệt; tướng này là gì ?

Tụng rằng:
Căn bản thể vô minh
Kim Cang hoàn tất tận
Sẽ chờ quả mãn vị
Nên gọi là quán đủ

Luận rằng: Căn bản vô minh, Kim Cang tâm hoàn, giống như tồn tại chẳng hết, sẽ chờ mãn vị và đoạn dứt không còn. Cho nên gọi là quán mãn trụ địa. Trong Vô Thượng Bồ Đề khế kinh nói như thế này:

Căn bản vô minh chờ con đường cứu cánh; gọi tên là quán đủ. Những thức hí luận, tùy vị dần mất. Gọi đây là quán phần vậy. Còn Trí Ngại Trụ Địa chữ nghĩa sai khác. Tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Ngại tất cả chủng trí
Ngược thế gian thông đạt
Sai khác thật quá đi
Nên gọi là trí ngại

Luận rằng: Căn bản vô minh thật là tăm tối; tất cả loại trí hiển rõ thật sáng. Như vậy tướng sáng tối ấy là chỗ sai khác nhau, thật là sâu xa vậy. Cho nên gọi là Trí Ngại Trụ Địa. Trong thâm thâm nhơn duyên khế kinh nói như thế này:

Phiền não ngại sâu thẳm cùng với chánh thể trí, tướng ấy sai biệt khá rõ; nên tạo ra chướng; bát nhã huệ ngại cùng với hậu đắc trí, tướng ấy sai biệt quá nhiều, tạo ra chướng ngại. Cho đến nói rộng ra vậy. Còn Bất Giác Trụ Địa theo chữ nghĩa sai biệt, thì tướng này ra sao ?

Tụng rằng:
Từ vô thi đến nay
Đủ ba thân bồ đề
Đầy bốn đức Niết Bàn
Chẳng thể giác, bất giác

Luận rằng: Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay đầy đủ ba thân, viên mãn bốn đức, tự tánh thanh tịnh, xa lìa trói buộc, mà do vô minh, bất tri bất giác; cho nên nói là Bất Giác Trụ Địa. Trong khế kinh Đại Bồn Tăng Già nói như thế này:

Bát Nhã vô trí, các thức hí luận tức là trí vô; căn bản vô minh, tức là bất giác. Cho nên bất giác là giác vậy. Cho đến có thể nói rộng ra. Còn Giác Liễu Trụ Địa theo chữ nghĩa sai biệt thì tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Thập địa chẳng cảnh giới
Phàm nhỏ, lại chẳng cảnh
Duy Đại Giác rõ biết
Nên gọi là Giác Liễu

Luận rằng: Căn bản vô minh Thập Địa Bồ Tát chưa có thể hết trí; hà huống là kẻ phàm phu nhỏ nhoi có thể lãnh rõ. Duy Đại Giác thì rõ hết không sót. Cho nên gọi là Giác Liễu Trụ Địa. Trong khế kinh Bửu Tích nói như thế này: Chỉ có cảnh giới Phật, chẳng thể rõ biết. Vì giác liễu vô minh vậy. Còn Tử Tạng Trụ Địa chữ nghĩa sai biệt thì tướng này như thế nào ?

Tụng rằng:
Vô minh như biển lớn
Nhiếp giữ những phiền não
Giống như hạt giống vậy
Nên gọi là tử tàng

Luận rằng: Vô thi vô minh nắm chặt phiền não làm được dùng nghi; giống như các loại hạt giữ yên ổn rồi hiện ra mầm. Cho nên gọi là Tử Tạng Trụ Địa. Trong Bồn Khế Kinh nói như thế này:

Các hạt giống ấy giống như vông trời vậy. Với nhơn duyên gì mà gọi là Trụ Địa? Chữ nghĩa sai khác và tướng ấy như thế nào ?

Tụng rằng:
Lực vô minh thật lớn
Gìn giữ những pháp nhiệm
Như đất giữ bốn loại
Nên gọi là Trụ Địa

Luận rằng: Căn bản vô minh, lực này lớn lắm, có thể lãnh ở giữ gìn tất cả những nhiệm pháp; giống như đại địa có lực mạnh gánh giữ 4 loại nặng. Cho nên gọi đây là Trụ Địa. Những gì là bốn ? Một là Đại Hải; hai là các núi; ba là cỏ cây và bốn là chúng sanh. Cho nên gọi đây là bốn. Trong khế kinh Thắng Man nói như thế này:

Thế Tôn như là vô minh Trụ Địa lực. Đối với việc yêu mến bốn trụ địa. Vô minh trụ địa, lực này rất lớn. Cho đến có thể nói rộng ra vậy.

Đã nói qua dị thuyết và tương ung của Khế Đương Môn. Sau đây lần lượt giải thích riêng về Tán Thuyết Môn. Chỗ nói không rõ nghĩa. Nói chung là trước sau chưa được giác ngộ hoàn toàn. Từ đây trở xuống giải thích chỉ bày. Ban đầu giải thích căn bản về bất giác, sau đó sẽ giải thích, phân ly quyền thuộc của bất giác. Rộng nói lược bớt. Hãy nên quan sát. Nghĩa là chẳng như thật, rõ pháp chơn như và một ấy là do tâm bất giác khởi lên vậy. Do đó mà hiển thị căn bản của nhơn duyên để khởi lên bất giác. Vậy thì căn bản của bất giác do nhơn duyên gì mà được khởi lên vậy ? Nhơn không như vậy, nên được khởi lên chỗ có. Ở trong pháp ấy những gì là chẳng như vậy ? Nghĩa là trong 3 pháp, có bất như. Nói bất như là có nghĩa gì vậy ? Nghĩa là ý nghĩa sai nghịch vậy. Những gì là ba pháp ? Một là thật rõ biết một pháp; hai là chơn như một pháp; ba là nhứt tâm một pháp. Đây gọi là ba vậy. Thật tri nhứt pháp nghĩa là tất cả giác, tức hay đạt được trí. Chơn như nhứt pháp nghĩa là bình đẳng lý, tức là chỗ đạt được cảnh. Nhứt tâm nhứt pháp nghĩa là một pháp giới; tức là chỗ nương của thể vậy. Đối với ba pháp này, tất cả đều sai nghịch nhau; nên vô minh có thể khởi lên. Cho nên nói chung nghĩa là bất như thật tri chơn như pháp riêng một; nên khởi lên tâm bất giác. Cả ba loại pháp ấy đều giữ lại một, cuối cùng chẳng xả ly. Cho nên gọi tên là một. Từ đây trở xuống lược nói về quyền thuộc.

Đối với việc có niệm này, tức là hiển thị phân ly vô minh. Nghĩa là cái chính đã lập rồi, thì tất cả quyền thuộc đều được hiển hữu vậy. Từ đây trở xuống tức có nhị môn. Thế nào là hai ? Một là quy đức thành huyễn lực, vô lực môn; hai là cử vọng hiển chơn lực, vô lực môn. Quy đức thành huyễn môn nghĩa là tất cả vô minh. Nếu khắc phục được căn bản này thuộc vô minh thể tướng, thì nương vào bản giác mà được thành lập; giống như người lầm đường nương vào đường để đi; nên mê. Nếu lìa con đường, thì không có việc mê loạn. Giống như niệm góc không có tự tướng và chẳng lìa bản giác. Giống như người mê nương vào phương hướng nên bị mê; nếu lìa phương hướng, tức chẳng có việc mê lầm vậy. Chúng sanh cũng như thế; nương vào giác nên mới mê; nếu lìa tánh giác, tức chẳng bất giác vậy.

Cử vọng hiển chơn môn nghĩa là pháp thân bát nhã chẳng thể tự hiển, mà chờ đợi bất giác rồi sau đó mới tán dương danh nghĩa đầy đủ trước tiên. Cũng giống như bậc Trượng Phu mạnh khỏe đối với quân lính. Sau đó sẽ được ở địa vị cao cả. Như cái gốc lấy có, là tâm bất giác vọng tưởng vậy. Nên rõ biết danh nghĩa mà nói là chơn giác. Nếu lìa tâm bất giác, tức vô chơn giác để có thể nói về tự tướng vậy.

Đã nói về căn bản vô minh trụ địa môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về quyền thuộc của vô minh trụ địa môn. Ở trong sự giải thích này, tự có 2 loại. Những gì là hai ? Một là hiển thị vi tế quyền thuộc môn; hai là hiển thị thô trọng quyền thuộc môn. Môn đầu tiên là thế nào ?

Viết rằng: Lại nữa nương vào bất giác nên sanh ra 3 loại tướng, cùng với tướng bất giác kia, tương ung chẳng lìa nhau. Những gì là ba ? Một là vô minh nghiệp tướng. Vì nương vào bất giác; nên tâm động và nói là do nghiệp. Giác tức là chẳng động, mà động tức là có khổ; quả chẳng lìa nhơn vậy. Hai là năng kiến tướng; lấy chỗ nương vào động; cho nên hay thấy; chẳng động tức chẳng thấy. Ba là cảnh giới tướng; lấy chỗ nương vào nên thấy hiện ra cảnh giới vọng. Nếu lìa sự thấy, tức chẳng có cảnh giới.

Luận rằng: Tự chung trong câu văn này có hai loại. Những gì là hai ? Một là tổng phiêu lược thị môn; hai là phiêu thích cụ thành môn. Môn đầu tiên nói là nương vào bất giác cho nên sanh ra 3 loại tướng cùng với bất giác kia tương ung, chẳng lìa; tức là hiển thị tướng chưa rõ khí lực bản thể, mà từ đó được thành lập. Lại nữa bản thể kia vì nhận cái tướng chưa rõ ấy nuôi dưỡng cành lá mà có thể dừng ở; giống như cha con nương nhau và vì nhơn này mà được thành lập. Cho nên nói rằng tương ung bất ly. Nếu nói như vậy thì từ đệ bát địa trở

đi của Bồ Tát phải nên đoạn trừ vô minh để đồng với diệu giác sao ? Việc này chẳng phải như vậy. Chỉ đoạn tướng thô. Còn 3 tướng vi tế thì chưa đoạn được.

Từ đây trở đi giải thích về môn thứ hai. Trong 3 tướng này, đệ nhất nghiệp tướng hay thấy chỗ thấy, thấy chỗ không; nên có sai biệt. Tâm vương niệm pháp chẳng thể phân ly. Duy chỉ do nghĩa lưu chuyển, yên ổn, cử động, tinh rờng mà gọi tên là nghiệp. Như thế sự động lưu chỉ do bất giác. Nên giác chẳng động, mà động tức là có khổ. Vì sao thế ? Cái quả đầu tiên của tướng nghiệp là chẳng lìa vô minh; đây là cái nhọn đầu tiên vậy. Như cái gốc một cây là nghiệp tướng vô minh dùng để nương vào bất giác; cho nên tâm động và gọi là nghiệp giác; tức là chẳng động; động tức là có khổ quả và chẳng lìa nguyên nhọn vậy.

Đệ nhị chuyển tướng, lấy nghiệp tướng niệm làm chỗ nương vào, chuyển tác tạo duyên, lưu chuyển thành liễu tướng. Nếu không có nghiệp tướng, động niệm phân vị, sẽ vô liễu biệt chuyển tướng kiến phần. Nương vào sự động này để tạo ra sự chuyển kia; nên gọi tên là chuyển tướng. Như căn bản thứ hai là hay thấy tướng; dùng sự nương vào động cho nên có thể thấy; còn bất động thì chẳng thấy được.

Đệ tam hiện tướng lấy liễu biệt chuyển làm chỗ nương tựa. Hí luận cảnh giới đầy đủ hiện ra rồi duyên vào tướng phần, đầy đủ an ổn lưu bố. Nếu lìa liễu biệt kiến thức phần vị, tức là không chỗ duyên vào cảnh giới trần tướng. Nương vào đây thấy hiện phân ra tướng phần kia; giống như nương vào cái kiếng sáng; nên thấy hiện ra các hình ảnh màu sắc; nên gọi tên là hiện tướng.

Như vậy cả ba cảnh giới tướng đều nương vào để thấy; cho nên cảnh giới vọng hiện ra; nếu lìa thấy, tức chẳng có cảnh giới nào cả. Như thế 3 tướng chỉ có danh tự sai biệt; tất cả đều chỉ cho thức này, mà phía trước đã giải thích rộng rồi.

Trong đây 3 tướng đầu ấy hay cùng với đồng thể không phân biệt. Trong ấy chỉ hay thấy, tức chẳng chỗ thấy. Sau đó hay cùng chỗ cụ túc viên mãn. Căn bản vô minh lại còn có gì nữa ? Điều nghi là những gì ? Vô minh tự thể là chẳng rõ biết; cho nên nói tâm thể chẳng động. Nói chung lúc ấy gọi là vô minh. Việc này tức chẳng phải vậy. Vì sao thế ? Vì cả ba nói riêng đều nương vào bất giác; nên tâm động và nói là nghiệp. Nếu nói động là nghiệp thức phần vị thì phi vô minh vậy. Việc này lại cũng chẳng phải như thế. Vì sao vậy ? Hiện lượng phần nói là chẳng đạt một pháp giới; nên tâm bất tương ưng, rồi liền niệm khởi; nên gọi là vô minh. Sự động khởi ấy là hai, đều do nghiệp thức tạo ra như thế mà nói; chẳng phải là vô minh kia. Vì sao thế ? Vì hay động hay khởi căn bản vô minh. Tùy động tùy khởi tức là nghiệp thức. Lấy nghĩa này; nên không có chỗ sai trái. Nếu căn bản vô minh tự thể là vậy, thì sao lại hay động tâm thể, hay khởi các niệm ? Ở đây khó rõ hết. Thập Địa chẳng phải là cảnh giới của Tam Hiền nên chẳng so sánh. Chỉ có Phật mới rõ tất cả, chẳng có thể nói lời vọng. Tuy nhiên nương theo kinh để nói là giả ngôn và cách gọi mạnh mẽ là bất giác. Được chỗ nhân duyên, lần lượt giải thích, tự sẽ rõ bày. Nghiệp tướng, niệm tế hay là chỗ khó phân biệt. Tướng và cảnh giới chẳng thể phân biệt, mà vì nhọn duyên gì lại trở nên động và giải thích về nghiệp tướng này gọi là gì ?

Việc này lại cũng chẳng thể nói vọng được. Tuy chỉ nương vào kinh để nói; nên gọi như thế này: Nghiệp tướng bốn thức chẳng thể rõ chỗ tạo tác và không chỗ rõ làm, chẳng thể phân chiết, chẳng thể cách biệt. Chỉ do tĩnh động và nghĩa của an ổn, lưu chuyển; nên gọi là Kiên Ma. Nếu có chúng sanh nói nhiều lời khác nhau, chỉ là nói ý ngữ. Cuối cùng rồi cũng chẳng rõ biết điều gì cả.

Đã nói qua hiển thị vi tế quyền thuộc môn. Bây giờ lần lượt nói hiển thị thô trọng quyền thuộc môn.

Viết rằng: Lại do cảnh giới duyên vào nên lại sanh ra 6 loại tướng. Những gì là sáu ?

Một là trí tướng; nương vào cảnh giới và tâm khởi lên sự phân biệt, thương cũng chẳng thương.

Hai là tương tục tướng; nương vào nơi trí để sanh ra khổ, lạc và giác. Tâm khởi lên niệm tương ung, chẳng đoạn mất.

Ba là chấp thủ tướng; nương vào sự tương tục, duyên vào niệm cảnh giới, trụ giữ chỗ vui, tâm khởi lên đắm trước.

Bốn là kế danh tự tướng; nương vào vọng chấp phân biệt, giả danh ngôn tướng.

Năm là khởi nghiệp tướng; nương vào nơi danh tự, tìm danh thủ trước, rồi tạo ra các loại nghiệp.

Sáu là nghiệp phồn khổ tướng; nương vào nơi nghiệp thọ quả, chẳng tự tại.

Luận rằng: Như thế sáu tướng đều là ý thức địa, chẳng ngoài thức pháp. Vì sao vậy ? Trong các kinh lớn đều nói như vậy. Sự giải thích phân loại này căn cứ theo kinh nào ? Đây chính là kinh Lăng Già. Trong kệ kinh ấy nói về những gì ? Trong phần phân bố lưu thông, kệ kinh Lăng Già nói như thế này:

Giống như sóng biển lớn
Đều do gió thổi mạnh
Sóng cao đánh thành vòi
Không lúc nào dừng nghỉ
Biển tạng thức thường ở
Cảnh giới gió làm động
Nhiều loại sóng của thức
Thay đổi mà chuyên sanh
Xanh đỏ đủ loại màu
Sữa ngọc và mật đá
Mùi nhạt, các hoa quả
Trời trăng cùng ánh sáng
Chẳng khác, chẳng chẳng khác
Nước biển khởi thành sóng
Bảy thức cũng như vậy
Tâm đủ, hòa hợp sanh
Giống như nước biển đời
Nhiều loại sóng biển chuyển
Bảy thức lại cũng vậy
Tâm đủ, hòa hợp sanh
Giống như nước biển đời
Nhiều loại sóng biển chuyển
Bảy thức lại cũng vậy
Tâm đủ hòa hợp sanh
Ở nơi tạng thức kia
Nhiều loại thức chuyển động
Nghĩa là lấy ý thức
Tư duy những tướng nghĩa
Tướng bất hoại có tám
Vô tướng lại vô tướng

Nương vào kinh văn này để giải thích, khởi lên sáu tướng. Bây giờ theo câu văn của kinh này sẽ làm rõ được nghĩa gì ? Nghĩa là muốn hiển thị tánh lớn như biển của hiện thức, mà tánh ấy tự thường ở. Vì do gió lục trần cảnh giới, làm trôi giạt động loạn. Là cái nhọn bên trong làm thể của bảy loại chuyển thức hiện thức. Sáu trần cảnh giới làm ngoại duyên, cùng với sáu loại tướng thô trọng kia, như kinh nói:

Giống như sóng biển lớn

Đều do gió mạnh thổi
Sóng cao đánh thành vôi
Không có lúc dừng nghỉ
Biển tạt thức thường trụ
Gió cảnh giới làm động
Đủ loại sóng thức kia
Thay đổi mà chuyển sanh

Sao gọi là gió của cảnh giới ? Gió này hình trạng như thế nào ? Nghĩa là xanh, vàng cùng những màu sắc khác hay khởi nơi nhãn thức; nơi đá quý, ngọc hiện các loại âm thanh hay ho, hay khởi lên nhiều nhĩ thức. Bột trầm cùng hương đốt, đủ loại mùi hương ấy, khởi lên là do tỉ thức. Mộc la thạch mật cùng với các loại đồ mặc mềm mại hòa hợp với những sự tốt đẹp sanh vui là do thân khởi lên thức. Những mùi vị ngọt lạt, tùy theo chỗ sinh ra các mùi vị, là do thiệt thức sanh khởi. Các hoa lá trong hiện tại và quả là nhiều loại pháp trần ở vị lai. Tùy theo thức kia mà hay duyên vào cảnh giới, để khởi lên ý thức. Bây giờ trong câu văn này đưa ra thức trần thủ, hay xem xét quan sát. Mật Na thức kia tức là ý thức vi tế phần vi, chẳng phải biệt thể của lỗ tai. Như thế sáu trần hay khởi động tâm thể, làm cho bị tán loạn; giống như gió mạnh; nên gọi tên là gió, như trong kinh nói:

Xanh, đỏ các loại màu
Sữa ngọc và mật đá
Mùi nhạt cùng hoa quả

Như thế bảy thức cùng với tạng thức đồng nhau hay khác nhau ? Chẳng đồng mà cũng chẳng khác, lìa hai việc này. Giống như mặt trời và ánh sáng; như nước và sóng kia, chẳng giống chẳng khác. Bảy thức cùng với tạng thức phi đồng phi dị. Nghĩa này cũng lại như vậy, như kinh nói:

Trời trắng cùng ánh sáng
Chẳng khác, chẳng chẳng khác
Nước biển tạo thành sóng
Bảy thức cũng như vậy
Tâm đủ, hòa hợp sanh

Như vậy bảy thức từ nơi nào đến nhập vào tạng thức tạo thành 7 loại vậy ? Lúc lưu chuyển khởi động, chẳng ngừng nghỉ ấy, thì gọi là 7 thức; chẳng từ trong ra, chẳng từ ngoài đến, chẳng từ giữa lại. Duy do thể của tạng thức biến tác thành 7 thức; giống như nước biển biến tạo thành sóng như trong kinh nói:

Giống như nước biển đời
Đủ loại sóng chuyển thay
Bảy thức cũng như thế
Tâm đủ hòa hợp sanh
Nơi tạng thức xứ kia
Đủ loại các thức chuyển
Vì do ý thức kia
Tư duy các nghĩa tướng

Như vậy hiện thức và bảy chuyển thức, thành 8 loại tâm thức. Tuy nhiên có sanh diệt vô thường tướng không ? Lại có thật tướng, thường trụ tướng không ? Như vậy tám thức đều từ vô thi đến. Ba cõi chẳng động, 4 tướng chẳng đời; chọn thật thường trụ, tự tánh thanh tịnh, là những tướng bất hoại. Đây đủ viên mãn, chẳng có chỗ khiếm khuyết, mà như thế cùng với tất

cả các công đức, đồng với pháp giới; nên chẳng có 2 tướng. Vì không có 2 tướng cho nên chỉ có một tướng. Vì chỉ có một tướng cho nên lại chẳng có vô tướng. Tất cả đều không tướng. Cho nên không tướng lại vô tướng, như trong kinh nói:

Tướng chẳng hoại có 8 vô tướng lại cũng vô tướng. Theo kinh Lăng Già này thì muốn làm rõ cho thức nào ? Có hai môn. Những gì là hai ? Một là lược thuyết môn; hai là quảng thuyết môn. Như vậy trong hai môn lại có 3 cách giải nói khác nhau. Những gì là nói khác ?

Nghĩa là một bản của phân lưu Lăng Già khế kinh thì nói như thế này:

Đại Huệ lược nói có 3 loại thức; nói rộng thì có 8 loại tướng. Thế nào là ba ? Nghĩa là chơn thức, hiện thức và phân biệt sự thức.

Lại một bản khác trong Lăng Già khế kinh thì nói như thế này: Đại Huệ quảng thuyết có 8 loại thức, mà lược nói thì có hai loại thức. Những gì là hai ? Một là liễu biệt thức và hai là phân biệt sự thức.

Lại một bản khác phần lưu Lăng Già khế kinh nói rằng: Đại Huệ! Lược nói có 4 loại thức và nói rộng thì có 7 loại thức. Những gì là bốn ? Đó là nghiệp thức, chuyển thức, hiện thức và phân biệt sự thức.

Như vậy 3 kinh đều nói những điều chơn thật. Nên hãy nương về. Còn những Lăng Già như Nhơn duyên Lăng Già, Sa La Lăng Già, Bát Thi Đa Lăng Già cùng với 4 loại kinh này, tức là ngụy giả thuyết. Do vậy không nên nương về. Nay nên nương về với 10 vạn 6 ngàn Uẩn Đà Nam tụng Đại Bản Lăng Già. Ba kinh dị tướng, an lập cùng giải thích. Như đây lần lược nên quan sát phán đoán.

Trong khế kinh đầu, đệ nhất chơn thức nói đúng là do căn bản vô minh huân vào bản giác chơn tâm. Đệ nhị hiện thức thật là hiện tướng của A Lợi Gia Thức. Đệ tam phân biệt sự thức đây chính là ý thức. Tế phần tức là Mạt Na Thức. Vì sao kinh này ý thức tế phần là Mạt Na Đà thức ? Trong 3 loại vi tế thì nghiệp thức chuyển thành thức. Cho nên lược bớt chẳng hiển thị. Tức có hai môn. Những gì là hai ? Một là cử lưỡng hiển tam bị số môn; hai là Suất thương đạt hạ bị số môn. Môn đầu tiên là gì ? Nghĩa là cái thô hiển mạnh và cái tế yếu đi. Nghĩa này là thế nào ? Như trong 3 tế ấy, thô chính là hiện thức. Đối với trong 7 thức kia, cường chính là ý thức. Cử thô hiện thức hiển tế nghiệp chuyển. Tuy nói là hiện thức. Cử cường ý thức chỉ cho Mạt Na yếu. Tuy nói là ý thức, mà ở đây nói lược, nghĩa ấy đầy đủ với sự nghe. Đây gọi là cử lưỡng hiển tam bị số môn.

Còn cửa sau như thế nào ? Nghe là che khuất trước sau, đầy đủ danh tự. Nghĩa này là thế nào ? Trên vấn đề ngôn ngữ của câu kinh thì các thức có 3 loại tướng. Nghĩa là chuyển tướng, nghiệp tướng và chơn tướng. Đệ nhất chuyển tướng tức là tam tế sở nhiếp chuyển thức. Đệ nhị nghiệp tướng tức là tam tế sở nhiếp nghiệp thức. Đệ tam chơn thức tức là ý thức tế phần sở nhiếp Mạt Na Thức. Trong kinh văn này cũng như những câu văn ở dưới đây đủ danh tự nghĩa lý cụ túc, nên tên là tốt thượng đạt hạ bị số môn. Trong khế kinh này có 8 loại thức. A Lợi Gia Thức, Mạt Na, Ý Thức và 5 thức của thân. Đây gọi tên là tám. Những gì để trở thành tám ? Trong một ý thức phân làm bảy loại. Trong khế kinh là đệ nhất liễu biệt thức, đúng là hiện tướng A Lợi Gia Thức. Đệ nhị phân biệt sự thức, đúng là ý thức. Nghĩa như trước đã nói, cùng nói là Mạt Na. Trong kinh đầu nói là chơn tướng. Trong kinh này gọi là trí tướng thức. Tên khác lại đồng nghĩa. Trong Mạt Na Vị, đầu tiên có huệ số; phân biệt nơi trần, tên là trí tướng thức. Như vậy trí thức sở duyên vào cảnh, tạo ra tướng giải chơn thật, rồi chuyển đổi; nên tên gọi là chơn tướng. Trong này 8 thức như trước đã rõ. Trong khế kinh sau có 4 loại thức pháp. Câu văn làm rõ; nên đây lược chẳng nói.

Nói là 7 thức thì Mạt Na Ý Thức cộng chung thành một vậy. Thô tế tuy riêng biệt; nhưng chỉ có một thức. Trong khế kinh pháp giới pháp luân nói như thế này: Đệ lục ý thức phân biệt lục trần cảnh giới thì đương nhiên nương vào Mạt Na làm chỗ nương tựa căn bản, rồi sau đó được sanh khởi. Cho nên ý thức sẽ là chỗ có thể hay nương vào. Mạt Na Thức kia sẽ là chỗ tựa, hay nương vào chỗ nương, chẳng phải một loại. Vì sao bây giờ lại nói một thể

vô biệt ? Kinh có ý riêng; nên làm chẳng khác. Nghĩa là trong kinh kia lập ra những loại khác biệt. Bây giờ trong kinh này lập giống lại như vậy. Lấy câu văn nào làm phân minh hiện trí và phân biệt sự thức ? Chẳng nương vào Mặt Na mà được sanh khởi. Trong kinh Lăng Già đã nói rõ điều này rồi. Trong kinh kia vì sao nói như thế ? Nghĩa là trong phân bố Lăng Già nói như thế. Đại Huệ! liễu biệt sự thức, phân biệt sự thức. Hai loại thức kia không có sai biệt, lần lượt cùng làm nhơn. Lại một bản khác phân lưu Lăng Già nói như thế này. Đại Huệ! Hiện thức và phân biệt sự thức. Hai loại này hoại, chẳng hoại tướng, thay đổi làm nhơn. Do đây mà câu văn này lại làm sáng tỏ để biết ý thức. Tuy là hiện tướng A Lợi Gia Thức, làm chỗ nương tựa bên trong, sanh khởi động chuyên, chẳng nương vào Mặt Na.

Lại nữa trong Đại Bản Lăng Già khế kinh nói như thế này: Lúc ấy Diêu Nghiêm Bồ Tát liền bạch Phật rằng: Tướng thô, tướng ý thức tế, ý thức lấy gì làm nhơn, lấy gì làm duyên, để tiếp tục mà chuyên ?

Phật bảo rằng: Thô tế ý thức lấy hiện kính thức mà làm cái nhơn này. Lấy lục trần cảnh mà làm cái duyên này, tương tục mà chuyên. Đây là nghĩa này vậy.

Đệ thất Mặt Na duyên vào lục trần cảnh làm chỗ duyên và chuyên, nghĩa này được thành lập. Vì sao vậy ? Kinh Già Đà nói như thế này: Gió cảnh giới làm chỗ động, bầy thức chuyển thành sóng. Lại nữa nếu có chúng sanh, qua hiện thức tức là Mặt Na thức. Cho nên lấy ý thức làm nhơn. Hãy ra khỏi lời nói này chẳng có thể là lời chỉ nam chăng ?

Đã nói kinh gốc rồi. Bây giờ giải thích theo luận. Tức là trong câu văn này có hai môn. Thế nào là hai ? Một là tổng phiêu lược thị môn và hai là phiêu tích cụ thành môn. Lấy có cảnh giới duyên; nên lại sanh 6 loại tướng. Tức là môn đầu. Câu văn đây muốn làm sáng tỏ nghĩa gì ? Nghĩa là vì hiển thị ý thức kia cùng với 6 loại tướng thô. Trong hiện kính thức có 6 trần cảnh giới lấy làm duyên để khởi. Hiện kính thức thể lấy đó nương vào làm nhơn, được tương tục lâu dài đầy đủ chuyển đổi. Như vậy là thế nào ? Tuy nói là lấy cảnh giới làm duyên và chẳng nói lấy bốn thức kia làm nhơn. Vì nghĩa tướng đã rõ nên đã nói lược qua. Cái lý này phi vô. Nếu mà hiện thức tức là Mặt Na thì lấy ý thức kia, gàn gửi nương vào, giống như ý căn. Giải thích nghĩa này tức có 2 ý. Những gì là hai ? Một là già ý; hai là hứa ý. Già nghĩa là già biệt chủng. Hứa nghĩa là Hứa A Lợi Gia Mặt Na. Như vậy nghi ngờ đến Đạt Mặt Na, trong phần giải thích, lý này tự rõ. Từ đây trở xuống giải thích về hai môn. Trong 6 tướng này, tướng một và hai tức là pháp chấp. Tướng hai hai tức là nhơn chấp; tướng ba hai tức là nghiệp nhơn quả báo biệt tướng. Lại nữa từ nhị địa trở đi đều dứt. Trong 2, 3 hiện chỗ dứt. Sau 20 tín chỗ lia. Lại nữa hai phần đầu tức là tướng vi tế. Sau có 4 tướng tức là tướng thô. Lại nữa một phần đầu tức tướng vi tế. Sau có 5 loại tức là tướng thô. Lại nữa 5 phần đầu tức là tướng vi tế, sau một ấy là tướng thô. Lại nữa 6 tướng đều là tướng thô; Lại nữa 6 tướng đều là vô tế tướng lại là vô thô tướng, như thế lần lượt nên quan sát, suy nghĩ.

Đã nói về hiển thị thô trọng quyền thuộc môn. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị vô minh hữu quyết nghi môn.

Viết rằng: Nên rõ vô minh hay sinh tất cả những nhiễm pháp, mà tất cả những nhiễm pháp ấy đều là tướng bất giác.

Luận rằng: Tức trong câu văn này có hai môn. Những gì là hai ? Một là trực thị đặc hữu môn và hai là thích tướng quyết nghi môn. Môn đầu là những gì.

Tụng rằng:

Giống như thấy gốc cây

Nên rõ có cành lá

Thấy những phiền não ấy

Rõ vô minh cũng vậy

Luận rằng: Giống như có người thấy một rừng cây và quyết định sẽ rõ biết được những loại cành lá. Thấy hết cả phiền não, biết được vô minh có ý nghĩa cũng như thế ấy. Như gốc gác nên rõ vô minh hay sinh ra tất cả các nhiễm pháp vậy. Còn môn sau nghĩa là gì ?

Nghĩa là có chúng sanh tạo ra nghi như thế này. Vô minh tuy một mà nhiễm pháp thì vô lượng. Há chỉ một vô minh mà sinh ra nhiều phiền não chẳng ? nên sinh ra tâm chẳng tin. Nếu quyết nghi kia; nên làm như thế này. Giống như cành chỉ có một mà sanh ra vô lượng vô biên hoa quả; lá cây, sánh với các phiền não. Căn bản vô minh lại cũng như vậy. Tuy chỉ có một vô minh hay sanh tất cả vô lượng vô biên phiền não nhiễm pháp. Dùng cái gì để được rõ tất cả phiền não đều do vô minh sanh ? Do cái nhiễm pháp kia, tất cả đều là tướng bất giác. Nếu rõ lời này rồi thì nghi kia liền tan. Như căn bản lấy tất cả các nhiễm pháp đều là tướng của bất giác thì từ trên đến đây, gốc ấy chính là vô minh đã lược giải rồi. Từ đây trở xuống tông gồm tất cả nhiễm tịnh các pháp, rồi tạo ra giống, khác hai loại môn, là biểu thị của bốn ý tạo luận chơn thật này. Tướng ấy thế nào ?

Viết rằng: Lại nữa giác và bất giác có hai loại tướng. Những gì là hai ? Một là đồng tướng và hai là dị tướng. Nói là đồng tướng nghĩa là giống như các loại ngói gạch đều giống tướng tánh vi trần. Như vậy vô lậu vô minh các loại nghiệp huyễn, đều đồng chơn như tánh tướng. Cho nên trong kinh nói rằng nương vào nghĩa này để nói rằng: Tất cả chúng sanh trước sau đều thường trụ; nhập vào Niết Bàn Bồ Đề các pháp, chẳng thể thấy tướng tu; chẳng thể tạo ra tướng ấy; cứu cánh chẳng được. Lại giống như vô sức tướng có thể thấy; nhưng sự có thấy sắc tướng ấy là do chỗ tùy theo sự nhiễm nghiệp huyễn ấy tạo ra; chẳng phải rõ sắc về tánh chẳng không ấy. Dùng trí tướng không thể thấy vậy. Nói là dị tướng giống như các loại gạch ngói mỗi mỗi chẳng giống. Như vậy vô lậu vô minh tùy theo nhiễm huyễn sai biệt, mà tánh nhiễm ấy sai biệt vậy.

Luận rằng: Túc ở trong câu văn này liền có hai môn. Những gì là hai ? Một là đồng tướng môn và hai là dị tướng môn. Dùng vô minh ở nghĩa nào để kiến lập đồng tướng môn ? Vì muốn hiển thị tất cả các pháp, chỉ một chơn như, không ngoài pháp ấy. Chơn như môn dùng vô minh ở nghĩa nào ? Kiến lập dị tướng môn vì muốn hiển thị duy nhất chơn như, tạo ra tất cả pháp, tên gọi mỗi mỗi sai biệt, nghĩa dụng cũng lại chẳng giống nhau. Cùng với sanh diệt môn. Như vậy hai môn nương vào khế kinh nào để kiến lập vậy ? Đó chính là Văn Thù Sư Lợi đáp đệ nhất kinh. Trong khế kinh kia, nói những gì vậy ? Trong khế kinh kia nói như thế này:

Phật hỏi Ngài Văn Thù rằng: Ngươi từ xưa đến nay chưa hề ngồi nghỉ, hay đi đây đó trong 10 phương quốc độ, thấy việc gì là đặc biệt ?

Ngài Văn Thù trả lời rằng: Con từ xưa đến nay chẳng thấy việc gì cả, chỉ thấy vi trần.

Phật lại hỏi rằng: Ngươi ở trong hằng trăm năm ấy ở nơi nhà cửa, chẳng thấy tướng của các loại ngói gạch sao ?

Văn Thù đáp rằng: Con tuy thấy vi trần; nhưng chẳng thấy ngói gạch.

Phật lại hỏi rằng: Ngươi thật chẳng thấy đất, nước, gió, lửa, núi, sông, cây, rừng và các loại tướng ấy chẳng ?

Văn Thù đáp rằng: Con thật chẳng thấy các tướng như thế, mà chỉ thấy vi trần. Cứ như thế như thế Đức Thế Tôn hỏi và Ngài Văn Thù đáp. Cho đến hằng trăm việc Phật hỏi, Văn Thù cũng chỉ thấy vi trần sao ?

Văn Thù đáp rằng: Con từ xưa đến nay chẳng thấy vi trần.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Văn Thù rằng: Lành thay! Lành thay! Ngươi là bậc Đại Sĩ hay rõ một tướng. Hay rõ một tướng tức là pháp vô tướng. Văn Thù Sư Lợi! Ngươi là một hiền nhơn chẳng rõ biết như thế, nương vào một tướng môn. Tất cả chúng sanh trước sau đều thường trụ, nhập vào Niết Bàn Bồ Đề các pháp cho đến dùng trí tướng chẳng thể thấy được. Mã Minh Bồ Tát nương vào kinh văn này để lập nên đồng tướng môn.

Câu văn làm rõ tướng rồi, chẳng cần giải thích nhiều. Còn dị tướng môn, trong khế kinh kia nói như thế này:

Phật bảo Thân tử: Ngươi thấy đất kia tạo ra cái gì để tâm thấy ?

Thân tử đáp: Con thấy đất nây, núi, sông, rừng, cây, sa mạc, đất, đá, mặt trời, mặt trăng, cung điện, nhà cửa v.v... tướng của mỗi loại có mỗi mỗi hình tướng khác nhau; nên tên gọi sai khác chẳng đồng.

Phật bảo: Trí huệ của người còn thấp kém, hẹp nhỏ. Tâm kia có cao có thấp; nên thấy khác như vậy. Duy người một người chẳng thấy như thế. Tất cả chúng sanh lại cũng như vậy. Từ đó các pháp lại cũng như vậy. Chơn vọng lẫn lộn, nhiễm tịnh duyên nhau; công đức khác nhau nên hình tướng, tên gọi mỗi mỗi sai biệt. Tùy theo tâm phạm phu mà lập nên danh tướng. Có ấy thật chẳng thật, tất cả đều là pháp huyễn hóa. Cho đến nói rộng ra, nương vào câu văn nầy tìm nghĩa để thuật lại và lập nên dị tướng môn.

Tướng của câu văn đã rõ rồi, chẳng cần nói thêm nữa. Trong hai môn nầy, chỗ tồn tại môn đầu nên phán xét tư duy. Từ trước đến nay đã giải thích rồi. Phần chính trong đây là do tâm sanh diệt, như chữ, câu đã rõ rồi. Từ đây trở đi nói ngay về nhơn duyên.

Viết rằng: Lại nữa sanh diệt nhơn duyên; nơi mà chúng sanh nương vào tâm ý và ý thức chuyển đổi. Nghĩa này như thế nào? Dùng sự nương vào A Lợi Gia Thức để nói thì có vẻ vô minh bất giác khởi lên. Hay thấy, hay hiện, hay chấp giữ cảnh giới, khởi niệm tương tục. Cho nên nói là do ý. Ý này lại có 5 tên gọi. Những gì là năm?

Một tên là nghiệp thức. Nghĩa là vô minh lực, bất giác tâm động.

Hai gọi là chuyển thức. Nghĩa là nương vào nơi tâm động, hay thấy tướng vậy.

Ba gọi là hiện thức. Cho nên hay hiện tất cả các cảnh giới; giống như mặt kính sáng, hiện ra các hình ảnh. Hiện thức lại cũng như vậy. Tùy theo trần này đối đãi liền hiện, không có trước sau. Dùng tất cả lúc để nhận lấy, mà khởi lên thường tại trước.

Bốn gọi là tri thức. Nghĩa là phân biệt nhiễm định pháp. Nên gọi là tương tục thức, dùng niệm tương ưng bất đoạn vậy.

Luận rằng: Do trong câu văn nầy, từ đó có hai môn. Những gì là hai? Một là nhiếp nghĩa hiển tông sanh giải môn. Hai là tùy văn tán thuyết quyết nghi môn. Môn đầu nghĩa là gì? Trong đây nhân duyên có hai loại. Những gì là hai? Một là bất tương ưng sanh diệt nhân duyên. Hai là tương ưng sanh diệt nhơn duyên. Nhơn duyên đầu có tướng như thế nào?

Tụng rằng:

Căn bản vô minh kia

Hay tùy duyên bản giác

Mỗi nhân duyên đầy đủ

Vì ba bất tương ưng

Chính tạo nhân duyên vậy

Nhỏ, sanh diệt nhân duyên

Liên tác ý quan sát

Nên xem nghĩa lý này

Luận rằng: Căn bản vô minh theo duyên bản giác. Mỗi mỗi nhơn duyên có đầy đủ hai nghĩa. Hay vì 3 loại bất tương ưng nhiễm, chính tạo nhơn duyên, cho nên nói rằng vì tế sanh diệt nhân duyên môn, đầy đủ hình tướng, nói rải rác trong môn này và lý này tự làm sáng tỏ. Tiếp theo nhân duyên nữa. Hình tướng như thế nào?

Tụng rằng:

Hiện kính, thức tự thể

Lục trần cảnh giới tướng

Vì ba loại tương ưng

Hay tạo nhân duyên vậy

Luận rằng: Hiện kính thức thể, lục trần cảnh giới, như lần lượt sau đây, vì 3 loại tương ưng nhiễm pháp hay tạo nhân duyên; cho nên nói: Thô trọng sanh diệt nhơn duyên môn. Trong hiện thức thể lại có nghĩa của duyên; nên quan sát suy nghĩ. Lại nữa liền có hai loại nhân duyên. Những gì là hai? Một là bốn biến nhân duyên; hai là mạn biến nhân duyên. Nói

bốn biến có nghĩa là đưa ra căn bản vô minh và bốn giác tâm, vọng đối với tướng của lục trần; nên có nghĩa của nhân duyên vậy. Nói là mặt biến là đưa ra nghiệp chuyển tướng, vọng ở nơi ba tương ưng; nên có nghĩa của nhơn duyên. Lại nữa liền có hai loại nhân duyên. Những gì là hai ? Một là thượng hạ nhơn duyên; hai là hạ thượng nhơn duyên. Nói là thượng hạ nhơn duyên nghĩa là vô minh lấy quả báo đầu làm cuối. Hạ hạ cùng với lục không vượt qua số này, tạo nên nhân duyên vậy. Nói là hạ thượng có nghĩa là quả báo lấy vô minh đầu làm cuối. Thượng thượng cùng lục chẳng vượt qua số này, tạo ra nhơn duyên vậy. Lại nữa tất cả hữu vi sanh diệt pháp, từng sát na chẳng dừng nghỉ; nên vô nhân, vô duyên vậy. Lại nữa nhân duyên pháp không, mà chẳng có chủ, tự tánh thật này chẳng thể có được. Lại chẳng có pháp được. Chẳng thể được, lại chẳng thể được, như lần lượt dưới đây; nên phán xét suy nghĩ chọn lựa.

Đã nói về nhiếp nghĩa hiển tông sanh giải môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về tùy văn tán thuyết quyết nghi môn. Trong này có hai môn. Những gì là hai ? Một là tổng phiêu môn; hai là quang thích môn. Lại nữa sanh diệt nhơn duyên nghĩa là chỗ mà chúng sanh nương tâm ý, ý thức để chuyển, tức là môn đầu. Câu văn này làm rõ nghĩa gì vậy ? Nghĩa là muốn hiển thị chỗ nương tựa hay nương sai biệt. Chỗ nương tựa ấy như thế nào ? Nghĩa là tâm bản giác. Có thể nương tựa như thế nào ? Tức là chúng sanh. Nói chúng sanh có nghĩa là theo pháp gì vậy ? Nghĩa là ý, ý thức. Vì sao ý và ý thức gọi tên là chúng sanh. Ý và ý thức tất cả chúng sanh cùng nhiếp tập hợp lại mà sanh. Cho nên gọi là chúng sanh; nguyên là vô biệt tự thể; chỉ có nương vào tâm để làm thể. Cho nên nói là nương tâm để chuyển vậy.

Đã nói về tổng phiêu môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về quang thích môn. Trong này có hai phẩm. Đầu tiên nói về Mặt na chuyển. Sau đó nói về Ý thức chuyển. Tướng của câu văn ấy có thể thấy chăng ? Nghĩa này như thế nào ? Tổng môn có hai chuyển. Từ đây trở xuống sẽ giải thích kỹ. Ý chuyển môn này nương vào khế kinh nào để kiến lập vậy ? Chính là Hiền Liễu Kinh. Trong khế kinh này nói những gì ? Nghĩa là trong Hiền Liễu khế kinh nói như thế này: Các loại tâm thức tuy có vô lượng; chỉ có Mặt na thức chuyển, chứ không có pháp khác. Vì sao thế ? Vì Mặt na thức này đầy đủ 11 nghĩa không có chỗ tạo tác. Trong khế kinh kia 11 nghĩa này nói lược, không nói riêng biệt. Cho nên luận rằng: Để đầy đủ 11 loại tên ở đây đưa ra, cho phân minh rõ ràng. 11 tên ấy là những loại nào vậy ?

Một là căn bản vô minh. Hai là nghiệp tướng. Ba là chuyển tướng. Bốn là hiện tướng. Năm là trí tướng. Sáu là tương tục tướng. Bảy là nghiệp thức. Tám là chuyển thức. Chín là hiện thức. Mười là trí thức. Mười một là tương tục thức.

Đây gồm 11 tên. Như vậy gốc ấy nương vào A Lợi Gia Thức, nói có vô minh, bất giác mà khởi; hay thấy hay hiện, hay chấp vào cảnh giới; nói rộng cho đến 5 loại, tên là tương tục thức; dùng niệm tương ưng chẳng ngừng nghỉ vậy. Trong Bốn Địa khế kinh nói như thế này: Đại Mặt Na Thức đầy đủ 12 chuyển. Chỗ nương vào bản giác lấy đó làm một. Tướng thức hai chữ này sai khác ra sao ? Có phải là thêm số lên để kiến lập riêng chăng ? Số sai biệt thật lớn. Sai biệt như thế nào ? Nghĩa là tất cả những quyền thuộc nhiếp pháp. Tất cả mỗi mỗi đều có hai nghĩa. Những gì là hai ? Một là thân giải nghĩa; hai là ám độn nghĩa. Thân giải nghĩa nghĩa là nương cậy vào vô minh, lưu chuyển sai lầm vậy. Nương vào môn đầu để kiến lập nên thức danh; nương vào môn sau để tạo nên tướng danh. Hai môn sai biệt như thế nên rõ biết. Vì sao lại như vậy ? Nói là thức vì giải rõ nghĩa; nên thuận theo với bản giác. Nói là tướng, vì khác với nghĩa gốc nên thuận theo vô minh. Cho nên trong Thường Trụ Phật Tánh khế kinh nói như thế này. Lấy gì để rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ? Đáp rằng: Tất cả chúng sanh đều có tâm thức; nên rõ biết là có Phật tánh. Vì sao Phật gọi là giác ? Nghĩa là hay lãnh chiếu đến tất cả pháp vậy. Trong thân chúng sanh có cái giác này. Cho nên tất cả chúng sanh đều có liễu biệt thức vậy. Như thế thì ý ấy nghĩa là gì ? Có hai nghĩa. Những gì là hai ? Một là căn nghĩa; hai là thân nghĩa. Nói căn nghĩa nghĩa là hay sanh ra nghĩa vậy. Nói là thân nghĩa vì nương vào nghĩa vậy. Nghĩa ấy là gì ? Nghĩa là căn bản vô minh, tùy nhiếp bản giác, mỗi mỗi đầy đủ nhân duyên, hỗ tương vọng với nhau. Nghĩa này như thế nào ? Nghĩa là đưa ra

bản giác và cùng với vô minh vọng nơi 3 thức. Bản giác làm nhơn, vô minh làm duyên; cùng đưa ra hai vọng kia nơi ba tướng. Vô minh làm nhơn, bản giác làm duyên. Vì sao vậy ? Vì do chỗ gần gũi thân cận làm nhơn và do chỗ xa ấy làm duyên.

Vì sao ở trên nói phân biệt trí tướng và tương tục tướng ý thức phân chia nhỏ ra; còn bây giờ trong câu văn này lại nói Mạt Na Thức nhiếp lấy ? Vì muốn thành lập Mạt Na Ý Thức. Tuy chỉ là một thể, không có 2 sai biệt. Nếu như vậy thì vì sao lược bỏ phần thô đi, chẳng lấy làm ý ? Thật ra đều là ý, mà lý tận đã lược nói rồi. Cho nên kinh nói không có chỗ chẳng tạo ra, mà biệt kiến lập ý thức chuyển. Vì muốn kiến lập hay nương vào chỗ nương của pháp môn vậy. Đưa quyết trạch 3 tướng này; Mạt Na nên rộng rõ biết. Lại nữa vì muốn hiển thị A Lợi Gia Thức phi định A Lợi Gia. Mạt Na phi định Mạt Na. Ý thức phi định Ý Thức. Vì vô định vậy. Tạng thức mạt na, Mạt Na Tạng Thức; Ý thức tạng thức, Tạng thức ý thức, lại đều là Tạng thức. Tất cả đều là Mạt Na. Tất cả đều là Ý Thức; lại nữa tất cả đều là không. Như thế nên không định. Tất cả đều là vô thường. Vô thường nên chẳng phải là chơn thật. Phi chơn thật; nên tất cả đều là huyễn hóa. Vì là huyễn hóa nên tự tánh là không, vô. Tự tánh không, nên quyết định tịch diệt. Tịch diệt nên tịch diệt, lại tịch diệt. Trong Kim Cang Tam Muội kinh nói như thế này:

Địa Tạng Bồ Tát nói: Bất khả tư nghì ! Bất khả tư nghì ! Gồm 75 chẳng sanh, 86 tịch diệt, 9 tướng không, vô. Có không, không không, không có. Cho đến câu văn như trên.

Phật bảo: Nói thấy tức là vọng. Vì sao vậy ? Vì tất cả vạn hữu vô sanh, vô tướng. Cái căn bản không có tự tướng và tất cả đều là rỗng không. Tất cả pháp tướng lại cũng như thế. Tất cả thân chúng sanh lại cũng như vậy. Thân thường chẳng có. Vì sao lại có thấy ?

Đã nói về tùy văn tán thuyết quyết nghị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về nghiệp tương tục và dụng sai biệt môn.

Viết rằng: Ở vào quá khứ vô lượng đời trước, thiện ác nghiệp làm cho chẳng mất, lại hay thành tựu hiện tại vị lai khổ vui và quả báo... không chỗ sai khác. Hay làm cho hiện tại những sự việc qua đi, rồi nhớ đến vị lai, chẳng biết, vọng tưởng.

Luận rằng: Tương tục thức này có 3 nghĩa. Thế nào là ba ? Một là nhiếp tiền bất thất nghĩa; hai là cảm quả thành tựu nghĩa; ba là vọng lự biến duyên nghĩa. Nghĩa đầu như thế nào ? Tương tục thức này hay phát khởi thẩm nhuần nghiệp phiền não, ở trong quá khứ, nơi vô minh mà khởi. Tất cả các loại nghiệp lành nghiệp dữ, hay tạo thành quả lực dụng. Như gốc ở quá khứ vô lượng đời trước nghiệp lành dữ ấy làm cho chẳng mất đi đâu cả. Trong nghĩa này như thế nào ? Tương tục thức này lại hay phát khởi nhuần thẩm sanh ra phiền não mà làm cho điều này thành nghiệp, quyết định quả báo an lập thuộc vào. Như căn bản lại hay thành tựu hiện tại vị lai khổ, vui và quả báo chẳng sai khác vậy. Nghĩa sau ra sao ? Tương tục thức này phan duyên chẳng đối rộng ra, phân biệt lại mạnh hơn. Duyên rồi rõ biết cảnh, rồi phát ra tâm vui hay chẳng vui. Đối với cảnh hiện tiền tăng trưởng sự yêu thương hoặc tâm chẳng yêu thích. Duyên vào cảnh chưa rõ, chưa hoàn toàn rồi vọng tính. Như căn bản ấy hay làm cho hiện tại trải qua các việc mà niệm vị lai ấy bất giác vọng lự. Như vậy thức này liên tục sanh từ làm cho chẳng đoạn tuyệt. Cho nên có tên là tương tục thức vậy.

Đã nói qua về nghiệp tương tục, dụng sai biệt môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về duy tâm hướng chuyển các pháp môn.

Viết rằng: Cho nên 3 cõi hư ngụy, chỉ có tâm tạo ra. Lìa tâm thức không có lục trần cảnh giới. Nghĩa này như thế nào ? Do tất cả pháp đều từ tâm niệm vọng tưởng khởi lên nên sanh ra. Tất cả những phân biệt tức là phân biệt tự tâm; tâm chẳng thấy, tâm vô, tướng có thể được, sẽ rõ biết thế gian tất cả cảnh giới. Tất cả đều nương vào tâm vọng vô minh của chúng sanh mà được ở lại. Cho nên tất cả pháp như hình trong gương, chẳng có thực thể. Do tâm hư vọng. Do tâm sanh nên mọi pháp đều sanh. Tâm diệt tức mọi pháp đều diệt.

Luận rằng: Câu văn này làm rõ nghĩa gì ? Vì muốn hiển thị tất cả các pháp, duy chỉ có tâm hướng chuyển, chẳng có pháp nào khác cả. Vì sao thế ? Tùy tâm mà có không sai biệt, pháp có pháp không. Các pháp đều do tâm và tâm này có không ? Như thế tâm pháp lại chẳng thể được. Vậy thì tâm này được thành lập với nghĩa gì ? Điều này cũng lại do tâm vậy. Lấy gì để rõ biết ? Kinh văn đã nói rõ rồi. Sao lại nói như thế ? Nghĩa là trong phần lưu Lăng Già khế kinh có nói như thế này: Với tâm vô tâm ta nói vì tâm lượng. Lại nữa do tâm chẳng thể có được câu cú, mà thành lập cái nghĩa của cái không to lớn. Do tâm không tâm, so sánh với câu cú; nên thành lập cái nghĩa của sự huyền sai biệt. Lại nữa do cái nghĩa không to lớn ấy mà các pháp được thành lập. Do cái nghĩa của huyền sai biệt vậy. Cái lý của không được hiển bày. Lại nữa do tương quan; nên không định hai việc. Vô nhị sự; cho nên chẳng thành một việc. Vô nhưt sự nên chẳng thành, lại cũng chẳng thành. Như thế lần lượt nên phán đoán quan sát vậy.

Đã nói rộng về Đại Mạt Na chuyển tướng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về phân biệt sự thức chuyển tướng môn.

Viết rằng: Lại nữa nói ý thức tức là tương tục thức. Nương vào phàm phu mà chấp thủ chuyển nhiễm, tính toán về ngã và ngã sở; nhiều loại vọng chấp tùy theo sự việc phan duyên, phân biệt lục trần, tên gọi là Ý Thức. Lại cũng có tên là Phân Ly Thức và lại cũng có tên là Phân Biệt Sự Thức. Thức này nghĩa là nương vào sự thấy, yêu, phiền não tăng trưởng vậy.

Luận rằng: Như trong câu văn ấy tự có bốn môn. Những gì là bốn ? Một là gián trách giả giả đồng phân môn; hai là sanh khởi thô trọng chuyển tướng môn; ba là kiến lập danh tự sai biệt môn; bốn là hiển thị an lập sở y môn.

Gián trách giả giả môn nghĩa là đưa ra 3 loại phàm phu, gián địa thượng thánh vậy. Những gì là 3 phàm phu ? Một là vô căn đuôi điếc phàm phu; hai là lông đầu nan giác phàm phu; ba là Kim Cang bất biến phàm phu. Đây gọi tên là ba. Như trước nương vào các phàm phu vậy.

Sanh khởi thô trọng môn nghĩa là: Nếu thay tà định tự thì các chúng sanh thường cùng với thức hý luận phân biệt, thủ trước tất cả cảnh giới, lưu chuyển không ngừng và không có ranh giới, cũng chẳng có đầu đuôi, thường hay tăng trưởng chẳng có đoạn tuyệt. Như căn bản thủ trước, chuyển sâu hơn vậy. Nếu thay cho bất định tự của chúng sanh thì chỉ có giác diệt, tướng định là việc chẳng thiện khởi lên, chẳng tác ý, mà con người không rõ vị hiện tiền vậy; duyên vào các cảnh giới và thân phận mà tính về ngã, ngã sở, có chấp chẳng bỏ. Như căn bản tính về ngã và ngã sở vậy. Nếu thay thế tam hiện vị của chúng sanh thì tuy đã thành tự như không rồi và bát nhã giác ấy khác với tướng của mộng; mà chơn pháp không ấy rõ biết như là vị hiện tiền vậy. Khởi lên nhiều loại chấp trước, có chấp thật pháp. Tùy theo việc mà suy nghĩ chẳng thể rõ biết bình đẳng chánh lý. Như căn bản nhiều loại vọng chấp tùy việc phan duyên, phân biệt lục trần vậy.

Còn Kiến Lập danh tự môn có ba loại. Những gì là ba ? Một là sở y vi tế danh tự; hai là sở y thô hiện danh tự; ba là tùy thuận cảnh giới danh tự.

Đây gọi tên là ba. Tên đầu nghĩa là gì ?

Thức này nương vào vi tế Mạt Na Thức kia, lấy làm chỗ dừng của căn mà được an lập; nên có tên là ý thức. Như căn bản gọi đây là ý thức vậy. Trong này gọi là gì ? Thức này nương vào mắt kia và ngũ căn, rồi do căn dừng mà phân biệt ngũ trần. Đây lại cũng có tên là Phân Biệt Thức. Như gốc gọi tên là Phân Ly Thức. Tên sau có nghĩa gì ? Thức này toàn duyên vào cảnh giới, mà chuyển phân biệt, chưa được như lý, làm tự cảnh giới. Cho nên gọi tên là Phân Biệt Sự Thức. Như căn bản lại cũng nói: Đây là phân biệt sự thức vậy.

Hiển thị sở y môn nghĩa là: Thấy tu hai hoặc huân vào nơi bốn thức. Do các lực huân này mà phần thô của ý thức được kiến lập, tăng trưởng tương tục, hằng chuyển và được lưu

giữ lại đó. Như căn bản, thức này nương vào sự thấy, yêu phiền não; nên hay tăng trưởng là ở nghĩa này vậy.

Từ trước đến nay sanh diệt nhơn duyên đã giải thích rồi và từ đây trở xuống hiển thị nhơn duyên thù thắng tướng bất khả tư nghì.

Viết rằng: Nương vào vô minh huân tập; nên có thức chỗ khởi. Chẳng phải kẻ phàm phù rõ biết được, mà chẳng phải hàng nhị thừa trí tuệ chỗ rõ biết. Nghĩa là nương vào Bồ Tát từ sơ chánh tín phát tâm quan sát; nếu chứng pháp thân thì sẽ được một ít phần trí. Cho đến Bồ Tát cứu cánh địa chẳng thể rõ biết được. Duy chỉ có Phật mới rõ cùng tận. Vì sao vậy? Tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, mà vì có vô minh và vì chỗ nhiễm của vô minh; nên có tâm nhiễm này. Tuy có tâm nhiễm ô, mà thường hằng bất biến. Cho nên nghĩa này chỉ có Phật mới rõ biết hết. Cho nên tâm tánh thường vô niệm. Gọi đây là bất biến. Lấy việc chẳng thấu đạt một pháp giới. Tâm chẳng tương ưng, hốt nhiên khởi niệm, tên gọi là vô minh. Trong thâm tâm có 6 loại. Những gì là sáu?

Một là chấp tướng ưng nhiễm; nương vào nhị thừa giải thoát và tín tương ưng địa viên ly.

Hai là bất đoạn tương ưng nhiễm; nương vào tín tương ưng địa tu học phương tiện, dần dần có thể xả bỏ được tịnh tâm địa, cứu cánh lìa khỏi.

Ba là phân biệt trí tương ưng nhiễm; nương vào Cụ Giới Địa dần dần ra khỏi và cho đến vô tướng phương tiện địa, cứu cánh lìa khỏi.

Bốn là hiện sắc bất tương ưng nhiễm; nương vào sắc tự tại địa hay lìa khỏi.

Năm là hay thấy tâm bất tương ưng nhiễm; nương vào tâm tự tại địa hay lìa khỏi.

Sáu là căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm; nương vào Bồ Tát Địa, tận được vào Như Lai Địa, hay lìa khỏi.

Bất liễu nhưt pháp giới nghĩa là từ tín tương ưng địa quan sát học dứt, nhập vào tịnh tâm địa tùy theo phần được lìa; cho đến Như Lai Địa hay cứu cánh lìa khỏi vậy. Nói tương ưng nghĩa là tâm niệm pháp sai khác; nương vào nhiễm tịnh sai biệt mà rõ tương duyên, tương đồng. Còn chẳng tương ưng nghĩa là tâm ấy bất giác, thường chẳng có sai khác, chẳng đồng rõ tướng, duyên tướng vậy.

Lại nữa nhiễm tâm nghĩa là phiền não ngại, hay chướng thế gian, nghiệp tự nhiên rõ biết. Nghĩa này là thế nào? Lấy sự nương vào tâm nhiễm ô hay thấy hay hiện, vọng chấp thủ cảnh giới, sai với tánh bình đẳng. Lấy tất cả pháp thường tịnh, chẳng có khởi tướng. Vô minh bất giác vọng động cùng với pháp sai biệt, chẳng thể được tùy thuận thế giới tất cả cảnh giới đủ loại rõ biết.

Luận rằng: Trong câu văn này có 5 môn. Những gì là 5? Một là cử nhơn hiển thị thù thắng môn. Hai là hiển thị thâm duyên quyết nghi môn. Ba là cử chướng thị trị phối đương môn. Bốn là hiển bất ứng sai biệt môn. Năm là lập nhị ngại biệt chướng môn. Đây gọi chung là năm.

Trong môn thứ nhất tức có 3 người. Những gì là ba?

Một là phân mãn cụ tuyệt nhơn, tà tịnh phạm phụ tất cả nhị thừa, ngu si sâu dày, trí huệ yếu kém. Như căn bản nương vào vô minh huân tập rồi tạo chỗ khởi lên thức mà không phải phạm phụ rõ biết được; lại chẳng phải nhị thừa trí tuệ thấy biết được.

Hai là có phần không đầy người. Trong 50 vị, người rõ biết Bát Nhã chưa trọn vẹn. Như căn bản nghĩa là nương vào Bồ Tát từ sơ chánh tín phát tâm. Quan sát để chứng pháp thân, được một ít trí, cho đến Bồ Tát cứu cánh địa, chẳng thể rõ biết hết.

Ba là có đầy đủ, không phần người. Trong quả vị Phật, đại viên cảnh trí, biến hiện ra trước vậy. Như căn bản, chỉ Phật mới rõ biết tột cùng. Đây gọi tên là ba.

Đã nói về cử nhơn hiển thị thù thắng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị thâm duyên quyết nghi môn. Trong đây có hai ý. Những gì là hai? Một là thường, vô thường môn; hai là vô thường, thường môn. Nói là thường vô thường môn có nghĩa là tự tướng bốn giác

của tâm từ vô thi đến nay, quyết định thường trụ, thể tánh không thay đổi; chẳng phải chẳng vô thường; chẳng phải không biến hóa. Như căn bản tại sao tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh mà lại có vô minh. Vì vô minh nên mới bị nhiễm ô và sinh ra tâm ô nhiễm này vậy. Nói là vô thường, thường môn nghĩa là bản giác tâm này từ vô thi đến nay thường hằng vô thường, thường hay biến đổi; chẳng có lúc nào là chẳng dừng nghỉ; chẳng phải chẳng không thay đổi. Như căn bản, tuy tâm có ô nhiễm mà thường hằng bất biến. Cho nên nghĩa này chỉ có Phật mới có thể rõ biết được. Tổng kết thù thắng. Từ đây trở xuống liền dùng 2 câu để giải thích 2 câu trên. Qua câu văn có thể thấy được.

Đã nói qua về hiển thị thâm duyên quyết nghi môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến cử chương thị trị phối đương môn. Nghĩa là trong môn này có hai ý. Những gì là hai? Một là tùy chuyển đối trị phần vị môn; hai là căn bản đối trị phần vị môn. Tùy chuyển đối trị môn nghĩa là 6 loại tùy tướng như lần lượt phát tâm làm đầu và diệu giác làm cuối. Tùy theo đó không rời bỏ. Như căn bản sự nhiễm ô của tâm có 6 loại. Những gì là sáu? Một là chấp tương ưng nhiễm, y nhị thừa giải thoát và tín tương ưng địa viên ly; nói rộng cho đủ 6 là căn bản nghiệp bất tương ưng nhiễm y Bồ Tát Địa; cho đến cuối cùng được nhập vào Như Lai Địa, hay lìa được vậy. Căn bản đối trị môn nghĩa là: Đại lực vô minh cực vui làm đầu và diệu giác làm cuối. Tùy theo đó chẳng lìa khỏi. Như gốc gác chẳng rõ biết một pháp giới từ tín tương ưng địa, quan sát học đoạn, nhập vào tịnh tâm địa, tùy theo từng phần được lìa, cho đến Như Lai Địa có thể lìa cứu cánh. Trong Cực Hỷ địa, căn bản tùy tướng đối trị hình tướng sẽ sai khác như thế nào? Nghĩa là Hậu Đắc Trí đoạn được thì đây gọi là vô minh và chánh sở trí đoạn được, thì đây gọi là tùy tướng; nên như thế mà rõ biết. Nói đến Cực Hỷ thượng, tất cả địa lại cũng như vậy.

Đã nói về cử chương thị trị phối đương môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển ung bất ung sai biệt môn. Tại sao lại gọi là tương ưng nghĩa? Nói là tương ưng nghĩa nghĩa là chỉ cho tâm phẩm và niệm pháp sai biệt. Tâm phẩm là những gì? Đó là bản giác tùy nhiễm của tâm. Những gì gọi là niệm pháp? Đó là nương ngay vào vô minh để sanh trưởng các pháp vọng. Dùng nghĩa gì mà gọi là tương ưng? Nghĩa là tương cùng với sức mạnh. Như vậy thì hai pháp có nghĩa khác nhau ra sao? Cái gốc của mỗi đều khác nhau. Như nói cái gốc tương ưng nghĩa là tâm niệm pháp sai khác. Niệm pháp nương vào sự nhiễm ô. Tâm phẩm nương vào chỗ sạch sẽ. Như vậy cả hai nương vào chỗ khác nhau. Giống như nước, lửa làm sao nói nghĩa giống nhau được. Rõ tướng và duyên tướng hợp lại giống nhau. Thế nào là tên gọi của tri tướng khế đồng? Tâm phẩm niệm pháp chẳng giống nhau, xa lìa nhau, hòa hợp chuyển đổi. Sao gọi là duyên tướng khế đồng? Như vậy hai phẩm cùng duyên với nhau. Như căn bản nương vào nhiễm tịnh sai biệt mà rõ biết tương duyên, tương đồng. Trong Đại Bản Kim Cang Tam Muội khế kinh nói như thế này: Ba loại tương đồng; khác nhau nên thành giống nhau. Nếu giống thì chẳng giống. Nếu như vậy thì trong Bộ Tổng Khế Kinh nói ra sao? Ba loại thô nhiễm hai nghĩa hay thay đổi. Những gì là hai chuyển? Một là tương vi chuyển; hai là tùy thuận chuyển. Cho đến nói rộng ra trên nghịch dưới thuận, tạo ra những thế để nói. Chẳng có ý sai biệt. Bất tương ưng nghĩa là tương ưng và tương vi (lìa nhau); hãy nên quan sát phán xét.

Đã nói qua về hiển ung bất ung sai biệt môn. Bây giờ nói về lập nhị ngại biệt chương dụng môn. Phiền não ngại kia tán tác và tánh động nhiều, mà chơn như trí thì trực tịnh tánh; như vậy có chỗ trái lại; nên tạo ra chương. Như căn bản nghĩa là tâm nhiễm ô và gọi đây là phiền não ngại, hay làm chương chơn như căn bản trí. Trí tuệ ngại kia có tánh tối mờ mịt; rồi tạo nghiệp trí và có tánh thông minh. Như vậy có chỗ ngược lại nên tạo thành chương ngại. Như gốc của vô minh nghĩa là làm cho trở ngại của trí tuệ, hay làm chương thế gian tự nhiên nghiệp trí vậy. Nghĩa này như thế nào ở hạ hiển thị nhơn duyên này nên phán đoán suy nghĩ để rõ. Nhị chương ngại lại có cái gì khác nhau? Lập nên hai chương môn, đưa ra một hướng đoạn lìa; lập nên hai ngại môn để đưa ra sự đoạn lìa và chẳng dứt mất. Nên rõ như vậy; nên quan sát như vậy. Từ trên trở lại đây nhơn duyên thù thắng quyết trạch phần đã nói xong.

Thích Ma Ha Diễn Luận
Hết quyển 4

*Dịch xong quyển thứ tư này tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg
thuộc miền Nam nước Đức vào ngày 24 tháng 2 năm 2009.
Đây là lần đầu tiên dịch kinh tại Tu Viện này.*

Quyển 5

- *Long Thọ Bồ Tát tạo.*
- *Đời Diêu Tần, Ngài Tam Tạng Phật Đà Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt. Phần này bắt đầu dịch ngày 26 tháng 2 năm 2009 tại Chùa Tam Bảo ở Na Uy.*

Từ đây trở xuống sẽ làm rõ tướng sai biệt của sự sanh diệt.

Viết rằng: Lại nữa phân biệt sanh diệt tướng lại có hai loại. Những gì là hai? Một là thô cùng với tâm tương ưng. Hai là tế cùng với tâm bất tương ưng. Lại nữa trong thô ấy lại có tế và trong tế ấy lại có cái thô của cảnh giới Bồ Tát. Trong cái tế của tế ấy, là cảnh giới của chư Phật. Trong hai loại sanh diệt này nương vào nơi vô minh huân tập mà có. Cho nên nương vào nhơn và nương vào duyên. Nương vào nhơn nghĩa là bất giác: nương vào duyên nghĩa là vọng tác cảnh giới. Nếu nhơn diệt tức duyên diệt. Nhơn diệt nên tâm bất tương ưng diệt. Duyên diệt cho nên tâm bất tương ưng diệt.

Hỏi rằng: Nếu tâm diệt thì cái gì tiếp tục? Nếu có tiếp tục thì sao lại nói cứu cánh diệt?

Đáp: Sở dĩ nói diệt đó là nói tâm tướng diệt; chứ không phải tâm thể diệt. Như gió nương vào nước mà khởi lên có tướng động. Nếu sóng nước kia mất đi; nghĩa là gió không còn nữa và không có chỗ để nương vào. Nên nước ấy không mất đi và tướng gió ấy vẫn liên tục. Tuy gió mất cho nên tướng động theo đó mà mất; chứ không phải nước mất. Vô minh lại cũng như vậy; nương vào tâm thể mà khởi động. Nếu tâm thể mất tức chúng sanh không còn nữa thì không có chỗ nương tựa. Dùng thể chẳng diệt ấy; nên tâm luôn tiếp diễn tồn tại. Cũng như sự si mê mất thì cái tướng của tâm tùy theo đó mà mất; chứ không phải cái trí hiểu biết của tâm mất.

Luận rằng: Trong câu văn này có 5 môn. Những gì là năm? Một là phiêu thích cụ thành thị tướng môn; hai là tốt tướng thuộc đương giả nhơn môn; ba là hiển thị thô tế sở y môn; bốn là bản giác đối trị thứ đệ môn; năm là phát khởi vấn đáp quyết nghi môn.

Nói là phiêu thích cụ thành thị tướng môn nghĩa là thô trọng sanh diệt cùng với tâm tương ưng; vì tế sanh diệt cùng với tâm bất tương ưng. Sao gọi là thô trọng sanh diệt? sẽ cùng với thức nào mà tương ưng vậy? Nghĩa là Mạt Mạt vậy. Cùng với phân biệt sự thức mà cùng tương ưng. Sao gọi là vi tế sanh diệt? cùng với thức nào mà chẳng tương ưng? Nghĩa là Mạt cùng với tam vị bốn thức mà chẳng tương ưng. Mã Minh Bồ Tát nương vào kinh chính nào để giải thích như vậy? Đó là Kinh Lăng Già. Trong kệ kinh kia nói như thế nào? Nghĩa là một bản phần lưu Lăng Già kệ kinh nói như thế này: Lúc bấy giờ Đại Huệ Bồ Tát Ma Ha Tát lại bạch Phật rằng: Kính bạch Đức Thế Tôn! Các thức có bao nhiêu loại sanh, trụ và diệt?

Phật bảo Đại Huệ rằng: Các thức có hai loại sanh, trụ, diệt; chẳng thể rõ biết hết số lượng được. Các thức có 2 loại sanh. Nghĩa là lưu chú sanh và tương sanh; có 2 loại trụ, Đó là lưu chú trụ và tương trụ. Có 2 loại diệt; đó là lưu chú diệt và tương diệt. Lại nữa một bản Lưu Lăng Già kệ kinh nói như thế này:

Này Đại Huệ! Các thức có hai loại diệt. Những gì là hai? Một là tương diệt; hai là tương trụ diệt. Có hai loại sanh. Những gì là hai? Một là tương sanh và hai là tương tục sanh. Có hai loại trụ. Những gì là hai? Một là tương trụ và hai là tương tục trụ.

Lại nữa trong Đại Bản Lăng Già kệ kinh nói như thế này: Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi liền bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Các tâm thức pháp có bao nhiêu tướng của vô thường?

Phật bảo Ngài Văn Thù rằng: Sự ràng buộc đầu tiên ở thức vi tế; có thượng phẩm chẳng lia sanh diệt. Có trung chuyển nối kéo với thức vi tế; có trung phẩm chẳng lia sanh diệt. Nên xa rời sự ràng buộc của thức vi tế; có hạ phẩm phi ly sanh diệt. Nếu biên phân biệt thức thô thì có phân ly bề mặt, chẳng lia sanh diệt. Như vậy trong ba bản Lăng Già khế kinh ấy làm rõ nghĩa gì? Vì muốn hiển thị thô trọng vi tế 2 loại sanh diệt sai biệt tướng; nên trong khế kinh tuy chỉ nói về tên gọi mà chẳng chỉ rõ nghĩa này. Do nghĩa này mà Mã Minh Bồ Tát chia ra phần khế và bất khế hiển thị thô tế 2 loại sanh diệt. Như gốc gác phân biệt sanh diệt tướng lại có 2 loại. Những gì là hai? Một là thô cùng với tâm tương ưng và hai là tế cùng với tâm bất tương ưng.

Đã nói về phiêu thích cụ thành thị tướng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về tốt tướng thuộc đương giả như môn. Trong này giả môn tức là có 3 loại. Những gì là ba? Một là bất thoái phạm phu; hai là phân thanh tịnh; ba là mãn thanh tịnh. Đây gọi là ba. Người đầu có tương ưng gì mà làm tự cảnh giới vậy? Nghĩa là chấp vào tương ưng nhiễm lấy làm tự cảnh giới; như gốc gác lại có thô trong thô của cảnh giới phạm phu. Còn người ở giữa thì nhiễm cái gì mà tự lấy làm cảnh giới vậy? Nghĩa là 2 tương ưng sau và hai bất tương ưng đầu, cùng với nghiệp thức một phần lấy làm tự cảnh giới. Như gốc gác, thô có trong tế và tế có trong thô của cảnh giới Bồ Tát. Còn người sau thì lấy nhiễm bất tương ưng gì để làm tự cảnh giới vậy? Nghĩa là đầy đủ một phần của tướng động và toàn phần của lực riêng của nghiệp tướng, lấy đó làm tự cảnh giới. Như gốc gác trong tế có tế là cảnh giới của chư Phật vậy.

Đã nói về tốt tướng thuộc đương giả như môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị thô tế sở y môn. Trong này chỗ nương tựa có hai loại. Những gì là hai? Một là thị thông; hai là thị biệt. Thông ấy tức là hai loại sanh diệt. Tất cả đều lấy vô minh làm chỗ nương tựa. Còn biệt ấy có 2 loại sanh diệt như lần lượt nói dưới đây.

Mỗi nhưn và duyên làm chỗ sở y như gốc gác có 2 loại sanh diệt nương vào nơi vô minh huân tập mà có chỗ. Nghĩa là nương vào nhưn và nương vào duyên. Nương vào nhưn nghĩa là bất giác; nương vào duyên nghĩa là vọng tác cảnh giới. Bây giờ trong luận này nương vào kinh nào để khởi? Đó là Kinh Lăng Già. Trong Kinh Lăng Già ấy nói những gì? Nghĩa là ở trong phần khế kinh của Lưu Lăng Già nói như thế này: Nầy Đại Huệ! Bất tư nghi huân và bất tư nghi biến, thị hiện hơn của thức, chấp vào đủ loại trần và vô thị vọng tướng huân tập. Đây là phân biệt sự thức nhưn. Lại nữa trong Đại Bản Lăng Già khế kinh có nói như thế này: Lại nữa chẳng lia nhiễm là nhưn, bất khả tư nghi huân tập và bất khả tư nghi huân tập; cùng với khả tư nghi biến và bất khả tư nghi biến. Lại nữa phân ly nhiễm nhưn nghĩa là đủ loại gió mạnh rồi vọng tướng hiện lên trên kính thức cho đến nói rộng ra. Pháp nào gọi là bất khả tư nghi huân? Đó là căn bản vô minh vậy. Dùng nghĩa gì để gọi tên là bất khả tư nghi huân? Nghĩa là sâu xa vậy. Thế nào là sâu xa? Nghĩa là Kim Cang vòng quanh, tất cả chúng sanh khó thể rõ biết chỗ này. Cho nên có tên là bất khả tư nghi huân. Như huân biến lại cũng như vậy; cho nên trong Đại Bản Kinh nói như thế này: Khả tư nghi và bất khả tư nghi nghĩa là thành tựu Kim Cang trở lại người bên trên.

Đã nói rõ về hiển thị thô tế sở y môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về bản giác đối trị thứ đệ môn. Nghĩa là cái gốc rõ biết căn bản vô minh làm đầu; tướng diệt làm cuối. Như đây dần dần đối trị. Rồi trong này đoạn lia nhưng chẳng bỏ vô minh, lấy đây làm chỗ đoạn. Chẳng phải lấy sự đoạn trừ ấy để đoạn trừ. Như thế thì lấy nghĩa gì để đoạn vậy? Nghĩa là đoạn tâm phiền não; đoạn trừ chẳng cho khởi. Đây gọi là bản giác trị đạo thứ đệ. Như gốc gác nếu nhưn diệt tức là duyên diệt. Nhưn diệt cho nên bất tương ưng tâm diệt. Duyên diệt cho nên tâm tương ưng diệt.

Đã nói qua về bản giác đối trị thứ đệ môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về phát khởi vấn đáp quyết nghi môn. Trong môn này tự nó có hai ý. Những gì là hai? Một là lưỡng nan bế quan

môn; hai là khai thông quyết nghị môn. Qua tướng của lời văn có thể thấy bản giác minh trí đoạn trừ căn bản vô minh. Ba loại tế nhiễm vĩnh viễn đoạn diệt chẳng khởi. Rồi 3 tế không và tâm của 6 trần ấy lại chẳng thể khởi. Ba, sáu loại tâm vĩnh viễn đoạn diệt chẳng khởi. Bản thể tánh trí chẳng thể tự có. Vì sao vậy? Ba, sáu loại tâm lý ấy thường chẳng vô minh, lại đầy đủ bản giác. Chơn vọng hòa hợp nên gọi tâm ba, sáu. Rồi nói rằng tâm ba, sáu diệt thì bản giác đồng diệt, chẳng có chỗ nào có vậy. Há lại có thể nói nói tâm bản giác lại được tương tục, cho đến tà định. Cho nên mới hỏi là nếu tâm diệt thì sự tương tục như thế nào? Tức là ban đầu bế. Nếu nói bản giác là công đức, là pháp ấy chẳng mất, thường hằng chẳng gián đoạn và không mất đi. Há lại được nói những tâm ba, sáu vĩnh viễn mất đi chẳng sinh khởi? Cho nên nói tương tục nghĩa là nói cứu cánh diệt. Tức là đệ nhị bế. Từ đây trở đi giải thích quyết nghị. Câu văn sáng sủa; cho nên chẳng cần giải thích rộng thêm.

Từ trước trở lại đây tướng sanh diệt đã giải thích rõ ràng rồi và từ đây trở xuống hiển thị nhiễm tịnh tướng huân tập sanh; nghĩa chẳng đoạn tuyệt.

Viết rằng: Lại nữa có 4 loại pháp, nghĩa là huân tập nhiễm pháp tịnh pháp khởi, chẳng đoạn tuyệt. Những gì là bốn? Một là tịnh pháp; còn gọi tên là chơn như. Hai là tất cả những nhơn nhiễm ô; tên gọi là vô minh. Ba là vọng tâm, còn gọi là nghiệp thức và bốn là vọng cảnh giới; nếu người dùng hương để huân tập tức có mùi hương. Điều này cũng lại như vậy. Chơn như tịnh pháp, thật chẳng có nhiễm. Thường do vô minh huân tập cho nên có tướng nhiễm. Vô minh nhiễm pháp thật chẳng phải tịnh nghiệp, thường hay lấy chơn như mà huân tập; cho nên có tịnh dụng. Thế nào là huân tập khởi lên, nhiễm pháp chẳng đoạn? Nghĩa là nương vào pháp chơn như cho nên có đối với vô minh. Do vậy mà có cái nhơn của vô minh nhiễm pháp vậy. Tức là huân tập chơn như; dùng sự huân tập ấy cho nên có vọng tâm. Lấy sự có vọng tâm ấy cho nên liền huân tập với vô minh, không rõ biết pháp chơn như là vậy. Bất giác niệm khởi, liền hiện ra cảnh giới vọng. Rồi từ đó có vọng cảnh giới nhiễm pháp duyên vào. Tức là huân tập vọng tâm; làm cho tâm này niệm trước (chấp vào sự nhớ nghĩ) mà tạo ra các loại nghiệp; thọ nhận tất cả thân tâm cùng sự khổ. Vọng cảnh giới huân tập này có hai loại. Những gì là hai? Một là tăng trưởng tâm huân tập; hai là tăng trưởng thủ huân tập. Nghĩa là vọng tâm huân tập có hai loại. Những gì là hai? Một là nghiệp thức căn bản huân tập, có thể được A La Hán, Bích Chi Phật và tất cả các Bồ Tát sanh diệt khổ. Hai là tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập, hay thọ nhận nghiệp của phàm phu, nhiều khổ sở. Vô minh huân tập nghĩa này có hai loại. Những gì là hai? Một là căn bản huân tập, lại hay thành tựu nghiệp thức; hai là hay khởi lên kiến ái huân tập, lại hay thành tựu phân biệt sự thức vậy. Thế nào là huân tập khởi tịnh pháp bất đoạn? Nghĩa là có chơn như pháp vậy. Hay huân tập vô minh, lại hay huân tập nhơn duyên lực; tức là làm cho vọng tâm xa lìa sanh tử khổ vui, cầu chứng Niết Bàn, dùng vọng tâm này có sự yếm cầu nhơn duyên. Tức là huân tập chơn như tự tin vào tánh này; rõ biết tâm vọng động, không có cảnh giới trước. Tu pháp viễn ly, lấy như thật trí, vô tiền cảnh giới; đủ loại phương tiện khởi lên tùy thuận hành, chẳng thủ chẳng niệm; cho đến lực huân tập lâu xa. Vô minh liền diệt; dùng vô minh diệt; cho nên tâm chẳng có khởi lên. Do tâm chẳng khởi cho nên cảnh giới theo đó mà diệt. Vì nhơn duyên đều diệt cho nên tâm tướng đều hết. Đây gọi là Niết Bàn, thành tựu nhiên nghiệp. Vọng tâm huân tập nghĩa ấy có hai loại. Những gì là hai? Một là phân biệt sự thức huân tập; nương vào những người phàm phu nhị thừa, xa rời sự khổ sanh tử, tùy theo sức mạnh có thể, từ từ hướng đến vô thượng đạo. Hai là ý huân tập. Nghĩa là những Bồ Tát phát tâm dũng mãnh mau đến Niết Bàn. Chơn như huân tập, nghĩa ấy cũng có hai loại. Những gì là hai? Một là tự thể tương huân tập; hai là dụng huân tập. Tự thể tương huân tập nghĩa là từ đời vô thủy đến nay đủ pháp vô lậu, dụng huân tập; cùng với bất tư nghì nghiệp, tạo nên cảnh giới tánh. Nương vào hai nghĩa này nên thường hay huân tập. Do có lực huân tập này có thể làm cho chúng sanh xa lìa sự sanh tử, khổ vui mà cầu đến Niết Bàn. Tự tin nơi tự thân có pháp chơn như rồi phát tâm tu hành.

Hỏi rằng: Như nghĩa này thì tất cả chúng sanh đều có chơn như và tất cả đều huân tập. Vì sao lại có tin, không tin, vô lượng trước sau sai biệt. Tất cả đều có một lúc tự rõ có pháp chơn như, khuyên tu phương tiện và nhập vào Niết Bàn?

Đáp rằng: Chơn như gốc chỉ có một mà lại có vô lượng vô biên vô minh. Từ xưa đến nay tự tánh sai biệt dày mỏng chẳng đồng; trải qua hằng hà sa đấng phiền não, nương vào vô minh để khởi lên sự sai biệt. Ta thấy ái nhiễm phiền não nương vào vô minh để khởi lên sự sai biệt. Như vậy tất cả phiền não nương vào nơi vô minh để mà khởi, trước sau vô lượng sai biệt. Chỉ có Như Lai mới có thể rõ biết.

Lại nữa pháp của chư Phật có nhơn có duyên. Nhơn duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như trong gỗ có lửa. Tánh lửa này là nhơn chính. Nếu con người không rõ biết, chẳng rõ phương tiện giả hợp; có thể tự thiêu đốt gỗ; nhưng chẳng có được điều này. Chúng sanh lại cũng như thế. Tuy chỉ có chánh nhơn huân tập lực này; nếu chẳng gặp chư Phật Bồ Tát thiện tri thức thì đây là duyên có thể tự đoạn trừ phiền não và nhập vào được Niết Bàn, tức hẳn phải chỗ này. Tuy rằng có lực ngoại duyên mà bên trong tịnh pháp chưa có lực huân tập lại chẳng thể rớt ráo lìa sự sanh tử, khổ vui, cầu Niết Bàn được. Ở đây nhơn duyên đầy đủ; cho nên tự có lực huân tập. Lại vì chư Phật Bồ Tát v.v... từ bi nguyện hộ, làm cho khởi lên tâm xa lìa sự khổ, tin có Niết Bàn, tu tập căn lành. Nhờ sự tu tập căn lành thành tựu tức là gặp ngay được chư Phật và chư vị Bồ Tát chỉ bày giáo hóa lợi lạc hoan hỷ, cho đến có thể tiến đến con đường Niết Bàn.

Còn dụng huân tập nghĩa là cái lực ngoại duyên chúng sanh. Như vậy ngoại duyên có rất nhiều nghĩa. Lược nói có hai loại. Những gì là hai? Một là sai biệt duyên; hai là bình đẳng duyên. Sai biệt duyên có nghĩa là người này nương vào nơi chư Phật và chư vị Bồ Tát, từ lúc mới bắt đầu phát tâm cầu đạo cho đến thành Phật. Ở trong thời gian ấy hoặc thấy hoặc nhớ nghĩ; hoặc vì quyến thuộc cha mẹ người thân; hoặc vì kẻ dưới; hoặc vì bạn bè; hoặc vì oan gia; hoặc khởi lên 4 sự nhiếp cho đến tất cả chỗ vô lượng việc làm nhơn duyên, từ đây khởi lên lực huân tập đại bi, hay có thể làm cho chúng sanh tăng trưởng căn lành. Hoặc thấy hoặc nghe đều được lợi ích. Duyên này có hai loại. Những gì là hai? Một là cận duyên, liền được độ; hai là viễn duyên, kế xa sẽ được độ. Cận viễn hai duyên này lại phân biệt có hai loại. Những gì là hai? Một là tăng trưởng hành duyên; hai là thọ đạo duyên. Bình đẳng duyên có nghĩa là tất cả chư Phật, Bồ Tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập thường hằng chẳng bỏ; dùng đồng thể trí lực tùy theo chỗ thấy nghe mà hiện tạo nghiệp. Nghĩa là chúng sanh nương vào nơi Tam Vị; lại được bình đẳng thấy chư Phật. Thể dụng này huân tập phân biệt lại có hai loại. Những gì là hai? Một là vị tương ưng. Nghĩa là phạm phu nhị thừa sơ phát ý Bồ Tát; dùng ý, ý thức huân tập; nương vào tín lực cho nên nhờ đó tu hành, chưa được tâm vô phân biệt, cùng với thể tương ưng. Chưa được tự tại tu hành cùng với dụng tương ưng. Hai là dĩ tương ưng; nghĩa là pháp thân Bồ Tát được tâm vô phân biệt cùng với trí dụng của chư Phật tương ưng. Chỉ nương vào pháp lực tự nhiên tu hành; huân tập chơn như thì vô minh sẽ hết. Lại nữa nhiễm pháp từ vô thi đến nay huân tập chẳng lìa; cho đến thành Phật rồi, sau đó liền có sự đoạn lìa. Tịnh pháp huân tập tức là chẳng có đoạn tận ở vị lai. Nghĩa này như thế nào? Lấy pháp chơn như thường hay huân tập vậy. Vọng tâm liền diệt, pháp thân hiển hiện; khởi dụng huân tập cho nên không có sự đoạn lìa.

Luận rằng: Trong câu văn này có ngũ môn. Những gì là năm? Một là tổng phiêu cương yếu môn; hai lập danh lược thị môn; ba là thông thích huân tập môn; bốn là phân bộ tán thuyết môn; năm là tận bất tận biệt môn.

Trong môn đầu lại có 6 ý. Những gì là sáu?

Một là tương đãi tương thành tự hữu ý; nghĩa là muốn hiển thị các pháp nhiệm tịnh. Tất cả tương đãi mà được thành lập. Chẳng có tự kiến lập pháp.

Hai là bản vô tánh không, phi hữu ý. Nghĩa là muốn hiển thị các pháp nhiệm tịnh danh tự. Trong đó không có quyền giả kiến lập. Tất cả đều phi tự danh vậy.

Ba là tương đãi tương thành hiển không ý; nghĩa là muốn hiển thị các pháp nhiệm tịnh do tương thân vậy. Từ xưa đến nay chẳng có tự thể, tự tánh không.

Bốn là tự nhiên hư không vô ngại ý; nghĩa là muốn hiển thị tất cả các pháp; chẳng có chẳng có, tự nhiên tạo không. Phi ngại phi ngại cho nên thường tạo nghĩa không chướng ngại.

Năm là phi tác phi tạo tự nhiên ý. Nghĩa là muốn hiển thị tất cả các pháp. Có Phật, không Phật tương huân tương sanh, nghĩa là chẳng đoạn tuyệt. Pháp ấy cùng đạo lý tánh là như vậy.

Sáu là bất thủ tự tánh vô trụ ý. Nghĩa là muốn hiển thị tất cả các pháp, tạo duyên khởi Đà La Ni nghĩa.

Tổng phiêu như thế có nhiều nghĩa. Cho nên gọi là tổng phiêu cương yếu môn. Như gốc gác lại có bốn loại pháp huân tập nghĩa. Nhiệm pháp tịnh pháp khởi, không đoạn mất hẳn.

Đã nói qua về tổng phiêu cương yếu môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến lập danh lược thị môn; đối với môn này có hai môn. Những gì là hai? Một là tịnh chơn pháp tướng môn; hai là nhiệm vọng pháp tướng môn. Nói là chơn nghĩa là tự tánh thanh tịnh, bản giác tạng trí. Nói là vọng là lìa khỏi thể tướng; gốc gác chính là vô minh. Trong sự nhiệm vọng ấy có 3 loại. Những gì là ba? Một là vô minh. Hai là nghiệp thức. Ba là cảnh giới. Một chơn ba vọng như thế bốn pháp hay tạo huân sự, gốc ấy làm tên. Bây giờ trong câu văn này lấy ra một rồi sau đó có kèm theo; nên phán xét quan sát. Vì sao vậy? – Vì tất cả các pháp đều có việc huân tập vậy. Như gốc gác kia nói những gì là bốn? - Một là tịnh pháp, gọi là chơn như; hai là tất cả nhiệm nhơn, gọi là vô minh; ba là vọng tâm, gọi là nghiệp thức; bốn là vọng cảnh giới; nên mới có 6 trần.

Đã nói qua về lập danh lược thị môn. Bây giờ lần lượt nói đến thông thích huân tập môn. Ở trong môn này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tỷ lượng thí dụ thiện xảo môn; hai là pháp dụ hợp thuyết an lập môn. Tỷ lượng thí dụ thiện xảo môn nghĩa là giống như áo quần từ xưa đến nay lại chẳng có mùi thơm, lại chẳng có mùi hôi; một dạ chẳng gì cả. Thế nhưng khi con người mặc nó rồi vào trong rừng Ban Đa Già Gia Sa Dạ Đề Bàn thì gặp bởi Mạt Già Đề huân tập; nên có mùi hôi. Còn lúc vào rừng Phạm Đàn Chỉ Đa Na thì huân tập Đà Ma Kiên Đa; cho nên có mùi hương thơm ấy. Như gốc gác như y phục thế gian thật chẳng có mùi gì cả; nhưng nếu con người dùng lương huân tập vào đó, tức liền có mùi vậy.

Pháp dụ hợp thuyết an lập môn nghĩa là cái ý nghĩa của đạo lý hơn hẳn cũng là như vậy. Tự tánh thanh tịnh vô lậu tánh đức. Từ vô thi đến nay một mạch trong sạch, lại chẳng có sự dơ ứ huân vào; nên lại chẳng nhiễm ô. Chỉ vì vô minh huân tập cho nên liền có dơ bẩn. Biền vô minh ấy từ vô thi đến nay một hướng mờ mịt. Lại cùng với không có trí sáng suốt; nên lại chẳng có đồ minh bạch, mà lấy bản giác để huân tập cho nên liền có tịnh dụng. Như vậy nhiệm tịnh thường hay giả lập; nhiễm mà chẳng thật nhiễm; tịnh mà chẳng thật tịnh. Tất cả đều là huyền hóa, không có tự tánh thật. Như gốc gác điều này cũng lại như vậy. Chơn như tịnh pháp thật ra vô nhiễm; chỉ vì vô minh mà huân tập nên, liền có tướng nhiễm; vô minh nhiễm; pháp thật vô tịnh nghiệp. Thường lấy chơn như để huân tập; cho nên mới có tịnh dụng.

Đã nói qua về thông thích huân tập môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến phân bộ tán thuyết môn. Trong môn này lại có bốn môn. Những gì là bốn?

Một là huân phẩm tướng huân hữu lực môn.

Hai là bạch phẩm tướng huân hữu lực môn.

Ba là phát khởi vấn đáp quyết nghi môn.

Bốn là cử duyên quán thuyết khai thông môn.

Trong môn đầu lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tổng vấn tổng đáp hiển tông môn; hai là quy tổng tác biệt tán thuyết môn.

Trong môn thứ hai lại có đầy đủ hai môn; nên quan sát phán xét.

Trong môn thứ tư lại có hai môn. Những gì là hai? Một là tổng phiêu trực tác quyết định môn; hai là nhơn duyên các thị sanh giải môn.

Như đây lần lượt nói về tướng có thể thấy. Vì sao huân tập khởi nhiệm pháp lại chẳng đoạn? - Tức là tổng vấn; nghĩa là thông quan tổng vấn tất cả tướng màu đen, huân tướng ấy và sinh ra nghĩa chẳng đoạn. Từ đây trở xuống tức đáp lại tổng quát các phần. Tự chung trong phần đáp chung này từ tịnh diệu tạng cho đến huân thô, rồi sau đó dần chuyển hẳn như lần lượt nói. Nói tướng ấy lần lượt nên quan sát phán xét. Căn bản vô minh chẳng thể tự có; nên nương vào chơn như rồi mới dừng nghỉ. Vì sao vậy? - Vì tánh chơn như, như hư không giới, cho đến phần thật chính nơi chướng ngại và nơi chẳng chướng ngại ấy làm chỗ nương tựa chẳng có chướng ngại. Như căn bản; nghĩa là nương vào pháp chơn như nên có vô minh. Như vậy vô minh được tự có nơi rồi, khí lực thù thắng công năng tự tại, hay huân chơn như và tạo ra những pháp vọng. Tăng trưởng tướng bất liễu, thêm cái dụng ám độn. Giống như người cha yêu thương, sanh con nam nữ. Như căn bản vì lấy vô minh nhiệm pháp làm chơn; cho nên huân tập chơn như. Rồi dùng sự huân tập này cho nên có tâm nhiệm vọng. Như thế vi tế nghiệp thức vọng tâm. Cái chơn là vô minh cho nên tự thể sanh rồi, trở lại huân vào vô minh và làm cho tăng trưởng. Giống như sanh con dưỡng nuôi rồi sanh ra cha. Như vậy cái lực huân tập này liền đó tăng trưởng, chẳng thể thông đạt bình đẳng như lý đầy đủ một tâm. Khởi chuyển thức cảm niệm, sanh ra hiện tướng của vọng cảnh, rồi sống chết trong biển ấy lại càng sâu thêm. Bồ Niết Bàn lại càng cao xa. Như căn bản lấy vọng tâm để huân tập vô minh; chẳng rõ pháp chơn như; cho nên bất giác niệm khởi, hiện ra cảnh giới vọng. Như vậy cảnh giới là gió, trở lại huân với biển của hiện thức, khởi lên bảy thức làm sóng. Những thức này nhiễm vào cảnh giới vui của cõi trần. Cảnh kia hiện diện hướng vào sự hiểu biết của con mắt, biến tạo ra những ác nghiệp, rồi thọ tất cả khổ báo, rồi trở lại trong 3 cõi. Bốn độc là giặc gió nổi lên. Như căn bản lấy cảnh giới nhiễm pháp duyên vào, tức là huân tập vọng tâm làm cho niệm này dính mắc, tạo ra nhiều loại nghiệp; thọ tất cả thân tâm và những sự khổ.

Đã nói qua về tổng vấn tổng đáp hiển thị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về quy tổng tác biệt tán thuyết môn. Trong này tức có ba loại. Những gì là ba? - Một là cảnh giới; hai là vọng tâm và ba là vô minh. Đây gọi là ba. Như vậy ba loại; mỗi mỗi có hai tức tạo thành ra sáu. Như vậy lần lượt lấy đầu làm cuối và lấy cuối làm đầu, dần dần hiển thị. Đầu tiên là gì? - Sự vọng chấp cảnh giới này có lực như thật huân tập tăng trưởng vào niệm chấp, như có lực huân tập; rồi con người dài lâu chấp trước; người, pháp hai chấp đầy đủ khởi lên, trải qua hàng hà sa số phiến não loại, tất cả đều phát khởi. Cho nên gọi là cảnh giới huân tập. Như căn bản vọng tưởng cảnh giới này huân tập nghĩa là có 2 loại. Những gì là hai? - Một là tăng trưởng niệm huân tập; hai là tăng trưởng thủ huân tập. Phần giữa là những gì? - Nghiệp thức vọng tâm có lực huân tập vào, rồi được ra khỏi ba thừa Thánh chơn, rồi có thể làm cho thọ biến dễ dàng các khổ vi tế. Cũng có lực huân tập phía dưới, chưa được ra khỏi tất cả phàm phu mà hay làm cho thọ nhận từng phần giai đoạn của cái khổ thô kia. Cho nên đây gọi là vọng tâm huân tập. Như căn bản vọng tâm huân tập có hai loại. Những gì là hai? - Một là nghiệp thức căn bản huân tập hay thọ A La Hán, Bích Chi Phật, tất cả Bồ Tát sanh diệt khổ; hai là tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập, hay thọ nghiệp phàm phu, trói buộc sự khổ. Còn phía sau có gì? - Đó là vô minh trụ địa tử thể bốn; hay là huân tập đầu, cuối, làm cho được thành tựu, thông đạt biến đổi, hay huân sự thức, làm cho được thành tựu. Vì sao lại đưa đầu, sau, giữa mà chẳng hiểu 2 ý? Vì sao lại hai? - Một là có ý thành tựu; hai là không có ý thành tựu. Sao gọi là có ý thành tựu? - Nghĩa là đưa việc bên lẽ hiện hữu ở trong hữu. Sao gọi là ý của không thành tựu? Ở trong không ấy không hiện biên không. Còn nghĩa sau là gì? - Đối với Khế Kinh có nói vậy. Khế kinh nào thế? - Đó là Huân Tập Kinh. Trong khế kinh kia nói như thế nào? - Nghĩa là trong huân tập khế kinh nói như thế này: Chuyển thức, hiện thức, mặt na ba loại thức, không từ vô minh mà được thành tựu. Vì sao vậy? - Vì căn bản vô minh tuy biến thành tựu, chẳng phải trong ấy thành tựu. Trong câu văn này nghĩa sau giải thích trực tiếp kinh kia. Cho nên rõ biết nghĩa này được thành tựu. Như gốc của vô minh huân tập, nghĩa này lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là căn bản huân tập, dùng sự thành tựu nghiệp thức làm nghĩa. Hai là chỗ khơi lên thấy, yêu huân tập mà có thể thành tựu cái nghĩa của sự thức vậy.

Đã nói qua về hắc phẩm tướng huân hữu lực môn. Bây giờ lần lượt nói về bạch phẩm tướng huân hữu lực môn. Thế là sự huân tập khởi lên tịnh pháp chẳng đoạn mất? – Đây là hỏi tổng quát – Nghĩa là thông qua việc hỏi tổng quát về tất cả bạch phẩm tướng, huân tập tướng sanh, nghĩa ấy chẳng mất. Từ đây trở đi đáp lại tổng quát. Cuối cùng phần giải đáp này gồm đủ bên trong. Tự thể có hai loại huân. Những gì là hai? - Một là vô thi tự nhiên huân; hai là thi hữu huân lập huân. Vô thi huân nghĩa là từ vô thi đến nay có hơn quả là hai việc. Thi hữu huân nghĩa là nguyên hơn của lực tu; có hơn quả hai việc. Cái gốc của hơn quả ấy là tướng gì? – Nghĩa là từ vô thi đến nay có đủ địa vị của Tam Hiền, Thập Thánh; có quả của 3 thân và 4 đức. Cái hơn quả đầu tiên ấy có tướng như thế nào? – Làm cho sự tu hành ấy cho đến có vô thi của Thập Địa. Hiền thị căn bản hơn quả vậy. Cái gốc của hơn quả ấy lần lượt là những gì? - Từ vô thi đến nay có 10 loại bản giác chơn trí và 10 loại như thật pháp giới; hay huân tập 10 loại chi mạng của vô minh; chỉ có một loại pháp giới tâm hay huân tập căn bản vô minh. Đây gọi tên là bản địa. Như căn bản nghĩa là có chơn như pháp; cho nên hay huân tập vô minh vậy. Thi hơn quả có nghĩa lần lượt như thế nào? – Nghĩa là chưa được Thập Tín Vị; mà nhờ vào lực huân tập chính, làm cho trong tự tâm xa lìa sanh tử khổ và cầu Niết Bàn an lạc. Dùng chính lực này tức là huân tập chơn như tánh. Tự tín Phật tánh nhập vào Thập Tín Vị. Rõ tâm hư vọng nhập vào Thập Giải Vị, rõ biết cảnh giới không, nhập vào Thánh Hạnh Vị. Tu ra khỏi pháp trên, nhập vào Thập Hướng Vị, dùng như thật Bát Nhã, rõ biết cảnh giới không. Vô lượng phương tiện phát khởi, tùy thuận pháp giới tánh hạnh. Chẳng giữ Niết Bàn, chẳng nhớ nghĩ đến sanh tử, nhập vào Cực Hỷ Địa, cho đến Kim Cang. Tự chính mình huân tập lâu dài, phát hiện ra con đường giải thoát, vô minh liền đoạn trừ. Căn bản hết rồi, cảnh lá đều không. Bỏ mặt hắc phẩm chẳng có chỗ nương. Được pháp thân Niết Bàn, thành ứng hóa nghiệp dụng. Đây gọi là Thi Địa. Như căn bản dùng lực huân tập nhân duyên, tức làm cho vọng tâm xa lìa sanh tử khổ vui, cầu đến Niết Bàn. Dùng vọng tâm này để cầu sự xa lìa hơn duyên; cho nên đó là huân tập chơn như tự tín. Tánh này rõ biết tâm vọng động, vô tiền cảnh giới, tu pháp viễn ly, dùng như thật trí, vô tiền cảnh giới. Nhiều loại phương tiện khởi tùy thuận hành, chẳng giữ, chẳng nhớ nghĩ cho đến bực huân tập lâu dài; vô minh liền diệt. Vì vô minh diệt cho nên tâm không có chỗ khởi. Vì chẳng khởi cho nên cảnh giới tùy theo đó mà mất. Vì hơn duyên đều mất; cho nên tâm tướng đều hết sạch. Đây được gọi là Niết Bàn, thành nghiệp tự nhiên vậy.

Đã nói qua về tổng môn tổng đáp hiển thị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về quy tổng tác biệt tán thuyết môn. Tự chung trong này có hai môn. Những gì là hai? – Một là vọng nhiễm huân tập môn; hai là tịnh pháp huân tập môn. Trong nhiễm pháp môn lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là thô; hai là tế. Nói là thô nghĩa là ý thức. Nói là tế, đó là 11 Mạt Na. Ý thức huân tướng này như thế nào? – 40 tâm phàm phu và nhị thừa dùng ý thức bản giác trí phần, huân ý thức vô minh si phần, xa lìa khổ sanh tử, vui Niết Bàn an lạc, dần dần chuyển thẳng đến Phật đạo. Như căn bản vọng tâm huân tập ấy có hai loại. Những gì là hai? - Một là phân biệt sự thức huân tập, nương vào những người phàm phu nhị thừa, xa lìa sanh tử khổ, tùy theo lực mà hay dần thẳng đến vô lượng đạo. Mười một Mạt Na huân tập, nghĩa của tướng này là gì? - Từ Sơ Thánh Địa cho đến Kim Cang, như đây lần lượt, dùng phân thanh tịnh huân phiền ô nhiễm; chúng nhập vô thượng Bồ Tát đạo. Dùng Bồ Tát để đoạn trừ vô minh. Như căn bản 2 nghĩa là ý huân tập; nghĩa là các Bồ Tát phát tâm đồng mãnh mau tiến đến Niết Bàn.

Đã nói qua về vọng nhiễm huân tập môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về tịnh pháp huân tập môn. Trong này tự có hai môn. Những gì là hai? - Một là tổng phiêu môn; hai là khai thích môn. Tổng phiêu môn nghĩa là tên chữ tổng phiêu, như căn bản chơn như huân tập lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là thể tướng huân tập; hai là dụng huân tập. Trong khai thích môn lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là pháp thân tự nhiên huân tập môn; hai là ứng hóa thường hằng huân tập môn. Nói là pháp thân huân tập môn nghĩa là bản giác tánh trí từ vô thi đến nay viên mãn công đức đầy đủ trí tuệ. Tự chính mình tạo ra, chẳng có tha lực nào cả. Như

căn bản tự thể tướng huân tập nghĩa là từ đời vô thi đến nay đầy đủ pháp vô lậu. Còn nói là ứng hóa huân tập môn nghĩa là bản giác này trải qua vô lượng hằng sa bất khả tư nghì các nghiệp chuyển đổi. Tất cả chúng sanh những tâm tướng tùy theo ý hóa, đoạn lìa tất cả ác, tu tất cả thiện; đầy đủ 100 hạnh làm nhơn và đầy đủ vạn đức làm quả. Như căn bản dụng huân tập nghĩa là gồm theo bất tư nghì nghiệp tạo ra tánh của cảnh giới. Như vậy hai môn chẳng hề xa rời, đối với tất cả lúc, đối với tất cả nơi, thường hay huân tập khởi tín sanh giải. Tạo ra sự tu hành, tạo tác chẳng đổi. Đến chánh hậu nhị địa, đạt được cảnh chơn tục, làm cho vô ngại; cho nên như căn bản nương vào hai nghĩa này thường hằng huân tập, dùng lực huân tập ấy cho nên có thể làm cho chúng sanh xa lìa sanh tử, khổ, vui; cầu đến Niết Bàn tự tin ở thân rồi, có pháp chơn như, phát tâm tu hành. Do ở nghĩa này 3 thân gốc có lý để hiển rõ.

Đã nói qua về bạch phẩm tướng huân hữu lực môn. Bây giờ lần lượt nói về phát khởi vấn đáp quyết nghi môn. Phần quyết nghi môn này nghĩa lý khó giải bày, lời văn liền bế tắc. Làm sự giải thích chẳng nói rõ được. Người không định khó thể rõ biết. Cho nên làm cho sinh ra nhiều cách giải thích, đầy đủ khai thị làm sáng sủa tâm hành giả. Như sự vấn đáp lần lượt sau đây sẽ giải bày xem xét quan sát vậy. Tất cả chúng sanh đều có bản giác. Cũng có chúng sanh mà không có bản giác. Tất cả đều có lý. Vì sao vậy? Vì bậc Đại Giác đã nói như thế. Nghĩa này như thế nào? - Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay đầy đủ bản giác. Từ vô thi đến nay chẳng có bản giác. Nếu nương vào môn đầu thì tất cả chúng sanh đều có bản giác. Như vậy bản giác tuy là một thể mà biến các chúng sanh; mỗi mỗi chúng sanh đều có biệt giác. Tất cả chúng sanh tuy có một giác, chẳng có biệt giác. Nếu là như vậy thì chúng sanh chỉ nên là một; chỉ có bản giác là một vậy; bản giác chẳng nên là một, vì hay có nhiều chúng sanh. Việc này chẳng đúng như vậy. Vì sao thế? - Vì ý thức riêng biệt vậy. Nghĩa là bản giác tâm bình đẳng tánh cho nên chẳng thể sai khác. Tất cả chúng sanh có tánh sai biệt; cho nên chẳng thể đồng loại; chẳng thể khác loại; nên là một. Chẳng thể cùng loại cho nên nhiều. Nếu như vậy thì trong câu văn này thông qua ý nghĩa gì? - Nghĩa là Mã Minh Tôn Giả Đại Tông Địa Huyền Văn, trong luận gốc ấy nói như thế này:

Giống như trong hư không
Thanh tịnh đầy ánh trắng
Độc nhứt vô nhị thể
Biến hiện ở ngàn nơi
Bản giác lại như vậy
Độc nhứt vô nhị thể
Biến nơi các chúng sanh
Đủ loại tâm tướng ấy
Giống như một dải mây
Che khuất mặt trăng kia
Ngàn cảnh dưới mặt trăng
Đều che khuất chẳng rõ
Vô minh cũng như vậy
Chỉ một thể không hai
Biến đến khắp chúng sanh
Hay tạo ra huân tập

Có hai nghĩa; cho nên chẳng sai khác. Những gì là hai? - Một là tự tông quyết định; hai là dẫn nhiếp quyết định. Nói tự tông quyết định nghĩa là hiển thị đồng nhứt tương tục. Nói là dẫn nhiếp quyết định nghĩa là hiển thị sai biệt tương tục. Lời luận giải sâu kín kia lấy hiển này làm nghĩa đầu. Cho nơi khởi lên tín luận vì để làm rõ nghĩa phía sau. Dùng ở nghĩa này cho nên chẳng có sai biệt. Do vậy Tôn Giả Mã Minh trong Hư Không Địa Luận nói như thế này:

Giống như dùng lá sen

Đem che ánh sáng trắng
Ngoài vật trắng ấy vẫn
Rốt lại chẳng được gì
Vô minh cũng như vậy
Che người mê, tánh giác
Người giác bản giác rồi
Rốt chẳng thể che được

Trong câu văn này đã làm rõ nghĩa gì? – Vì muốn hiển thị sai biệt cái nghĩa tương tục. Lại nữa trong kệ kinh Văn Thù Sư Lợi luận nghị đệ nhứt thần lực từ bi viên mãn hư không công đức có nói như thế này:

Có vô lượng vô biên
Vô minh phiền não chướng
Trùm khắp thân chúng sanh
Hay tạo ra chướng ngại

Câu văn này làm rõ nghĩa gì? – Nghĩa là muốn hiển thị nghĩa tinh tấn tu hành vậy. Vì sao lại hiển thị? – Nghĩa là có chúng sanh nghĩ như thế này: Nếu thể của vô minh tuy là một loại; nhưng trùm khắp tất cả chúng sanh. Vô minh tuy chỉ là một; còn chúng sanh thì nhiều; có thể dễ đoạn trừ, hà tất phải lao nhọc tu hành. Như thấy thế gian tướng, nhiều người làm một việc. Vì khó nên chẳng đủ, chẳng cần tu hành. Vì muốn đối trị những giải đãi si mê này của chúng sanh; nên Như Lai mới có vô lượng vô biên vô minh, thường hay che khuất Phật tánh. Dùng ở nghĩa này cho nên nghĩa một vô minh mà được thành lập. Nếu như vậy thì mỗi chúng sanh khi phiền não hết thì tất cả những chúng sanh khác cũng đều có thể tận. Vì sao vậy? – Vì chỉ có một vô minh mà nếu một người đoạn trừ thì người khác chẳng thể đoạn trừ. Chẳng thể được ở đây là đồng như với vô minh. Lại nữa có chúng sanh giới đoạn tuyệt chẳng sai khác. Việc này lại chẳng phải như vậy. Vô minh tuy là một mà tương tục riêng biệt vậy. Tướng này như thế nào? Tụng rằng:

Giống như đêm tối một
Biển khắp trong mười phòng
Khi một phòng hết tối
Diệt hết chẳng thể nói

Luận rằng: Sự tối chỉ có một mà có thể biển khắp trong 10 phòng. Tối một, một phòng lại chẳng thể nói như vậy. Mười phòng tối cả 10 lại cũng chẳng thể nói. Ở nơi một phòng ấy người lấy ánh sáng chiếu vào phòng thì tối kia hết; ngoài ra ánh sáng tròn đầy hiển biến, chiếu khắp trong phòng. Bóng tối mất hẳn chẳng còn. Như vậy 9 phòng còn lại bóng tối cũng hết không còn; điều này ta chẳng thể nói như vậy được. Chín phòng còn tối kia chẳng thể hết tối. Đèn chiếu một phòng, tối không mất hết lại cũng như vậy chẳng thể nói thế. Vô minh phiền não lại cũng như vậy. Nói rằng ban đêm tối dụ cho vô minh. Nói 10 phòng dụ cho thân của chúng sanh. Nói ánh đèn sáng dụ cho trí tuệ. Điều này nên rõ biết.

Vô minh tuy một nhưng tương tục sai khác; đoạn và chẳng đoạn mỗi mỗi chẳng đồng. Nếu mỗi chúng sanh lúc phiền não tận, thì các chúng sanh khác cũng không thể đoạn hết. Phiền não chưa dứt trong thân chúng sanh vẫn có bản giác Phật tánh. Vì bị vô minh che khuất. Phiền não hết nơi thân chúng sanh đang có bản giác Phật tánh thì vô minh che đây này cũng hết và lìa khỏi. Lìa chướng Phật tánh, vì chướng Phật tánh. Trời đất sai biệt. Vì sao lại nói đồng như Phật tánh? – Vì chẳng phân thể này mà trùm khắp chúng sanh. Bản giác Phật tánh cùng với hư không giới chẳng có nơi nào là không bao trùm, chẳng có nơi nào là không đến được. Chẳng có nơi nào là chẳng thông đạt và chẳng nơi nào là chẳng hiện hữu. Bình đẳng

bình đẳng một vị một tướng, chẳng có sai biệt, mà trong vô minh tàng chứa bản giác Phật tánh và tánh ấy bị nhiễm ô, che lấp, chướng ngại. Ngoài pháp giới, bản giác Phật tánh ấy là sự nhiễm ô che khuất. Trong đây đầy đủ phan duyên và sự suy nghĩ của tâm so sánh cảnh giới. Chẳng phải tự tánh trung thực của tâm lý. Cho nên phải rõ cái lý của Phật tánh. Tuy chỉ một loại mà chẳng có sai biệt. Cho nên Mã Minh Tôn Giả đã nói trong Đại Tông Địa Huyền Văn Bản Luận rằng:

Ánh trăng hiện khắp nơi
Nếu có ao nước dơ
Cũng hiện không phân biệt
Ngay cả nước trong sạch
Hiện rõ càng rõ hơn
Ánh sáng tuy không đồng
Tuy chỉ một mặt trăng
Bản giác cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay tất cả đều có bản giác, chưa bao giờ lìa khỏi. Vậy thì trước đó chúng sanh đã thành Phật, sau đó sẽ thành Phật và bây giờ đang thành Phật. Lại siêng năng thực hành, lại chẳng thực hành, lại có thông minh, lại có ám độn, vô lượng sai biệt. Tuy cùng một giác; tất cả đều cùng lúc phát tâm tu hành đến vô thượng đạo, mà bản giác Phật tánh thì mạnh yếu khác nhau vậy. Như thế cứ sai khác và vô minh phiền não dày mỏng cũng khác biệt. Như vậy sự sai biệt nói như lúc ban đầu thì điều này tức chẳng phải như vậy. Vì sao thế? – Vì bản giác Phật tánh trải qua hằng sa các công đức chẳng tăng chẳng giảm. Còn nói như phía sau thì việc này lại cũng chẳng phải như vậy. Vì sao thế? – Vì nghĩa Nhứt Địa đoạn chẳng thể thành lập vậy. Như vậy rất nhiều loại sai biệt đều nương vào vô minh mà được tồn tại. Đối với nơi lý này không sai gì cả. Nếu như vậy thì tất cả hành giả đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, qua khỏi Thập Địa đến Vô Thượng Địa; đầy đủ 3 thân, đầy đủ 4 đức. Như vậy hành giả vì làm sáng tỏ vô minh. Như vậy hành giả phân vị vô minh; chẳng phải phân vị rõ ràng. Nếu như thế thì thanh tịnh bản giác từ vô thi đến nay chẳng quan sát tu hành, chẳng được tha lực; tánh đức đầy đủ, bản trí đầy đủ; lại ra khỏi tứ cú; lại lìa khỏi ngũ biên, nói tự nhiên chẳng thể tự nhiên. Tâm thanh tịnh chẳng thể thanh tịnh, xa lìa xa lìa. Như vậy nơi này vì làm sáng tỏ cho vô minh. Như vậy nơi này vô minh biến khỏi nơi khác, chẳng làm sáng tỏ phần vị. Nếu như vậy là một pháp giới tâm. Chẳng phải một trăm; chẳng phải phía sau hay một ngàn; chẳng phải ở giữa; chẳng phải ở phía sau trời. Không phải nói chuyện nước chảy ở phía sau lưng của trời, chân bị đoạn mới dừng nghỉ. Phán xét suy nghĩ nhiều như cánh tay mất đi chỗ ở này. Đây là một tâm vì làm sáng tỏ vô minh. Như vậy một tâm vô minh biến khỏi, chẳng làm sáng tỏ phần vị. Ba ấy tự là một tâm. Pháp Ma Ha Diễn, một chẳng thể một, giả hay nhập vào một tâm; chẳng thể tâm giả có thể nhập vào tâm. Thật chẳng phải gọi cái ta mà mất ấy ở nơi ta. Lại chẳng phải tự xưng lên mà ở nơi khế cơ ấy tự như lập nên cái ta, mà thật ra chẳng phải ta. Như tự được gọi mà chẳng thật tự có. Tối tối lại càng tối. Xa xa lại càng xa. Như thế vượt qua nơi kia làm sáng chỗ vô minh. Như vậy thắng xứ vô minh biến khỏi, chẳng làm sáng tỏ phần vị; chẳng phải hai pháp Ma Ha Diễn. Tuy là chẳng phải 2 pháp Ma Ha Diễn làm rõ chỗ vô minh.

Đã nói qua về hữu giác môn. Bây giờ lần lượt nói về vô giác môn. Vì sao tất cả chúng sanh lại chẳng có bản giác vậy? – Không bản giác. Vì sao lại không bản giác? - Vì không có chúng sanh vậy. Vì sao lại không có chúng sanh? – Vì không có chỗ nương vào bản giác vậy. Đối với hai môn này nên thông đạt rộng ra. Như căn bản trên hỏi rằng: Nếu như nghĩa này thì tất cả chúng sanh tất cả đều có chơn như và tất cả đều huân tập. Vì sao lại có tín, không tín? - Vì sao có nhiều sự khác nhau trước sau. Tất cả một lúc nên tự rõ biết có pháp chơn như. Siêng tu phương tiện và nhập vào Niết Bàn? Đáp rằng: Chơn như căn bản chỉ một mà lại có vô lượng vô biên vô minh. Từ xưa đến nay tự tánh sai biệt, dày mỏng chẳng đồng, trải qua hằng

hà sa đấng nhiều phiền não nương vào vô minh khởi lên sự sai biệt. Ta thấy ái nhiễm phiền não nương vào vô minh để khởi lên sai biệt. Như vậy tất cả phiền não đều nương vào nơi vô minh để khởi lên trước sau vô lượng sai biệt. Chỉ có Như Lai mới rõ biết được tất cả.

Đã nói qua về phát khởi vấn đáp quyết nghi môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về cử duyên quảng thuyết khái thông môn. Trong này lại có hai môn. Những gì là hai? – Một là tổng phiền quy tắc quyết định môn; hai là duyên tướng tán thị sanh giải môn. Đối với môn đầu có 3 loại. Những gì là ba? - Một là pháp thể thuyết; hai là thí dụ thuyết và ba là khế hợp thuyết. Lại nữa pháp của chư Phật có hơn có duyên; hơn duyên đầy đủ liền được thành tựu; tức là thuyết pháp; nghĩa là pháp chư Phật sẽ chờ đợi hơn duyên, không tự lập nên pháp được. Vì sao vậy? – Vì pháp đúng như vậy. Nói là hơn vì bản giác chủng tánh. Nói là duyên vì quyền thật biệt dụng. Dùng 2 sự việc này nên các pháp được thành lập; nên phán xét quan sát.

Đã nói qua về thuyết pháp rồi. Bây giờ lần lượt nói đến dụ thuyết. Như trong gỗ có lửa; tánh lửa ấy là hơn duyên chính. Nếu con người chẳng rõ biết thì chẳng giả phương tiện, hay tự đốt gỗ mà chẳng thấy điều này. Đây tức nói về dụ. Trong dụ này có 4 loại. Những gì là bốn? - Một là dụ cho gỗ; hai là dụ cho lửa; ba là dụ cho người và bốn là dụ cho việc đốt cháy. Nói là gỗ dụ cho các pháp nhiễm ô. Nói là lửa dụ cho trí tuệ. Nói là người dụ cho chúng sanh. Nói là thiêu đốt dụ cho sự đối trị. Thí dụ đệ nhất với ý nghĩa gì? – Đó là A Lợi La Đa Am Thi. Gỗ ấy đầy đủ 5 việc. Những gì là năm? - Một là căn nguyên sâu xa, chẳng thể ra khỏi; hai là gốc, cành, lá, hoa cho đến trái thật sanh ra đầy đủ; ba là mùi hương hôi thối; bốn là độc trùng vui nhiễm; năm là quyền thuộc rất nhiều. Đây gọi là năm. Vô minh nhiễm pháp lại cũng như vậy. Căn bản của vô minh sâu xa rộng lớn, chẳng có thể tính hết. Tất cả nhiều loại chi mật, bất giác mê hoặc, sai trái chẳng thể lường được. Thí dụ thứ hai với ý gì? – Đó chính là hàng phục lửa. Lại có 7 việc. Những gì là bảy? - Một là nghĩa khô cứng, có thể làm cho cây khô, cho đến chết; hai là nghĩa sanh trưởng, có thể ngại khí lạnh khi sanh ra; ba là nghĩa khó đo lường, chẳng rõ chỗ; bốn là nghĩa tàng chứa an ổn, chẳng thể thấy; năm là nghĩa xuất hiện, tạo ra lửa yếu; sáu là nghĩa tùy theo có, tùy sự có nơi gỗ vậy; bảy là nghĩa tùy nơi không, tùy theo không có gỗ vậy. Đây gọi là bảy. Bản giác Bát Nhã lại cũng như vậy, huân tập nhiễm pháp đến tận diệt rồi thọ huân lưu chuyển. Chỗ ở thì bất tư nghi. Vô minh chứa trong ấy bí mật ẩn nấp. Khi đầy đủ thì xuất hiện chẳng có chỗ chứa ra. Tùy nhiễm có không, bản giác có không. Còn thí dụ thứ ba thì ý này nói gì? – Đây là giả làm người có hai loại. Những gì là hai? - Một là Bà La Lợi Đà Đề giả hơn; hai là Na Thi A Đa La giả hơn. Người thứ nhất kia tức rõ 5 việc. Những gì là năm? - Một là rõ biết lửa, cây; hai là rõ biết sự hòa tan vào gỗ; ba là rõ biết dần lúc gập; bốn là rõ biết chỗ dừng nghỉ; năm là rõ biết thành tựu lần lượt. Đây gọi là năm. Nếu người thứ hai chẳng rõ biết những việc này thì chung cuộc chẳng được lửa. Những người tu hành lại cũng như vậy. Lại có phương tiện, lại chẳng có phương tiện. Thí dụ thứ tư với ý gì? – Nghĩa là đốt lửa củi tức có 3 việc. Những gì là ba? - Một là chỉ tạo ra xá lợi. Nghĩa là lửa đốt tức là gỗ ấy chẳng bị hai; hai là xả bỏ khác đi và làm giống như vậy. Nghĩa là tạo toàn là than khi hợp cả hai lại; ba là cuối cùng trở lại việc cũ. Nghĩa là cùng tướng, tức là cùng với đất vậy. Đây gọi tên là ba. Giữ đạo lần lượt cũng lại như vậy. Nghĩa là đoạn trừ những chướng ngại, chứng được lý và quy về nhất tâm.

Đã nói xong về dụ thuyết rồi. Bây giờ lần lượt nói về hợp thuyết. Trong hợp thuyết này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tổng thuyết; hai là biệt thuyết. Nói tổng thuyết nghĩa là tổng chỗ làm vậy; như căn bản chúng sanh lại cũng như vậy. Nói là biệt thuyết là riêng biệt chỗ làm. Trong biệt này lại có 3 môn. Những gì là ba? - Một là duyên khuyết đơn hơn vô lực môn; hai là hơn khuyết đơn duyên vô lực môn; ba là hơn duyên đầy đủ viên thành môn. Duyên khuyết đơn hơn vô lực môn nghĩa là dụ như tuy trong gỗ có tánh lửa; nghĩa là từ xưa đến nay trong ấy có tàng chứa lửa, nếu chẳng tạo ra phương tiện thì chẳng có lửa. Như vậy tuy vô minh tàng chứa trong tánh như lai. Từ xưa đến nay vốn có tự tánh thanh tịnh tâm, mà chẳng chờ đợi tu hành để tạo thành công đức thì chẳng thể thành Phật được. Như căn bản tuy

có lực chánh như huân tập; nhưng nếu chẳng gặp được chư Phật, Bồ Tát thiện tri thức v.v... mà đó là cái duyên để có thể tự đoạn trừ phiền não để vào Niết Bàn; tức là chẳng thể được vậy. Còn như khuyết đơn duyên vô lực môn nghĩa là giống như có người tuy đầy đủ phương tiện mà trong gỗ kia chẳng có tánh lửa thì rốt cuộc chẳng được lửa. Như vậy tất cả những hành giả tuy dùng đủ vô lượng phương tiện tu hành, mà trong tâm chúng sanh nếu không có bản giác Phật tánh thì chung quy chẳng thể thành Phật. Như căn bản tuy nói có lực ngoại duyên, mà bên trong tịnh pháp chưa có lực huân tập lại chẳng thể rốt ráo xa lìa sanh tử khổ để vui với Niết Bàn.

Nhơn duyên cụ túc viên thành môn nghĩa là dụ cho trong cây có tánh lửa lại đầy đủ phương tiện, lửa dần xuất hiện thiêu đốt gỗ không thừa. Nhơn duyên đầy đủ lại cũng như vậy. Bên trong có bản giác là Phật tánh. Bên ngoài đầy đủ công năng tu hành, là cái nhân hạnh của hằng trăm việc viên mãn; đầy đủ cái quả vạn đức; ba trí cùng hành bốn đức đều khai mở. Như căn bản nếu như nhân duyên đầy đủ; nghĩa là tự có lực huân tập; lại vì chư Phật, chư Bồ Tát với lòng từ bi nguyện gia hộ; cho nên có thể khởi tâm xa lìa khổ; tin có Niết Bàn tu tập căn lành. Dùng sự tu căn lành ấy thành tựu, liền gặp ngay chư Phật, chư Bồ Tát, chỉ bày giáo hóa lợi lạc hoan hỷ. Cho đến có thể hướng vào Niết Bàn.

Đã nói qua về tổng phiêu quy tắc quyết định môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về duyên tướng tán thị sanh giải môn. Trong môn này tức có hai thuyết. Những gì là hai? - Một là tổng thuyết; hai là biệt thuyết. Trong tổng thuyết lại có hai ý. Những gì là hai? - Một là năng duyên; hai là sở duyên. Nói là năng duyên tức là ứng, hóa thân hay vì chúng sanh tạo tác thành cảnh giới bản giác. Như căn bản dụng công huân tập vậy. Nói là sở duyên tức là chúng sanh giới, tất cả chư Phật, chỗ hóa hiện đổi thay, như căn bản tức là chúng sanh có lực ngoại duyên. Trong biệt thuyết lại có hai môn; những gì là hai? - Một là hữu giảm trạch duyên; hai là vô giảm trạch duyên. Như căn bản như thế ngoại duyên có rất nhiều nghĩa, lược nói có hai. Những gì là hai? - Một là sai biệt duyên; hai là bình đẳng duyên. Nói là hữu giảm trạch duyên có nghĩa là có hai ý. Những gì là hai? - Một là người hay duyên vào và hai là cảnh hay duyên vào; người mà hay duyên vào đây phân chia rõ ra sao? - Đó là phát tâm làm đầu và Như Lai địa làm cuối; có thể tạo ra duyên này. Còn chỗ duyên cảnh phân tích kỹ thì ra sao? - Đó là thông qua tà định; chẳng định 2 loại chúng sanh vậy.

Lại nữa thông đối với chánh định tự và do căn bản sai biệt duyên; nên người này nương vào nơi chư Phật và Bồ Tát. Từ lúc mới bắt đầu phát ý cầu đạo cho đến khi thành Phật; hoặc thấy; hoặc nhớ nghĩ; hoặc vì quyến thuộc cha mẹ cùng những người thân cận; hoặc vì sự cấp dưỡng; hoặc vì bạn bè quen thân; hoặc vì oan gia; hoặc khởi lên bốn nhiếp cho đến tất cả chỗ làm, vô lượng hành duyên, rồi khởi lên lực đại bi huân tập; hay làm cho chúng sanh tăng trưởng căn lành. Hoặc thấy, hoặc nghe đều được lợi ích. Từ đây trở xuống thấy rõ thiện căn rồi, thành thực hay chưa thành thực có sự sai biệt. Nghĩa là có chúng sanh đã thành thực căn lành này rồi, liền ứng hóa nơi thân, tức liền mau được đắc độ. Lại có chúng sanh căn lành chưa thành thực và ứng hóa thân lúc ấy sẽ còn xa hơn nữa để được đắc độ. Như căn bản, duyên này có hai loại. Những gì là hai? Một là cận duyên tức đắc độ; hai là viễn duyên cửu viễn đắc độ. Từ đây trở xuống đối với duyên gần xa mỗi mỗi khai mở hai duyên, hiển thị như quả và tướng sai biệt. Những gì là hai? - Một là tăng nhân duyên; hai là tăng quả duyên. Tăng nhân duyên nghĩa là tăng loại duyên kia mỗi mỗi đều tăng trưởng Thập Địa Vạn Hạnh. Tăng quả duyên có nghĩa là hai loại duyên kia mỗi mỗi tăng trưởng Như Lai địa, viên mãn quả. Như căn bản gần xa hai duyên này phân biệt. Lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là tăng trưởng hành duyên; hai là thọ đạo duyên.

Đã nói qua về giảm trạch duyên rồi. Bây giờ lần lượt nói đến vô giảm trạch duyên. Ở trong câu văn này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tổng; hai là biệt. Trong tổng ấy nói về duyên bình đẳng; tất cả chư Phật, Bồ Tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh. Tự nhiên huân tập thường hằng chẳng lìa bỏ. Tức là do lòng từ bi nguyện lực duyên vậy. Cho nên tất cả chư Phật, chư Bồ Tát đối với mọi lúc và với tất cả nơi thường hay huân tập tất cả vô

lượng chúng sanh mà hay tạo ra cảnh; phát khởi không khó phục tàng thiện căn, thường chẳng bỏ sót. Dùng đồng thể trí lực để tùy theo chỗ thấy nghe mà hiện tạo tác các nghiệp. Tức là thực hành. Đây chính là sự ứng hóa của Phật và tùy theo sự chuyển động lực tự tại vô ngại. Tùy theo lúc, tùy theo nơi, tùy chốn, tùy việc, tùy sự ưa vui, thuận thuận như như hiển thị tám loại nghiệp lợi ích; giáo hóa chúng sanh không chừa bỏ ai. Cho nên chúng sanh nương vào Tam Vị, liền được bình đẳng thấy chư Phật vậy. Tức là hiển thị quán Phật chánh pháp. Nghĩa là tất cả chư Phật xuất hiện trong chúng sanh giới. Giống như sừng trong lông; nhiều loại khác nhau chẳng thể nói hết trong từng kiếp. Như vậy tuy có vô lượng vô biên nhưng nếu chẳng tu Xa Ma Tha (định) thì rốt cuộc chẳng thấy được Phật. Cho nên phát tâm này rồi cùng tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, dùng Tam Muội lực quán chiếu thân pháp tánh của chư Phật. Bình đẳng bình đẳng, chẳng có sai biệt; đồng như chơn như; đồng như pháp thân. Tuy thấy khác chính mình mà tự mình lại chẳng sai biệt. Cho nên nói rằng bình đẳng thấy Phật.

Đã nói về tông thuyết môn. Bây giờ lần lượt nói về biệt thuyết môn. Trong môn này tức có hai môn. Những gì là hai? - Một là vị nhập chánh vị; hai là dĩ nhập chánh vị. Sao gọi tên là Vị nhập chánh vị? - Nghĩa là thập tín phạm phu, tất cả nhị thừa Tam Hiền Bồ Tát v.v... chưa được chánh thể trí; chưa chứng được hậu đắc trí; chưa chứng được như lý. Như căn bản thể dụng này huân tập phân biệt. Lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là vị tương ưng; nghĩa là phạm phu nhị thừa, sơ phát ý Bồ Tát lấy ý, ý thức huân tập; nương vào tín lực để tu hành nhưng chưa được tâm vô phân biệt cùng với thể tương ưng. Chưa được tự tại nghiệp tu hành cùng với dụng tương ưng vậy. Thế nào gọi là đã nhập vào chánh vị? Nghĩa là Thập Địa Bồ Tát bên trong được chánh trí; bên ngoài được hậu trí. Một phần trí dụng cùng với Như Lai. Do căn bản huân lực tự nhiên tu hành; tăng trưởng chơn như nên diệt vô minh. Như căn bản hai ấy cùng tương ưng. Nghĩa là pháp thân Bồ Tát được tâm chẳng phân biệt, cùng với chư Phật tự thể tương ưng vậy. Được tự tại nghiệp tu hành cùng với trí dụng tương ưng. Chỉ nương vào pháp lực tự nhiên tu hành huân tập, chơn như diệt vô minh.

Đã nói qua về Phân bộ tán thuyết môn. Bây giờ lần lượt nói tận bất tận biệt môn. Trong môn này vì muốn làm rõ nghĩa gì vậy? - Vì muốn hiển thị tất cả pháp vọng, chẳng phải đạo lý; cho nên vô thi vô chung. Tất cả tịnh pháp khế hợp với đạo lý; cho nên có thể không chung. Lại nữa vì muốn hiển thị chơn vọng hai pháp hay khác nhau nhiều: cho nên chẳng đầy đủ việc làm. Lại nữa vì muốn hiển thị chơn vọng hai pháp chẳng có hơn thua. Thể tướng này cùng với sự rộng hẹp không có và việc làm này cũng như nghiệp giống nhau. Như căn bản lại nói nhiệm pháp thì từ vô thi đến nay huân tập chẳng dứt cho đến sau khi thành Phật, tức có đoạn tịnh pháp; huân tập tức chẳng có đoạn, cho đến vị lai. Nghĩa này thế nào? - Dùng pháp chơn như thường hay huân tập vậy. Vọng tâm liền diệt; pháp thân hiển hiện, khởi dụng huân tập cho nên không có sự đoạn lìa.

Thích Ma Ha Diễn Luận Hết quyển 5

*Dịch xong quyển 5 vào ngày 28 tháng 2 năm 2009
tại chùa Tam Bảo Moss – Na Uy.*

Code: Kinh Van so 1668 / 6

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN Quyển 6

- Long Thọ Bồ Tát tạo.
- Đòi Diêu Tân, Ngài Tam Tạng Phật Đà Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.
- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Chùa Tam Bảo - Moss Na Uy ngày 28 tháng 2 năm 2009.

Từ trước đến nay đã rõ biết về các pháp nhiệm tịnh, tương huân, tương sanh, chẳng đoạn tuyệt và đã giải thích rõ rồi và từ đây trở xuống sẽ giải thích rõ hơn về môn sanh diệt có 3 loại nghĩa to lớn.

Viết rằng: Lại nữa chơn như tự thể tướng, nghĩa là tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật chẳng có tăng giảm; chẳng sanh ra trước và cũng chẳng mất về sau. Rốt ráo thường hằng. Từ trước đến nay chỉ có tánh tự đầy đủ tất cả công đức. Cho nên tự thể có trí huệ lớn và ánh sáng tỏ rõ. Nghĩa là biến chiếu khắp cả pháp giới; chơn thật thức rõ nghĩa này. Nghĩa là tự tánh tâm thanh tịnh; nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh; thanh hương bất biến, nghĩa là tự tại. Đầy đủ như thế, đã trải qua hàng sa, chẳng lìa chẳng đoạn, chẳng khác, chẳng tư nghì Phật pháp; cho đến đầy đủ không có chỗ ý nghĩa ít đi; tên gọi là Như Lai tạng; lại có tên là Như Lai pháp thân.

Hỏi rằng: Bên trên nói về chơn như, thể này bình đẳng lìa tất cả tướng. Tại sao lại còn nói về thể ấy có nhiều công đức như vậy?

Đáp rằng: Tuy thật có nghĩa của các công đức này, mà chẳng có tướng sai biệt, cùng chung một vị, tuy là một chơn như. Nghĩa này như thế nào? – Dùng vô phân biệt, lìa tướng phân biệt; cho nên không hai. Lại nữa sao lại nói về nghĩa sai biệt ấy? - Dùng sự nương vào nghiệp thức sanh diệt để chỉ tướng ấy. Điều này chỉ cho cái gì? - Đó là tất cả pháp xưa nay do tâm, thật chẳng phải ở nơi niệm, mà do vọng tâm nên bất giác khởi niệm, rồi thấy các cảnh giới. Cho nên nói là vô minh. Tâm tánh chẳng khởi tức là đại trí tuệ; nghĩa là ánh sáng chiếu soi. Nếu tâm khởi lên sự thấy tức là có tướng chẳng thấy. Tâm tánh lìa sự thấy tức nghĩa là biến chiếu khắp pháp giới. Nếu tâm có động, chẳng phải chơn thức rõ biết; chẳng có tự tánh. Chẳng thường, chẳng lạc, chẳng ngã, chẳng tịnh. Hay sầu lo tức chẳng tự tại. Cho đến nhiều hàng sa và vọng niệm. Đối với nghĩa này cho nên tâm tánh chẳng động. Tức là qua cả hàng hà sa các công đức thanh tịnh ấy thị hiện cái tướng ấy. Nếu tâm có khởi lên, liền thấy pháp trước, có thể nhớ nghĩ; tức có chỗ ít. Như vậy tịnh pháp vô lượng công đức là nhứt tâm, liền vô sở niệm. Cho nên gọi đầy đủ đây là pháp thân Như Lai tạng.

Lại nữa chơn như dụng có nghĩa là chư Phật Như Lai gốc tại nhơn địa, phát lòng từ bi lớn, tu các hạnh Ba La Mật, nhiếp hóa chúng sanh, lập đại thế nguyên, muốn độ hết tất cả chúng sanh giới; lại chẳng giới hạn kiếp số, cho đến đời vị lai. Dùng tất cả chúng sanh này như chính thân của mình, mà chẳng chấp vào tướng của chúng sanh. Điều này là nghĩa gì? – Nghĩa là như thật rõ biết tất cả chúng sanh và cùng với thân này chơn như bình đẳng; chẳng có sai khác cho nên có những phương tiện trí huệ lớn như vậy. Khi vô minh mất đi thấy pháp thân chơn thật, tự nhiên mà có, bất khả tư nghì nghiệp, đủ nhiều loại dụng. Tức là cùng với chơn như biến ra khắp các nơi. Lại nữa chẳng có tướng dụng nào có thể được. Vì sao vậy? – Nghĩa là chư Phật Như Lai chỉ có pháp thân; rõ biết tướng của thân. Đệ nhất nghĩa để chẳng có cảnh giới của thể đế; là nơi việc tạo tác kia. Thường tùy theo chúng sanh, thấy nghe được lợi ích; cho nên nói là dụng. Dụng này lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là nương vào phân biệt sự thức, phàm phu nhị thừa, tâm sở kiến; tên gọi là ứng thân, mà chẳng rõ chuyên thức hiện ra. Thấy từ ngoài đến rồi chấp thủ màu sắc phân chia, chẳng thể rõ hết; hai là nương vào nơi nghiệp thức. Nghĩa là các Bồ Tát từ sơ phát tâm ý cho đến Bồ Tát cứu cánh địa. Tâm sở kiến nghĩa là báo thân. Thân ấy có vô lượng màu sắc. Sắc ấy có vô lượng tướng. Tướng ấy có vô lượng điều tốt; rồi ở đó, nương vào quả; lại cũng có vô lượng đủ loại trang nghiêm; tùy theo đó mà thị hiện. Tức là không cùng khắp, chẳng thể cùng tận. Là tướng nhỏ nhiệm, tùy theo chỗ này mà ứng hiện; thường hay giữ gìn, chẳng còn, chẳng mất. Như vậy công đức tất cả đều do nhơn Ba La Mật cùng với vô lậu việc làm huân tập lại; cho đến bất khả tư nghì nơi chôn thành tựu; đầy đủ những tướng vui; cho nên nói là báo. Lại nữa phàm phu sở kiến nghĩa là tùy theo sắc thô này; tùy vào nơi 6 đường mà mỗi mỗi thấy chẳng giống; đủ loại khác biệt, chẳng thọ tướng vui. Cho nên nói là ứng.

Lại nữa sở phát ý Bồ Tát sở kiến nghĩa là tin sâu pháp nhơn như; ít phân biệt sự thấy, rõ biết sắc tướng kia, trang nghiêm các việc. Chẳng đến chẳng đi, là các phân nhỏ nhất. Tương nương vào tâm, hiện bất lìa chơn như. Rồi những Bồ Tát này giống như tự phân biệt, lấy việc chưa nhập vào pháp thân vị. Nếu được thanh tịnh tâm chỗ thấy vi diệu thì dụng này thay đổi tốt hơn, cho đến Bồ Tát Địa hết, thấy được cứu cánh. Nếu lìa nghiệp thức; tức chẳng thấy tướng mà pháp thân chư Phật không có sắc tướng kia và tướng này.

Hỏi rằng: Nếu pháp thân chư Phật lìa các sắc tướng thì tại sao có thể hiện ra sắc tướng?

Đáp rằng: Tức là pháp thân này là sắc thể cho nên có thể hiện ra sắc. Nghĩa là từ xưa đến nay sắc, tâm chỉ có hai. Dùng sắc tánh tức là trí vậy. Sắc thể vô hình cho nên nói là trí thân. Dùng trí tánh tức là sắc; cho nên nói là pháp thân, biến khắp tất cả nơi rồi hiện ra sắc, chẳng có phân nhỏ ra. Tùy theo tâm hay thị hiện ra 10 phương thể giới, vô lượng Bồ Tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm, mỗi mỗi sai biệt. Tất cả đều không phân chia mà cũng chẳng có tướng. Đây chẳng phải tâm thức phân biệt mà có thể rõ biết được. Lấy chơn như tự tại dụng làm nghĩa vậy.

Luận rằng: Trong câu văn này có 3 môn. Những gì là ba? - Một là hiển thị tự thể đại nghĩa môn; hai là hiển thị tự tướng đại nghĩa môn; ba là hiển thị tự dụng đại nghĩa môn. Trong đại nghĩa đầu lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là ngũ nhơn bình đẳng môn; hai là thời bất chuyển môn. Đây gọi là hai. Trong đại nghĩa ở giữa lại có ba môn. Những gì là ba? - Một là viên mãn công đức môn; hai là vấn đáp quyết nghi môn; ba là liệt thính quảng thuyết môn. Đây gọi là ba. Đại nghĩa sau cùng lại có sáu môn. Những gì là sáu? - Một là bản nguyện vô tận môn; hai là ly tướng bất trước môn; ba là năng sở bình đẳng môn; bốn là vô tướng hiện ứng môn; năm là tùy kiến thô tế môn và sáu là vấn đáp quyết nghi môn. Đây có tên là sáu.

Bây giờ sẽ lần lượt giải thích rõ ràng những việc này. Người thông minh nên quan sát suy nghĩ giải thích. Lại nữa chơn như tự thể tướng là tổng phiêu thể tướng; tướng này có hai nghĩa. Từ đây trở xuống giải thích riêng biệt. Đầu tiên nói về thể đại. Sao gọi là ngũ nhơn bình đẳng môn? - Nghĩa là chơn như tự thể thông với 5 người; bình đẳng bình đẳng chẳng có

sai biệt. Sao gọi là 5 loại người giả? - Một là phàm phu; hai là Thanh Văn; ba là Duyên Giác; bốn là Bồ Tát; năm là Như Lai. Đây gọi là năm. Như 5 tên gọi này. Con người chính là năm; nhưng chơn như chỉ là một. Vì sao vậy? - Vì chơn như tự thể chẳng có tăng giảm; lại cũng chẳng có to lớn; lại cũng chẳng có chẳng không; lại không có biên giới; lại chẳng đến chẳng đi. Từ xưa đến nay chỉ một và tự thành một; giống nhau và chỗ tạo tác cũng như nhau. Xa lìa sự khác biệt, xả bỏ sự sai biệt; chỉ là một chơn như. Cho nên các pháp chơn như một tướng ba vị như trong khế kinh nói như vậy. Giống như Kim Cang tạo ra 5 hình tượng; năm người bình đẳng lại cũng như vậy. Đối với người ấy không có tăng, không có giảm. Như căn bản tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật đều chẳng có tăng giảm.

Thế nào gọi là thời bất chuyển môn? - Nghĩa là chơn như tự thể, tự nhiên thường trụ, quyết định không thay đổi. Ba cõi bất động bốn tướng chẳng dời. Tĩnh tịnh lại tịnh tịnh; chơn thật lại chơn thật. Như căn bản chưa bao giờ sanh và chưa bao giờ diệt. Cứu cánh thường hằng.

Đã nói qua về hiển thị tự thể đại nghĩa môn. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị tự tướng đại nghĩa môn. Viên mãn công đức môn, tướng này như thế nào? - Nghĩa là trong chơn thể viên mãn tất công đức, không chỗ nào ít. Những công đức gì? - Đó là 6 loại tánh nghĩa công đức. Những gì là sáu?

- Một là đại trí huệ quang minh nghĩa; bản giác bát nhã hay trừ vô minh u tối. Trong khế kinh gọi đây là quảng đại viên mãn thù thắng bát nhã thật trí quang minh tánh nghĩa;

- Hai là nghĩa biến chiếu pháp giới. Bản giác bát nhã chiếu đạt tất cả pháp giới là nguồn cội. Trong khế kinh gọi đây là nghĩa của chu biến thông đạt một pháp giới tạng, tự nhiên tánh.

- Ba là nghĩa chơn thật thức tín; bản giác bát nhã xa rời hư giả, giải thích so sánh. Trong khế kinh gọi đây là lìa vọng tướng, giải quyết định liễu, rõ thật tế thật tánh, tánh nghĩa.

- Bốn là tự tánh thanh tịnh tâm, bản giác bát nhã vô lượng tánh công đức tự nhiên bốn hữu, chẳng được ở lực khác, xa lìa trần lụy, khế hợp với sự thật. Đối với trong khế kinh gọi đây là bốn hữu minh bạch, lìa biên giới, tánh trung thật.

- Năm là thường, lạc, ngã, tịnh. Căn bản từ xưa hai giác ấy từ vô thị đến nay xa lìa 4 chương. Viên mãn 4 loại đức tự nhiên. Đối với trong khế kinh gọi đây là Như Lai chánh giác tự nhiên tánh đức, xa lìa hư huyền, chẳng tu hành.

- Sáu là thanh lương bất biến tự tại nghĩa. Hai loại bản giác dụ như tấm kính sạch, chiếu theo nam bắc đầy đủ theo đó. Ở trong khế kinh gọi đây là đầy đủ tùy thuận nghịch trái vô ngại Đà La Ni toàn biến tánh.

Đây gọi là sáu.

Như từ xưa đến nay chỉ tánh tự đầy đủ tất cả công đức. Cho nên tự thể có đại trí huệ quang minh nghĩa. Nghĩa là biến chiếu khắp pháp giới. Chơn thật thức rõ biết nghĩa này. Nghĩa ấy chính là tâm từ tánh thanh tịnh; nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh. Nghĩa là thanh lương bất biến tự tại. Trong khế kinh quảng đại viên mãn tự tánh bốn đức nói rằng: Tự tánh công đức có tất cả là 17 tên gọi. Đối với hai phần đầu mỗi mỗi khai mở 2 loại và lần lượt trong 2 phần giữa ấy mỗi mỗi khai mở 3 loại. Đối với 2 phần sau như thế lần lượt khai mở 12 lần như thế. Lại nữa tâm thanh tịnh địa chẳng dơ nên trong Đà La Ni khế kinh nói như thế này: Tự tánh công đức căn bản có 25 tên gọi. Trong phần cuối cùng ấy khai mở 11. Như vậy 3 loại khác, tướng ấy như thế nào? Về vấn đề tên gọi căn bản của Ma Ha Diễm luận Mã Minh Bồ Tát vì muốn hiển thị tên gọi, lược bớt nghĩa và rộng nói về tướng tổng trì. Do vậy nhiếp thu lại và lập nên chỉ có 6. Lại cũng nương tựa riêng biệt bốn tổng trì để nói. Lại nữa về tên gọi nhiều loại sai với nghĩa chính. Do từ nghĩa này nên mới lập thành 6.

Còn nói 17 là nghĩa gì? - Một là nghĩa trí tuệ; hai là nghĩa đại quang minh; ba là nghĩa biến như pháp giới; bốn là nghĩa chiếu như pháp giới; năm là nghĩa chơn thật; sáu là nghĩa thức; bảy là nghĩa trí; tám là nghĩa tự tánh; chín là nghĩa thanh tịnh; mười là nghĩa tâm; mười

một là nghĩa thường; mười hai là nghĩa lạc; mười ba là nghĩa ngã; mười bốn là nghĩa tịnh; mười lăm là nghĩa bất; mười sáu là nghĩa biến; mười bảy là nghĩa tự tại. Đây gọi là 17.

Còn nói 25 ở đây có nghĩa gì? – Nghĩa là trong số trước ấy không có công đức; nên khai mở thêm 8 loại nữa. Trong biến công đức ấy lại có 2 loại. Nói hai loại ấy gồm một là thượng lưu chuyển biến; hai là hạ lưu chuyển biến. Đây cũng nói là tám bất như trong Trung Quán Luận đã nói rõ ràng rồi.

Đã nói qua về hữu danh số lượng công đức phần. Bây giờ lần lượt nói đến vô danh quá lượng công đức phần. Trong bản giác thể, tự tánh công đức vô lượng vô biên, lia nơi lời nói, qua khỏi tâm hạnh. Điều này nghĩa là gì? - Dừng ở nơi số lượng, tạo ra sự chia cắt này. Căn bản có công đức, tuy chẳng có số lượng; chẳng phải khỏi 3 số. Cho nên đưa ra căn bản để nghe. Như căn bản đầy đủ như thế, trải qua hàng sa, như thể vô lượng vô biên công đức mỗi mỗi sai sai biệt biệt, có thể tướng chẳng? - Chỉ một tâm lượng, không riêng pháp thể; chỉ một tâm lượng; cuối cùng chẳng lia tâm. Vì sao vậy? – Vì tâm pháp tuy một mà có 2 loại Đà La Ni tự tại dụng. Vì sao lại có hai? - Một là tự chẳng lia Đà La Ni tự tại; hai là tự chẳng lia Đà La Ni tự tại kia. Còn gọi là hai. Như căn bản chẳng lia. Như vậy tánh đức từ vô thi đến, một hướng diệu hữu, chẳng có pháp khác. Vì sao vậy? – Vì tự tánh tự tại chẳng gồm phần kia. Như căn bản chẳng lia mất. Như thế tất cả công đức duy nhất tự tạo ra một. Chung chẳng sai khác, tự chẳng tạo ra một. Vì sao vậy? – Vì một pháp giới vậy. Như gốc chẳng sai khác. Như thể lý sâu tất cả Bồ Tát, tất cả Nhị Thừa, tất cả phàm phu, tâm chẳng tư duy, nói bất luận lượng, tuyệt mất lại tuyệt mất, xa lia lại xa lia. Như căn bản bất tư nghì vậy. Trong 3 người chẳng phải cảnh thì người nào nói là tư cảnh giới? - Chỉ có bậc đại giác cho đến tự tạo ra quy tắc. Như gốc gác là Phật Pháp vậy. Như thể vô lượng tánh công đức. Từ Địa ràng buộc cho đến Địa vô thượng Đại giác trí. Đây đủ viên mãn, chẳng có chỗ khiếm khuyết. Vì sao vậy? – Như vậy các đức từ vô thi đến nay tự nhiên vốn có; chẳng phải duyên vào lực giả mà kiến lập vậy. Như căn bản cho đến đầy đủ chẳng có chỗ ít ỏi. Đây gọi là Như Lai Tạng. Lại có tên là Như Lai Pháp Thân vậy.

Đã nói qua về viên mãn công đức môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về vấn đáp quyết nghi môn. Trong này có hai môn. Những gì là hai? - Một là phát khởi lược vấn nan vi môn; hai là phát khởi quảng đáp giải thích môn.

Hỏi rằng: Cái ý nan này có cái tướng gì?

Đáp rằng: Đưa ra câu vấn đề nói về tướng sai biệt trước sau tạp loạn, hãy phán đoán lý này.

Trước sau trong câu văn này có cái ý khác biệt gì? – Đó là trong chơn như quyết trạch nói như thế này: Tâm chơn như tức là một pháp giới, đại tổng tướng pháp môn thể. Cho nên tâm tánh chẳng sanh, chẳng diệt. Tất cả các pháp chỉ nương tựa vọng niệm mà có sai biệt. Nếu lia tâm niệm tức chẳng có tất cả cảnh giới tướng. Cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay lia tướng của lời nói, lia tên gọi, lia tâm duyên tướng; cứu cánh bình đẳng, chẳng có sai khác, chẳng thể phá hoại; chỉ có một tâm, gọi là chơn như. Trong tự tướng đại nghĩa quyết trạch phần nói như thế này: Từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả công đức. Cho nên tự thể có nghĩa là đại trí huệ quang minh; nghĩa là biến chiếu khắp pháp giới; nghĩa là chơn thật thức trí; nghĩa là tự tánh thanh tịnh tâm; nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh. Nghĩa là thanh lương, bất biến, tự tại. Đây đủ như thế trải qua hàng sa chẳng lia chẳng mất, chẳng khác, chẳng bất tư nghì Phật Pháp. Cho đến đầy đủ chẳng có nghĩa ít hơn. Đây gọi là Như Lai Tạng. Lại có tên là Như Lai Pháp Thân. Như vậy sự sai biệt này làm chỗ khó khăn. Như căn bản hỏi rằng: Bên trên nói về chơn như và thể này bình đẳng lia tất cả tướng. Vì sao lại nói thể này có đủ loại công đức?

Đã nói qua về phát khởi lược vấn nan vi môn. Bây giờ lần lượt nói về phát khởi quảng đáp giải thích môn. Trong này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tổng; hai là biệt. Ở trong tổng này lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là chơn như tổng; hai là sanh diệt tổng. Như đây lần lượt sẽ nói về tướng có thể thấy được chăng? - Đáp rằng: Tuy thật có nghĩa của những công đức này, mà chẳng có tướng sai biệt, cùng đồng một vị, chỉ có một chơn như. Tức là chơn như tổng. Nghĩa là chỉ có tự tướng đại nghĩa môn trung nói như thế này: Nhiều loại đức trải qua hằng hà mà có sanh diệt môn giới lượng; chẳng phải chơn như môn. Trong chơn như môn chẳng có tướng sai biệt. Bình đẳng bình đẳng một tướng, một vị, chỉ toàn là chơn như tịnh pháp giới. Vì nghĩa này cho nên chẳng có tướng sai biệt. Từ đây trở xuống tạo duyên này do quyết đoạn nghi hoặc, dùng vô phân biệt là tướng phân biệt; cho nên chẳng có hai. Trong chơn như môn tuy có giống giống; nhưng chẳng sai sai. Từ đây trở xuống giải thích sanh diệt môn tổng. Trong câu văn này lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là vấn; hai là đáp. Cũng có lược bớt nhiều. Hai loại vấn đáp chẳng giống nhau; nên rõ điều này. Đầu tiên trong tướng vấn đáp này như thế nào? - Lại nữa sao lại nói nghĩa sai biệt? - Tức là khai mở cho việc hỏi - Nghĩa là nếu các pháp từ bốn lai bình đẳng bình đẳng một tướng, chỉ tồn tại lý chơn như, chẳng có 2 thể, lại có pháp gì mà chẳng phải bình đẳng, dùng để nương tựa để tạo nên chỗ sai biệt? - Tức là đưa ra môn khác dùng nghi với môn khác. Từ đây trở đi sẽ nói về phát khởi đáp thuyết, quyết đoạn trừ nghi này. Tướng của câu văn có thể thấy.

Nương theo nghiệp thức sanh diệt tướng có phải là đáp tổng quát chăng?

Đó chính là trong chơn như môn trải qua hằng sa tất cả các nhiễm pháp; lấy đó làm chỗ trị giữ; không thể giữ gìn đối với hằng sa tất cả tịnh pháp mà lấy đó để đối trị so sánh. Cho nên trong chơn như môn nói như thế này: Tất cả các pháp bình đẳng bình đẳng; một vị tướng không có hai thể, mà trong sanh diệt môn này chỗ đối trị với các nhiễm pháp thì vô lượng vô biên. Có thể đối trị của các tịnh pháp cũng vô lượng vô biên. Cho nên trong sanh diệt môn nói như thế này: Trong bản giác thể đầy đủ các loại đức. Vô lượng vô biên trải qua hằng hà sa tức là ý chính. Còn lần lượt sẽ giải thích riêng biệt tỉ mỉ sau.

Nói chỗ nương vào có nghĩa là căn bản vô minh trụ địa. Tất cả các nhiễm pháp là chỗ nương tựa. Nói là nghiệp tức là nghiệp tướng. Nói là thức nghĩa là chuyển đổi các thức. Còn sanh diệt tướng tức là môn gọi tổng quát tương phản hiển thị. Trong câu văn này từ chữ viễn lưu đến ba chữ; đó là 3 pháp công đức khởi lên và là nguyên do để duyên vào.

Đã nói lược qua từng phần rồi. Bây giờ sẽ nói rộng ra từng phần. Trong phần này lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là vấn; hai là đáp. Trong này phần vấn thì lược bớt; còn phần đáp thì nói rộng. Nên rõ như vậy. Điều này cái gì chỉ rõ cho phần vấn ấy? - Đó là cất vấn nơi lý do. Từ đây trở xuống sẽ đáp ngay với phần vấn này. Trong phần đáp giải thích này có 3 loại. Những gì là ba? - Một là tự tông chánh lý; hai là phi đạo tà hạnh; ba là cụ cử đối lượng. Đây gọi tên là ba.

Như đây lần lượt nói về tương ưng quan, dùng tất cả các pháp xưa nay chỉ thật tâm, chẳng có suy nghĩ. Nghĩa là đệ nhứt tự tông chánh lý. Nghĩa là pháp tánh từ vô thủy đến nay chỉ có một tâm này. Chẳng có pháp nào mà chẳng phải tâm, mà có vọng tâm vì bất giác khởi, nhớ nghĩ các cảnh giới vậy. Nói là vô minh tức là đệ nhị phi đạo tà hạnh. Nghĩa là tổng nói đưa ra gốc gác bên trên các vô minh trụ địa.

Từ đây trở xuống hiển rõ ngay, đầy đủ so với các đối trị sai biệt. Như trên đã nói trong bản giác có 6 tướng công đức. Mỗi mỗi chờ xem cái gì là sai trái. Ở đây lấy sự đối trị để kiên lập và hiển thị. Nghĩa là căn bản vô minh huân tập một tâm biến ấy rồi phát khởi nghiệp và các loại thức rồi che mất ánh sáng của bát nhã thật trí, tăng trưởng sự ngu si mê loạn hôn ám. Đó chính là bất giác vô minh và lấy cảnh giới so sánh làm sáng tỏ nghĩa đối lại. Tánh của tâm

ấy tịch tịnh chẳng khởi tức là bản giác trí tuệ an lập nên cái đức vậy. Kiến lập hiển thị. Như căn bản tâm tánh chẳng khởi; tức nghĩa là đại trí huệ quang minh vậy.

Từ đây trở đi làm rõ cái đức thứ hai. Trong câu văn này có thể thấy khi vọng tâm khởi thì thấy tận các cảnh. Một hướng tuy chuyên cảnh giới hư vọng, chẳng thể thông đạt cảnh giới của chơn như. Vì sao vậy? – Vì chơn nguyện khác nhau, chẳng khế hợp nhau là vậy. Như căn bản nói: Tâm khởi thấy tức là có tướng chẳng thấy.

Từ đây trở đi làm rõ nghĩa biến quán này, mà tâm chơn thật thì lìa sự chuyên thấy; thông đạt tất cả pháp; chẳng có nơi nào mà không đến được. Chẳng có chỗ nào là chẳng không chỗ không cùng tâm. Vì sao vậy? – Vì chơn thật tri kiến lìa việc thấy biên kiến của sự thấy. Như căn bản nói tâm tánh lìa thấy tức nghĩa là biến chiếu khắp pháp giới.

Từ đây trở đi làm rõ các đức thứ ba. Nghĩa là nếu tâm có tiếng động chuyển; nghĩa là vô minh huân tập khí. Hư vọng chuyển đổi cái sáng ấy và lấy đó làm đối trị. Tâm tánh tịch tịnh, chẳng có chuyển động. Ngay thẳng chẳng có giải thích điên đảo. Tức là thật trí chiếu sáng. Tùy thuộc theo đạo lý, chẳng phải kiến lập sự trái ngược mà hiển thị. Như căn bản nếu tâm có động, tức chẳng phải trí chơn thức.

Từ đây trở xuống sẽ làm hiển thị rõ cái đức thứ tư. Đó là vọng pháp từ vô thi đến nay, chẳng có cái sáng tự thể làm đối trị. Tự tánh thanh tịnh, gốc có công đức, thành lập để hiển bày. Như căn bản chẳng có tự tánh.

Từ đây trở xuống sẽ hiển thị cái đức thứ năm. Đó là vọng pháp bốn tướng thay đổi cho nên chẳng thường hằng. Ba loại khổ đều thay đổi nên chẳng vui. Hai loại tự tại không cho nên chẳng có ngã. Một đạo thanh tịnh không nên chẳng tịnh. Đây là bốn loại trải qua làm đối tượng so sánh. Trong bản giác thể 4 loại công đức kiến lập hiển thị. Như căn bản phi thường, phi lạc, phi ngã, phi tịnh vậy.

Từ đây trở đi sẽ hiển thị cái đức thứ sáu. Đó là vọng pháp đốt chơn tâm. Cho nên gọi là nhiệt. Lại nữa sự nhiễu loạn của chúng sanh; nên đây gọi là nảo, phá diệt và biến đổi các đức ấy đi, làm cho chẳng thể tạo tác được. Nên đây cũng còn gọi là sáng biến. Do việc này cho nên tất cả chúng sanh chẳng thể được tự tại. Vì việc này nên cũng còn gọi là chẳng tự tại. Chờ xem việc này để làm chỗ đối trị. Thanh lương bất biến tự tại và các đức ấy được thành lập để hiển thị. Như căn bản nhiệt nảo suy biến tức chẳng được tự tại.

Từ đây xuống dưới hiển thị vô biên công đức tướng. Đó là sự đối trị cái nhiễm pháp vô lượng vô số. Dùng sự hay trị các tịnh pháp ấy lại cũng có vô lượng vô biên. Như căn bản cho đến trải qua hằng sa nghĩa của vọng pháp đối lại với nghĩa này; cho nên tâm tánh chẳng động. Tức là trải qua hằng sa các công đức thanh tịnh và nghĩa của tướng ấy thị hiện.

Từ đây trở xuống kết thành cái đức viên mãn. Đó là một tâm pháp có tướng chuyển động lại thấy cảnh trước có khả năng duyên vào. Việc thấy và chỗ tâm thấy là 2 cảnh giới sai biệt. Bản giác công đức tức chẳng viên mãn, mà bản tánh của đức tuy trải qua hằng sa nhưng chỉ một tâm lượng; cuối cùng chẳng có hai thể. Vì sao vậy? – Như vậy các đức mỗi mỗi đều chẳng lìa khỏi thể này đối với một pháp giới so với số lượng ấy. Do vậy mà đầy đủ tự tánh công đức. Kết chặt sự giải thoát giữa hai nơi này, thường hằng đầy đủ và gọi là pháp thân. Cũng còn gọi là Như Lai Tạng. Như căn bản, nếu tâm lại khởi thì liền thấy pháp ở trước và có thể nhớ nghĩ; tức là có một ít tịnh pháp như vậy vô lượng công đức; nghĩa là một tâm liền chẳng có chỗ nhớ nghĩ. Cho nên đầy đủ và gọi đây là pháp thân, là Như Lai Tạng.

Số lượng của nhiễm tịnh bình đẳng quyết trạch thì nương vào khế kinh nào để giải thích như vậy? – Đó là Văn Thù Sư Lợi thiện xảo phương tiện tương tự thí dụ Đại Đà La Ni kinh. Trong khế kinh kia nói như vậy sao? – Nghĩa là trong khế kinh kia nói như thế này:

Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi nhờ vào thân lực của Phật mà nói kệ tụng về Uẩn Đà Nam như sau:

Giống như A Chi Đa
Gốc cây Giá Na Thi
Quả ấy nhiều vô số
Thật ra cả mười loại
Nhiễm tịnh số vô cùng
Lại như thế rõ biết
Hành giả nương dụ này
Sẽ rõ lý hư nguy

Trong kinh văn này làm sáng tỏ nghĩa gì? - Muốn hiển thị việc giả để chờ đợi việc thật chơn để xác định lại vọng. Chẳng có riêng biệt tự lập nên pháp. Cho nên dùng lời để giả dụ nơi pháp nào? - Nghĩa là dụ cho pháp vọng. Vọng giả chẳng thật như bên ngoài quả ấy vậy. Còn nói là thật thì dụ cho pháp gì? – Nghĩa là dụ cho chơn pháp. Chơn pháp ấy không giả được; giống như bên trong ruột của quả ấy. Vì sao gọi là 10 loại vậy? – Đó là: Số đẳng biểu thật, khế đương kỳ số; hai là trần đẳng biểu thật, tế mật phối kỳ số lượng cùng với số sai biệt; ba là lượng đẳng biểu thật, xung lượng, cuối cùng chẳng sai biệt nhẹ nặng; bốn là sắc đẳng biểu thật, giáo lượng đồng bạch sắc; năm là hương đẳng biểu thật, huân tập hương này; sáu là vị đẳng biểu thật; nghiêm thực vô sai biệt; bảy là xúc đẳng biểu thật, xúc thân đẳng vô sai biệt; tám là bốn đẳng biểu thật; đồng nương vào cây cối để ra; chín là cụ đẳng biểu thật, nhứt thời vô tiền hậu vậy; mười là đồng đẳng chung nhứt vị. Đây gọi là 10. Đưa ra thí dụ hợp pháp; nói tướng rõ ràng; cho nên chẳng cần giải thích thêm nữa. Lại nữa nếu người độn căn thì chẳng đạt được việc này. Nương vào công đức tối tăm để dụ; nên rõ về ý này.

Đã nói qua về hiển thị tự tướng đại nghĩa môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị tự dụng đại nghĩa môn. Trong này có 6 môn. Như đây nên lần lượt quan sát, phán xét. Nói là bốn nguyện vô tận môn vì là Tăng Na A Thế chẳng? Quảng đại viên mãn vô biên tế chẳng? – Nghĩa là các Đức Như Lai vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ, bất khả xung lượng, trong vi trần kiếp số cùng với mười phương thế giới vi trần số lượng đại từ đại bi hải. Tu 10 phương thế giới vi trần số lượng đại viên mãn hơn hải. Nhiếp 10 phương thế giới vi trần số lượng tất cả chúng sanh hải. Lập nên 10 phương thế giới vi trần số lượng quảng đại thế nguyện hải. Thành thập phương thế giới vi trần số lượng đại tự tại quả hải. Vì sao vậy? – Vì dùng như thật để rõ biết, đồng nhứt chẳng khác, nghĩa ấy luôn nối tiếp nhau. Như căn bản lại nói về chơn như dụng; nghĩa là chư Phật Như Lai gốc tại hơn địa, phát đại từ bi, tu các Ba La Mật; nhiếp hóa chúng sanh lập đại thế nguyện, tận muốn độ thoát tất cả chúng sanh giới. Lại chẳng giới hạn kiếp số hết mà cả ở trong vị lai nhiếp thủ tất cả chúng sanh như giả chính thân mình vậy.

Đã nói qua về bốn nguyện vô tận môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về ly tướng bất trước môn. Nói là ly tướng bất trước môn có nghĩa là đối với chỗ tạo tác xa lìa chỗ tạo tác, chẳng sanh dính mắc. Nghĩa là các Đức Như Lai chỉ phát vô lượng vô biên đại bi để nhiếp hóa tất cả hằng sa chúng sanh, mà chư Như Lai chẳng có một vị Phật nào nhiếp sanh cả. Điều ấy nghĩa là sao? – Nghĩa là như thật rõ biết tất cả chúng sanh và cùng với tự thân; chỉ một chơn như; chỉ một pháp thân; chẳng có tăng giảm; chẳng có sai biệt. Như căn bản, lại cũng chẳng giữ lấy chúng sanh tướng. Điều này nghĩa là gì? – Nghĩa là như thật rõ biết tất cả chúng sanh và cùng với tự thân chơn như bình đẳng.

Đã nói về ly tướng bất trước môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về năng sở bình đẳng môn. Nói là năng sở bình đẳng môn nghĩa là non, pháp, thể, dụng, lý, trí đều bình đẳng chẳng sai biệt. Nghĩa là pháp thân và ứng hóa cả 3 thân cùng với thật thật giả giả hai lý ấy bình đẳng một thể, chẳng có sai biệt. Tự tánh bản thân và chỉ mặt thân bình đẳng một thể chẳng có sai biệt. Hay chứng chánh trí và sở chứng như lý. Vì bình đẳng như thể vô sai biệt nên dùng như thể cho nên chẳng có 2 thể. Chẳng có 2 thể cho nên chẳng phải một thể. Chẳng hai chẳng một lại cũng không không như vậy. Vì ở nghĩa này cho nên bản tánh tự nhiên, đầy đủ công đức, chẳng giả lực khác. Trong thậm thâm cực diệu khế kinh nói như thế này:

Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch với Phật rằng: Vì sao gọi là dị dị dị tướng? Vì sao gọi là đồng đồng đồng tướng?

Phật bảo rằng: Nói là dị dị dị tướng nghĩa là để chỉ cho vô minh. Còn nói là đồng đồng đồng tướng là để cho các pháp rõ ràng.

Đây là 2 pháp như trâu 2 sừng. Tướng đối trị ấy chẳng tiêu phí thể như 2 ấy không tuyệt đối. Từ đây gọi hai pháp này là phi quán nguy pháp. Đối với việc này Ngài Văn Thù Sư Lợi liền rõ nhờ thân lực của Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là phi quán nguy pháp? Tướng này có thể nói chẳng? Có thể nói chẳng? Vì sao nên rõ biết thuộc môn nào?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: “Ta đã từng nói trong các biên khế kinh rằng: Dị ấy là vô minh và đồng ấy chính là pháp vậy. Vì muốn độ thoát kẻ phàm ngu si mê muội; nên mới quyền biến tạo ra thuyết này mà nay làm cho người rõ biết chơn thật. Nay Văn Thù Sư Lợi! Nói là phi quán nguy pháp nghĩa là đồng dị đều quy về đồng; đồng đồng quy về không; không không quy về tuyệt đối; cho đến nói rộng ra hơn nữa. Như căn bản lấy sự có như thể dùng phương tiện trí lớn để trừ diệt vô minh, thấy pháp thân gốc tự nhiên mà được bất tư nghì nghiệp đủ loại dụng. Nghĩa là cùng với chơn như và biến khắp tất cả nơi vậy.

Đã nói qua về năng sở bình đẳng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về vô tướng hiện ứng môn. Nói là vô tướng hiện ứng môn có nghĩa là tự tánh thân thể, không tịch không giống nhau; hay hiện các hình ảnh; giống như sừng thỏ tự thể vốn không có. Lành hay xuất sanh tất cả sừng. Nghĩa là pháp thân Phật duy chỉ có một, duy chỉ tịch tĩnh lại chẳng phải một; lại chẳng phải tịch tịnh tâm hành xứ. Gọi là đạo đoạn, tịch tịnh đoạn; chỉ có A và tạo nên A. Vì sao vậy? – Vì chư Phật Như Lai chỉ tự chính thân mình chứ không phải thân khác, mà các chúng sanh nghe đều được lợi ích. Tự trong tâm lượng ấy được lợi ích. Trong thể pháp thân ấy có khai mở. Như căn bản lại nói không có tướng dụng có thể được. Vì sao vậy? – Nghĩa là chư Phật Như Lai chỉ có pháp thân và trí tướng thân. Đệ như thể để chẳng phải là cảnh giới của thể để, là chỗ tạo tác kia. Thường hay tùy theo chúng sanh thấy nghe được lợi ích; cho nên nói là dụng vậy.

Đã nói qua về vô tướng hiện ứng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về tùy kiên thô tế môn. Trong môn này lại có 2 môn. Những gì là hai? - Một là ứng thân dụng tướng sai biệt môn; hai là báo thân dụng tướng sai biệt môn. Môn đầu nghĩa là gì? – Đó là tất cả phàm phu nhị thừa. Chẳng thể rõ biết tất cả các pháp, chỉ một tâm lượng sâu xa gốc gác kia. Nương vào biến hóa phân biệt vọng tướng sự thức để thấy ứng hóa thân tạo nên lượng giải bề ngoài; chẳng thể rõ biết; chẳng có phân giới. Phân phân chuyển đổi vậy. Như căn bản dạng này lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là nương vào phân biệt sự thức phàm phu nhị thừa tâm sở kiến và gọi đây là ứng thân. Dùng sự chẳng rõ biết chuyển thức hiện, cho nên thấy từ ngoài đến, chấp giữ sắc phần mà chẳng thể rõ biết hết được. Còn môn sau nghĩa là gì? Đó là từ tín giải cho đến Kim Cang tất cả các Bồ Tát, rõ biết thông đạt tất cả các pháp chỉ một tâm lượng sâu xa gốc gác; nương vào nơi nghiệp thức kia để thấy báo thân Phật. Tạo ra sự giải bày của thức rồi thông đạt, rồi nương vào phần chánh vô. Như căn bản thứ hai nương vào nghiệp thức; nghĩa là các Bồ Tát từ sơ phát lý cho đến Bồ Tát cứu cánh địa, tâm sở kiến gọi đây là báo thân. Thân có vô lượng màu sắc. Sắc có vô lượng tướng. Tướng có vô lượng điều tốt đẹp. Rồi giữ

lấy và nương vào quả lại có vô lượng đủ loại trang nghiêm, tùy chỗ mà thị hiện. Tức chẳng có bờ mé, chẳng có cùng tận, lìa tướng chia lìa. Tùy nơi này sẽ hiện, thường hay nắm giữ không để cho mất.

Từ đây trở xuống nói về hiển thị báo ứng tướng sai biệt. Nói là báo có nghĩa là đầy đủ nhơn tốt và thọ quả thật vui, tự nhiên tự tại quyết định an lạc. Xa lìa tướng khổ cho nên gọi là báo. Như căn bản với công đức này tất cả đều do cái nhơn của Ba La Mật, vô lậu hành huân tập và bất tư nghi huân tập mới được thành tựu. Đầy đủ vô lượng lạc tướng: cho nên nói là báo vậy. Nói ứng là tùy thuận theo căn cơ mà chẳng sai khác. Tùy thời, tùy nơi, tùy cõi mà xuất hiện. Chẳng phải tướng an lạc cho nên gọi là ứng. Như căn bản, lại nữa chỗ thấy của phàm phu là sắc thô này. Tùy nơi lục đạo, mỗi sự thấy chẳng đồng đủ loại khác biệt, chẳng thọ tướng vui; cho nên gọi là ứng.

Từ đây trở xuống sẽ giải thích thêm rõ ràng chỗ phía trước. Đó là vị vị mỗi mỗi thấy Phật tăng giảm sai biệt. Nghĩa này là thế nào? - Ở Tam Hiền vị chư Bồ Tát tin chơn như. Phân thấy báo thân, quán rõ sắc tướng không phân biệt số lượng, mà Bồ Tát này chẳng thể lìa thoát tâm phân biệt được. Vì sao vậy? - Vì chưa vào được vị chơn như vậy. Như căn bản, lại nữa sơ phát ý Bồ Tát chỗ thấy dùng sự tin vui sâu vào pháp chơn như. Có ít phần thấy rõ sắc tướng kia trang nghiêm các việc; chẳng đến chẳng đi. Lìa khỏi các phần vi tế; chỉ nương nơi tâm hiện, chẳng lìa khỏi chơn như. Rồi Bồ Tát này giống như tự phân biệt và chưa nhập vào địa vị của pháp thân. Nếu được vào Thập Địa thì các Bồ Tát như thế lần lượt chuyển hướng đến cứu cánh. Như căn bản nếu tâm được tịnh chỗ thấy vi diệu thì dụng này chuyển đến Bồ Tát địa và cuối cùng thấy được cứu cánh. Trong Phật quả những loại nghiệp thức căn bản chẳng còn nữa; chỗ thấy và việc hay thấy lại cũng rỗng không. Vì sao vậy? - Vì tất cả chư Phật chơn như, chơn như, bình đẳng, bình đẳng. Pháp thân, pháp thân, bình đẳng, bình đẳng. Chẳng đây, chẳng kia, không ngã, không tha. Không lớn, không nhỏ; không cao, không thấp. Chẳng hề mảy may có hí luận; cũng như tận hết sự suy nghĩ lại cũng không nốt. Chỉ có một cái không to tướng của chơn như bốn trí. Lại nương vào nơi Giá Già Lợi Bà Na Đề. Ở nơi ma cung của Kiên Thi Đa Đà. Tự tánh thân tồn tại, độc lập không hai. Như căn bản nếu lìa nghiệp thức, tức chẳng thấy tướng, mà pháp thân chư Phật thì không có bị thử, sắc tướng, thấy tướng thay đổi. Vì sao trong chương ứng thân lại nói như vậy? - Vì nương nơi sự thức phân biệt mà thấy Phật kia. Trong chương báo thân nói như thế này: Nương vào nghiệp thức mà thấy Phật kia. Vì muốn hiển thị tùy thức thô tế; nên chỗ thấy thân Phật theo đó mà thô tế.

Đã nói qua về tùy kiến thô tế môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến vấn đáp quyết nghi môn. Đối với việc này lại có hai. Những gì là hai? - Một là vấn; hai là đáp. Trong phần nói về đáp lại có 5 môn. Những gì là năm? - Một là pháp thân xuất hiện sắc tướng môn; hai là hiển thị trí thân hình tướng môn; ba là hiển thị pháp thân hình tướng môn; bốn là quảng đại viên mãn vô tế môn; năm là bất khả tư nghi thù thắng môn. Đây gọi là năm. Tiếp đây sẽ lần lượt nói về tướng có thể thấy.

Vấn đề ấy là ý vui và tướng này ra sao? Sở dĩ nói là vấn vì có nghi như thế này về pháp thân này chơn thật tự thể. Sự suy nghĩ sâu xa cũng không còn nữa; yên lặng nên gọi là đoạn. Sắc tướng tạo nghiệp do ai mà có? - Do vô tướng hiện ra và giải thích như thế này: Pháp thân vô tướng hay hiện ra sắc tướng; có thể xuất hiện đủ loại sắc tướng. Chẳng thể nói rằng pháp thân không tịnh, lìa sắc, hình tượng, khu vực. Những nghi ngờ như vậy cho nên phát khởi ra câu hỏi này. Như thế vấn có nghĩa là pháp thân chư Phật lìa sắc tướng mà những gì có thể hiện ra sắc tướng.

Từ đây trở xuống nói về chỗ nghi này. Nói rằng pháp thân xuất hiện sắc tướng môn có nghĩa là tự tánh pháp thân hay vì sắc tướng mà tạo nên chỗ nương tựa dừng nghỉ, lãnh xuất hiện sắc tướng, chẳng có chướng ngại. Vì sao vậy? - Vì hay nương vào sắc pháp và là chỗ nương vào của tâm pháp. Từ vô thủy cho đến nay bình đẳng, bình đẳng chẳng có hai thể; chỉ

một tâm lượng. Như căn bản đáp rằng: Pháp thân này là sắc thể. Cho nên hay hiện ở nơi sắc. Cho nên từ trước đến nay sắc tâm không hai là vậy. Nói là hiển thị trí thân hình tướng môn nghĩa là dùng trí để nhiếp lấy sắc; chẳng có một sắc nào mà chẳng có trí; gọi đây là trí thân. Như căn bản lấy sắc tánh tức là trí; cho nên sắc thể vô hình và gọi đây là trí thân vậy.

Nói là hiển thị pháp thân hình tướng môn có nghĩa là lấy sắc để nhiếp trí; chẳng có mỗi mỗi trí mà chẳng có sắc; cho nên gọi là pháp thân: như căn bản dùng trí tánh tức là sắc; cho nên gọi là pháp thân. Nói là quảng đại viên mãn. Vô tế môn có nghĩa là như thế hai thân hiện sắc tướng cùng với sự biến hiện tất cả chúng sanh giới; tất cả cõi không hữu tình; tất cả cõi hư không; tất cả cõi Niết Bàn; tất cả cõi Như Lai; chẳng có nơi nào là chẳng thông; chẳng có nơi nào là chẳng đến; chẳng có nơi nào là chẳng gặp; chẳng có nơi nào là chẳng phải; chẳng có nơi nào là chẳng làm; lại không có chỗ phân biệt; lại chẳng có chướng ngại; thuận thuận mỗi một; không một tướng nào loạn động cả. Như căn bản, biến tất cả nơi để hiện sắc, chẳng có phân biệt, tùy theo tâm, hay chỉ bày mười phương thế giới, vô lượng Bồ Tát, vô lượng báo thân, vô lượng trang nghiêm; mỗi mỗi sai biệt. Tất cả đều chẳng ngăn mé mà cũng chẳng có tướng vậy.

Nói là bất khả tư nghì thù thắng môn có nghĩa là nghiệp dụng như thế sâu xa thật nhỏ, độc tôn thù thắng. Chẳng phải phạm phu nhị thừa mà có thể rõ biết được. Như căn bản, tâm thức kia chẳng phân biệt mà có thể biết được chơn như tự tại dụng. Như vậy 3 loại sâu xa, nghĩa ấy to lớn. Trong hai loại môn ấy an lập những gì? – Nghĩa là trong chơn như môn 3 loại đại nghĩa; tuy mỗi mỗi lập nên một; không lập thành đôi. Trong sanh diệt môn ba loại nghĩa lớn. Ba loại nghĩa lớn ấy lập đầy đủ cả hai. Chẳng trước chẳng sau mà lại riêng biệt. Cho nên Đại Ấn Đà La Cương thí dụ khế kinh nói như thế này: Có thể là nghĩa lớn; nhưng vô tướng và dụng. Có tướng nghĩa lớn; nhưng vô thể và dụng. Có dụng là nghĩa lớn; nhưng vô thể và tướng. Như vậy 3 việc to lớn ấy trong phần một không có phân hai hai. Lại nữa có thể lớn sẽ có tướng dụng; có tướng dụng nghĩa lớn sẽ có thể dụng; có dụng nghĩa lớn sẽ có thể tướng. Như vậy 3 việc lớn ấy tùy vào mỗi mỗi một và mỗi mỗi hai; chẳng hề xa lìa. Ngoài ra những loại tướng sẽ nối kết chung lại với nhau để giải thích từng phần rõ ràng minh bạch về lý này.

Đã nói qua về hiển thị tam chủng đại nghĩa môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về môn tự nhập môn phá dị môn.

Viết rằng: Lại nữa hiển thị từ sanh diệt môn có nghĩa là nhập chơn như môn. Đó chính là tầm cầu ngũ âm sắc cùng với tâm và lục trần cảnh giới; rốt ráo chẳng có niệm. Mà tâm không hình tướng thì cầu ở mười phương cuối cùng chẳng thể được. Ví dụ như người mê cho nên nói đông mà làm tây, thật chẳng thay đổi. Chúng sanh lại cũng như vậy. Vô minh mê hoặc cho nên tâm làm chỗ nhớ nghĩ; nhưng tâm thật chẳng động, lại hay quán sát rõ tâm chẳng khởi; tức là được tùy thuận, nhập vào chơn như môn.

Luận rằng: Bây giờ trong cách lập luận này nói làm sáng tỏ là nghĩa gì? – Vì muốn đối trị với rộng hẹp, lớn nhỏ của những sự chấp trước khác nhau. Sao gọi là chấp khác? – Nghĩa là chúng sanh tạo ra sự chấp như thế này. Một pháp giới tâm; đó là pháp gốc này, lại rộng lại lớn. Chơn vọng hai môn là pháp sau này. Lại hẹp nhỏ. Vì muốn đối trị với sự chấp trước ấy cho nên nói ra môn này lại là chỗ nhập. Cùng với bốn tôn. Lại nữa vì muốn hiển thị chơn như môn chẳng có pháp sai biệt tướng. Lại nữa vì muốn hiển thị không ngũ âm trí, như chỗ không âm, tự thể không không. Do đây có thể không; nên không ấy đều không. Vì muốn nhập vào chơn như bình đẳng môn. Lại nữa vì muốn hiển thị sanh diệt môn là giả và chơn như môn là thật. Như căn bản, lại nữa hiển thị tông sanh diệt môn nghĩa là nhập chơn như môn. Đó là tìm cầu ngũ âm sắc và tâm cùng 6 trần cảnh giới, cứu cánh vô niệm, mà tâm thì vô hình tướng, tìm cầu cả thập phương đều chẳng thể được. Lấy nghĩa gì để dụ cho trong môn gọi Đông phương là giác, Tây phương dụ cho niệm? – Vì muốn hiển thị bản giác bất nhã, xuất hiện thanh tịnh trí tuệ quang minh, chiếu diệu vào chôn tối tăm, sanh từ mù mờ; giống như mặt trời

xuất hiện rồi thì ánh sáng quang minh phá đi cái u tối của thế gian. Ra khỏi chốn u minh trụ địa và sanh ra các nhiễm pháp quyền thuộc. Che đậy vô lượng vô lậu tánh thanh tịnh trí huệ, quang minh. Giống như mặt trời lặn rồi thì phát ra bóng tối che khuất phần ánh sáng rõ ràng kia; nên dễ biết được. Như căn bản, như người mê cho nên Đông lấy làm Tây mà sự thật chẳng phải vậy. Chúng sanh lại cũng như thế. Vô minh mê hoặc cho nên tâm lấy sự nhớ nghĩ; nhưng tâm thật chẳng động.

Từ đây trở đi làm rõ tướng đặc ích; nghĩa là có chúng sanh rõ biết tâm pháp chẳng có thể khởi chỗ khởi biệt tướng. Tức là được thành tựu chơn như tùy thuận. Tin là được thành tựu chơn như đặc nhập. Chẳng có tùy thuận; chẳng được nhập vào. Như căn bản hay quan sát rõ biết, tâm chẳng khởi; ấy tức là được tùy thuận nhập vào chơn như môn vậy.

Đã nói qua về môn tự nhập môn, phá dị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về đối trị tà chấp chánh giải môn.

Viết rằng: Đối trị tà chấp có nghĩa là tất cả tà chấp đều nương vào chỗ thấy của ta. Nếu lìa cái ta ấy; tức chẳng có tà chấp. Ngã kiến này lại có hai loại. Những gì là hai?

Một là Nhơn ngã kiến; hai là pháp ngã kiến. Nhơn ngã kiến có nghĩa là nương theo phạm phu nói có 5 loại. Những gì là năm? - Một là Văn Tu Đa La (Kinh) nói Như Lai pháp thân rốt ráo tịch tịnh giống như hư không. Dùng điều này chẳng rõ vì phá sự chấp trước. Tức là hư không ấy chính là Như Lai tánh. Vì sao lại đối trị? - Làm rõ tướng hư không là vọng pháp này. Thể không, chẳng phải thật. Vì đối lại với sắc cho nên có tức là có thể thấy tướng và làm cho tâm này sanh diệt. Dùng tất cả sắc pháp trước nay nên tâm này thật chẳng có sắc bên ngoài. Nếu chẳng có sắc tức là không có tướng hư không; cho nên tất cả cảnh giới chỉ có tâm. Vì vọng khởi cho nên có. Nếu tâm lìa vọng động tức tất cả cảnh giới đều mất. Chỉ một chơn tâm không chỗ thay đổi. Điều này nghĩa là Như Lai quảng đại tánh trí rốt ráo vậy, chẳng phải như tướng của hư không.

Hai là Văn Tu Đa La thuyết thế gian chư pháp cứu cánh thể không, cho đến Niết Bàn chơn như pháp đều cứu cánh không. Từ xưa đến nay tự nó vốn không, lìa tất cả tướng. Chỉ vì không rõ biết để mà phá sự chấp trước ấy đi. Nghĩa là tánh của chơn như Niết Bàn chỉ là cái không này. Vì sao lại đối trị? - Làm rõ cái chơn như pháp thân, tự thể là không ấy; đầy đủ vô lượng tánh công đức.

Ba là Văn Tu Đa La thuyết Như Lai Tạng vô hữu tăng giảm là pháp của tất cả công đức thêm vào cho thể ấy; điều này chẳng thể giải thích hết. Nghĩa là Như Lai Tạng có sắc tâm pháp, tự tướng sai biệt. Đối trị những gì? - Chỉ dùng việc nương vào nghĩa chơn như để nói; cho nên cái nguyên nhân sanh, diệt, nhiễm ấy thị hiện để nói lên sự sai biệt.

Bốn là Văn Tu Đa La thuyết như thiết thế gian sanh tử nhiễm pháp. Tất cả đều nương vào Như Lai Tạng mà có. Tất cả các pháp chẳng lìa chơn như, mà cũng chẳng thể giải thích được. Đó là Như Lai Tạng tự thể; có đầy đủ tất cả trong các pháp thế gian sanh tử. Vì sao lại đối trị? - Vì Như Lai Tạng từ trước tới nay chỉ trải qua hằng sa các công đức tịch, chẳng lìa chẳng đoạn, chẳng các nghĩa của chơn như. Trải qua hằng sa phiền não nhiễm pháp. Chỉ vọng này có tánh; còn tự gốc ấy vốn không. Từ vô thủy đến nay chưa hề cùng tương ưng với Như Lai tạng. Nếu thể của Như Lai Tạng có vọng pháp mà khiến cho chúng được vĩnh viễn điều vọng tức là không có nơi nào cả.

Năm là Văn Tu Đa La thuyết y Như Lai Tạng cố hữu sanh tử; nương vào Như Lai Tạng cho nên được Niết Bàn; chẳng thể giải thích hết được. Đó là chúng sanh có cái bắt đầu; dùng cái thấy bắt đầu. Lại nữa Như Lai chứng được Niết Bàn thì có kỳ hết và trở lại làm chúng sanh. Như vậy thì đối trị cái gì? - Mà Như Lai Tạng thì không có khoảng trước đó; tướng của vô minh lại cũng chẳng có bắt đầu. Nếu nói ngoài ba cõi lại có chúng sanh bắt đầu tức thì kinh của ngoại đạo nói. Lại nữa Như Lai Tạng cũng chưa hề có khoảng sau đó, mà chư Phật

chẳng được Niết Bàn là chỗ tương ưng. Do vậy chẳng có khoảng sau. Pháp ấy thấy cái ta là nương vào thuận căn Nhị Thừa. Như Lai hay vì nói con người vô ngã và nói chẳng cứu cánh, thấy có pháp sanh diệt của ngũ ấm. Sợ hãi sanh tử, rồi vọng chấp vào Niết Bàn. Vì sao lại đối trị? – Vì pháp ngũ ấm ấy tự tánh chẳng sanh ra. Nghĩa là chẳng có sự mất đi, trước sau vẫn là Niết Bàn. Lại nữa cứu cánh lìa vọng chấp sẽ rõ biết các nhiệm pháp và tịnh pháp. Tất cả đều chờ đợi; chẳng có tướng nào có thể nói được. Cho nên tất cả pháp từ xưa cho đến nay phi sắc, phi tâm; phi trí phi thức; phi hữu phi vô, rốt ráo chẳng thể nói về tướng ấy; mà nếu có nói thì rõ biết đây là phương tiện thiện xảo của Như Lai. Giả lập để chỉ bày cho chúng sanh. Mục đích chỉ vì lìa sự suy nghĩ và quay về với chơn như. Dùng sự nhớ nghĩ tất cả pháp ấy làm cho tâm sanh diệt chẳng thể nhập vào thật trí được.

Luận rằng: Trong câu văn này tự có 4 môn. Những gì là bốn? - Một là hiển thị căn bản tổng tướng môn; hai là hiển thị nhơn kiến đối trị môn; ba là hiển thị pháp kiến đối trị môn; bốn là hiển thị cụ phi tuyệt ly môn. Đây gọi là bốn. Nói là hiển thị căn bản tổng tướng môn nghĩa là vô lượng vô biên trải qua hằng sa số tất cả định chấp. Tất cả đều dùng ngã kiến để làm chỗ tự nương vào rồi sanh ra tăng trưởng, liền chẳng có hơn. Vì sự tà chấp này mà tạo ra căn bản. Cho nên vô minh trụ địa vô biên khế kinh nói như thế này: Tất cả vô lượng các loại hư vọng tà luận nhiều như biển, đều lấy ngã kiến làm chỗ nương tựa mà chuyên; giống như tất cả vô lượng vô biên các loại cỏ cây đủ loại trong rừng. Tất cả đều là núi và nương vào đó để chuyên. Như căn bản đối trị tà chấp nghĩa là tất cả tà chấp đều nương vào ngã kiến. Nếu lìa cái ngã tức không chấp tà, mà ngã kiến này lại có 2 loại. Những gì là hai? – Một là nhơn ngã kiến; hai là pháp ngã kiến vậy.

Đã nói qua về hiển thị căn bản tổng tướng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị nhơn kiến đối trị môn. Nói là hiển thị nhơn kiến đối trị môn nghĩa là chính việc đối trị tà định tự và bất định tự của tất cả phàm phu chấp vào sự sai lầm sanh thắng diệu giải. Năm loại người thấy trị chướng biệt tướng. Tướng của câu văn ấy làm sáng tỏ cho nên chẳng cần giải thích thêm nữa. Lại nữa cũng không cần thiết lắm. Như căn bản con người có ngã kiến nương vào nơi phàm phu nói có 5 loại cho đến nói rộng ra. Lại nữa Như Lai Tạng chẳng có sau cùng. Chư Phật chứng được Niết Bàn tương ưng; nghĩa là chẳng có cái kết thúc vậy.

Đã nói về hiển thị nhơn kiến đối trị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến hiển thị pháp kiến đối trị môn. Nói là hiển thị pháp kiến đối trị môn nghĩa là đối trị thẳng với nhị thừa chúng sanh, thật có nhiều sai trái, làm cho thành tựu được pháp không và cái lý to lớn ấy. Hai loại pháp kiến trị chướng có tướng này. Tướng của câu văn này đã rõ ràng; cho nên chẳng cần giải thích thêm. Như căn bản pháp ngã kiến ấy nương vào nhị thừa thuận căn. Như Lai thường hay nói con người không có ngã; cho đến nói rộng ra tức chẳng có diệt; bản lai Niết Bàn vậy.

Đã nói về hiển thị pháp kiến đối trị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị cụ phi tuyệt ly môn. Nói là hiển thị cụ phi tuyệt ly môn nghĩa là nếu có chúng sanh trừ được hai chấp chúng được hai không, thông đạt được các pháp thì gọi là đạo đoạn và tâm hành xứ diệt. Hết hết chiếu tịch diệt, mất đi sự suy nghĩ, dừng lại nơi không, là chỗ đạt đến. Như căn bản, lại nữa cứu cánh lìa vọng chấp sẽ rõ nhiệm pháp tịnh pháp tất cả đều chờ đợi; chẳng có tự tướng nào có thể nói được. Cho nên tất cả pháp từ xưa đến nay phi sắc, phi tâm, phi trí, phi thức, phi hữu, phi vô, cứu cánh chẳng thể nói tướng ấy được. Cho nên nói rộng ra làm cho tâm sanh diệt chẳng vào được thật trí vậy.

**Thích Ma Ha Diễn Luận
Hết quyển 6**

Quyển thứ sáu này dịch xong ngày 5 tháng 3 năm 2009

Code: Kinh Van so 1668 / 7

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN Quyển 7

- *Long Thọ Bồ Tát tạo.*
- *Diêu Tần Tam Tạng Phật Đề Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 5 tháng 3 năm 2009 tại Chùa Đôn Hậu Trondheim - Na Uy.*

Đã nói qua về đối trị tà chấp chánh giải môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến phân biệt phát thứ đạo tướng môn.

Viết rằng: Phân biệt phát thứ đạo tướng có nghĩa là con đường chứng đạo của tất cả chư Phật. Nghĩa là chỗ của tất cả Bồ Tát phát tâm tu hành hướng đến. Lược nói về phát tâm có 3 loại. Những gì là ba? - Một là tín thành tựu phát tâm; hai là giải hành phát tâm; ba là chứng phát tâm. Tín thành tựu phát tâm nghĩa là phải nương vào người nào để tu và việc gì để hành? được tín thành tựu thì hay phát tâm chăng? – Đó là nương vào bất định tụ chúng sanh, có huân tập cái lực của căn lành vậy. Tín nghiệp quả báo có thể khởi lên Thập Thiện, xa lìa sự sanh tử khổ, muốn cầu vô thượng bồ đề, được gặp chư Phật và chính mình cúng dường tu hành tín tâm, trải qua một vạn kiếp tín tâm sẽ thành tựu. Chư Phật Bồ Tát dạy cho phát tâm; hoặc vì lòng đại bi mà có thể tự phát tâm; hoặc do nơi chánh pháp bị diệt mà hộ pháp như duyên; cho nên có thể tự phát tâm. Như vậy tín tâm thành tựu, được phát tâm, nhập vào chánh định tụ, cứu cánh chẳng lùi. Với danh nghĩa trụ nơi Như Lai và chánh như tương ứng. Nếu có chúng sanh thiện căn ít ỏi và từ xưa đến nay phiền não lại dày sâu, tuy gặp được Phật lại

được cúng dường, mà khởi lên chủng tử của loài người, trời; hoặc khởi lên chủng tử nhị thừa; giả sử có câu Đại Thừa đi nữa thì câu ấy chẳng định; hoặc tiến hoặc thối; hoặc có cúng dường chư Phật mà chưa trải qua một vạn kiếp trong việc gặp nhơn duyên để phát tâm thì điều ấy có nghĩa là thay sắc tướng Phật mà phát tâm này; hoặc do cái nhơn cúng dường chúng tăng mà phát khởi tâm này; hoặc người có nhơn nhị thừa dạy cho sự phát tâm; hoặc học nơi người khác sự phát tâm. Những sự phát tâm như vậy tất cả đều bất định. Gặp nhơn duyên xấu ác; hoặc liền thoái thoát đọa vào Nhị Thừa Địa.

Lại nữa tín thành tự phát tâm nghĩa là phát tâm gì? - Lược nói có 3 loại. Những gì là ba? - Một là trực tâm, chánh niệm pháp chơn như; hai là thâm tâm, vui gồm tất cả các thiện hạnh; ba là Đại Bi tâm muốn mang đi tất cả khổ của chúng sanh.

Hỏi rằng: Bên trên nói về pháp giới một tướng, Phật thể vốn không hai. Vì sao lại chỉ nhớ nghĩ đến chơn như? lại giả câu học các hạnh lành?

Đáp rằng: Giống như Đại Ma Ni bảo, thể tánh sạch sẽ trong suốt mà bị quặn xấu, dơ thì khi người nhớ nghĩ đến tánh tốt chẳng lấy đó làm phương tiện đủ loại mài giũa, chung cuộc cũng không thể sáng đẹp được. Như vậy chúng sanh chơn như và pháp thể tánh ấy không tịnh, do có vô lượng phiền não nhiễm ô; nếu con người chỉ nhớ nghĩ đến chơn như thì chẳng thể dùng phương tiện đủ loại để tu tập, lại cũng chẳng thể được thanh tịnh. Dùng vô lượng vô biên tất cả sự dơ nhớp ấy tu tất cả thiện hạnh mới có thể đối trị được. Nếu người tu hành tất cả những thiện pháp thì tự nhiên quy thuận về chơn như pháp vậy.

Lược nói về phương tiện có 4 loại. Những gì là bốn?

Một là căn lành bốn phương tiện. Đó là quán tất cả pháp tự tánh vô sanh, lìa các vọng kiến; chẳng trụ nơi sanh tử. Quán tất cả pháp nhơn duyên hòa hợp với nghiệp quả chẳng mất. Khởi lòng đại bi, tu các phước đức; nhiếp hóa chúng sanh, chẳng trụ vào Niết Bàn; mà sự tùy thuận pháp tánh ấy vô trụ.

Hai là hay dùng các phương tiện. Nghĩa là tầm quý (xấu hổ) hối quá (hối hận) có thể dùng lại tất cả những pháp ác, chẳng làm cho tăng trưởng, lấy sự tùy thuận pháp tánh, lìa những sự sai quấy.

Ba là phát khởi căn lành tăng trưởng phương tiện. Đó là siêng cúng dường lễ bái Tam Bảo, tán thán tùy hỷ khuyến thỉnh chư Phật, dùng sự ái kính Tam Bảo khiến tâm đôn hậu thuần thành; lòng tin được tăng trưởng, lại hay có chí cầu vô thượng đạo. Lại nữa đây là nguyên nhơn để lực của Phật Pháp Tăng được gia hộ. Lại hay tiêu trừ nghiệp chướng và căn lành chẳng thoái. Dùng sự tùy thuận pháp tánh lìa si chướng vậy.

Bốn là đại nguyện bình đẳng phương tiện. Nghĩa là phát nguyện cho đến vị lai hóa độ tất cả chúng sanh làm cho không có thừa. Tất cả làm cho cứu cánh không ngoài Niết Bàn. Dùng sự tùy thuận pháp tánh ấy chẳng đoạn tuyệt. Pháp tánh rộng rãi vô biên, tất cả chúng sanh bình đẳng không hai. Chẳng nhớ nghĩ đến này kia cứu cánh tịch diệt vậy.

Nhờ Bồ Tát phát tâm này liền được ít phần thấy nơi pháp thân rồi thấy pháp thân vậy. Tùy theo nguyện lực này có thể hiện 8 loại lợi ích cho chúng sanh. Đó là sau khi rời cõi trời Đâu Suất nhập vào thai, trụ ở thai rồi ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn, mà Bồ Tát này chưa gọi là pháp thân. Vì từ trong quá khứ vô lượng kiếp đến nay có nghiệp lậu chưa thể dứt hết. Tùy theo chỗ sanh cùng với những khổ nhỏ tương ưng; lại chẳng có nghiệp trói buộc. Vì có lực thuận lợi lớn tự tại như trong kinh nói có thói đọa vào ác thú; nhưng chẳng phải là thật thoái này. Hẳn vì sơ học Bồ Tát chưa nhập vào chánh vị nên còn giải đãi sợ hãi làm cho mạnh mẽ thêm.

Lại nữa Bồ Tát một lòng phát tâm, sau xa lìa sự yếu đuối. Cuối cùng chẳng lo đọa vào Nhị Thừa địa. Nếu nghe vô lượng vô biên A Tăng kỳ kiếp cần khổ khó làm để được Niết Bàn, lại chẳng yếu đuối được. Dùng niềm tin rõ biết tất cả pháp từ trước đến nay tự được Niết Bàn. Giải hành phát tâm nên rõ biết sự chuyển đổi tốt hơn. Đó là Bồ Tát từ sơ chánh tín trở lại. Ở

nơi đệ nhứt A Tăng kỳ kiếp sẽ mong muốn đầy đủ. Trong pháp chơn như thâm giải hiện tiền, chỗ tu lia tướng và rõ biết pháp tánh, thể chẳng keo kiệt. Tùy thuận tu hành Đản Ba La Mật (Bồ thí); dùng sự rõ biết pháp tánh vô nhiễm, lia ngũ dục vậy. Tùy thuận tu hành Thi Ba La Mật (Trì giới). Dùng sự rõ biết pháp tánh, không khổ, lia bỏ sân não. Tùy thuận tu hành Sằn Đề Ba La Mật (Nhẫn nhục). Dùng sự rõ biết pháp tánh chẳng có tướng của thân tâm, lia kiêu mạn giải đãi. Tùy thuộc tu hành Tỳ Lê Gia Ba La Mật (Tinh tấn). Dùng sự rõ biết pháp tánh thường định thể, chẳng có loạn động. Tùy thuận tu hành Thiên Ba La Mật (Thiền Định). Dùng sự rõ biết pháp tánh thể sáng suốt, lia khỏi vô minh. Tùy thuận tu hành Bát Nhã Ba La Mật (Trí tuệ) chứng đắc sự phát tâm. Từ tịnh tâm địa cho đến cứu cánh địa của Bồ Tát chẳng được cảnh giới nào? – Đó là chơn như, dùng sự nương tựa vào thức, lấy đó làm cảnh giới, mà sự chứng đắc này lại chẳng có cảnh giới. Chỉ có trí chơn như mới rõ biết được pháp thân và Bồ Tát chỉ ở trong một niệm có thể đến được 10 phương thể giới khác để cúng dường chư Phật và thỉnh chuyển pháp luân. Chỉ vì khai đạo làm lợi ích cho chúng sanh chẳng nương vào văn tự; hoặc thị hiện ở Siêu Địa mau chứng thành chánh giác. Chỉ vì những chúng sanh yếu kém ấy; hoặc nói về ta nói với vô lượng A Tăng kỳ kiếp sẽ thành Phật đạo; chỉ vì sự giải đãi và kiêu mạn của chúng sanh; nên chỉ bày vô số phương tiện bất khả tư nghì mà những Bồ Tát thật có căn chủng tánh thì phát tâm tức sẽ chứng đắc cũng lại như vậy. Chẳng có pháp nào qua khỏi được. Mà tất cả Bồ Tát đều trải qua 3 A Tăng kỳ kiếp, thường hay tùy theo chúng sanh trong thế giới chẳng giống nhau, có chỗ thấy nghe, căn và dục tánh khác nhau; cho nên chỉ bày chỗ làm lại cũng sai biệt.

Lại nữa những Bồ Tát đây phát tâm tương có 3 loại tâm tương vi tế. Những gì là ba? - Một là chơn tâm, vô phân biệt; hai là phương tiện tâm, tự nhiên biến hành, lợi ích cho tất cả chúng sanh; ba là nghiệp thức tâm, vi tế khởi diệt.

Lại nữa những công đức của Bồ Tát này thành tựu viên mãn. Đối với sắc cứu cánh xứ, hiển bày tất cả thể gian tối cao thân to lớn. Đó là một niệm tương ưng với huệ và vô minh đoạn tận. Đây gọi là nhứt thiết chủng trí. Tự nhiên mà có bất tư nghì nghiệp, lại hay hiện ra 10 phương làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Hỏi rằng: Hư không vô biên cho nên thế giới cũng vô biên. Thế giới vô biên cho nên chúng sanh cũng vô biên. Chúng sanh vô biên cho nên tâm hạnh sai biệt cũng lại vô biên. Như vậy cảnh giới chẳng thể phân chia ra, khó rõ, khó giải bày. Nếu vô minh đoạn, không còn tâm tưởng nữa thì cái gì có thể rõ biết được tên của tất cả chủng trí?

Đáp rằng: Tất cả cảnh giới xưa nay một tâm, lia nơi sự nhớ nghĩ, mà do chúng sanh vọng thấy về cảnh giới cho nên tâm mới có sự phân chia. Do vọng ấy khởi lên sự tưởng nhớ; chẳng gọi là pháp tánh. Chẳng thể rõ biết. Chư Phật Như Lai lia nơi thấy, tướng; không nơi nào là chẳng biến hiện. Tâm chân thật ấy tức là các pháp tánh. Tự thể hiển chiếu đến tất cả các vọng pháp dùng đại trí cho vô lượng phương tiện. Tùy theo chúng sanh sẽ được giải thoát. Nghĩa là tất cả đều có thể mở bày bằng các pháp khác. Cho nên gọi là nhứt thiết chủng trí.

Hỏi rằng: Chư Phật có nghiệp tự nhiên hay hiện ra tất cả các nơi, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh nếu thấy thân này khổ; nếu thấy thân biến; nếu nghe nói điều này chẳng phải chẳng lợi ích thì vì sao trong thế gian nhiều người chẳng thấy được?

Đáp rằng: Chư Phật Như Lai pháp thân bình đẳng biến tất cả nơi chẳng có sự tác ý. Cho nên nói là tự nhiên, hằng nương vào tâm chúng sanh để hiện. Tâm chúng sanh giống như mặt gương. Nếu gương dơ đầy bụi thì hình ảnh sẽ không hiện lên đó. Như vậy tâm chúng sanh nếu bị dơ cấu thì pháp thân chẳng hiện hữu vậy.

Luận rằng: Trong câu văn này có hai môn. Những gì là hai? - Một là Tổng Phiêu Tổng Thuyết Môn; hai là Biệt Thích Tán Thuyết Môn. Đây gọi là hai.

Trong môn thứ hai lại có 3 môn. Những gì là ba? - Một là 3 loại phát tâm phân bộ môn; hai là phát khởi vấn đáp quyết nghi môn; ba là nhơn luận sanh luận vấn đáp môn. Đây gọi là

ba. Nói tướng có thể thấy. Nói tổng phiêu tổng thuyết môn nghĩa là vì muốn hiển thị môn phân biệt phát thú đạo tướng này. Vô lượng vô biên ba đời chư Phật hay thế nguyện rộng sâu như biển; việc làm là cái nhơn bao la ấy. Chỗ chứng quả cũng như biển và chỗ hóa độ cũng bao la như thế. Vô lượng vô biên 3 đời tất cả chư Bồ Tát cứ như vậy, như vậy tùy theo đó mà thuận hành chuyển đổi. Như việc này lần lượt không qua khỏi số lượng; chẳng qua khỏi vị, nghĩa là nhập vào các cõi.

Lại nữa vì muốn hiển thị như tất cả chư Phật chẳng có cõi nào hướng đến. Tất cả Bồ Tát đối với kia chẳng có chỗ hướng đến. Tức như thế mà thực hành. Như căn bản, phân biệt phát thú đạo tướng nghĩa là tất cả chư Phật chỗ chứng đạo. Tất cả Bồ Tát phát tâm tu hành hướng đến cõi ấy.

Đã nói qua về Tổng Phiêu Tổng Thuyết Môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến Biệt Thích Tán Thuyết Môn. Trong này có 3 môn. Sau đây sẽ lần lượt suy nghĩ, giải thích, phán đoán. Trong một và 3 loại phát tâm phân bộ môn ấy lại có 3 loại. Tự có 3 loại môn. Những gì là ba? - Một là tín thành tựu phát tâm môn; hai là giải hành phát tâm môn; ba là chứng đắc phát tâm môn. Đây gọi là ba.

Như căn bản lược nói phát tâm có 3 loại: những gì là ba? - Một là thành tín tựu phát tâm; hai là giải hạnh phát tâm; ba là chứng phát tâm. Trong ba môn đầu có ba môn. Những gì là ba? - Một là phát khởi khai vấn tổng phiêu môn; hai là hiển thị đáp thích quảng thuyết môn; ba là phát khởi vấn đáp quyết nghi môn. Đây gọi là ba.

Trong môn đầu và môn thứ hai lại có thêm 2 loại; nên như thế mà quan sát phán xét. Trong đệ nhất phát khởi khai vấn đáp tổng phiêu môn có 4 ý. Những gì là bốn? - Một là giả giả ý, hỏi người tu hành; hai là hành tướng ý, hỏi về chỗ tu hành; ba là tự phân ý, hỏi về việc được thành tựu; bốn là hướng thượng ý, hỏi về thắng tiến tướng. Đây gọi là bốn. Như vậy tín thành tựu phát tâm nương vào người nào và tu theo hạnh gì để được tín thành tựu mà phát tâm sâu xa ?

Đã nói qua về phát khởi khai vấn tổng phiêu môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị đáp thích quảng thuyết môn. Trong môn này có 2 môn. Những gì là hai? - Một là tùy vấn thứ đệ đáp thích môn; hai là cử liệt hiển thắng sanh giải môn. Đây được gọi là hai.

Trong phần tùy vấn thứ đệ đáp thích môn lại có 6 môn. Những gì là sáu? - Một là hiển thị tu hành giả giả môn; hai là tự nhiên bản hữu huân tập môn; ba là hiển thị tu hành công tướng môn; bốn là tín tâm thành tựu thời lượng môn; năm là hiển thị phát tâm nhơn duyên môn; sáu là hiển thị đắc ích vị thắng môn. Đây gọi là sáu.

Nói là hiển thị tu hành giả giả môn nghĩa là tuy chỗ hóa độ chúng sanh vô lượng vô biên mà làm cho nơi này chớ chấp vào bất định tụ, nhiếp lấy thập tín của chúng sanh. Vì sao thế? - Vì muốn làm cho chỗ giáo hóa bất định tụ tam phẩm chúng sanh. Mười loại tín thành đầy đủ thành tựu; quyết định an lập thật trụ Bồ Tát sơ phát tâm trụ, Kim Cang bất biến chi vị. Như căn bản ở đây nương vào bất định tụ chúng sanh.

Nói là tự nhiên bản hữu huân tập môn nghĩa là như vậy chúng sanh tương tục từ vô thỉ đến nay thường có bản giác tàng chứa Phật. Chúng sanh căn lành thường hằng huân tập làm cho tăng trưởng. Như căn bản có huân tập lực căn lành.

Còn nói là hiển thị tu hành công năng môn nghĩa là bất định tụ của đủ loại chúng sanh tin vào nguyên nhơn và nghiệp quả báo giống như có bất không nhơn duyên hòa hợp đạo lý vậy. Rõ 10 đường ác sai trái, khởi lên chỗ chẳng muốn tác ý. Quán 10 công đức lành. Khởi lên và sẽ tác ý, xa lìa địa trối buộc, cầu đến nơi giải thoát, dần dần ra khỏi, hướng đến Bồ Đề. Như căn bản tín nghiệp quả báo hay khởi lên 10 điều lành, xa lìa sự sanh tử khổ, muốn cầu vô thượng Bồ Đề được gặp chư Phật, tự mình cúng dường tu hành tín tâm.

Nói là tín tâm thành tựu thời lượng môn nghĩa là hiển thị tín tâm này thành tựu. Tướng của thời tiết xa gần sai biệt tức là trong môn này 15 khế kinh mỗi mỗi đều nói khác nhau. Những gì là nói 15 sự sai biệt? - Một là tất cả các pháp như duyên trong vô chủ khế kinh nói như thế này:

Lúc ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật rằng: Kính bạch Đức Thế Tôn! Từ những địa ràng buộc, nhập vào bất định tụ, tất cả hành giả phải trải qua bao nhiêu thời tiết để 10 loại tín tâm đầy đủ thành tựu, dần dần chuyển đổi thẳng định mà chẳng thoái vị?

Rồi Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng:

Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, lành thay hãy suy nghĩ kỹ, ta sẽ vì người mà giải nói tín tâm thành tựu thời tiết rõ ràng.

Này Thiện Nam Tử!

Một là tất cả các hành giả từ những địa bị buộc ràng nhập vào bất định tụ phải trải qua một vạn ba ngàn kiếp như vậy rồi liền thành tựu 10 loại tín tâm, quyết định chỗ trụ của Bồ Tát sơ phát tâm.

Hai là trong nhiếp vô lượng đại thừa khế kinh nói như thế này: Lại nữa Phật Tử! Tín địa giả danh Bồ Tát, sáu vạn bốn ngàn kiếp số đầy đủ rồi liền thành tựu 10 tâm ái lạc định Kim Cang địa.

Ba là huệ minh Đà La Ni khế kinh nói như thế này: Bất định tụ của chúng sanh nhiều khi trải qua 81.050 kiếp xong rồi thì tín tâm thành tựu và quyết định chẳng thối lui.

Bốn là pháp môn danh tự khế kinh nói như thế này: Lại nữa tín lạc địa vị mao đầu phàm phu trải qua 26.000 kiếp xong rồi thì liền thành tựu tín và chẳng có chỗ khiếm khuyết.

Năm là thanh tịnh Tam Muội khế kinh nói như thế này: Nếu có chúng sanh nào nhập vào Nam Giác Địa để tu hành tín tâm, qua 90.000 kiếp đầy đủ rồi thì tín phẩm sẽ thành tựu.

Sáu là Kim Cang Đà La Ni khế kinh nói như thế này: Tín thành tựu ước chừng 48.060 kiếp số.

Bảy là đại trí huệ quang minh khế kinh nói như thế này: Lại nữa Thiện Nam Tử! Nếu có chúng sanh nào vì muốn thành tựu công đức, căn lành cho cha mẹ trời đất thì phải trải qua 10 sát na rồi liền thành tín địa bình đẳng không có chỗ.

Tám là thật tướng bốn tề quyết định bất động khế kinh nói rằng: Tín vị thành tựu, tín tâm phát khởi trong sát na đầu tiên 10 loại tín tâm đầy đủ viên mãn.

Chín là Văn Thù Sư Lợi Viên Mãn Như Lai Đại Tổng Trì khế kinh nói như thế này: Trải qua 3 A Tăng kỳ đại vô lượng kiếp qua rồi thì tín vị liền đầy đủ thành lập.

Mười là thậm thâm Bồ Đề Như Duyên khế kinh nói như thế này: Để kiến lập tín địa chỉ 30.000 kiếp.

Mười một là Đại Phương Tiện Trí, thiện xảo khế kinh nói như thế này: Tín hạnh Bồ Tát trải qua 9.000 kiếp số sẽ quyết định thành tựu thanh tịnh tín tâm; điều suy nghĩ này thật là vui.

Mười hai là Bồ Tát quang minh biến chiếu khế kinh nói như thế này: Lúc ấy Kim Cang Huệ Bồ Tát Ma Ha Tát liền bạch Phật rằng:

Kính bạch Thế Tôn! Vô Thượng Bồ Đề chúng tử địa đầu tiên trải qua thời kỳ bao la mới quyết định thuận thực và mầm Bồ Đề mới xuất hiện tăng trưởng?

Phật bảo rằng: Muốn được thành tựu sơ chủng địa thì phải trải qua 75.060 kiếp thì sơ chủng tử địa đầy đủ kiến lập.

Mười ba là thọ ký bình đẳng khế kinh nói như thế này: Tín tâm thành tựu không xa chẳng gần, không không, có có; không cao, chẳng thấp; không gốc, không ngọn; không đến, không đi; không lớn, không nhỏ; không 3 đời, chẳng phải chẳng 3 đời; không vị, không địa; không thiện, không ác; không không, không không gì cả. Đoạn lìa ngôn ngữ, tâm hành xứ mất đi. Cho nên gọi đây là chơn thật tín tâm.

Mười bốn là Như Lai Tạng bốn thức khế kinh nói như thế này: Lúc bấy giờ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát liền bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là quảng đại viên mãn công đức phụ mẫu tín địa phẩm vậy?

Phật bảo: Thập tín, thập tín, thập giải, thập tín; thập hạnh, thập tín; thập hướng, thập tín. Thập địa, thập tín; Phật địa, thập tín cho đến đây đủ các chủng tử địa ác ràng buộc và tất cả nhị thừa tất cả đều thập tín. Vô lượng vô biên như thiết chư pháp; chẳng có mỗi một pháp mà chẳng phải thập tín. Do nghĩa này mà gọi là quảng đại viên mãn tín địa.

Mười lăm là Bồ Tát Anh Lạc Đại Bồ Nghiệp khế kinh nói như thế này: Tướng Bồ Tát ở nơi 10.000 kiếp làm 10 phép lành quyết định an vị, lập ngôn thành tựu xứ.

Đây gọi là 15 sự khác biệt khế kinh.

Như vậy các kinh lấy nghĩa gì mà có sự sai biệt này? - Đó là tâm của chúng sanh có vô lượng vô biên mỗi mỗi sai biệt. Tùy theo tâm phẩm này nói tướng tín hạnh như vậy chẳng đồng; nên phán xét suy nghĩ, chọn lựa.

Bây giờ trong câu văn này đã nương vào bốn nghiệp giải thích rồi. Như căn bản trải qua 10.000 kiếp tín tâm thành tựu.

Nói là hiển thị phát tâm nhơn duyên môn nghĩa là tín tâm thành tựu này của hành giả vì muốn phát khởi đệ như trụ tâm, rồi chờ đợi lực của nhơn duyên mà phát khởi nên vậy. Đối với câu văn này tự có 3 loại. Những gì là ba? - Một là khuyến thỉnh nhơn duyên; hai là cứu độ nhơn duyên; ba là hộ pháp nhơn duyên. Đây gọi là ba.

Nói là khuyến thỉnh nhơn duyên nghĩa là vô lượng vô biên tất cả chư Phật và chư đại Bồ Tát xuất hiện đủ loại thắng diệu giáo pháp khế kinh như biển. Tín vị hành giả khuyến thỉnh giáo hóa, qua khỏi bất định địa, quyết định an lập vị bất động vực. Như căn bản chư Phật, Bồ Tát giáo hóa làm cho phát tâm.

Nói là cứu độ nhơn duyên nghĩa là duyên nơi vô lượng vô biên đủ loại chúng sanh, tất cả khổ hải, lấy đó làm nhơn phát khởi Kim Cang bất thoái, quảng đại thanh tịnh với tâm đại từ bi. Như căn bản hoặc lấy đại bi tâm ấy cho nên có thể tự phát tâm.

Nói là hộ pháp nhơn duyên nghĩa là muốn hủy diệt giáo pháp chư Phật, thì lúc ấy đủ loại phương tiện tùy nghi, tùy ứng, tùy đương, tùy thời, tùy xứ chẳng tiếc đến thân mệnh này cứu giúp Phật Pháp là lực của nhơn duyên lớn vậy. Tự có thể phát khởi Kim Cang bất thoái quảng đại thanh tịnh và trụ tâm lâu dài. Như căn bản hoặc nhơn chánh pháp muốn giảm; nên phải dùng đến nhơn duyên hộ pháp. Cho nên có thể tự phát tâm.

Nói là hiển thị đặc ích vị thắng môn nghĩa là tín thành tựu được giải hạnh. Đây đủ 10 tên, chẳng thối mất. Những gì là mười?

Một là vô ưu não nhơn, xa lìa và trở lại làm phàm phu, bị trói buộc vào phiền não địa, tâm sợ hãi.

Hai là đại phú quý nhơn, xa trừ phiền não ô uế, thu giữ Niết Bàn quả.

Ba là chủng tánh cao thắng nhơn, xa lìa phàm phu hạ liệt, rồi nhập vào chủng tánh Như Lai tôn quý.

Bốn là thủ túc cụ bị nhơn; chấp vào ánh sáng bát nhã du hành pháp giới sâu xa rộng rãi.

Năm là tác đại giang thủy nhơn; không ngại gặp sự lưu chuyển nhập vào Tát Bà như trong biển lớn.

Sáu là cung điện kiến lập nhơn; sau khi qua khỏi bất định địa rồi, quyết định an trụ trong nhà của Như Lai.

Bảy là chơn thật Phật tử nhơn; xa lìa thai phàm rồi nhập vào Thánh thai.

Tám là đại phước điền nhơn; xa rời phiền não, chỉ toàn thanh tịnh.

Chín là đồ chúng vô lượng nhơn; pháp giới chúng sanh tất cả đều làm quyến thuộc của mình.

Mười là vô chướng ngại nhơn; tùy theo tâm mà chuyển.

Đây gọi là 10. Căn bản như thế tín tâm thành tựu rồi, liền được phát tâm nhập vào chánh định tụ, cứu cánh chẳng thoái chuyển; trụ trong hạt giống Như Lai, chánh như tương ứng.

Đã nói qua về Tùy Vấn Thứ Đệ Đáp Thích Môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về Cử liệt hiển thắng sanh giải môn. Trong môn này lại có 2 môn. Những gì là hai? Một là Cử liệt hình tướng môn; hai là Cử thắng hiển thắng hình tướng môn. Đây gọi là hai.

Nói là Cử liệt hiển liệt hình tướng môn nghĩa là căn lành vi tế, phiền não sâu dày, phàm phu chúng sanh. Tuy được như duyên gặp Ma Ha Diễm mà khởi lên chúng tử căn lành nhỏ nhoi. Như căn bản, nếu có chúng sanh căn lành ít ỏi. Từ xưa đến nay phiền não sâu dày; tuy gặp được chư Phật lại được cúng dường rồi khởi lên chúng tử như thiên, hoặc khởi lên chúng tử nhị thừa.

Nói là Cử thắng hiển thắng hình tướng môn nghĩa là nếu có chúng sanh cầu Ma Ha Diễm, pháp môn sâu xa vi diệu, tâm này liền chẳng thể quyết định, gặp thuận như duyên tốt đẹp thì tiến; gặp nghịch như duyên thì tự nhiên thối lui, chẳng định được tâm. Như căn bản nói có kẻ cầu Đại Thừa căn tức bất định. Hoặc tiến, hoặc thối, hoặc chẳng thể định.

Vì sao gọi là thắng cao như vậy?

Tuy chẳng thể định mà chỗ vọng cầu nơi pháp thật cao; cho nên vọng khởi chúng tử như thiện nhị thừa. Từ đây trở đi hiển thị tín tâm thành tựu vô định, giải thích đại ý trong 14 kinh. Đó chính là nếu có chúng sanh nào cúng dường chư Phật, tín tâm thành tựu thì lúc này bất định. Hoặc thật là xa; hoặc thật là gần; hoặc ở khoảng giữa. Vì sao vậy? – Vì tùy theo duyên có không, tin tưởng thuần thực phát sanh. Như căn bản hoặc có cúng dường chư Phật mà chưa trải qua 10.000 kiếp, trong khi ấy gặp duyên hay, có phát tâm vậy.

Từ đây trở xuống giải thích riêng biệt về sự tạo tác. Hiển thị tướng phát tâm như duyên. Đối với câu văn này có 4 loại phát tâm như duyên. Những gì là bốn?

Một là như duyên thấy Phật. Nguyên như thấy được thân của Như Lai đẹp đẽ, mà hay phát khởi tâm quảng đại. Như căn bản, thấy được hình tướng của Phật mà phát tâm này.

Hai là như duyên cúng tăng. Dùng đủ loại cúng dường chúng tăng; như cái duyên này mà có thể phát khởi tâm đó lớn. Như căn bản hoặc do cái như cúng dường chúng tăng mà phát khởi tâm này.

Ba là tâm quý như duyên, thấy nghe người nhị thừa dạy bảo giáo pháp cho người tâm quý hạ liệt này. Như cái duyên này mà hay phát tâm quảng đại rộng lớn. Như căn bản hoặc cái như của người nhị thừa dạy dỗ làm cho phát tâm.

Bốn là tùy theo như duyên, tùy theo tâm khiêm nhường kia. Do như của như duyên này mà phát khởi tâm to lớn rộng rãi. Như căn bản; hoặc học nơi kẻ khác mà phát tâm.

Đây gọi là bốn.

Từ đây trở xuống tạo như duyên này, hiển thị 10 loại tín tâm bất định tụ hình tướng. Cho đến tổng kết như trước đã nói về thập tín quyết trạch phần rồi. Đây dùng vào nghĩa gì mà xưng 10 loại tín phẩm, lập nên bất định? – Đó là gặp như duyên thuận tùy theo việc thiện mà hướng đến. Nếu gặp như duyên nghịch trái có thể dẫn vào đường ác. Giống như tốc theo gió thổi bay khắp 4 hướng. Như căn bản việc phát tâm này tất cả đều bất định, gặp như duyên ác; hoặc liền thoái thoát, đọa vào nhị thừa địa vậy.

Đã nói qua về đệ nhứt và đệ nhị chúng môn. Bây giờ lần lượt nói về đệ nhị và nhị chúng môn. Lại nói là tín thành tựu phát tâm là phát tâm nào vậy? - Tức là phát khởi khai vấn tổng phiêu môn. Đó là phát khai vấn sở vi, lược nói có 3 loại. Tức là Tổng phiêu tổng đáp. Những gì là ba? - Tức là Tổng cử tổng vấn. Từ đây trở xuống nói rõ và hiển thị đáp thích quảng

thuyết môn. Trong đây có 3 loại. Những gì là ba? - Một là chánh trí phương tiện môn; hai là phước đức cụ túc môn; ba là an lạc thành tựu môn. Đây gọi là ba. Đối với 3 này, đầu thông với hai; ở giữa chỉ có tự lợi, còn ở phía sau chỉ có lợi tha. Lại nữa 2 phần đầu chỉ có phần tự lợi và phần sau thì lợi tha. Lại nữa 3 loại đều thông qua 2. Tất cả mỗi mỗi đều đầy đủ giải thích căn bản. Hãy nên quan sát suy nghĩ.

Nói là chánh trí phương tiện môn nghĩa là trực tâm. Vì chánh thể trí có tạo ra phương tiện. Như căn bản một là trực tâm chánh niệm chơn như pháp. Nói là cụ túc phước đức môn nghĩa là thâm tâm vì tất cả những công đức có ở phương tiện. Như căn bản thứ hai là thâm tâm vui gồm tất cả những hạnh lành. Nói là an lạc thành tựu môn nghĩa là tâm bi, hay lành cứu độ tất cả chúng sanh vô lượng khổ não, làm cho được an ổn, rộng rãi niềm vui. Như căn bản thứ ba là tâm đại bi, muốn thay thế tất cả khổ của chúng sanh vậy.

Đã nói về đệ nhị cùng nhị chủng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến phát khởi vấn đáp quyết nghi môn. Trong môn này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tiền hậu tương vi nan vấn môn; hai là khai thông hội thích tiêu nan môn. Đây gọi là hai.

Nói là tiền hậu tương vi nan môn nghĩa là đưa ra trên dưới 2 câu văn khác nhau; khó phân biệt tướng sai khác này. Thế nào là chỗ sai khác? - Nghĩa là câu văn trên nói như thế này: Nói giác nghĩa là tâm thể lìa tâm tướng, lìa niệm tướng v.v... sánh với hư không giới, chẳng có chỗ nào không biến đổi; pháp giới một tướng; tức là Như Lai bình đẳng pháp thân; nương vào pháp thân này gọi là bản giác. Đối với câu văn ở dưới nói như thế này: hai là thâm tâm vui cùng với tất cả các hạnh lành. Trên dưới hai câu văn sai biệt như vậy. Cho nên nói phát là khó với tướng sai khác này; nên phải suy nghĩ chọn lựa. Như căn bản nói như trên: pháp giới một tướng, Phật thể chẳng hai. Tại sao lại chẳng phải niệm chơn như lại giả cầu học những hạnh lành?

Đã nói qua về tiền hậu tương vi nan vấn môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về khai thông hội thích tiêu nan môn. Trong này có 7 môn. Những gì là bảy? - Một là chánh đáp quyết đoạn bi nan môn; hai là tu thiện hạnh giả đắc ích môn; ba là tu hạnh thiện xảo phương tiện môn; bốn là hiển thị phát tâm công đức môn; năm là giản trạch thượng hạ hiển dị môn; sáu là thông khế kinh văn quyết nghi môn; bảy là tán thán phát tâm công đức môn. Đây chính là bảy.

Trong môn đầu lại có 3 môn. Những gì là ba? - Một là mở bày thí dụ thiện xảo môn; hai là hợp thuyết khế dương an lập môn; ba là hiển thị pháp thuyết sanh giải môn. Đây gọi là ba.

Trong phần thí dụ môn lại có 4 loại. Những gì là bốn? - Một là bảo dụ; hai là tránh tịnh dụ; ba là cầu nhiệm dụ; bốn là nhơn chúng dụ. Đây gọi là bốn.

Nói bảo dụ có nghĩa là Đại Ma Ni bảo châu. Đây là châu báu có ở nơi nào? Như châu báu này có màu đá vàng? Hay châu báu này có màu sắc như thế nào? - Nghĩa là màu vàng sẫm. Hình tướng của nó ra sao? - Đó là chỗ ngồi không dài không ngắn. Do vậy tướng lớn nhỏ ra sao? - Nghĩa là một trượng. Như vậy trong bảo châu bằng đá màu vàng ấy tất cả đều đầy đủ; không có màu đá vàng mà cũng không có Ma Ni. Chỉ trụ tướng này lần lượt ra sao? - Nghĩa là đệ nhứt châu; đệ nhị là màu vàng; đệ tam thể ấy bằng đá. Châu Ma Ni này một trượng; đá màu vàng kia hoặc là thật nhỏ; hoặc là thật lớn, mỗi mỗi sai biệt. Há có thể nói tất cả biến khắp. Ma Ni châu này có lực thù thắng tuy chỉ một trượng mà biến được to, vừa, nhỏ không thừa, không chỗ chướng ngại. Lại có thể nơi biến khắp tất cả các nơi; đối với trong đá kia lại có đồ quý ấy. Đá này màu vàng; nên quan sát thẩm xét. Đây gọi là bảo dụ. Như căn bản để đáp lại dụ này như là Đại Ma Ni Bảo.

Nói là tránh tịnh dụ nghĩa là như thể tránh này của bảo châu thật là sáng trong, xa lìa trần lụy. Đây gọi là tránh tịnh dụ. Như căn bản, thể tránh vốn trong sạch, thanh tịnh.

Nói là cầu dụ nghĩa là như bảo châu này là loại đá vàng mà còn bị chỗ chướng ngại; chẳng thể xuất hiện tướng trong sáng. Đây gọi là cầu nhiệm dụ. Như căn bản mà có chỗ dơ uế.

Nói như chúng dụ nghĩa là cực cùng bản cực giải đãi; chẳng cầu người quý cũng như tinh tấn, vui vẻ cầu người quý. Đây gọi là như chúng dụ. Như căn bản nếu con người tuy nhớ nghĩ đến tánh bảo châu; chẳng lấy phương tiện đủ loại để mài giũa, thì cuối cùng chẳng được trong sáng.

Đã nói về khai thị thí dụ thiện xảo môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về sự khế hợp an lập môn. Trong thí dụ về vật quý báu có nói về Đại Ma Ni Châu. Điều ấy dụ cho pháp gì? - Dụ cho bản giác Phật tánh. Vì sao vậy? - Vì bản giác Phật tánh chứa giữ nơi thân tướng của chúng sanh; giống như bảo châu kia. Còn nói màu đá vàng tượng trưng cho pháp gì? - Dụ cho tất cả tướng của chúng sanh tương tục. Vì sao vậy? - Vì thân của chúng sanh tàng chứa Phật tánh giống như viên đá kia. Nói sắc vàng là dụ cho pháp gì? - Đây là dụ cho ý nghĩa của Phật tánh chẳng thay đổi. Vì sao vậy? - Chơn như Phật tánh kiên cố không thay đổi giống như vàng kim loại kia. Nói như chỗ ngồi không có dài ngắn là dụ cho pháp gì? - Dụ cho chơn như pháp bình đẳng, chẳng tăng chẳng giảm. Vì sao vậy? - Vì pháp chơn như này chỉ một vị bình đẳng; chẳng có sai biệt; giống như chỗ ngồi kia. Nói là một trượng ở đây muốn dụ cho pháp gì? - Dụ cho pháp chơn như đầy đủ viên mãn chẳng có thiếu sót. Vì sao vậy? - Vì chơn như pháp thân đầy đủ vạn đức; chẳng có chỗ khiếm khuyết; giống như chỗ ngồi kia. Nói như vậy thì bảo châu này được màu vàng đá; tất cả đều đầy đủ. Nếu không có màu vàng đá thì chẳng có Ma Ni, điều này dụ cho pháp nào? - Dụ cho chơn như tánh biến khắp chúng sanh trong các loại thân. Nếu không có chúng sanh thì chẳng có chơn như bản giác tánh. Vì sao vậy? - Vì chơn như tánh này là sự chẳng biến đổi, giống như bảo châu kia.

Nói là đệ nhứt châu, đệ nhị hoàng kim và thứ ba là thạch thể, điều này dụ cho cái gì? - Dụ cho đầy đủ lần lượt các pháp dần dần hiện ra thô. Vì sao vậy? - Vì từ bản giác trí, lưu chuyển kiến lập 4 tướng như biển thì việc này lần lượt dần dần hiện ra thô, giống như ba loại kia.

Nói châu Ma Ni này có sức mạnh đẹp hơn các châu khác, tuy chỉ một trượng mà biến ra lớn, vừa, nhỏ không thiếu. Điều này dụ cho pháp gì? - Dụ cho chơn như bản giác có bất tư nghì nghiệp. Biến thành muối, rồng v.v... nhỏ lớn thân ấy chẳng có khó khăn. Vì sao vậy? - Vì pháp chơn như này và tánh bình đẳng này biến khắp phạm thánh giống như bảo châu kia. Nói đối với trong đá kia có bảo châu này cho nên màu của đá này vàng. Điều này dụ cho pháp gì? - Đây là dụ cho chúng sanh tất cả đều có bản giác và có tâm tướng. Vì sao vậy? - Vì tất cả chúng sanh có tâm giác ngộ cho nên liễu biệt thức giống như đá kia vậy.

Đã nói qua về bảo dụ cùng nói khế đương môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về tịnh dụ cùng nói khế đương môn. Nói như châu bảo, thể tánh này thực sáng rõ, xa lìa trần lụy. Điều này dụ cho pháp gì? Dụ cho tánh tịnh bản giác thanh tịnh sáng sủa, lìa trần cấu vậy.

Đã nói qua về tịnh dụ hợp với khế đương môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về nhiễm dụ, hợp với khế đương môn. Nói như bảo châu có thể làm cho màu vàng đá kia bị chướng chướng thể xuất hiện tướng sáng tỏ. Dụ pháp này với cái gì? - Đó là tâm tự tánh thanh tịnh. Vì vô minh che khuất, chẳng thể xuất hiện, vô lậu tánh đức vậy.

Đã nói qua về nhiễm dụ hợp với khế đương môn. Bây giờ lần lượt nói về như dụ hợp với khế đương môn. Nói hai loại người là dụ cho pháp gì? - Đó là dụ cho người cầu Phật Pháp quý báu hay tinh tấn với người cực giải đãi vậy. Như căn bản nói đây là chúng sanh vậy.

Đã nói qua về hợp thuyết kế đương an lập môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị pháp thuyết sanh giải môn. Đối với môn này như thế sẽ lần lượt nói. Nói về hợp dụ sanh lành là nên giải thích, phán xét, suy nghĩ. Câu văn đã rõ ràng cho nên chẳng cần giải thích riêng biệt. Như căn bản, chơn như pháp thể tánh không, tịnh mà chẳng có nhiều phiền não nhiễm ô. Nếu người tuy nhớ nghĩ đến chơn như mà chẳng dùng phương tiện đủ loại để tu tập lại chẳng thể

được tịnh. Dùng sự nhiễm ô vô lượng vô biên biến tất cả pháp, cho nên tu tất cả thiện hạnh và lấy đó để đối trị.

Đã nói qua về chánh đáp thứ đoạn bị nạn môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về tu thiện hạnh giả ích môn. Đó là nếu có chúng sanh đoạn tất cả các việc ác, tu tất cả những việc lành, tự nhiên tự tại sẽ được chơn như tam muội, chiếu thấu vô minh tối tăm; chẳng có nơi nào nghi ngại cả. Căn bản nếu người tu hành tất cả những pháp lành thì tự nhiên sẽ quy thuận về pháp chơn như vậy.

Đã nói qua về người tu thiện hạnh được lợi ích. Bây giờ lần lượt nói về tu hạnh thiện xảo phương tiện môn. Trong môn này lại có 4 môn. Những gì là bốn? - Một là nhứt thiết tu hành căn bản môn; hai là chế phục ác nghiệp bất sanh môn; ba là xuất sanh thiện căn tăng trưởng môn; bốn là thệ nguyện vô biên bình đẳng môn. Đây gọi là bốn.

Như vậy lược nói phương tiện có 4 loại. Trong môn thứ nhất lại có 2 môn. Những gì là hai? - Một là bát nhã thành tựu vô trụ môn; hai là đại bi thành tựu vô trụ môn. Đây gọi là hai.

Nói là bát nhã thành tựu vô trụ môn nghĩa là quan sát tất cả các pháp từ vô thị đến nay chẳng sanh chẳng diệt, cứu cánh tịch diệt, chẳng bao giờ có; chẳng trụ trong sanh tử. Như căn bản, những gì gọi là bốn? - Một là hành căn bản phương tiện. Đó là quán tất cả pháp tự tánh chẳng sanh, lìa nơi vọng kiến; chẳng trụ nơi sanh tử. Nói là đại bi thành tựu vô trụ môn nghĩa là quan sát tất cả các pháp nhơn duyên hòa hợp; nhơn quả chẳng không; nghiệp báo lại có. Nương vào vô lượng vô biên chúng sanh giới nhiều như biển ấy. Vì sự cứu cánh nhiếp thủ; chẳng trụ nơi Niết Bàn. Như căn bản, quán tất cả pháp nhơn duyên hòa hợp, nghiệp quả chẳng mất, khởi lòng đại bi, tu các phước đức, nhiếp hóa chúng sanh; chẳng trụ nơi Niết Bàn; cho nên tùy thuận, pháp tánh không trụ vậy. Tức là thị hiện nhơn duyên và nối kết cả hai loại, chẳng trụ đạo hạnh; tu hành pháp môn, khó thể hết được, mà chẳng trụ nơi đạo, điều này tối căn bản; cho nên nói rằng: hành căn bản phương tiện.

Đã nói qua về tất cả sự tu hành căn bản môn. Bây giờ lần lượt nói đến chế phục những nghiệp ác bất sanh môn. Trong môn này làm rõ nghĩa gì? - Vì muốn hiển thị hành giả sẽ phát khởi sự tầm quý (xấu hổ) và tâm phẩm thanh tịnh, phòng ngừa tất cả vô lượng việc làm ác, dần dần mất hẳn đi, chẳng thể cho tăng trưởng nữa. Cho nên dùng pháp tùy thuận, tánh lìa các việc sai quấy. Tổng kết duyên này.

Đã nói qua về chế phục ác nghiệp bất sanh môn. Bây giờ lần lượt nói về xuất sanh thiện căn tăng trưởng môn. Trong môn này vì muốn làm sáng tỏ nghĩa gì? - Vì muốn hiển thị hành giả sẽ vì tất cả Tam Bảo cung kính cúng dường, lễ bái tán thán tùy hỷ khuyến thỉnh. Tăng trưởng tín tâm, tiêu trừ nghiệp chướng; chí tâm cầu vô thượng đại Bồ Đề vậy. Như căn bản, thứ ba là phát khởi căn lành tăng trưởng phương tiện. Đó là siêng cúng dường lễ bái Tam Bảo, tán thán, tùy hỷ, khuyến thỉnh chư Phật lấy sự ái kính Tam Bảo, tâm đôn hậu; cho nên niềm tin được tăng trưởng; lại hay cầu vô thượng đạo. Lại nữa nhờ vào cái nhơn là lực của Phật, Pháp, Tăng gia bị cho nên có thể tiêu nghiệp chướng, căn lành chẳng thoái vậy. Đây là tùy thuận pháp tánh, lìa si chướng. Tổng kết duyên này.

Đã nói qua về xuất sanh thiện căn tăng trưởng môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về thệ nguyện vô biên bình đẳng môn. Trong môn này muốn làm rõ nghĩa gì? - Vì muốn hiển thị hành giả sẽ phát khởi 10 phương thế giới trần số, quảng đại thệ nguyện hải. Tu tập 10 phương thế giới trần số hành nhơn như biển. Nhiếp thủ 10 phương thế giới trần số chúng sanh hải ấy thành tựu 10 phương thế giới trần số quả mãn hải. Tất cả đều chẳng có dư. Như căn bản thứ tư là đại nguyện bình đẳng phương tiện. Đó là phát nguyện tận nơi vị lai hóa độ tất cả chúng sanh làm cho chẳng có thừa, tất cả làm cho cứu cánh trọn thảy Niết Bàn. Dùng tùy hỷ, pháp tánh chẳng đoạn tuyệt. Tổng kết duyên này.

Từ đây trở xuống hiển thị tùy thuận thù thắng chi tướng. Nghĩa như thế nào? - Bốn môn nối kết lại tất cả đều thông suốt gọi là tùy thuận pháp tánh. Vì muốn hiển thị pháp tánh hư không, thể tánh này rộng sâu, đầy đủ lớn, chẳng có ngăn mé. Tướng này dùng vô ngại tự tại chẳng có đầu đuôi. Tu 4 bốn pháp môn kia tất cả hành giả lại cũng như vậy thuận thuận như như. Ở đời này rộng được viên mãn chẳng phân biệt. Như căn bản, pháp tánh quảng đại biến khắp tất cả chúng sanh bình đẳng chẳng hai, chẳng nhớ nghĩ đến kia đây; cứu cánh tịch diệt vậy.

Đã nói về tu hành thiện xảo phương tiện môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về hiển thị phát tâm công đức môn. Trong câu văn này làm rõ nghĩa gì? - Vì muốn hiển thị sơ phát tâm trụ Bồ Tát, khởi sự tùy thuận tánh pháp giới, trong ấy có tâm quảng đại đầy đủ vậy. Tương tự như quán trí kiến, pháp tánh thân. Thấy pháp thân cho nên nguyện lực tự tại. Do nguyện lực cho nên duyên vào vô lượng vô biên pháp giới chúng sanh mà khởi lên tâm đại bi. Do tâm đại bi thật sâu xa này mà xuất hiện 8 loại an lạc hóa tướng. Tùy thời tùy xứ, tùy nghi, tùy sự ứng hiện, thuận thuận lợi ích an lạc. Như căn bản Bồ Tát phát tâm này cho nên liền được ít phần thấy nơi pháp thân. Dùng sự thấy pháp thân này cho nên tùy theo nguyện lực này có thể hiện ra 8 loại lợi ích chúng sanh; cho nên từ Đâu Suất thiên, thoái xuất, nhập vào thai, trụ ở thai, ra khỏi thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập vào Niết Bàn vậy.

Đã nói về hiển thị phát tâm công đức môn rồi. Bây giờ lần lượt nói về thượng hạ hiển dị môn. Trong này lại có 2 môn. Những gì là hai? - Một là gián dị địa thượng môn; hai là gián dị cụ phược môn. Đây gọi là hai.

Nói là gián dị địa thượng môn nghĩa là phát tâm trụ Bồ Tát. Đây gọi là huyễn hóa chướng tướng thân, chẳng thể được gọi là chơn như pháp thân Bồ Tát. Vì sao vậy? - Bồ Tát này những nghiệp còn lại từ vô thủy chưa lìa khỏi, tùy theo nơi thọ sanh cũng như những khổ vi tế tương ưng, chẳng lìa. Sai khác với Địa Thượng Bồ Tát này. Cho nên như căn bản sau đó các Bồ Tát chưa gọi là Pháp Thân. Dùng quá khứ ấy trong vô lượng kiếp đến nay có các nghiệp hữu lậu chưa đoạn trừ hết, tùy theo chỗ sanh cùng với những sự khổ nhỏ tương ưng với nhau.

Nói là gián dị cụ phược môn có nghĩa là sơ phát tâm trụ Bồ Tát chẳng có sự ràng buộc của nghiệp nhơn tướng. Chẳng có sự ràng buộc của quả báo thọ sanh nữa. Vì sao vậy? - Vì đại nguyện phương tiện đầy đủ thay đổi vậy. Như căn bản lại chẳng phải nghiệp phức tạp, lấy đó có lực của đại nguyện tự tại vậy.

Đã nói qua về gián trạch thượng hạ nguyện dị môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến thông khế kinh văn quyết nghi môn. Trong này lại có 5 loại để nói về mỗi khế kinh. Những gì là năm?

Một là Văn Thù Sư Lợi hoan hỉ Đà La Ni khế kinh nói như thế này:

Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi liền bạch Phật rằng: Kính bạch Thế Tôn! Ngài thường hay ở trong Đại Chúng nói như thế này: 50 chủng tử của tâm trang nghiêm nhiều như biển và hành động là nguyên nhân chính. Tất cả các hành giả sẽ trải qua con đường này để thành Đẳng Chánh Giác. Như vậy trong 50 chủng tử tâm kia có bao nhiêu thoái phần, bao nhiêu định phần? - Duy nguyện Thế Tôn giải nói cho.

Lúc ấy Đức Thế Tôn liền bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng: Hãy lắng nghe đây! Hãy lắng nghe đây và suy nghĩ kỹ, ta nay sẽ vì ông mà phân biệt giải nói. Nay thiện nam tử! 10 loại chơn địa gọi là Kim Cang Bát Nhã trụ địa. 40 tâm trước gọi là: Pha Lê châu tùy chuyển hồi hướng địa. Người nên rõ biết và quán như thế. Nay kinh này muốn làm rõ nghĩa gì? - Vì muốn hiển thị Đại Sĩ Thập Địa.

Đã nói qua về chơn chứng vức, gọi là bất thoái phần rồi, từ đây trở về trước 40 tâm chưa được chứng trí; nên gọi đây là thoái phần.

Hai là bản giác đại bi tự nhiên huân tập khế kinh nói như thế này:

Lại nữa Phật tử! Ông trước đã hỏi thế nào là tướng của tiết tháo. Việc này thật thù thắng, bất khả tư nghì, bất khả tư nghì vậy. Kẻ phàm phu ngu si sơ phát ý Bồ Tát sẽ chẳng rõ biết hết. Lúc bấy giờ Ngài Đại Minh Bồ Tát chí tâm khuyến thỉnh. Phật liền bảo Ngài Đại Minh rằng:

Thiện Nam Tử! Nói là tiết tháo tướng có nghĩa là thoái phần. Trong mỗi mỗi khoảng thời gian kia đều gọi là bất thoái phần. Đây gọi tên là tiết tháo tướng.

Bây giờ trong câu kinh này muốn làm sáng tỏ nghĩa gì? – Vì muốn hiển thị Phật Pháp to lớn như biên cả, rộng rãi tròn đầy chẳng có ngăn mé.

Ba là đại chúng đắc Đà La Ni khế kinh nói như thế này: 10 loại an tâm quyết định bất thối, vô thối thất lý. Trong câu văn của kinh này muốn làm rõ nghĩa gì? – Vì muốn hiển thị thập trụ Bồ Tát, phát khởi tùy thuận pháp giới tánh, quảng đại căn lành, quyết định an trụ nơi Kim Cang Vị.

Bốn là trong Ngũ Minh khế kinh nói như thế này: 10 loại định tâm phi thoái, phi tiến, phi lai, phi khứ; phi xuất, phi nhập, đầy đủ vạn đức, chẳng có chỗ nào thiếu sót; cho nên nói là tự nhiên trụ tâm. Bây giờ trong kinh văn này muốn làm rõ nghĩa gì? – Vì muốn hiển thị Thập Trụ Vị, quả đức đầy đủ rồi, liền chẳng chỗ tiến, lại cũng chẳng có chỗ thoái. Tự nhiên thường trụ, chẳng hề có việc khiếm khuyết.

Năm là Bồ Tát anh lạc địa đại bốn nghiệp khế kinh nói như thế này: Chư thiện nam tử! Nếu một kiếp, hai kiếp cho đến 10 kiếp tu hành thập tín được nhập vào Thập Trụ; người này lúc bấy giờ từ nhứt trụ cho đến đệ lục trụ; nếu tu đệ lục Bát Nhã Ba La Mật thì chánh quán hiện trụ tiền, lại gặp được Phật và Bồ Tát, các thiện tri thức sẽ hộ trì ra khỏi đệ thất trụ, thường trụ chẳng thối hư. Từ trụ thứ bảy này trở về trước gọi là thoái phần. Trong câu văn này ý muốn làm rõ nghĩa gì? – Vì muốn hiển thị khuyến tấn kẻ hạ liệt giải đãi chúng sanh và làm cho tăng trưởng tâm dũng mãnh. Bây giờ trong luận này cản ngăn nghiệp chính mà tạo ra chỗ gặp gỡ hiểu biết; nên quán sát phán xét.

Như căn bản, trong các kinh hoặc nói có thối đoạ vào ác thú, thật chẳng phải cái thoái này, thường hay vì kẻ sơ học Bồ Tát chưa vào chánh vị mà kẻ giải đãi sợ hãi, làm cho mạnh mẽ hơn vậy.

Đã nói qua về thông kế kinh văn quyết nghi môn rồi. Bây giờ lần lượt nói đến tán thán phát tâm công đức môn. Trong môn này vì muốn làm sáng tỏ nghĩa gì vậy? – Vì muốn hiển thị phát tâm Bồ Tát xa lìa hai việc sợ hãi. Tâm này quyết định bất động. Vì sao gọi là 2 loại sợ hãi? - Một là hạ sanh bố úy, sanh vào đường thấp, thật là sợ hãi; hai là sợ sanh vào đường cao, nghe đến cảnh đẹp thì tâm này yếu đuối quá sợ hãi. Lìa hai sự sợ hãi này; cho nên gọi là phát tâm công đức. Như căn bản lại là Bồ Tát đầu tiên phát tâm, sau đó xa lìa sự yếu đuối, cứu cánh chẳng sợ rời Nhị Thừa địa. Nếu nghe vô lượng vô biên A Tăng kỳ kiếp, siêng năng, khó làm cho đến Niết Bàn lại cũng chẳng yếu kém vậy. Đây là tin rõ tất cả pháp từ xưa đến nay tự là Niết Bàn, tức là tổng kết hai loại công đức nhơn duyên.

Từ trên đến đây tín thành tựu phát tâm quyết trạch phần đã xong. Từ đây trở xuống dưới đủ loại các môn. Câu văn đã rõ ràng cho nên chẳng cần giải thích thêm nữa.

Thích Ma Ha Diễn Luận Hết quyển 7

Dịch xong quyển này vào ngày 8 tháng 3 năm 2009 tại Chùa Đôn Hậu – Na Uy, nhằm ngày 12 tháng 2 năm Kỷ Sửu. Đây cũng là ngày kỷ niệm Lễ Khánh Thành trùng tu Tổ Đình

Chúc Thánh tại Hội An - Quảng Nam, được tổ chức từ ngày 11 đến ngày 14 tháng 2 âm lịch. Nhân lễ khánh thành có tổ chức lễ cúng dường Thiên Tăng Hội (1.000 vị Tăng) và phát quà chẩn bần cho 1.000 người nghèo.

Code: Kinh Van so 1668 / 8

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN **Quyển 8**

- Long Thọ Bồ Tát tạo.

- *Diệu Tần Tam Tạng Phật Đề Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 27 tháng 3 năm 2009 tại Chùa Phật Ân Minnesota – Hoa Kỳ.*

Đã nói qua về giải thích phân rồi; bây giờ lần lượt nói về tu hành tín tâm phần. Trong phần này lại có bảy môn. Những gì là bảy? - Một là năng trị sở trị khế đương môn; hai là tín tâm phẩm loại phần bộ môn; ba là tu hành phương tiện thiện xảo môn; bốn là quảng thích ma sự đối trị môn; năm là tán thán tam muội công đức môn; sáu là lưỡng luân cụ khuyết ích tổn môn; bảy là cần liệt hướng thẳng bất thoái môn. Đây gọi là bảy.

Năng trị sở trị khế đương môn, tướng này như thế nào?

Nói rằng: Trong đây nương vào chỗ chưa nhập vào chánh định tụ của chúng sanh; nên nói về tu hành tín tâm phần.

Luận rằng: Nói trong này nương vào chỗ chưa nhập chánh định tụ chúng sanh tức là sở trị. Đây có nghĩa là chỗ hóa thành cảnh giới; nên nói là tu hành tín tâm phần; tức là năng trị. Đây có thể biến hóa thành giáo pháp; chỗ hóa ra cảnh giới ấy số lượng như thế nào? - Nghĩa là nhiếp hai tụ của chúng sanh vậy. Những gì là hai? - Một là tà định tụ và hai là bất định tụ. Tên gọi làm một. Vì sao vậy? - Hai chúng sanh này tất cả đều chưa nhập vào chánh định tụ vậy. Nói là khế đương, tướng này như thế nào? - Nghĩa là hai chúng sanh ấy mỗi mỗi khế hợp chỗ dạy dỗ. Còn tướng của khế như thế nào? - Nghĩa là muốn tà định tụ chúng sanh; nên nói tín tâm môn. Vì muốn cho bất định tụ chúng sanh kia; nên nói tu hành môn. Vì sao thế? - Vì lần lượt vào nơi pháp này vậy. Nghĩa là người chưa tin tưởng, trước tiên khởi lên niềm tin. Người tin tưởng ấy là kẻ tu hành ngay thẳng. Lại được trải qua sự lợi ích vậy.

Đã nói về năng trị sở trị khế đương môn; bây giờ lần lượt nói về tín tâm phẩm loại phần bộ môn.

Nói rằng: Tín tâm là những gì? Vì sao lại tu hành? - Lược nói về tín tâm có bốn loại. Những gì là bốn? - Một là tín căn bản: nghĩa là lạc niệm chơn như pháp; hai là tin Phật có vô lượng công đức; thường nhớ nghĩ thân cận cúng dường cung kính phát khởi căn lành; nguyện cầu tất cả trí; ba là tín pháp, có được đại lợi ích, thường nhớ nghĩ tu hành các Ba La Mật; bốn là tin Tăng, hay tu hành chơn chánh, tự lợi lợi tha, thường hay vui thân cận các chúng Bồ Tát, cầu học hạnh như thật.

Luận rằng: Trong câu văn này có 3 môn. Những gì là ba? - Một là trực vấn tín tâm phẩm loại môn; hai là trực vấn tu hành phẩm loại môn; ba là lược đáp hiển thị tín tâm môn. Đây gọi là ba.

Nói là trực vấn tín tâm phẩm loại môn nghĩa là tổng vấn tín tâm lượng. Như căn bản có bao nhiêu tín tâm? Nói là trực vấn tu hành phẩm loại môn nghĩa là tổng vấn tu hành lượng. Như căn bản tu hành là những gì? - Cả trong 3 môn này lại có 3 môn. Những gì là ba? - Một là tổng đáp môn; hai là tổng vấn môn; ba là quảng đáp môn. Nói là tổng vấn đáp môn nghĩa là tổng đáp chỗ nói này. Như căn bản lược nói tín tâm có bốn loại. Nói là tổng vấn môn nghĩa là tổng vấn chỗ nói này. Như căn bản vì sao lại có bốn? Trong 3 môn ấy lại có 4 loại môn. Những gì là bốn? - Một là tín bản, làm cho tâm bình đẳng môn; hai là tín Phật hân, có công đức môn; ba là tín pháp tinh tấn tu hành môn; bốn là tín Tăng, làm cho tâm vô tránh môn. Đây được gọi là bốn.

Nói là tín bản làm cho tâm bình đẳng môn nghĩa là vui tin, làm tự căn bản chơn như lý pháp. Do lực vô minh nên đủ loại sai biệt. Tất cả các tâm đều gặp và một, làm cho bình đẳng. Như căn bản một ấy là tín căn bản; nghĩa là vui tin chơn như pháp. Nói là vui tin theo Phật có công đức môn nghĩa là vui tin vô thượng đại giác Như Lai Thế Tôn. Vui cầu vô lượng vô biên

tất cả công đức. Như căn bản thứ hai ấy tin Phật có vô lượng công đức thường hay nhớ nghĩ gần gũi cúng dường cung kính phát khởi căn lành, nguyện cầu tất cả trí. Nói là tin pháp siêng năng tu hành môn, nghĩa là vui tin ba đời chư Phật vì tự nhớ nghĩ đến cha, vì tự nhớ nghĩ đến Thầy, chẳng thể cải đổi, chẳng thể sanh diệt, hư không kim cương bất động quy tắc. Có bất khả tư nghì, bất khả tư nghì thù thắng lợi ích. Thường hay lưu chuyển ở tất cả thời và đối với tất cả nơi. Tu hành tất cả trợ đạo phẩm. Như căn bản thứ ba là tín pháp, có lợi ích lớn, thường nhớ nghĩ tu hành các Ba La Mật.

Nói là tin Tăng làm cho vô tránh môn; nghĩa là vui tin tất cả vô lượng Bồ Tát tăng Chúng được lưỡng thắng hạnh, vì cái đức bên trong của chính mình. Dầu gần dầu xa tùy tự lúc nghe, tùy theo lúc thấy, tùy theo lúc suy nghĩ, đến lui nơi Tăng, cho đến tâm lắng nghe thọ nhận đủ các loại pháp sâu, đủ loại kinh điển sâu xa; đủ loại thâm luận, đủ loại thâm lý, đủ loại diệu sự chẳng đoan tuyệt. Như căn bản thứ tư là tin nơi Tăng có thể tu hành chơn chánh tự lợi lợi tha, thường vui gần gũi Bồ Tát chúng, cầu học như thực hành.

Đã nói qua về tín tâm loại phần bội môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tu hành phương tiện thiện xảo môn. Nói rằng: Tu hành có 5 môn hay thành tựu niềm tin này. Những gì là năm? - Một là thí môn; hai là giới môn; ba là nhẫn môn; bốn là tiến môn; năm là chỉ quán môn. Thế nào là tu hành thí môn? - Nếu thấy tất cả những người đến cầu thì tùy theo chỗ tài vật và sức lực mà thí cho. Đó là tự xả bỏ sự tham kiết, làm cho kia được vui vẻ. Nếu thấy sự nguy nan, sợ hãi nguy bách, tùy theo đó mà giúp cho đừng sợ hãi. Nếu có chúng sanh nào đến cầu pháp, thì tùy theo đó mà giải thích phương tiện để nói, chẳng nên tham cầu danh lợi cung kính. Chỉ nhớ nghĩ đến sự tự lợi lợi tha, hồi hướng đến Bồ Đề.

Những gì là tu hành giới môn? - Đó là chẳng giết hại, chẳng trộm cướp, chẳng dâm, chẳng nói dối hai chiều, chẳng nói lời hung ác, chẳng nói lời không thật, chẳng trau chuốt lời nói. Xa lìa sự tham si, xiêm nịnh gièm pha, sân hận tà kiến. Nếu làm người xuất gia thì chỉ chỗ bẽ gãy phiền não và cũng nên xa lìa những nơi ồn ào, mà thường ở chỗ yên tịnh, tu tập thiếu dục tri túc, hành những hạnh đầu đà cho đến tội nhỏ tâm cũng sanh sợ hãi, xấu hổ cải hối. Chẳng được khinh xuất nơi Như Lai chế ra cấm giới. Thường hay giữ gìn cẩn thận chẳng để cho chúng sanh khởi lên tội lỗi.

Thế nào là tu hành nhẫn môn? - Đó là nên nhẫn với người khác khi có tâm buồn phiền mà chẳng hoại báo. Lại nữa nhẫn ấy đối với lợi suy, hủy dự, xung cơ, khổ lạc pháp vậy.

Thế nào là tu hành tín môn? - Đó là đối với những việc lành, tâm chẳng giải đãi thoái thác, lập chí kiên cường, xa lìa pháp yếu kém. Nên nhớ nghĩ về quá khứ cho đến tận vị lai, thọ thân hư hoại này tất cả thân tâm đều là khổ lớn, không có lợi ích gì. Cho nên phải siêng tu những công đức. Tự lợi lợi tha xa rời những việc khổ. Lại nữa nếu có người tuy tu hành tín tâm mà từ khi sanh ra trong đời cho đến nay có nhiều tội nặng, nghiệp chướng xấu ác. Vì tà ma của các hồn làm chỗ nhiễu loạn; hoặc vì công việc của thế gian đủ loại buộc ràng. Hoặc vì bệnh khổ bị làm não, rồi làm cho có nhiều chướng ngại như thế. Cho nên phải siêng năng tinh tấn ngày đêm 6 thời lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến thỉnh tùy hỷ. Hồi hướng Bồ Đề, thường chẳng dừng nghỉ, sẽ được bớt chướng và căn lành tăng trưởng.

Thế nào là tu hành chỉ quán môn? - Nói là chỉ nghĩa là dừng tất cả những cảnh giới tướng, tùy thuận với Xa Ma Tha để quan sát nghĩa lý. Còn nói là quán nghĩa là phân biệt nhân duyên sanh diệt tướng, tùy thuận theo Tỳ Bà Xá Na, nghĩa ấy là quán. Thế nào là tùy thuận với hai nghĩa này để dần dần tu tập? - Nghĩa là chẳng có tướng xa lìa mà hay hiện tiền vậy. Nếu muốn tu chỉ, nên ở nơi yên ổn, ngồi ngay ý chánh, chẳng nương vào hơi thở; chẳng nương vào hình sắc; chẳng rơi vào nơi hư không; chẳng nương vào nơi đất, nước, lửa, gió cho đến chẳng nương vào chỗ thấy, nghe, giác, tri. Tất cả các tướng tùy nơi nhớ nghĩ đều loại trừ,

lại phải loại trừ ý nghĩ về tất cả các pháp xưa nay vốn chẳng có tướng. Niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt. Lại cũng chẳng được nương vào tâm bên ngoài để nhớ nghĩ đến cảnh giới. Sau đó dùng tâm trừ tâm. Nếu mà tâm tán loạn, liền nhiếp trụ lại ở nơi chánh niệm. Với chánh niệm này nên rõ chỉ có tâm là không có ở cảnh giới bên ngoài. Tức là tâm này chẳng có tự tướng. Niệm niệm chẳng thể được. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy, đi tới lui, dùng nghĩ chỗ làm đối với tất cả lúc hay nhớ đến phương tiện tùy thuận quan sát, lâu dài huân tập thuần thực tâm này trụ được. Khi tâm trụ rồi dần dần được mạnh mẽ lợi ích. Tùy thuận được nhập vào chơn như Tam Muội. Điều phục phiền não sâu dày, tín tâm tăng trưởng, mau thành chẳng thoái. Chỉ trừ nghi hoặc, chẳng tin mà còn phi báng nữa. Tội nặng nghiệp chướng, ngã mạn giải đãi. Những người như thế chẳng thể vào được. Lại nữa nương vào Tam Muội này liền rõ biết pháp giới một tướng. Nghĩa là tất cả pháp thân chư Phật cùng với thân của chúng sanh đều bình đẳng không hai. Đây gọi là nhứt hạnh Tam Muội; nên rõ chơn như Tam Muội căn bản. Nếu người tu hành dần dần hay sanh được vô lượng Tam Muội.

Luận rằng: Trong câu văn này có 5 môn. Những gì là năm? - Một là Tổng phiêu đáp tiền sở vấn môn; hai là thông đạt tổng vấn sở thuyết môn; ba là lược đáp kiến lập môn số môn; bốn là lược vấn quảng đáp tán thuyết môn; năm là tán thán Tam Muội thắng môn. Đây gọi là năm.

Nói là tổng phiêu đáp tiền sở vấn môn nghĩa là Tổng đáp tiền vấn môn kia. Như căn bản tu hành có 5 môn hay thành tựu niềm tin này.

Nói là thông đạt tổng vấn sở thuyết môn nghĩa là tổng vấn chỗ nói này. Như căn bản của năm ấy là gì?

Nói là lược đáp kiến lập môn số môn nghĩa là kiến lập đại môn số. Như căn bản một ấy là thí môn; hai là giới môn; ba là nhẫn môn; bốn là tín môn và năm là chỉ quán môn. Vì sao phải lần lượt như vậy? - Nghĩa là tu hành lược độ lần lượt các pháp như thế. Tiếp đến trong lược vấn quảng đáp tán thuyết môn lại có 5 môn. Vì có 5 môn nên hay quan sát phán xét. Trong 5 môn này mỗi mỗi lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là lược vấn môn và hai là quảng đáp môn. Đây gọi là hai.

Như đây lần lượt chẳng sai số lượng; nên phán xét suy nghĩ giải thích. Trong đệ nhứt tu hành thí môn ấy nói tu hành thí môn là nghĩa gì? - Đây tức là lược vấn môn. Nghĩa là khai mở sự hỏi han; cho nên sau đó các môn cũng phải nên biết như vậy. Trong quảng đáp môn lại có 3 loại thí. Những gì là ba? - Một là tài vật thí; hai là tùy ý thí và ba là giáo pháp thí. Nói là tài vật thí nghĩa là nếu có chúng sanh nào đó đến ta và xin ăn nơi ta, ta liền chẳng nghĩ mà tùy lúc tùy nơi tất cả đều thí cho và chẳng có ý nhớ nghĩ lại. Những gì gọi là tài vật vậy? Có bao nhiêu vật như thế? - Một là nội vật; hai là ngoại vật. Đây chính là hai.

Trong nội vật lại cũng có hai. Những gì là hai? - Một là vô sắc; hai là hữu sắc. Nói vô sắc tức là tâm thức; nói hữu sắc có nghĩa là các căn. Nếu có chúng sanh đến ta để xin tâm thức của ta, ta liền chẳng tiếc, tùy thời thí cho, làm cho kia hoan hỷ. Nếu có chúng sanh đến nơi ta, tùy theo chỗ dùng mà xin ta mỗi mỗi phần của cơ thể, ta liền thí cho kia hoan hỷ, chẳng tiếc nuối. Đây chính là hai loại nội tài vật.

Còn ngoại vật cũng có hai loại. Những gì là hai? - Một là hữu thức; hai là vô thức. Nói hữu thức có nghĩa là vợ con, nô tỳ v.v... Nói là vô thức tức là cung điện, nhà cửa, y phục, đồ đạc v.v... nếu có chúng sanh đến nơi chỗ ta xin những đồ vật ấy, ta liền chẳng tiếc, tùy thời thí cho làm cho kia hoan hỷ. Đây gọi là hai loại ngoại tài vật. Như căn bản nếu thấy tất cả đến cầu xin chỗ tài vật, tùy theo lực mà chu cấp cũng như tự xả bỏ sự keo kiệt, làm cho kia hoan hỷ.

Đã nói về tài vật thí rồi; bây giờ lần lượt nói về tùy theo đó mà thí. Sao gọi đó là tùy đó mà nên thí? - Nghĩa là hoặc có chúng sanh ngũ căn chẳng đầy đủ, bị mất mát; hoặc có chúng sanh bệnh khổ vô lượng, chẳng được an ổn; hoặc có chúng sanh tâm này ngu si, chẳng thể rõ biết, hành giả lúc bấy giờ là một hiền sĩ, liền tùy theo việc này mà thích nghi; tùy theo việc này mà thích ứng; tùy theo cái này mà dùng đến, hay vui chọn lựa, hay lãnh phân biệt, trừ sự

khổ não cho kia, làm cho hoan hỷ. Cho nên nói đây là tùy ưng thí. Như căn bản, nếu thấy sự nguy nan, sợ hãi, nguy bách tùy theo đây mà bảo bọc cho để không phải sợ.

Đã nói qua về tùy ưng thí rồi; bây giờ lần lượt nói về giáo pháp thí. Sao gọi là giáo pháp thí? – Nghĩa là có chúng sanh có lúc, chẳng phải lúc; thân thiện hay chẳng thân; quý phái hay chẳng quý; ngu si hay chẳng ngu; hoặc chồng hay chẳng phải; hoặc người nữ hay chẳng phải người nữ; hoặc ác hay chẳng ác; hoặc người hay chẳng phải người. Như vậy những loại ấy đến nơi ta muốn cầu pháp, thì ta liền chẳng tiếc, phát khởi vô lượng vô biên, quảng đại viên mãn, tâm đại từ bi, quyết đoạn trừ những nghi kia, giải trừ phiền não, hay tăng trí huệ và nhiếp thủ người kia, chẳng đọa vào đường ác, làm cho kia đến được vô thượng đại bồ đề. Cho nên nói đây là giáo pháp thí. Như căn bản, nếu có chúng sanh đến cầu pháp, tùy đây mà giải nói và phương tiện mà nói, chẳng nên tham cầu danh lợi cung kính, chỉ nhớ đến việc lợi mình lợi người hồi hướng đến Bồ Đề vậy.

Đã nói qua về tu hành thí môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tu hành giới môn. Trong môn này có 4 môn. Những gì là bốn? - Một là kiến lập giới tướng phiêu tông môn; hai là thành tựu giới phẩm thắng xứ môn; ba là cụ túc giới hạnh bất khinh môn; bốn là thủ hộ, bất lịnh phi báng môn. Đây gọi là bốn.

Nói là kiến lập giới tướng phiêu tông môn, nghĩa là kiến lập 10 loại thanh tịnh phòng chuyển giới. Như căn bản những gì là tu hành giới môn? – Đó là bất sát, bất đạo, bất dâm, bất lưỡng thiệt, bất ác khẩu, bất vọng ngữ, bất ỷ ngữ, xa lìa sự tham lam tật đố, đua nịnh, sân si tà kiến v.v... Nói là thành tựu giới phẩm thắng xứ môn nghĩa là nếu cụ túc giới phẩm, thường nên xa lìa sự tán loạn và những xú tạp nhiễm. Thường hay thân cận, tịch tĩnh thắng xứ. An trụ ở trong này chẳng xa lìa. Như vậy nếu là người xuất gia thì sẽ bề gãy được phiền não lại cũng phải xa rời chỗ ồn ào, mà thường ở nơi yên lặng.

Nói là cụ túc giới hạnh bất khinh môn nghĩa là tu hành các loại diệu hạnh, khởi lên tâm tin sâu xa, chẳng được khinh lờn những giới căn bản của Như Lai đã chế. Như căn bản sự tu tập thiếu dục tri túc, đầu đà hạnh v.v... cho đến tội nhỏ tâm sanh sợ hãi, tầm quý, cải hối chẳng thể khinh nhờn đối với những giới cấm mà Như Lai đã chế.

Nói là thủ hộ, bất lịnh phi báng môn có nghĩa là hộ trì giới ấy tinh chuyên như Phật nhãn, chung quy chẳng để bị phá, đầy đủ tự lợi. Những loại chúng sanh buông lung, khoe khoang ấy làm cho chẳng phát khởi vọng tưởng tạo ra các tội; đầy đủ lợi tha viên mãn trang nghiêm như biển đại giác. Như căn bản sẽ giữ gìn việc khoe khoang, không làm cho chúng sanh vọng khởi sai trái tội lỗi vậy.

Đã nói qua về sự tu hành giới môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tu hành nhẫn môn. Trong môn này lại có 2 môn. Những gì là hai? - Một là hiển thị lược nhẫn trạng ngã môn; hai là hiển thị quảng nhẫn vô ngã môn. Đây gọi là hai. Nói là hiển thị lược nhẫn trạng ngã môn nghĩa là nếu có chúng sanh tạo tác các cảnh như A Xà Thế, làm cho não hại tâm ta, hành giả lúc ấy, tâm này nên nhẫn, chẳng động loạn não hại.

Như căn bản vì sao nói là tu hành nhẫn môn? – Đó là nên nhẫn người khác, tâm nào chẳng nhớ về báo. Còn nói là hiển thị quảng nhẫn vô ngã môn nghĩa là hoặc có chúng sanh lấy sự uống ăn, y phục cùng những tài vật, thí cho họ khi đến ta, làm cho lợi ích hoan lạc; hoặc có chúng sanh dùng đến kiếm gậy các loại tướng sợ hãi đến nơi ta, gây tổn hại cho ta. Ta nương vào nơi chánh làm cho chẳng được như ý; hoặc có chúng sanh dùng sự thô ác hủy báng các loại lời nói xấu hoặc xa hay gần gần ghép cho ta; hoặc có chúng sanh dùng chánh trụ các loại đức để tán thán thân ta. Như thế các loại mà tâm này bình đẳng kiên cố chẳng động như núi Tu Di thì như thế lại nên nhẫn ở nơi lợi suy, hủy dự, xung cơ, khổ lạc pháp vậy.

Đã nói qua về tu hành nhân môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến tu hành tiến môn. Trong môn này có 2 môn. Những gì là hai? - Một là thông thị tu hành tinh tấn môn; hai là biệt thích tu hành tinh tấn môn. Nói là thông thị tu hành tinh tấn môn nghĩa là đối với những việc lành thì tâm này chuyển đổi tốt hơn, siêng năng muốn sự tinh tấn ấy cuối cùng chẳng dứt. Như căn bản, những gì là tu hành tinh tấn môn? - Đó là đối với những việc lành, tâm chẳng giải đãi thối lui, lập chí kiên cường, xa lìa sự yếu đuối.

Còn biệt thích tu hành tinh tấn môn lại cũng có hai môn. Những gì là hai? - Một là vô chướng tu hành tinh tấn môn; hai là hữu chướng tu hành tinh tấn môn. Nói là vô chướng tu hành tinh tấn môn nghĩa là hành giả nhớ nghĩ như thế này: ta từ vô thi quá khứ đến nay chỉ thọ hư vọng, chẳng thật thân tâm. Cũng chẳng thể thọ được Kim Cang bất hoại thân tâm, chẳng ngoài như duyên. Chỉ trong diệu hành đó, chẳng siêng hành động. Ta nếu giải đãi như trước chẳng làm. Hướng đến vị lai và quá khứ lại cũng thọ đủ lại chẳng có lợi ích hư vọng thân tâm; chẳng có thời kỳ ra khỏi. Trên tự thân của ta cũng chẳng ra khỏi, đều mất tự lợi, hà huống cứu tế đủ loại khổ của chúng sanh đầy đủ lợi tha. Nhớ đến điều này rồi liền phát khởi tâm đại tinh tấn. Tu hành, hành như biển cả. Trang nghiêm và quả ấy mãn đức. Kiến lập lưỡng lợi chẳng khiếm khuyết. Như căn bản sẽ nhớ nghĩ về quá khứ xa xôi đã qua đến nay chỉ thọ tất cả thân tâm đại khổ, chẳng có lợi ích gì cả; cho nên siêng tu các công đức làm tự lợi lợi tha, xa lìa những khổ sở.

Nói là hữu chướng tu hành tinh tấn môn nghĩa là nếu có chúng sanh có vô thi quá khứ quá nhiều nghiệp chướng, vì ma ngoại đạo và ác quỷ thần nã loạn chẳng thể tu hành; hoặc có chúng sanh vì đời hiện tại đủ loại công việc ràng buộc chẳng thể tu hành; hoặc có chúng sanh vì tất cả các loại bệnh khổ bách nã chẳng thể tu hành. Như vậy các chúng sanh ấy tuy lấy tai nghe và nghe rồi liền tôn xưng. Mắt thấy và thấy ấy đem dạy dỗ nói tướng, mà chẳng thể siêng tu hành, sanh ra xa lìa tâm cầu. Đoạn tâm này tinh tấn, phát khởi các loại thắng diệu phương tiện. Còn loại tâm bảo bọc, nghiệp chướng hải dần dần sóng ấy mất và công đức như đồi núi ấy từ từ cao lên. Tám loại gió chẳng động; chín kết sử chẳng trói. Như căn bản lại nói nếu người nào tuy tu hành tín tâm từ đời trước đến nay có nhiều loại tội ác nghiệp chướng, rồi vì tà ma, quỷ quái làm nã loạn; hoặc vì công việc của thế gian đủ loại trói buộc; hoặc vì bệnh khổ làm nã hại như thế nhiều sự chướng ngại. Cho nên phải tinh tấn ngày đêm 6 thời lễ bái chư Phật, thành tâm xấu hổ sám hối, siêng năng tùy hỷ hồi hướng Bồ Đề thường chẳng dừng nghĩ, sẽ khỏi các chướng và căn lành tăng trưởng.

Đã nói qua về tu hành tinh tấn môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến tu hành chỉ quán môn. Trong môn này lại có 4 môn. Những gì là bốn? - Một là tổng phiêu tổng thích chỉ quán môn; hai là tổng phiêu tổng thích quán luân môn; ba là lược thích quyết trạch tùy thuận môn; bốn là quảng thích trạch chỉ luân môn. Đây gọi là bốn.

Nói là tổng phiêu tổng thích chỉ quán môn nghĩa là dừng lại sự suy nghĩ, hiểu biết của tâm; ngại sự nhớ nghĩ tán loạn, an trụ một chỗ và tánh ấy tịch tịnh, chẳng ra khỏi nơi tất cả cảnh giới tướng. Tùy thuận định Phiêu Đà A La quán nghĩa. Như căn bản những gì là tu hành chỉ quán môn? - Nói chỉ có nghĩa là dừng tất cả những cảnh giới tướng, tùy thuận Xa Ma Tha quán nghĩa vậy. Nói là Tổng phiêu tổng thích quán luân môn nghĩa là rõ biết chọn lựa như duyên đạo lý, phân xét phân biệt hình tướng vô thường. Hay lành thông đạt hay lành rõ biết. Tùy thuận quán Phiêu Đà A La Quán nghĩa. Như căn bản nói quán có nghĩa là phân biệt như duyên sanh diệt tướng, tùy thuận Tỳ Phật Xá Na quán nghĩa vậy. Nói lược thích quyết trạch tùy thuận môn nghĩa là định tùy thời nơi quán kia, liền thuận quán tùy thời trong định kia, tức là thuận. Đây đủ đầy đủ chẳng lìa chuyển đổi. Như căn bản những gì là tùy thuận mà hai nghĩa này dần dần tu tập chẳng hề xa lìa với hiện tiền vậy.

Trong quảng thích quyết trạch chỉ luân lại có 4 môn. Những gì là bốn? - Một là thành tựu chỉ luân nhơn duyên môn; hai là trực thị tu hành chỉ luân môn; ba là tu hành chỉ luân đặc ích môn; bốn là giản nhập bất nhập phân tế môn. Đây gọi là bốn.

Trong đệ nhứt thành tựu chỉ luân nhơn duyên môn lại có 15 loại. Những gì là mười lăm? - Một là trụ xứ tịch tịnh nhơn duyên; hai là độc nhứt bất cộng nhơn duyên; ba là sở cư phương tiện nhơn duyên; bốn là y phục cụ túc nhơn duyên; năm là ẩm thực cụ túc nhơn duyên; sáu là kết giới hộ tịch nhơn duyên; bảy là xá trạch tạo lập nhơn duyên; tám là ngôn ngữ bất xuất nhơn duyên; chín là tọa tượng tạo lập nhơn duyên; mười là tọa kỳ tọa trung nhơn duyên; mười một là xuất nhập thời tiết nhơn duyên; mười hai là tri thức thiện hữu nhơn duyên; mười ba là ấn tri tà chánh nhơn duyên; mười bốn là thực thiện lâm thụ nhơn duyên; mười lăm là tự luân phục cụ nhơn duyên. Đây gọi là 15 loại đại nhơn duyên.

Nói là trụ xứ tịch tịnh nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, ở nơi núi rừng vắng vẻ yên tịnh kia, xa lìa sự tán loạn tụ lạc. Vì sao vậy? - Nơi ồn ào chỉ luân môn kia khó thành tựu vậy.

Nói là độc nhứt bất cộng nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ quán môn kia ở trong giới nội không có lý do cho hai người cùng ở. Vì sao vậy? - Vì làm động loạn phiền nhau.

Nói là sở cư phương tiện nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia chỉ ở hai bên đông tây chứ 2 phương nam bắc không được ở. Vì sao vậy? - Vì có giác luân vậy.

Nói là y phục cụ túc nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, bắt buộc phải dùng 3 loại áo quần. Vì sao lại ba? - Một là sắc vàng; hai là sắc đỏ và ba là sắc trắng. Như vậy 3 loại y dùng cùng một lúc được. Vì sao vậy? - Vì trùng Tý Xoa La chẳng thể vào được.

Nói là ẩm thực cụ túc nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia bắt buộc phải dùng đồ khô Trần Già Ma Ý Đà Già; thóc lúa chẳng nên dùng vậy. Vì sao thế? - Vì Già Ma Ý Đà Na có tánh tiên.

Lại nữa nếu chẳng dùng Bà Ni La thì lúc thọ dụng thời tiết chỉ dùng riêng, không có cố định.

Nói là kết giới hộ tịch nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, lìa phòng ốc của riêng mình, chỉ cách chỗ ở một Cu Lô Xá. Tụng 110 biến Đại Thần Chú. Tướng này là gì? - Nghĩa là tụng thần chú này:

Đản Chí Ta Na La Đê, Bà Xoa Ni, A Ma Già Ca Đà Đê, Bà Ba A A Bà Bà Di Đà. Xà Khư Na, Ô Kha Y Đà Đê, Án Án Án Án Đê; Đa Phạt Đà Đà Già. Ma Na Thi Chỉ Đê; Xà Đà Ni Phạt, Xoa La Ni Cru Ha A Ha Cru Đa Thi.

Án A Đà Đà Đê, Ma Ha Già Gia Đê, Ma Ha A Già Gia Đê, Kiền Đà Ni, A La, La La, A La, A La A La, A La, A Đê Sa Bà Ha.

Nếu tụng chú này rồi liền kết giới hộ tịch. Vì sao vậy? - Vì đủ các loại độc trùng sẽ chẳng thể xâm nhập vào.

Nói là xá trạch tạo lập nhơn duyên nghĩa là vì tạo tu định xá trạch; nên đủ 10 việc. Những gì là mười? - Một là Môn Hộ sự; tuy hướng về phương đông nhưng chẳng phải phương khác; hai là Cao Hạ sự. Đông phương dân cao và Tây phương dân thấp; ba là Phương Giác sự; đối với một phương, mỗi mỗi là một trượng; bốn là Phẩm Trọng sự, trọng thập trọng; năm là Tác Vật sự. Chỉ dùng 5 loại, chẳng phải loại khác. Những gì là năm? - Một là vàng; hai là bạc; ba là đồng; bốn là thiếc; năm là cây tùng. Đây gọi là năm. - Sáu là Hộ Tường sự,

cùng với đất nầy sánh chẳng sai biệt; bảy là Hộ Trọng sự; trọng thập hộ; tám là Hộ Khu sự, vô âm thanh; chín là Bích Tường sự; đây cao một trượng, nặng 10 kí; mười là Xuất Nhập sự. Trong những hộ ấy mỗi mỗi tụng chú. Tướng nầy là tướng gì? - Tụng lớn lên và tụng chú ấy như thế nầy:

Nam Ma Dạ Đế, Ma Ha Cửu Tỳ Na, A A La Bà Đê, Đà Đà A Già Độ, Bàn Chỉ A Chỉ Hộ; Giá Sa Ni Năng Đế. Bà Chỉ Ma Ni Ma, Bà Chỉ Ma A Na, A Na Thi Chỉ Ni Thi Chỉ Sa Bà Ha.

Nếu thần chú nầy tụng được 1.000 biến tức liền lúc ấy thuận lợi; tất cả đều được khai thông. Nhìn vào đó; nên đọc chú nầy:

Nam Mô Nam Chỉ Na, Nam Mô Phật Thi Đà, Nam Mô Nam A Đế, Nam Mô Nam Chỉ Na, Nam Mô Kiên Đà Ni Sa Bà Ha.

Nếu thần chú nầy tụng 1.500 biến rồi thì lập tức mọi lúc cánh cửa tự mở đóng.

Nói là ngôn ngữ bất xuất nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, đối với tất cả lúc, đối với tất cả nơi, chẳng nói ra lời nào. Vì sao vậy? – Tùy theo lời nói nầy mà tâm thức hiện ra.

Nói là tạo tượng tạo lập nhơn duyên nghĩa là vì tạo tu định tọa tượng phải gồm đủ 5 việc. Những gì là năm? - Một là tác vật sự, dùng gỗ tùng vậy; hai là cao lượng sự, như nửa thân hình, chẳng tăng giảm; ba là phương giác sự, đối với một phương, mỗi mỗi 4 thước; bốn là phương hướng sự. Tuy hướng về phương Đông; chứ chẳng phải những hướng khác; năm là tọa thượng cụ sự. Chỉ là dùng Huỳnh Đà La Đế và Huỳnh tọa cụ. Đây gọi là năm việc.

Nói là trụ kỳ tọa trung nhân duyên nghĩa là tu chỉ luân môn kia sẽ đầy đủ 10 việc tọa kỳ tọa trung. Những gì là mười? - Một là túc đặng sự. Từ hai bên hông trở xuống đầu 2 ngón tay trở hỗ tương khế hợp với nhau chẳng sai biệt; hai là hiệp đặng sự; tức là hai bên hông đều đặn chẳng sai khác; ba là Yếu Đoan sự; tức là lưng nầy ngay ngắn, chẳng cong vẹo; bốn là thủ luy sự; hai tay tương đối; tay trái để lên trên tay mặt. Tay phải để phía dưới, và tay trái để lên trên. Trải qua một ngày rồi không thay đổi, chẳng quên mất. Lại nữa, tay nầy để lên trên chân; năm là chẩm đoan sự; trán nầy phải ngay thẳng chẳng động, ở yên như vậy; sáu là, diện đoan sự; tướng mạo của mặt chẳng ngất lên, cũng chẳng gục xuống, phải làm cho bình thường; bảy là khẩu tướng sự. Tướng của miệng nầy chẳng rộng, chẳng hẹp khi mở miệng ra; tám là tỷ tướng sự, khi thở ra làm cho chẳng sai khác, chẳng khác với một; chín là nhãn tướng sự; căn tướng của mắt nầy chẳng trên chẳng dưới, phải cho trung bình; mười là chỉ nhân sự. Nơi con mắt mình phải có một chữ hư không to lớn như bánh xe, hằng chẳng lìa bỏ. Đây gọi là 10 việc.

Nói là xuất nhập thời tiết nhơn duyên có nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia chỉ dùng giờ Thìn và giờ Ngọ là hai giờ; ngoài giờ nầy ra, chẳng nên ra vào.

Nói ta tri thức thiện hữu nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, lấy người có trí huệ thâm sâu làm bạn hữu.

Nói là ấn tri tà chánh nhơn duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, tùy theo hình tượng nầy như ấn Tu Kim Cang, tức liền rõ biết việc tà và chánh vậy. Tướng nầy là gì vậy? – Nghĩa là tụng chú nầy:

Đản Chí Tha Mạn Na Ô Đà Đế, Sa La Chỉ Đà Ni, Giá Thi Di Đa Gia, Án A Thi Đê Na Sa Bà Ha.

Nếu thần chú này tụng 4.650 biến rồi, ở trong tượng kia đeo thêm hai chữ vòng tròn. Nghĩa là nếu người ta thì đeo chữ tà vòng tròn. Còn nếu là người chánh trực thì đeo chữ chánh hình tròn để phân biệt.

Nói là thực thiện lâm thụ như duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia, từ trước đến nay trồng hai loại cỏ đại kết tường. Những gì là hai? - Một là cây tùng; hai là cây thạch lựu. Đây gọi là hai.

Nói là tự luân phục cựu như duyên nghĩa là vì tu chỉ luân môn kia đương nhiên mang chung quanh chữ vi vòng tròn. Còn mặc như thế nào? - Nghĩa là cân đối. Dùng nghĩa gì để làm cho đầy đủ vòng tròn này? - Nghĩa của chữ tròn này 3 đời chư Phật vô lượng vô biên tất cả các Bồ Tát, các đại ân của Sư Trưởng, đại ân của cha mẹ, đại ân của trời đất, đại ân của biển cả. Như duyên này vì tu chỉ, người ấy nên đeo vòng tròn này. Như vậy như duyên có rất nhiều, mà làm cho Ma Ha Diễn luận này rõ ràng như duyên đệ nhất, chẳng có chỗ nào chẳng sáng. Phần đầu nhiếp lấy phần sau vậy. Như vậy đã xong. Như căn bản, nếu người tu chỉ thì trụ ở nơi yên ổn.

Đã nói qua về thành tựu chỉ luân như duyên môn rồi; bây giờ lần lượt nói về trực thị tu hành chỉ luân môn. Trong môn này lại có 7 môn. Những gì là bảy? - Một là tồn tâm quyết định môn, chẳng sanh chẳng diệt, trong lý chơn không ấy, tâm này luôn định. Như căn bản ngồi ngay chánh ý; hai là bất trước thân thể môn, hay lành thông đạt, thân này chẳng không mà cái gốc tự tánh này chẳng thể được. Như căn bản chẳng nương vào nơi hơi thở, chẳng nương vào hình sắc, chẳng nương vào nơi không khí, chẳng nương vào đất, nước, lửa, gió; ba là bất trước tâm thức môn, hay lành thông đạt, tâm suy nghĩ rõ biết. Tự tánh không không, chẳng có sở hữu. Như căn bản cho đến chẳng nương vào kiến văn giác tri, tất cả các tướng tùy theo niệm đều trừ diệt sự nhớ nghĩ.

Từ đây trở xuống tạo thân tâm này không vô như duyên. Như căn bản lấy tất cả pháp bốn lai vô tướng niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt, lại chẳng được theo tâm, nhớ nghĩ cảnh giới bên ngoài. Bốn là bất trước bất trước môn, hay rời khỏi tâm, lại chẳng rời khỏi. Như căn bản sau đó lấy tâm trừ tâm. Năm là tập tán hội nhưt môn, nhiếp tán động tâm, trí nhưt trung. Như căn bản, nếu tâm này sa đà tán loạn thì liền nhiếp, sau đó trụ ở chánh niệm; Sáu là hiển thị chánh niệm môn; hiển thị các pháp chỉ một tâm. Như căn bản chánh niệm này sẽ rõ chỉ tâm ấy, không ngoài cảnh giới, tức là tâm này lại không có tự tướng, niệm niệm chẳng thể được; Bảy là bất ly hằng hành môn. Như vậy định tâm đối với tất cả lúc, đối với tất cả nơi, thường hay liên tục, chẳng xa lìa. Như căn bản nếu từ chỗ ngồi đứng dậy đi tới lui, dừng nghĩ. Đối với tất cả lúc thường hay nhớ nghĩ đến phương tiện, tùy thuận quan sát vậy.

Đã nói qua về trực thị tu hành chỉ luân môn rồi; bây giờ đây lần lượt nói về tu hành chỉ luân đắc ích môn. Nghĩa là nếu có người hay tu định này, dần dần chuyển đổi, phiền não như biển khô đi, nghiệp chướng như núi băng hoại, nhập vào chơn như định, đạt đến tất cả pháp, đến nơi chẳng thôi chuyển. Như căn bản lâu dài huân tập thuần hậu, tâm này được trụ và khi tâm trụ thì dần dần mạnh mẽ lợi lạc tùy thuận và được nhập vào chơn như Tam Muội, hàng phục phiền não, tín tâm tăng trưởng, mau thành bất thoái.

Đã nói về tu hành chỉ luân đắc ích môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến giản nhập bất nhập phân tế môn. Trong môn này lại có 2 ý. Những gì là hai? - Một là nhập thú ý; hai là bất nhập ý. Nói là nhập thú ý nghĩa là hoặc có chúng sanh đi sâu vào trong pháp, tâm chẳng ngại ngùng; hoặc có chúng sanh nghe pháp sâu xa, tâm này quyết định chẳng sanh chẳng tin; hoặc

có chúng sanh nghe pháp sâu xa liền tôn trọng, chẳng sanh phỉ báng; hoặc có chúng sanh không bị nghiệp chướng nặng; hoặc có chúng sanh không có tâm ngã mạn; hoặc có chúng sanh không có tâm giải đãi. Như thế sáu loại người nhập vào chủng tánh Phật, quyết định chẳng nghi. Đây gọi là nhập thú ý.

Nói rằng bất nhập ý, nghĩa là có chúng sanh sai khác với 6 việc này, suốt đời đoạn tuyệt với chủng tử của Tam Bảo; quyết định điều ấy chẳng nghi. Đây gọi là bất nhập ý. Như căn bản chỉ trừ nghi hoặc, chẳng tin, hủy báng, trọng tội nghiệp chướng, ngã mạn giải đãi như vậy người ấy chẳng thể vào được.

Đã nói lược qua về vấn đề quảng đáp tán thuyết môn rồi; bây giờ sẽ nói về tán thán Tam Muội thù thắng môn. Trong môn này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là thể đại vô biên, thù thắng môn; hai là quyền thuộc vô tận thù thắng môn. Đây gọi là hai.

Nói là thể đại vô biên thù thắng môn nghĩa là tu Tam Muội này thì thông đạt tất cả vô lượng các pháp Phật, đồng thể một tướng chẳng có sai biệt vậy. Như căn bản lại nữa nương vào Tam Muội này tức liền rõ biết pháp giới một tướng; nghĩa là tất cả pháp thân chư Phật và chúng sanh, thân bình đẳng không có hai; tức gọi là nhưt hành tam muội.

Nói là quyền thuộc vô tận thù thắng môn nghĩa là chơn như Tam Muội, hay vì tất cả vô lượng vô biên Kim Cang Tam Muội tạo tác đều căn bản chơn chánh, mà hay xuất sanh tăng trưởng vậy. Như căn bản sẽ rõ biết chơn như là Tam Muội căn bản. Nếu là người tu hành thì dần dần có thể sanh ra vô lượng Tam Muội.

Thích Ma Ha Diễn Luận Hết quyển 8

*Dịch xong quyển 8 này vào ngày 28 tháng 3 năm 2009
tại chùa Phật Ân Minnesota, Hoa Kỳ.*

Code: Kinh Van so 1668 / 9

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN Quyển 9

- Long Thọ Bồ Tát tạo luận.
- Diêu Tần Tam Tạng Phật Đề Ma Đa phụng chiếu dịch.
- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt vào ngày 2 tháng 4 năm 2009 tại Chùa Việt Nam St. Louis – Hoa Kỳ.

Đã nói qua về tu hành phương tiện thiện xảo môn rồi; bây giờ lần lượt nói về quảng thích ma sự đối trị môn.

Viết rằng: Hoặc có chúng sanh chẳng có căn lành, liền bị các ngoại ma quỷ thần của đạo khác làm mê hoặc não loạn. Từ nơi chỗ ngồi hiện hình khủng bố; hoặc hiện ra thân nam nữ với tướng đoan chánh; nên chỉ nhớ nghĩ về tâm thì cảnh giới liền diệt hết chẳng làm não hại; hoặc hiện ra tượng chư thiên, tượng Bồ Tát; hay tạo ra tượng Như Lai tướng tốt đầy đủ; hoặc nói Đà La Ni; hoặc nói bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ; hoặc nói bình đẳng, không, vô tướng, nguyện, vô oán, vô thân, không nhơn, không quả, cứu cánh không tịch; đó là chơn Niết Bàn; hoặc làm người trí, biết được các việc quá khứ. Lại rõ biết các việc vị lai, được tâm trí kia, biện tài vô ngại, hay làm cho chúng sanh tham trước thế gian về các việc danh lợi. Làm cho một số người, một số sân, tánh vui, vô thường hiển hiện; hoặc nhiều từ ái; ngủ nhiều thì bệnh nhiều. Tâm này lười biếng hoặc hay siêng năng. Sau liền biếng nhác, sanh ra chẳng tin, nhiều nghi nhiều lo. Hoặc xả thắng hạnh chính rồi liền tu tạp nghiệp; hoặc dính mắc vào thế sự bị các loại ràng buộc khác nhau. Lại hay làm cho người được các Tam Muội; một ít giống như ngoại đạo chỗ được, mà chẳng phải là chơn Tam Muội. Hoặc lại làm cho người trong một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày. Trụ trong định được tự nhiên đồ ăn thơm ngon. Thâm tâm sáng khoái, chẳng đói chẳng khát. Làm cho người ái trước; hoặc lại làm cho người, ăn không tính toán hoặc nhiều hay ít, nhan sắc biến đổi. Dùng nghĩa này mà hành giả thường nên dùng trí huệ để quan sát; chớ làm cho tâm này đọa vào chôn tà. Hay siêng chánh niệm, chẳng chấp chẳng trước, liền hay xa lìa các nghiệp chướng. Nên rõ biết ngoại đạo cũng có Tam Muội; nhưng chẳng hề lìa chỗ thấy, yêu và tâm ngã mạn, tham trước thế gian và danh lợi cung kính. Còn chơn như Tam Muội thì chẳng trụ nơi tướng thấy, chẳng trụ nơi tướng được; cho nên khi ra khỏi định chẳng có giải đãi và ngã mạn. Những phiền não dần dần biến mất. Nếu phạm phu chẳng huân tập pháp Tam Muội này để được vào chủng tánh của Như Lai thì chẳng có nơi nào cả; mà nếu tu thế gian thiện Tam Muội, thì khởi lên nhiều chỗ đấm trước, rồi nương vào chỗ thấy của ta, trói buộc lệ thuộc nơi Tam Giới cùng với ngoại đạo. Nếu lìa thiện tri thức hộ trì thì khởi lên chỗ thấy của ngoại đạo.

Luận rằng: Trong môn này lại có 2 môn. Những gì là hai? - Một là lược thuyết lược thị tổng trì môn; hai là quảng thuyết quảng thị tán bộ môn. Trong môn thứ nhất có 5 môn. Những gì là năm? - Một là chúng sanh thắng liệt bất đồng môn; hai là năng tác chướng ngại giả nhơn môn; ba là hiển thị sở tác nghiệp dụng môn; bốn là hiển thị đối trị hành pháp môn; năm là hiển thị nhơn trị chi lực đắc ích môn. Đây gọi là năm.

Nói là chúng sanh thắng liệt bất đồng môn nghĩa là hai chúng sanh mỗi mỗi chẳng giống nhau. Những gì là hai? - Một là nhơn duyên đầy đủ chúng sanh; hai là nhơn duyên khuyết thất chúng sanh. Đầy đủ chúng sanh nghĩa là đầy đủ năm việc. Khuyết thất chúng sanh nghĩa là thiếu thôn bốn việc. Những gì là 5 việc đầy đủ? - Một là niềm tin đầy đủ; hai là người đầy đủ, hay giúp đỡ giữ gìn; ba là pháp đầy đủ, hay lành thông đạt các việc chánh tà; bốn là thời cơ đầy đủ, tùy theo đó mà thích ứng; năm là tánh đầy đủ, có chơn tánh. Đây gọi là năm. Nếu có chúng sanh đầy đủ năm việc này, cuối cùng chẳng có chướng ngại.

Còn những gì là bốn sự thiếu sót? - Nghĩa là cùng với 4 phía trước có sai khác. Nếu có chúng sanh tuy có chơn tánh mà thiếu 4 việc này thì chung cuộc không lìa khỏi chướng được. Bây giờ trong câu văn này giữ lấy chỗ khuyết điểm nên rõ biết. Như căn bản hoặc có chúng sanh chẳng có căn lực lành.

Đã nói qua về chúng sanh thắng liệt bất đồng môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến năng tác chướng ngại giả nhơn môn. Tác chướng giả nhơn tuy có vô lượng; nhưng chẳng ra khỏi bốn. Những gì là bốn? - Một là ma; hai là ngoại đạo; ba là quỷ; bốn là thần. Đây gọi là bốn.

Gọi là ma nghĩa là trong 4 loại đại ma có 32.000 quyển thuộc ma chúng. Nói là ngoại đạo có 96 loại đại ngoại đạo và 93.000 quyển thuộc ngoại đạo. Nói là quỷ thì có 10 loại quỷ lớn và 51.302 loại quyển thuộc của quỷ. Nói là thần thì có 15 đại thần và 51.302 quyển thuộc của thần. Như vậy các loại tất cả đều nghi loạn chánh giáo, làm cho hướng tới phi đạo; nên gọi là tà đạo. Ma và ngoại đạo có danh nghĩa khác nhau, xuất hiện trong kinh, phân minh rõ ràng; chỉ lược nói chẳng giải thích. Quỷ và thần thì xuất hiện trong kinh không có rõ ràng, liền tạo tác giải thích cương yếu và lược nói có 10 loại quỷ. Tên của chúng là gì? - Một là Giá Tỳ Đa Đề quỷ; hai là Y Già La Thi quỷ; ba là Y Đề Già Đế quỷ; bốn là Bà Na Kiên Đa quỷ; năm là Nhĩ La Nhi Lê Đề quỷ; sáu là Ban Ni Đà quỷ; bảy là A A Di quỷ; tám là Xà Khư Bà Ni quỷ; chín là Đa A Đa Y quỷ; mười là Xuy Dương quỷ. Đây là mười.

Như vậy 10 quỷ ấy dụng những điều gì?

Như quỷ thứ nhất hoặc tạo ra cảnh ban ngày, hoặc tạo cảnh ban đêm; hoặc tạo ra mặt trời mặt trăng và cảnh tinh tú; hoặc tạo ra được cảnh thời tiết, tùy theo đó mà biến chuyển.

Quỷ thứ hai tạo những hương vị và những y phục, nhiều loại thảo mộc, cảnh tùy theo đó mà biến chuyển.

Quỷ thứ ba tạo nên đất, nước, lửa, gió. Cảnh giới tùy theo đó mà biến chuyển.

Quỷ thứ tư tạo ra cảnh bay đi, tùy theo đó mà vô ngại.

Quỷ thứ năm tạo các căn thức và cảnh bế khai, tùy theo đó mà nên vô ngại.

Quỷ thứ sáu tạo nên lục thân quyền thuộc, lại có lại không, tùy theo đó mà vô ngại.

Quỷ thứ bảy tạo nên cảnh già trẻ, tùy theo đó mà vô ngại.

Quỷ thứ tám tạo nên cảnh của trí và vô trí; tùy theo đó mà vô ngại.

Quỷ thứ chín tạo nên nhiều cảnh giới, tùy theo đó mà vô ngại.

Quỷ thứ mười tạo nên cảnh giới của kiến, rồng, sư tử và nhiều loại âm thanh khác nhau; tùy theo đó mà vô ngại.

Đây gọi là dụng. Đây là những điều dụng mà mỗi mỗi cái nhưn ấy gồm lược gì để được thành tựu. Mỗi mỗi nhưn gồm 3 việc mà được thành tựu. Những gì là ba? - Một là Thầy; hai là dạy; ba là học tập. Thầy đây có nghĩa là Thầy dạy; dạy đây có nghĩa là chỗ học; học tập có nghĩa là huân tập học hỏi. Đây gọi là ba.

Như vậy là 10 quỷ thường ở trong mọi lúc chẳng hề rời bỏ. Hay hành hay chuyển, tạo nên việc chướng ngại, dùng tên để gọi là từ sự tăng trưởng kiến lập như phần gọi nơi đệ nhất.

Còn tên của 15 thần ấy gọi là gì?

Một là Phiệt La La Kiên Đa Đề thần.

Hai là A Chi Đà Di Lê Ni thần.

Ba là Bồ Đa Đế Đà Ha Ha Sa thần.

Bốn là Xà Tỳ Ma Chi Ni thần.

Năm là Na Đa Sa Xà thần.

Sáu là Đa Đa Đa Đa Địa Địa thần.

Bảy là A Lý Ma La thần.

Tám là Thi Xoa Ni Đế Sa Yết Na thần.

Chín là Bang Di Đà La Ô Đa Đề thần.

Mười là Án Án Ngân Ngân thần.

Mười một là A A Ha Đế thần.

Mười hai là Tu Lê Di Ni thần.

Mười ba là Đầu Đầu Nguru Đầu thần.

Mười bốn là Sa Ô thần.

Mười lăm là Tinh Mi thần.

Đây gọi là 15.

Mười lăm vị thần này mỗi mỗi dùng những gì?

Vị thần thứ nhất tạo ra cảnh giới thông minh.

Vị thần thứ hai tạo ra cảnh giới ám độn.
Vị thần thứ ba tạo ra cảnh giới vui có ánh sáng.
Vị thần thứ tư tạo ra cảnh giới vui, không có ánh sáng.
Vị thần thứ năm tạo ra cảnh giới trôi nổi tán loạn.
Vị thần thứ sáu tạo ra cảnh giới chuyên chú.
Vị thần thứ bảy tạo ra cảnh giới ác, không thiện.
Vị thần thứ tám tạo ra cảnh giới tất cả những bậc hiểu biết.
Vị thần thứ chín tạo ra cảnh giới ta thì giác mà kẻ khác thì mê.
Vị thần thứ mười tạo ra cảnh giới đầy đủ chẳng tu hành.
Vị thần thứ mười một tạo nên cảnh giới không không.
Vị thần thứ mười hai tạo nên cảnh giới mau tới, lui.
Vị thần thứ mười ba tạo ra cảnh giới di chuyển.
Vị thần thứ mười bốn tạo ra cảnh giới kiên cố.
Vị thần thứ mười lăm tạo ra cảnh giới theo thời gian.

Đây là 15 Đại Thần Vương ở tất cả mọi nơi, mọi lúc chẳng rời bỏ. Hay hành hay chuyển mà tạo ra việc ngại, não loạn cho hành giả.

Quý và ngoại đạo khác nhau những điểm gì? – Nói là quý nghĩa là làm những việc ác. Nói là ngoại đạo là làm cho xả bỏ việc lành; hai loại sai biệt nên như thế thì rõ biết. Quý cùng với Thần có những khác biệt gì? - Chướng thân thì làm quý mà chướng tâm thì làm thần. Hai loại khác biệt như thế nên rõ biết. Như vậy 4 chướng ấy lấy gì để trị? Trong này sự đối trị có 4 loại. Những gì là bốn? - Một là tùy thuận tùy chuyển đối trị; hai là tương nghịch tương vi đối trị; ba là cụ hành đối trị; bốn là cụ phi đối trị. Nói tùy thuận tùy chuyển đối trị tức là vô ngại tự tại đối trị. Nghĩa là người kia làm việc với tâm loạn và việc làm loạn ấy tạo nên sự nhớ nghĩ từ vô thi đến nay việc này như thế cuối cùng chẳng bị phá hoại. Vì sao vậy? Như những việc thấy ấy cái gốc có sự hiểu biết, tự mỗi người có thật đức. Chẳng phải việc sai trái vậy. Nếu giải rõ việc này ra thì các loại tà kiến phục tùng và như hóa hiện. Vì sao thế? – Tùy theo chỗ thấy tăng giảm, tánh vô lậu, đức lại có lớn nhỏ. Đây gọi là tùy thuận tùy chuyển đối trị.

Nói là tương nghịch tương vi đối trị nghĩa là gián trạch biệt tướng đối trị. Nghĩa là nếu người khác làm những việc loạn tâm thì người làm loạn ấy phải cầu phương tiện, nghịch hướng di chuyển sai khác, tương phản với tướng sai, làm cho đơn giản hơn. Đây gọi là tương nghịch tương vi đối trị.

Nói là cụ hành đối trị tức là cụ túc chuyển đối trị. Nghĩa là một lúc đầy đủ nghịch thuận hai loại, chẳng lìa sự chuyển đổi vậy. Đây gọi là cụ hành đối trị tướng.

Nói là cụ phi đối trị nghĩa là vô niệm vô y đối trị. Nghĩa là tất cả pháp không có chỗ nhớ nghĩ; không có chỗ suy tư; không có chỗ đấm trước; không có chỗ cầu; tâm này tịch tịnh, trụ chỗ vô trụ. Đây gọi là cụ phi đối trị tướng.

Như vậy trị tướng đối với câu văn sau nói tướng ấy rõ ràng hơn. Trong sự quyết trạch này đã nói lược đi rồi. Như căn bản tức vì các ma, ngoại đạo, quý thần làm chỗ mê loạn vậy.

Đã nói qua về tác chướng ngại giả như môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến hiển thị sở tác nghiệp dụng môn. Trong môn này lại có hai môn. Những gì là hai? - Một là tổng tướng sở tác nghiệp dụng môn; hai là thông đạt đối trị hành pháp môn. Đệ nhất môn này tướng ấy như thế nào? – Nghĩa là như trên đã nói về tất cả những loại tà; hiện nên hình ảnh của lục đạo, loạn tâm hành giả, nay sẽ giải thích rõ ràng nói rộng ra. Nếu quý hay thần đa phần tạo tác nên địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La bốn đường làm loạn tâm hành giả. Như căn bản nếu đối với chỗ ngồi hiện hình khủng bố; hoặc ma đa phần tạo tác ra thiên đạo, làm loạn tâm hành giả. Như căn bản hoặc hiện ra đọa chánh; hoặc chúng ngoại đạo đa phần tạo tác ra như đạo làm

loạn tâm hành giả. Như căn bản về nam nữ vậy. Nói là đẳng tướng tức là đồng tướng. Nghĩa là tạo tác đồng phạm, nương vào chánh, làm loạn tâm hành giả.

Đã nói qua về tổng tướng sở tác nghiệp dụng môn rồi; bây giờ lần lượt nói về thông đạt đối trị hành pháp môn. Nghĩa là có chúng sanh quán như thế này: tất cả các pháp chỉ có một tâm lượng, không có tâm nào ngoài pháp, đã không ở ngoài pháp rồi há một tâm pháp cùng với một tâm pháp tạo ra việc chướng ngại sao? Lại một tâm pháp cùng với một tâm pháp tạo ra sự giải thoát, chẳng có chướng ngại, chẳng có giải thoát. Một tâm pháp và một ấy tức là tâm và tâm ấy tức là một. Chẳng phải một khác với tâm và không có tâm khác với một. Một ấy là nhiếp pháp giới và tâm ấy cũng nhiếp lấy pháp giới; vô lượng vô biên vọng tưởng cảnh giới; tịch tịnh không khởi, trong ấy lia tướng, tất cả các pháp đều bình đẳng; một vị, một tướng vô tướng, tạo ra tất cả quang minh. Tâm địa như biển, gió và gió ấy vĩnh viễn dừng lại sóng và sóng ấy hết trụ. Đây gọi là thông đạt đối trị tướng. Vì sao vậy? – Vì tất cả các hành giả nếu chẳng quy về đối trị môn thì không thể đối kháng lại với tà đạo hàng phục chấp trước khoa trương. Như căn bản nên nhớ chỉ có tâm cảnh giới khi diệt hết rồi thì chẳng bị nhiễu hại.

Đã nói qua về thông đạt đối trị hành pháp môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến biệt tướng sở tác nghiệp dụng môn. Trong môn này lại có 8 môn. Những gì là tám? - Một là xuất hiện nhơn tướng lệnh tín môn; hai là xuất hiện ngôn thuyết loạn thức môn; ba là đắc tam thể trí hoặc nhơn môn; bốn là bất ly thể gian triền phược môn; năm là tâm tánh vô thường sanh loạn môn; sáu là lệnh đắc tà định phi chơn môn; bảy là khuyến thỉnh hành giả ly tà môn; tám là giản trách chơn nguyện lệnh liễu môn. Đây gọi là tám.

Căn cứ theo đây lần lượt sẽ nói và quán tương ứng. Trong phần thứ nhứt lại có 3 loại người. Những gì là ba? - Một là thiên nhơn; hai là Bồ Tát nhơn; ba là Như Lai nhơn. Đây gọi là ba. Hoặc vì người ngoại đạo tạo nên 3 hình tượng; mỗi mỗi dùng đến môn nào? Những gì là sáu? - Một là tạo tượng môn; hai là đảo ký môn; ba là thần chú môn; bốn là tụng kinh môn; năm là A Hồ môn; sáu là khuyến thỉnh môn. Đây gọi là sáu.

Nói là tạo tượng môn thì tùy theo dùng người nào để làm tượng ở đâu? tạo tượng người này. Nói là đảo ký môn là đủ loại âm thực, đủ loại thân mệnh chúng sanh tạo ra việc này. Nói là thần chú môn là tùy theo nơi chốn tụng Đà La Ni. Nói là tụng kinh môn nghĩa là đọc tụng Bát Đa La và các kinh v.v... Nói là A Hồ môn là tùy theo việc làm, chẳng dư lời nói. Chỉ làm và nói A Hồ A. Nói là khuyến thỉnh môn là hướng đến chính Thế Tôn và khuyến thỉnh thần lực. Nói là tạo tượng thì tượng này như thế nào? Có phải tạo tượng chư thiên thì phải như thế nào? Nghĩa là đầu, mặt, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tay, chân ở chín nơi này mỗi mỗi đều đọc tụng 18.000 biến Đà La Ni chú, thành lập nơi này. Nghĩa là vì trong lúc tạo mắt của tượng thì liền tụng chú này:

Giá A Na Thi Đế, Phạt Ô Đa A Xác Sa A Xác Xoa Sa Đế Bạt Đào Đế Đa Đà Đà Na, Thi Sa Thi Xoa Na Ô Đà Ô Đế Thi La La La La La La La La La. Nãi Nãi Nãi Nãi Nãi Nãi Nãi Nãi Nãi, Phạt Đa Phạt Đa Đế Khu Chỉ La Già Kết Na La La Khư Chỉ Na Giá Thi Ha Ha Đế Gia Gia Gia Gia Giá Phạt Thi, Tỳ Kiền Tỳ Kiền Thi, Na Xoa Bà Bà Bà.

Kiên Phạt Đế A Đa Na Thi, A Đa Na Thi, Phạt Đa Na Thi, Phạt Đa Na Thi, Ha Sa Ha Ý Đa Lê Lê Bà Lê Đế, Giá Giá Giá Giá Giá, Y Y Y Y Y, Đa Đa Đa Đa Đa. Thi Thi Thi Thi, Xác Xác Xác Xác Thi, Hàm Hàm Hàm Hàm Đế Đế Đế Đế Na Thi Na A Y A Y Phạt A Đế Bạt Đa Đề Đa Đa Phạt Đa Đề Sa Bà Ha Ha Ha.

Nếu tụng thần chú này 18.000 biến rồi thì ảnh tượng của mắt thanh tịnh đầy đủ, con người chuyển động trở nên sáng suốt rõ ràng.

Nếu vì tạo tác hình tượng lỗi tai thì nên niệm chú như thế này:

Án Ma Sa Chĩ Y Na, Án Ma Sa Chĩ Y Đa, Phạt Đà Đà Đê Ô A Ô A Na Yết La, Yết Na Na Na La La Na La, A A A A A A A A A A, Kha Kha Kha Kha Kha Kha Kha Kha Kha Kha Kha, Giá Giá Giá Giá Giá Giá Giá Giá Giá.

Đà Đà Đà Đà Đà Đà Đà Đà Đà, Chĩ Chĩ Chĩ Chĩ Chĩ Chĩ Chĩ Chĩ Chĩ, Đê Đê Đê Đê Đê Đê Đê, Na Na Na Na Na Na Na, Lê Lê Lê Lê Lê Lê Lê Lê Lê, Đà Giạ Đà Na Giạ Đà Đà Giạ Ô Đa Đê Ô Đa Đê, Phạt Đà Ô Đa Đê, Tỳ Lê Sa Ma A An Đà, Bà Yết Na, Na Na Thi Sa Bà Ha A A.

Nếu tụng chú này 18.000 biến rồi tức tượng của lỗ tai thanh tịnh đầy đủ, khai động lý chuyển, liền chuyển đổi rõ hơn.

Nếu vì tạo tác cho lỗ mũi thì nên tụng chú như thế này:

Bà Chĩ La La Đê, A Ma Di Đà Xác Nham Bà A Thi Đê Chĩ Ô Yết Na Thi, Hồ Hồ Hồ Hồ Kha Kha Tỳ Giá Kiền Na Thi Đê Số Ma, Ma Thi Ma La Ô Già Na, Tát Bà Đê Lê Đê, Ô Đà Ni, Yết Đản Đa Đà Tỳ Thi Na, Giá Kha Di Đê A A A Hồ, Na La Na La Thi Chĩ A Di Lê Bà, Xoa Xoa Xoa Xoa Xoa Xoa Xoa Xoa Xoa Xoa, Bà Xoa A Đà Đa Y Na, Tư Tư Tư Tư Tư Tư Tư Tư Tư Tư Tư, Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền Kiền, A Kha Bà Bà, Bà Bà A Kha, Ha Chĩ Dạ Ma Chĩ Dạ Đà Chĩ Dạ A Thi Đê, Kiền Bà Lê Xà Xà Xà Xà, Di Di Di Di Bà Phạt Thi, Thổ Thổ Sa Bà Ha A Kha.

Nếu tụng chú này 18.000 biến rồi thì mũi ấy thanh tịnh đầy đủ. Tùy theo sự chuyển động mà biến đổi tốt hơn.

Nếu tạo tác tượng của lưỡi, thì nên đọc chú này:

A Ma A Y Giạ, Khur Na Thi, Đê Đê Phạt Đa Đê, A Chĩ Sa Đa Đa Ma Đà Đa, A La Đê Na Ô Bà Na Ô Na Ô Thi Ô Ô, Chĩ Phạt Y Đản Đê, A Chĩ A Cu Ni Tỳ Xà Ô Chĩ Na, Két Két Két Két Na Xá Đê Ô Xá Đê A Đa Chĩ, Bàn Đa Chĩ, Thi Kha Giạ, Ma Xà A Đa Đê Yết Na Kha, Bà Na Kha, Ô Thi Đê, Ca Tỳ Đê Na A Chĩ Đà, Ma Na Thi Ma Na Thi, Xà Chĩ Xà Chĩ, Tỳ Xà Chĩ, Sa Bà Ha A Kha.

Nếu tụng chú này 18.000 biến thì lưỡi sẽ thanh tịnh đầy đủ. Liền tụng chú rằng:

Khur A Y Đê Ca Y Ca Y, Bà Bà Tỳ Bà Bà Bà Bà Bà Bà Đê Xá Ô Ma Xá Ô, Phạt Đa A Phạt Đà Bà Yết Na, Ha Y Ha Y Ha Ha Ha Ha Y, Tát Ô Đê Ma Na Thi, Bộ Đê Đa Khur Chĩ Nhĩ Ô Đê, Thông Thông Bà Thông Thông, A Mạn Ni Bà Bà A Mạn Ni, Xà Ha Ma Xà Ha Bà Đê, Yết Na Thi Yết Na Thi, A Di Đê A Di La Bà Bà, A Ha A Kha A Ha Kha.

Nếu tụng chú này 18.000 biến thì thân sẽ thanh tịnh đầy đủ, làm cho mặt thay đổi.

Nếu muốn tạo tác tay thì nên tụng chú này:

Án Ma Ô Giạ Đê, A Giạ A Mạn Đa, Ô Na Bà Đê Tỳ Na Thi Xá Chuyển Bà, Ca La Di Ô, Ha Đà Tố Thi, Ma Di Thi Di Thi, Di Thi Di Thi, Chĩ Tát Đê, Bà Tỳ Ma. A Tỳ Ma, Ha Kiền Phạt Đê, Ô Đa Na Bà Đà Na Bà Bà A Ha A Kha.

Nếu tụng chú này 18.000 biến thì tay sẽ thanh tịnh đầy đủ. Ngón tròn và móng dài.

Nếu vì tạo tác chân thì nên tụng chú này:

Kha Y Giạ, Ma Y Giạ, Yết La Đê, Bà La Đê, Kiền Na Kiền Na Cru Ma Cru Đê, Cru Ma Phạt Đê, A Chĩ Sa A Chĩ Bà, Kha Na Kha Na Sa Bà Ha, A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 18.000 biến xong thì chân liền thanh tịnh đầy đủ. Ngón chân tròn đầy và đầy móng chân.

Nếu vì muốn tạo tác đầu và mặt thì cứ lần lượt như thế, hai thần chú đầu, lấy đầu làm cuối, lấy cuối làm đầu. Ngược lại lần lượt tụng 18.000 biến thì đầu mặt thanh tịnh đầy đủ. Tướng tốt đẹp đẽ. Nếu các loại căn tạo tác xong rồi liền tụng tu luân chú làm cho tâm thức kèm vào. Đó là phiêu Yết Na La Tự Luân và đọc chú này:

Đã nói qua về A Hồ Môn rồi; bây giờ lần lượt nói về khuyến thỉnh môn. Lấy nghĩa gì để lập nên môn này? – Vì tạo nên lễ vậy. Nghĩa này như thế nào? – Vì có chỗ ngưỡng vọng những người bên trên; nên liền khuyến thỉnh, dùng nghĩa này để lập nên khuyến thỉnh môn.

Đã nói qua về tạo tác thiên tượng sai biệt môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tạo tác Bồ Tát hình tướng môn. Trong khi nói môn này lại đầy đủ có sáu môn. Rồi thông suốt và biệt sai biệt mà qua. Thông đây có nghĩa là kỳ đảo môn, thần chú môn, A Hồ môn, khuyến thỉnh môn. Biệt đây nghĩa là tạo tượng môn, độc kinh môn. Trong 2 biệt tướng ấy, đầu tiên là tạo tượng môn. Tướng này như thế nào? – Nghĩa là như trước đã nói. Trong chín nơi, mỗi mỗi nơi tụng Đà La Ni thần chú. Mỗi mỗi tướng ấy như thế nào? - Nếu muốn tạo tác đầu tượng thì tụng chú này:

Đa Đa Đa Đa A Đa Đa Đa Đế Bà Bà Bà Bà Y Bà Bà Sa Đế Xoa Bà Xoa Bà Di, La Đế A A A A A A A Ma Kha Đế Sa Bà Ha. A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 8.450 biến rồi thì đầu tượng đầy đủ thành lập.

Nếu muốn tạo tác mặt của tượng thì liền tụng chú này:

Thi Na Ô Bà Đế, Kha Kha Kha Kha, Y Y Y Y, Ma Khur Giạ, Cru Đà Thi Đà Đế, Ma Kha A Ma Tất Ô Đế Sa Bà Ha, A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 3.700 biến rồi thì mặt của tượng liền được thành lập đầy đủ.

Nếu vì tạo tác mắt của tượng thì liền tụng chú này:

Đà Phạt Thi Na Ma Ni Khu Sa Đản Di Đế Giá Xà Đa Tỳ Tọa Lê A Ma Thi Đà Ma Thi Đà Ni Ca Na Ca Gia Tăng Khur Ha, Sa Ni Bà Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 8.450 biến rồi thì mắt của tượng liền đầy đủ được thành lập.

Nếu vì tạo tác tai của tượng thì nên tụng thần chú này:

A Ma Ma Y Ma Ma Bà Ma Ma Đa Ma Ma Kiền Cru Đề Ca Cru Đế. Tỳ Na Thi Ca Ca Ca Ca Ca Bà Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu tụng chú này 61.000 biến rồi thì tai của tượng được thành lập đầy đủ.

Nếu muốn tạo lỗ mũi của tượng thì phải tụng chú này:

Bà Bà Bà Bà Tỳ Bà Bà Sa Đế Kiền Na Thi Sa Bà Ha A A Ha A.

Nếu tụng chú này 10.800 biến rồi thì lỗ mũi của tượng đầy đủ thành lập.

Nếu vì muốn tạo tác lưỡi của tượng thì liền tụng chú này:

Ngận Đế Ngận Đế A Đế A Đế Na Đà Na Đà Ô Đề Ô Đề Sa Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 57.000 biến rồi thì lưỡi của tượng liền thành lập đầy đủ.

Nếu vì muốn tạo tác thân tượng thì liền tụng chú này:

Nê Tỳ Đề, Nê Tỳ Đề Đa Đa, Nê Tỳ Đề, Na La Thi Đế Sa Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 104.000 biến rồi thì thân tượng được thành lập đầy đủ.

Nếu muốn tạo nên tay của tượng thì liền tụng chú này:

Đa Đề Đa Đề, Nam Đế Nam Đế, Thi Đà Thi Đà, Na Di Na Di Sa Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 81.000 biến rồi thì tay của tượng đầy đủ được thành lập.

Muốn tạo tác chân của tượng thì liền tụng chú này:

Đa Chi Đà, Đa Chi Đà, Khur Chỉ La Ma Khur Ni Đà Nam Thi La La La La Sa Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu tụng thần chú này 32.100 biến rồi thì chân của tượng đầy đủ được thành lập.

Tạo tác các căn rồi liên tu luân chú, làm cho tâm thức phụ vào. Nghĩa là nơi ấy phải đọc chú Phiêu Yết Na La Tự Luân như sau:

Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội Nội, Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa Ngõa, Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn Sơn, Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt Tốt, Sa Bà Ha A A Ha Kha.

Nếu đọc tụng thần chú này 23.000 biến rồi thì tâm thức liền đầy đủ, chẳng có chỗ nào thiếu.

Đã nói qua về tạo tượng môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến tụng kinh môn. Tướng này gồm những gì? – Nghĩa là tụng Tỳ Xá Già Ni Kinh, A Khư Đa Đà Kinh, Ưu Bà La Nhứt Thi Kinh, Xoa Đề Khư La Kinh v.v...

Đã nói qua về tạo tác hình tượng Bồ Tát tướng môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến tạo tác Như Lai hình tượng tướng môn. Trong môn này lại có 6 môn. Đó là thông và biệt chẳng giống nhau. Biệt nghĩa là tạo tượng môn; thông nghĩa là sở dư ngũ môn. Tạo tượng môn tướng ấy như thế nào? - Nghĩa là như trước đã nói. Ở trong 9 chú lần lượt mỗi mỗi thêm một câu. Nếu phụ vào tâm chú thì mỗi mỗi riêng biệt mà chỗ câu thêm vào, tướng ấy như thế nào? - Chú rằng:

Na Na A Na La Bà Bà Di Đa Đê Cru Xà Đà Ni Ma Kha Thi Tha Giá Sa Xà Ni Chi Đà Đê Mạn Đa Đê Tất Ô Đề Đà Đà Đê Xoa Bà Ni.

Tướng của chú phụ vào tâm, tướng này như thế nào? Chú ấy nói:

U U U U U U U U U U U U U U U U, Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi Nhi, Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ Lệ, Phong Phong Phong Phong Phong Phong Phong Phong Phong Phong Phong.

Nếu tụng thần chú này 18.000 biến rồi thì tâm thức đầy đủ chẳng thiếu.

Đã nói qua về sở trị rồi; bây giờ sẽ lần lượt nói về chỗ năng trị. Nếu thanh diệu Thiên Tử và tượng Thiên Nữ lại đến với hành giả. Tà chánh sai biệt như thế nào phải nên rõ biết. Điều nghi này là chỗ nào? – Do tạp loạn vậy. Nghĩa này ra sao? – Nghĩa là trong khế kinh vô lượng quang minh nói như thế này: Nếu kẻ tu hành tâm này thanh tịnh vô lượng vô biên các Thiên Tử, vô lượng vô biên các Thiên Nữ, mưa đủ loại hoa quý, đốt đủ loại hương thơm, xuất hiện đủ loại kỹ nhạc vi diệu, khai mở đủ loại đồ đặc thắng diệu trang nghiêm. Những niềm vui, đẹp mang đến cúng dường cho hành giả. Vì sao vậy? – Vì trọng pháp vậy. Kẻ ngoại đạo kia cũng tạo tượng chư thiên, đến chỗ nơi hành giả, như trước chẳng khác. Ở đây tà chánh sai biệt thật khó rõ biết. Giải thích điều nghi này tức có 6 môn. Những gì là sáu? - Một là chú tri căn hoại bất hoại môn; hai là nghiêm cụ viên châu hữu vô môn; ba là thân quang nhân nhập bất nhập môn; bốn là tóc đầu mặt kết bất kết môn; năm là song bối vô sở thủ trước môn; sáu là cụ thủ nhiếp bất trừ di môn. Đây gọi là sáu.

Nói là chú tri căn hoại bất hoại môn nghĩa là tụng đối trị Đà La Ni chú. Nếu là chơn thật thiên thì chẳng hoại căn này. Nếu là hư ngụy thiên thì các căn hoại mất, đều chẳng tồn tại. Đây là sự khác biệt.

Tụng chú hình tướng thì hình tướng này như thế nào? Đây có 2 ý. Những gì là hai? - Một là tụng ngoại chú; hai là tụng nội chú. Lúc tụng ngoại chú, nếu là chơn thật thiên thì chẳng tăng giảm khác đi. Nếu là hư ngụy thiên thì các căn tướng giảm dần dự tăng trưởng. Tụng thần chú tướng này lần lượt chẳng quá số lượng. Tụng như thế. Đây là sự khác biệt.

Nói là nội chú thì tướng ấy như thế nào? – Nghĩa là chỉ cho chú về mắt; liền tụng chú rằng:

Niết Chỉ Đa Ma Khur Cưu Thi Đế Ca Na Tùy Chỉ Đế Di Đa Ni, Tư Ô Bà, Tát Đà Ni, Bà Niết Xà Tỳ, A Na Đế A Chỉ Ni, A Chỉ Ni, Đà Đà Đế Bà Bà Khur Đế, Ma Kha Bà Bà Ha Đế Bà Bà Kha.

Nếu đọc thần chú này 37 biến thì nhãn căn đã mất đi đều chẳng còn; ngoài nơi ấy ra mỗi mỗi đều có thần chú; nhưng không cần yếu nên lược bớt đi chẳng giải thích.

Đã nói qua về chú rõ biết các căn bị hoại và bất hoại môn; bây giờ lần lượt nói về nghiêm cụ viên châu hữu vô môn. Tướng này như thế nào? – Nghĩa là nếu chân thật thiên thì trong sự trang nghiêm này có 10 viên châu. Nếu là hư ngụy thiên thì trong sự trang nghiêm này không có châu này, mà khác hẳn ra.

Đã nói về nghiêm cụ viên châu hữu vô môn rồi; bây giờ lần lượt nói về thân quang nhãn nhập bất nhập môn. Tướng này như thế nào? – Nghĩa là chỉ có hành giả kia khi khép mắt lại; nếu là chơn thật thiên thì thân này ánh sáng sẽ nhập vào trong mắt; nếu là hư ngụy thiên thì chẳng nhập vào trong mắt. Đây là sự khác biệt.

Đã nói về thân quang nhãn nhập bất nhập môn rồi; bây giờ lần lượt nói về đầu phác mạc kết bất kết môn. Tướng này như thế nào? – Nghĩa là thấy tướng của tóc. Nếu là chơn thật thiên thì lưỡng mạc tướng kia kết lại; nếu là hư ngụy thiên thì lưỡng mạc hồ giải.

Đã nói qua về đầu phác mạc kết bất kết môn rồi; bây giờ lần lượt nói về song bối vô sở thủ trước môn. Tướng này như thế nào? – Nghĩa là quán chơn thật thiên hay hư ngụy thiên; chỉ do tự vọng tâm mà hiện lên cảnh giới chứ chẳng có cái thật và chẳng có chỗ chấp trước. Đây được gọi là trị.

Đã nói qua về song bối vô sở thủ trước môn rồi; bây giờ lần lượt nói về cụ thủ nhiếp bất trừ di ngôn. Tướng này như thế nào? – Nghĩa là quán chơn thật thiên hay hư ngụy thiên. Tất cả một chân như, tất cả một pháp thân, chẳng có sai biệt, chẳng có đoạn trừ. Đây được gọi là trị.

Đã nói qua về đối trị thiên tượng trừ di môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến đối trị Bồ Tát hình tượng môn. Trong môn này lại có 2 môn. Thế nào là hai? - Một là tụng chú liễu tri tà chánh môn và hai là trí tuệ quan sát vô trước môn.

Nói tụng chú môn thì tướng ấy ra sao? – Nghĩa là có tâm chú tức là tụng chú như thế này:

Đản A Đa Na Tỳ Đế, Ma Cưu Đề Bà, Thi Bà Bà Ni, Tư Tát Đề, Xà Na Na Thi Ô Ma, A Chỉ Đà A Chỉ Đà Sa Bà Kha.

Nếu thần chú này tụng 810 biến rồi thì Bồ Tát kia chẳng hề lay động giống như cây đá. Đây gọi là trị. Tất cả các căn và trang nghiêm đầy đủ. Mỗi mỗi đều có thần chú và nhiều loại môn, chẳng cần yếu; nên lược bớt chẳng nói thêm.

Đã nói qua về tụng chú liễu tri tà chánh môn rồi; bây giờ lần lượt nói về trí huệ quan sát vô hữu môn. Tướng này như thế nào – Nghĩa là dùng trí huệ quan sát các pháp không, vô tướng, không có sự chấp trước.

Đã nói qua về đối trị Bồ Tát hình tượng môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến đối trị Như Lai hình tượng môn. Tướng này như thế nào? - Trong tướng này lại có 2 môn. Tên gọi như trước đã nói. Nói là thần chú môn, tướng này như thế nào? – Nghĩa là chú ấy sáng sủa; liền tụng chú rằng:

Đa Chí, Đản Án Na La Đế, Lịnh Chỉ La, Thi Đà Ni Xà Kiền Ni Bà Kiền Ni Ma Na Gia, Ô Bà Đế, Xà Ma La Bà Bà Kha.

Nếu tụng thần chú này 400 biến và nếu thật là Như Lai thì thân này ánh sáng ấy chẳng tổn giảm. Nếu là ngụy Như Lai thì thân này ánh sáng liền bị tổn giảm tạo nên màu u ám. Đây là điều khác biệt.

Trong môn thứ 2 kia quán như đã nói ở trước, nên quan sát và suy nghĩ. Nghĩa là nếu có người ngoại đạo tạo tác tất cả những loại khác đến nơi hành giả, làm tâm hành giả bị não loạn thì lúc bấy giờ tụng chú này bao nhiêu biến? – Nghĩa là có thần chú thì sẽ qua chỗ không sai biệt. Bởi vì Như Lai tổng trì pháp tạng như duyên khế kinh nói thần chú Đại Đà La Ni. Trong khế kinh kia đã nói những gì? – Nghĩa là trong kinh kia nói như thế này: Lúc ấy Ngài Văn Thù Sư Lợi liền bạch Phật rằng: Kính bạch Đức Thế Tôn! Tất cả các loại tà đạo đến nơi hành giả và làm não loạn tâm hành giả thì nên tu môn gì để trừ đi?

Lúc ấy Đức Như Lai liền bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Có nhiều pháp môn sâu xa hay lành trị được tất cả những tà đạo. Nghĩa là chư Phật vô tận tạng, vô ngại tự tại ẩn Đà La Vông, tùy thuận tùy chuyển tổng trì Đại Đà La Ni Pháp Môn. Văn Thù Sư Lợi! Hãy lắng tai nghe hãy lành nhớ nghĩ! Ta sẽ vì các người mà phân biệt giải nói. Này Văn Thù Sư Lợi! Nói là thông đạt vô ngại tự tại tổng trì Đại Đà La Ni Pháp Môn nghĩa là 10 phương 3 đời tất cả chư Phật hộ niệm bảo tạng. Mười phương 3 đời tất cả Bồ Tát thường hay tụng trì Thần Chú này và 10 phương 3 đời tất cả Thần Vương và tất cả trời người đều lễ bái cúng dường, phước điền rộng lớn. Đối trước Đức Thế Tôn liền tụng chú rằng:

Hăng Chí Tha, Na La Thi, Già Nặc Ô Đế Giá Mạn Đa, Sa Tỳ Đê A Kha Kha Di Đà Ni, Bà Già Bà Thi, Đê Đà Đà Ô Ma Lệ Xà Na Phạt Ni Đê, Già Hăng Ni Sa Già Đa, Cưu Chí Na Bà Đê Bà Kha Ma, Y Bà Đa Ni, Tỳ Xá Ha, Ô Khư Đa Đà Ni Tỉ Tập Đê, Xoa A Già, Kiên Na Thi, Bà Bà Kha.

Nếu tụng thần chú này 8.751 biến rồi thì tùy theo nơi mà tất cả các loại tà đều rút khỏi; chẳng thể não loạn. Như căn bản hoặc hiện thiên tượng, Bồ Tát tượng, hoặc tạo tượng của Như Lai tướng hảo đầy đủ.

Đã nói về xuất hiện như tướng lĩnh tín môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến xuất hiện ngôn thuyết loạn thức môn. Trong môn này lại có 3 môn. Những gì là ba? - Một là Đà La Ni môn; hai là tu hành như môn; ba là quả mãn đức môn. Đây gọi là ba.

Như vậy 3 cách nói, mỗi mỗi do người nào nói? – Đó là Thiên tượng đa thuyết Đà La Ni. Bồ Tát tượng đa thuyết hành như. Như Lai tượng đa thuyết quả đức. Vì sao vậy? - Mỗi thuyết tự được hành giả tin. Nói là Đà La Ni thì có tướng như thế nào? – Đó là nói về ánh sáng liên tục Đà la ni. Cho nên khi tụng chú này thì sẽ được lợi ích gì? – Nghĩa là nếu tụng chú này thì tự thân ánh sáng liên tục đến thân kia. Cho nên thiên tượng khi đến kẻ tu hành kia thì nói Đà La Ni Môn này. Khi nói rồi thì hành giả kia, xưa không có ánh sáng thì bây giờ sẽ có ánh sáng. Thật là vui; cho nên suy nghĩ như thế này: Ta nhờ lực tu hành mà nay mới được ánh sáng thù thắng như thế. Còn loạn tự chánh hành thì nhập vào lưới tà bên ngoài. Đây chính là nghĩa ấy. Thiên tượng kia nói Đà La Ni Môn và liền đọc chú rằng:

A Nậu Đa Ma Ma A Bà Thi, Na Khư Gia, Ô Bà Sa Ni Đê Khư Gia, A Kha Di Già Đê, Đản Đa Bà Thi Ka, Phạt Ma Cưu Phạt Đê Ca Ma Lợi, Di Xoa Di Đản Ni Đà Già Đa Đà Ni, Sa Bà Kha Di Bà Bà Bà Bà Kha Di A Đa Ni Bà Đa Ni Bà Bà A Kha.

Nếu tụng chú này 5.300 biến rồi thì ánh sáng ấy tương tục tạo thành một. Lúc ấy hành giả liền tụng chú rằng:

Đản Chí Đa Giá Mạn Ni, A Bà Di Đà Đê, Xoa Phược Na Ni Gia Ma Ô Đê, Bà Khư Na La Đê Tỳ Kha Ô Đê Phược Phược Na Đê, Đa Phạt Đà A Ma La Sa Bà Kha.

Nếu tụng thần chú này 100 biến thì thân kia sáng suốt đoạn tuyệt chẳng dính mắc; cuối cùng chẳng bị não hại. Như căn bản đã nói Đà La Ni rồi.

Đã nói qua về Đà La Ni Môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tu hành như môn. Tu hành như môn tuy có vô lượng, mà chẳng ra khỏi sáu loại Ba La Mật. Cho nên tụng kia vì tu hành mà nói lục tự lương, làm loạn hành giả kia nên dễ nhập vào lưới tù. Kẻ ngoại đạo kia có

được lợi gì? Làm như thế để tạo loạn cho hành giả sao? Kẻ tu hành kia lúc ấy ý sẽ được vui. Đoạn tất cả những việc ác và tu tất cả những việc lành, đầy đủ như hành, chẳng có chỗ thiếu sót. Kẻ ngoại đạo kia thị hiện đồng tâm; làm cho xa lìa chánh đạo chỉ hướng đến tà đạo. Như căn bản nói bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

Đã nói qua về thuyết tu hành như môn rồi; bây giờ lần lượt nói về quả mãn đức môn. Viên mãn quả môn tuy có vô lượng mà chẳng ra khỏi cảnh giới tịch tịnh của Niết Bàn. Cho nên tượng kia vì kẻ tu hành mà nói Niết Bàn đức. Làm loạn kẻ tu hành kia bị nhập vào lưới tà thì kẻ ngoại đạo kia có được lợi gì? Nói là kẻ tu hành sai hay sao? - Kẻ tu hành kia tu như ý hướng đến chứng quả. Cho nên ngoại đạo xuất hiện nơi hành giả và muốn cầu quả đức thù thắng. Tâm của hành giả kia hay bị ái trước, hướng đến tà đạo. Như căn bản hoặc nói bình đẳng, không vô tướng, vô tác, vô nguyện, vô oán, vô thân, vô như, vô quả, cứu cánh không tịch. Đây chính là chơn Niết Bàn.

Đã nói về xuất hiện ngôn thuyết loạn thức môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến được 3 đời trí, hoặc như môn. Như thế được 3 trí; mỗi mỗi tướng gì? - Đó là quá (khứ) vị (lai) hai đạt trí, mỗi mỗi tự đạt đến cảnh giới. Cho đến xa xôi thì 8 vạn kiếp số. Còn gần gũi thì hay lành qua một đời. Như căn bản hoặc làm cho người rõ biết đời trước thuộc quá khứ lại cũng rõ biết việc của vị lai. Nói là hiện đạt trí có nghĩa là tâm trí kia. Đó chính là hay đạt hiện tại như, đủ loại tâm. Như căn bản được tâm trí kia.

Đã nói qua về được 3 đời trí, hoặc như môn rồi; bây giờ lần lượt nói về bất ly thế gian triền phược môn. Nghĩa là người ngoại đạo làm cho thành tựu 1 ức 4 vạn 6 ngàn loại thế luận biện tài. 18.000 loại hý luận biện tài, triền phược chúng sanh dùng trụ lại ở thế gian chẳng thể ra khỏi. Như căn bản biện tài vô ngại có thể làm cho chúng sanh tham trước thế gian các việc danh lợi.

Đã nói qua về bất ly thế gian triền phược môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tam tánh, vô thường sanh loạn môn. Nghĩa là phá hoại lòng tin kiên cố, hay làm cho phát tâm vô thường, đoạn trừ bước chân tu hành và dứt hết mọi đường vào, dẫn đến tà đạo cùng không còn tánh nữa. Như căn bản lại làm cho người người sân hận, vui với tánh vô thường; hoặc nhiều từ ái; hay ngủ; hay bệnh, tâm này giải đãi; hoặc hay khởi tinh tấn sau liền sanh biếng nhác, chẳng tin, đa nghi, đa lự; hoặc lìa bỏ thắng hạnh chính liền tu tạp nghiệp; hoặc nhiễm thế sự đủ loại cột chằng.

Đã nói về tam tánh vô thường sanh loạn môn rồi; bây giờ lần lượt nói làm cho được tà định, phi như môn. Nghĩa là người ngoại đạo được 21 loại tà Tam Muội, làm não loạn hành giả nhập vào lưới tà. Như căn bản lại hay làm cho người được các Tam Muội, một ít phần giống như tất cả ngoại đạo; chỗ được ấy chẳng phải là chơn Tam Muội; hoặc lại làm cho người trong một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày trụ ở trong định được tự nhiên mùi hương thơm, đồ ăn uống, thân tâm sáng khoái, chẳng đói chẳng khát, làm cho người tham đắm hoặc lại làm cho người ăn chẳng phân biệt, nhiều ít nhan sắc biến dị.

Đã nói về lệnh đắc tà định phi chơn môn; bây giờ lần lượt khuyên thỉnh hành giả ly tà môn. Nói là khuyên thỉnh hành giả ly tà môn nghĩa là khuyên thỉnh trí huệ, những phần thiện phân biệt trừ đi bịnh ngu si, trừ đi việc khoa trương tà luận. Như căn bản lấy nghĩa này cho nên hành giả thường hay quán sát trí huệ, chớ nên làm cho tâm này đọa vào lưới tà, mà nên chánh niệm, chẳng chấp chẳng trước, tức hay xa lìa các nghiệp chướng.

Đã nói về khuyên thỉnh hành giả lìa tà môn; bây giờ giản trạch chơn quy lệnh liễu môn. Đó là tùy thuận trong thế gian gọi là quy Tam Muội. Nếu tùy thuận đối với xuất thế gian thì gọi là chơn Tam Muội. Hai loại Tam Muội nên rõ biết. Như căn bản nên rõ, ngoại đạo lại có Tam Muội; tất cả đều chẳng lìa chỗ thấy, yêu, tâm ngã mạn, tham trước thế gian danh

lợi cung kính. Chơn như Tam Muội chẳng trụ ở tướng thấy; chẳng trụ được nơi tướng cho đến xuất định lại cũng chẳng giải đãi ngã mạn; những phiền não dần dần tan đi mà những phàm phu chẳng huân tập về pháp Tam Muội này để nhập vào Như Lai chủng tánh, chẳng có nơi nào lấy việc tu những thiền định thế gian Tam Muội, hay khởi vị đấm trước; nương vào nơi ngã kiến, trối buộc nơi tam giới cùng với ngoại đạo; hoặc lìa thiện tri thức giúp đỡ, liền khởi lên ngoại đạo tà kiến vậy.

Đã nói về quang thích ma sự đối trị môn rồi; bây giờ lần lượt nói về tán thán Tam Muội công đức môn.

Viết rằng: Lại nữa tinh cần chuyên tâm tu học Tam Muội này, hiện đời sẽ được 10 loại lợi ích. Những gì là mười ?

Một là vì mười phương chư Phật Bồ Tát sở hộ niệm.

Hai là chẳng vì các ác ma, ác quỷ mà hay sợ hãi.

Ba là chẳng vì 95 loại ngoại đạo quỷ thần mà mê loạn. Bốn là xa lìa phi báng pháp sâu xa, các tội chướng nặng nề dần dần nhẹ bớt.

Năm là diệt tất cả nghi, các ác giác quán.

Sáu là đối với cảnh giới Như Lai tin được tăng trưởng.

Bảy là xa lìa ưu não đối với sanh tử, dừng mãnh chẳng yếu đuối.

Tám là tâm này nhu hòa, xả bỏ sự kiêu mạn, chẳng vì người khác làm chỗ nào hại.

Chín là tuy chưa được định; nhưng đối với tất cả lúc, tất cả cảnh giới thường hay tổn giảm phiền não, chẳng vui thế gian.

Mười là được Tam Muội; chẳng vì ngoại duyên, tất cả âm thanh đều được chấn động.

Luận rằng: Trong câu văn này có hai môn; những gì là hai? - Một là tổng phiêu môn; hai là tán thuyết môn. Nói là tổng phiêu môn nghĩa là nói tổng phiêu chỗ nói. Như căn bản lại nữa tinh cần chuyên tâm tu học Tam Muội này thì hiện đời được 10 loại lợi ích. Trong tán thuyết môn lại tự có 2 môn. Những gì là hai? - Một là tổng vấn môn; hai là biệt thuyết môn. Nói tổng vấn môn là tổng vấn chỗ nói. Như căn bản nói những gì là mười? Trong biệt thuyết môn có 10 loại thắng diệu công đức. Do một chơn định mà thành tựu vậy. Những gì là mười ?

Một là thủ hộ công đức, thường vì tất cả vô lượng vô biên chư Phật Bồ Tát hay hộ niệm.

Hai là bố ma công đức, hay lành hàng phục tất cả ma. Như căn bản 2 là chẳng vì các ác ma, ác quỷ mà hay sợ hãi.

Ba là xuất đạo công đức, hay lành ra khỏi tất cả ngoại đạo, các tà đạo. Như căn bản 3 là chẳng vì 95 loại ngoại đạo quỷ thần làm chỗ mê hoặc.

Bốn là lìa sự phi báng công đức, hay lành xa lìa sự phi báng đại thừa cùng với các tội lỗi khác. Như căn bản 4 là xa lìa sự phi báng các pháp sâu xa; trọng tội nghiệp chướng dần dần mỏng dần.

Năm là quyết nghi công đức; hay lành quyết đoạn trừ những nghi hoặc. Như căn bản 5 là diệt tất cả các nghi các ác giác quán.

Sáu là thâm tín công đức; đối với các cảnh thắng diệu khởi lên tâm vui tin, liền chuyển sâu hơn. Như căn bản 6 là đối với cảnh giới Như Lai tin được tăng trưởng.

Bảy là dừng mãnh công đức, duyên nơi chúng sanh giới, khởi lên tâm đại bi, tập thành vạn hạnh, không có giải đãi. Như căn bản 7 là xa lìa sự ưu não đối với sanh tử, dừng mãnh chẳng yếu đuối.

Tám là vô ngã công đức; hay lành đoạn trừ tất cả ngã mạn tác ý. Tất cả đều là ý thanh tịnh của Phật. Như căn bản 8 đây, tâm này nhu hòa, xả bỏ kiêu mạn, chẳng làm cho người khác bị nào hại.

Chín là yểm ly công đức; đối với tất cả lúc, tất cả nơi và ở trong các cảnh giới, hay lành phục trừ những loại phiền não, chẳng vui biến thế gian sanh tử. Như căn bản 9 này tuy chưa được định đối với tất cả lúc và tất cả các cảnh giới; tức hay tổn giảm sự phiền não, chẳng vui thế gian vậy.

Mười là tịch tịnh công được; đối với tất cả tán động cảnh giới, tâm này an định chẳng có loạn động. Như căn bản 10 đây, nếu được Tam Muội, chẳng vì ngoại duyên tất cả âm thanh làm nao động. Như đây lần lượt chẳng bị loạn động. Sóng tâm dừng thì việc ấy cần phán đoán, suy nghĩ, giải thích.

Thích Ma Ha Diễn Luận Hết quyển 9

*Quyển 9 này dịch xong vào ngày 4 tháng 4 năm 2009
tại Chùa Việt Nam tại St. Louis thuộc Tiểu Bang Missouri, Hoa Kỳ.*

Code: Kinh Van so 1668 / 10

THÍCH MA HA DIỄN LUẬN Quyển 10

- *Long Thọ Bồ Tát tạo.*
- *Diệu Tần Tam Tạng Phật Đê Ma Đa phụng chiếu dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 8 tháng 4 năm 2009 tại Chùa Trúc Lâm Houston-Texas, Hoa Kỳ.*

Đã nói qua về tán thán Tam Muội công đức môn rồi; bây giờ lần lượt nói về lưỡng luân cụ khuyết ích tổn môn.

Viết rằng: Lại nữa nếu người chỉ tu chỉ, tức tâm chưa lắng đọng; hoặc khởi lên sự giải đãi, chẳng vui với những việc thiện; xa lìa tình thương; cho nên tu quán. Khi tu tập quán thì sẽ quán được tất cả thế gian có các pháp, chẳng khi nào dừng lại lâu, tu di biến hoại tất cả tâm hạnh, niệm niệm sanh diệt; cho nên mới khổ. Nên quán về quá khứ nhớ nghĩ đến các pháp, tất cả đều như giấc mộng; nên quán sát về hiện tại, nhớ nghĩ đến các pháp giống như điện chớp; nên quán về tương lai, nhớ nghĩ đến các pháp trôi nổi như mây, cứ như thế mà khởi lên. Nên quán sát thế gian tất cả có thân tức là bất tịnh, đủ loại hôi hám dơ uế, chẳng có một chút gì để vui. Như thế nên nghĩ. Tất cả chúng sanh từ vô thủy cho đến đời nay. Tất cả đều do vô minh huân tập, làm cho tâm này sanh diệt, đã thọ tất cả khổ lớn của thân và tâm; cho nên hiện tại bị vô lượng bức bách và vị lai sự khổ ấy lại cũng chẳng có ngăn mé, khó xả, khó lìa, mà cũng chẳng rõ biết; chúng sanh như thế, thật là đáng thương. Nên tư duy như thế này, phải dũng mãnh lên, lập thệ nguyện lớn; nguyện ấy làm cho tâm ta lìa được sự phân biệt, trải khắp mười phương, tu hành tất cả các công đức lành, tận đến vị lai, dùng vô lượng phương tiện, cứu bạt tất cả khổ não của chúng sanh, làm cho được đệ nhất an lạc của Niết Bàn. Đã khởi tâm như thế rồi, đối với tất cả lúc, tất cả nơi, các việc lành theo đó càng sâu, chẳng xa rời tâm tu học, lại chẳng giải đãi. Ngoài việc ngồi ra, lúc nào cũng nhớ đến chỉ (dùng). Ngoài ra tất cả nên quan sát, nên tạo tác, chẳng nên tạo tác; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tất cả đều nên thực hành chỉ quán. Nghĩa là chỉ nhớ nghĩ đến các pháp tự tánh chẳng sanh, mà chỉ nhớ nghĩ đến nhân duyên hòa hợp thiện ác nghiệp, khổ vui v.v... và nghiệp báo thì chẳng mất chẳng hoại. Chỉ nhớ nghĩ đến nhân duyên thiện ác nghiệp báo, mà cũng phải nhớ nghĩ đến tánh ấy chẳng thể được. Nếu tu chỉ có nghĩa là đối trị với phàm phu, trụ vào sự đắm trước của thế gian; hay xa rời và thấy được sự yếu kém của nhị thừa. Nếu là tu quán thì đối trị nhị thừa, chẳng khởi tâm bi, tâm lượng hẹp hòi, xa lìa phàm phu chẳng tu căn lành. Đây là nghĩa ấy. Cả

2 môn chỉ quán này cùng tương trợ với nhau mà thành tựu; chẳng hề xa lìa; nếu chỉ quán không cùng nhau, tức chẳng thể nhập vào con đường giác ngộ.

Luận rằng: Trong câu văn này có 6 môn. Những gì là sáu? - Một là thị khuyết quán chỉ luân thất môn; hai là hiển thị tu hành quán luân môn; ba là duyên chúng sanh giới lập nguyện môn; bốn là lưỡng luân cụ chuyển bất ly môn; năm là hiển thị lưỡng luân sở trị môn; sáu là tổng kết lưỡng luân cụ chuyển môn. Đây gọi là sáu.

Trong môn thứ nhất lại có 4 chuyện sai trái. Những gì là bốn?

Một là trầm luân sai trái, tâm này chưa được, chẳng thể rõ hết, như vào trong Ma Kiền Ha Thi cả phòng tối tăm. Đây giống như người tu chi, tâm này còn chìm nổi.

Hai là chẳng siêng năng sai trái. Tâm này giải đãi, chẳng hay tinh tấn, người người A Na Tỳ Đề vậy. Như đã nói hay khởi lên sự lười biếng.

Ba là ngoảnh mặt với việc lành. Tâm này chỉ một; chẳng thể phân biệt là nên làm hay chẳng nên làm; như người Bà Đa Ha Di Thi vậy. Nghĩa là chẳng vui với việc lành.

Bốn là lìa khỏi tâm bi. Tâm này nằm nguyên chẳng thể phát khởi lên tâm từ bi; như người bị hư các căn, dầu cho có mong muốn, cũng chẳng thể tăng trưởng được. Căn bản là xa lìa lòng đại bi vậy. Cho nên tu quán tức là chuyển qua quán đầy đủ.

Đã nói qua về thị khuyết quán chỉ luân thất môn rồi; bây giờ lần lượt nói về hiển thị tu hành quán luân môn. Trong môn này lại có 3 môn. Những gì là ba? - Một là khổ tướng quán môn; hai là vô thường quán môn; ba là bất tịnh quán môn. Đây gọi là ba.

Trong khổ tướng quán môn ấy lại có 2 loại. Những gì là hai? - Một là hoại khổ và hai là hành khổ. Nói là hoại khổ có nghĩa là tất cả các pháp hữu vi thanh tịnh hay có thể làm hoại tất cả những pháp chẳng thanh tịnh. Lại nữa tất cả các pháp bất tịnh lại có thể làm hại tất cả các pháp thanh tịnh.

Hai loại thế gian hỗ tương phá hoại với nhau. Những gì là hai? - Một là đầy đủ tất cả thế gian và hai là vọng tưởng hữu vi thế gian. Như thế 2 loại pháp thế gian này cùng phá hoại lẫn nhau. Cho nên gọi đây là hoại khổ. Nếu tu chỉ quán thì sẽ được lợi ích những gì? - Đó là thành tựu một việc làm một pháp sâu xa vậy. Như căn bản tu tập quán có nghĩa là quán tất cả pháp hữu vi của thế gian chẳng được lâu dài, như Tu Di sơn còn biến hoại nữa. Nói là hành khổ nghĩa là tất cả tâm hành đối với sự nhớ nghĩ thường hay di chuyển, mau sanh mau giảm chẳng thể từ nơi này đến nơi kia, như tất cả tâm hành, niệm niệm sanh diệt; cho nên gọi đây là khổ vậy.

Đã nói qua về khổ tướng quán môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến vô thường quán môn. Trong môn này lại có 3 loại. Những gì là ba?

Một là Dĩ Quá Vô Thường, các pháp trong quá khứ trước có sau không, giống như giấc mộng kia khi ngủ thì có thấy rõ; nhưng khi thức rồi thì không còn nữa. Cho nên phải quán về quá khứ để nhớ nghĩ đến các pháp; phải biết rằng ấy là mộng huyễn.

Hai là đang có vô thường. Hiện tại các pháp xưa không có mà nay lại có; giống như điện chớp, sau đó liền mất, chẳng thể trụ lại lâu dài. Cho nên niệm quán hiện tại để nhớ đến các pháp cũng giống như điện chớp.

Ba là thường có vô thường, vị lai các pháp không có tự tánh mà tự nhiên đến, giống như mây nổi chẳng rõ biết chỗ nào, hốt nhiên có đó rồi tan vào khắp nơi ở mười phương. Nên quan sát ở vị lai để rõ các pháp giống như mây nổi, tự nhiên có đó vậy.

Đã nói về vô thường quán môn rồi; bây giờ lần lượt nói về bất tịnh quán môn. Nói là bất tịnh quán nghĩa là duyên vào các loại thân để tạo nên việc bất tịnh, xa lìa chỗ tham trước. Nên quán thế gian tất cả có thân đều là bất tịnh, đủ loại dơ uế; chẳng có một chút niềm vui.

Đã nói về hiển thị tu hành quán luân môn rồi; bây giờ lần lượt nói về duyên chúng sanh giới lập nguyện môn. Trong này lại có 2 loại. Những gì là hai? - Một là duyên vào chúng sanh giới, tư duy môn và hai là kiến lập thể nguyện biến bố môn. Đây gọi là hai.

Nói rằng nương vào chúng sanh giới tư duy môn nghĩa là duyên vào 3 cõi vô lượng vô biên tất cả chúng sanh và nhớ như thế này: Từ vô thi đến nay bị căn bản vô minh che lấp. Ví như bản giác thanh tịnh của Phật, trở về đó như không có mặt trời. Khi ra khỏi vô minh rồi thì liền rời bỏ, nếu ta chẳng phát tâm bi, chẳng nhiếp thủ thì lại trải qua nhiều kiếp số giữ ngôi chánh giác, kỳ thật không có thời gian, phát khởi vô biên tâm đại bi thì như vậy sẽ nhớ đến tất cả chúng sanh từ đời vô thi đến nay tất cả do nhờn vô minh huân tập cho nên làm cho tâm này sanh diệt rồi thọ tất cả thân tâm với khổ lớn. Nên hiện tại có vô lượng sự bức bách và vị lai khổ ấy chẳng có ngăn mé, khó bỏ khó lìa mà chẳng rõ biết chúng sanh như thế thật là đáng thương.

Nói là kiến lập thế nguyện biến bỏ môn nghĩa là suy nghĩ như thế này rồi, liền lập đại thế nguyện khởi lên trong 10 phương thế giới vi trần quang minh bát nhã, đạt được 10 phương thế giới vi trần đủ loại tâm tướng. Đối trị với 10 phương thế giới vi trần số tất cả các nghiệp chướng phiền não như biển cả. Đầy đủ 10 phương thế giới vi trần số việc làm là nguyên nhờn như biển cả; chứng được 10 phương thế giới vi trần số kết quả phước đức; tất cả đều làm cho chẳng thiếu. Rồi suy nghĩ như thế này và liền đồng mãnh lập đại thế nguyện, nguyện cho tâm ta lìa sự phân biệt, làm cho 10 phương tu hành tất cả, tu những công đức lành cho đến đời vị lai vô lượng phương tiện để cứu khổ tất cả khổ não của chúng sanh và làm cho được Niết Bàn, đệ nhứt nghĩa an lạc.

Đã nói qua về duyên chúng sanh giới lập nguyện môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến lưỡng luân cụ chuyển bất ly môn nghĩa là khi đã khởi lên lời nguyện rồi thì liền tu tập các việc lành là nhờn duyên như biển cả. Nếu khởi lên nguyện hải ấy mà chẳng siêng tu hành thì chẳng thể trang nghiêm viên mãn cái quả ấy. Nếu vì sự tu hành thì phải nên làm như thế nào? – Nghĩa là đầy đủ lưỡng luân làm cho vô biên vậy. Cụ lưỡng luân tướng ấy trong khế kinh nào phân minh hiển thị vậy? – Đó là Văn Thù Sư Lợi phát khởi 11.000 loại thậm thâm quảng đại viên mãn Đà La Ni khai vận, vận Đại Giác Tôn ích đại chúng hải khế kinh. Trong khế kinh kia nói như thế nào? – Trong khế kinh kia nói như thế này: Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi liền bạch Phật rằng:

Kính bạch Đức Thế Tôn! Vì sao lại gọi là chỉ quán cụ hành bất tương ly môn? Con và tất cả vô lượng vô biên đại chúng hải, tất cả đều vào nơi chẳng rõ chẳng biết biển cả vô minh; chẳng thể thông đạt, chẳng thể ra khỏi. Như vậy Thế Tôn vì muốn chúng con như là những đứa con trai, con gái mê mờ phân minh hiển rõ dùm cho.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Hãy lắng nghe đây! Hãy lắng nghe đây! Hãy lành suy nghĩ, ta sẽ vì Người phân biệt giải nói. Sau đó Đức Thế Tôn liền nói Già Đà (kệ) rằng:

Giống như chim một cánh
Hay xe chỉ một bánh
Người một chân cũng vậy
Ngựa kia một con mắt
Chẳng thể chạy nhanh được
Tùy chỗ mà vận chuyển
Đường này chỗ đi vào
Chẳng rơi vào hố nguy
Nếu đầy đủ một cặp
Hành giả mất một chân
Lại phải biết như thế
Việc này thật khó có
Pháp tánh trong hư không
Chở nhiều sự hiểu biết
Vào trong biển Phật Pháp
Chuyên chở nghĩa lý thật

Chơn như đường bình thường
Khắp nơi thông suốt đi
Tất cả ma ngoại đạo
Tà kiến sâu trong ấy
Chẳng lọt hầm hố kia
Cho nên những hành giả
Hai bánh đầy đủ chạy
Rốt chẳng thể xa lìa
Nếu là người tu hành
Mà không đủ hai điều
Cuối chẳng thể qua được
Vô thượng Đại Giác kia

Bây giờ trong câu kinh này muốn làm sáng tỏ nghĩa gì? Nghĩa là vì muốn hiển thị sự tu tập Tam Muội, đạt đến cảnh giới tịch tịnh, tu tập trí tuệ, chiếu tan những cảnh động. Trong sự yên tĩnh ấy thường chẳng xa rời cái động. Ở trong sự tán loạn kia, thường chẳng xa rời sự yên tĩnh, rồi cũng chẳng xa lìa các việc làm và những việc chuyển động. Lại nữa vì muốn hiển thị tu tập Tam Muội, đạt đến cảnh giới không, vô; tu tập trí tuệ để làm sáng tỏ cảnh giới hiện tại. Trong cái không ấy chẳng đắm trước cái có. Trong cái có ấy chẳng nhiễm cái không. Có không đều chiếu rọi; không có đều cùng khắp, mà chẳng hề xa lìa, đều làm đều chuyển. Lại nữa vì muốn hiển thị tu tập Tam Muội đạt đến lý bình đẳng, tu tập trí tuệ soi rõ việc sai biệt; lý sự cả hai chẳng có sai biệt, mà chẳng lìa bỏ, đều làm đều chuyển. Lại nữa vì muốn hiển thị chỉ nên thường chờ quán rồi mới kiến lập nên phi tự tánh của chỉ. Quán ấy sẽ chờ chỉ rồi mới kiến lập phi tự tánh của quán. Lại chẳng có chỉ, lại chẳng có quán. Lại nữa vì muốn hiển thị chỉ, liền đó là quán và quán ấy là chỉ. Chỉ quán một thể không sai biệt. Cho nên như đây lần lượt nên phân xét suy nghĩ. Như thế khi khởi lên rồi liền nguyện. Đối với tất cả lúc, đối với tất cả nơi đều có các việc lành tùy theo chỗ này mà chẳng thể xa rời sự tu học, tâm chẳng giải đãi. Ngoài lúc ngồi ra chuyên niệm về chỉ. Tất cả đều phải nên quan sát việc nên làm, chẳng nên làm; hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, tất cả đều nên chỉ quán đầy đủ. Nghĩa là chỉ nhớ nghĩ đến các pháp tự tánh chẳng sanh mà liền nhớ nghĩ đến nhân duyên hòa hợp, nghiệp lành và dữ. Khô vui cùng với nghiệp báo chẳng mất chẳng hoại. Chỉ nghĩ đến nhưn duyên thiện ác nghiệp báo mà liền suy nghĩ, tánh ấy khó thể được.

Đã nói về lưỡng luân cụ chuyển bất ly môn rồi; bây giờ liền nói đến hiển thị lưỡng luân sở trị môn. Nếu có hành giả nào tu tập chỉ luân thì phải đối trị với những sai trái gì? – Nghĩa là phải đối trị với phạm phu chúng sanh nhiệm trước và sai quấy. Nhị thừa chúng sanh vui, không, sai quấy. Tất cả đều lìa khỏi vậy. Như vậy sự tu chỉ là đối trị với phạm phu trụ trước vào thế gian; nên xả bỏ chỗ thấy kiết yếu kém của Nhị Thừa. Nếu có hành giả tu tập quán luân sẽ đối trị với những gì sai quấy? – Đó là đối trị với nhị thừa chúng sanh về việc xa rời tâm Đại Bi, chẳng cứu khổ chúng sanh yếu kém sai quấy. Phạm phu chúng sanh thường hay giải đãi, chẳng siêng năng tinh tấn, chẳng tu việc lành; vui với việc ác sai quấy; tất cả đều phải ra khỏi. Như vậy kẻ tu quán để đối trị với nhị thừa chẳng khởi lòng đại bi với tâm hẹp hòi sai quấy. Xa rời phạm phu chẳng tu căn lành.

Đã nói qua về hiển thị lưỡng luân sở trị môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến tổng kết lưỡng luân cụ chuyển môn. Đó là tổng kết như trên đã nói về luân khuyết hành giả quá sai quấy. Lấy từ nghĩa này; cho nên môn chỉ quán cùng với sự hỗ tương với nhau thành tướng chẳng xa lìa. Nếu chỉ quán không đầy đủ tức chẳng thể nhập vào con đường giác ngộ.

Đã nói qua về lưỡng luân cụ khuyết ích tổn môn rồi; bây giờ lần lượt nói về cần liệt hướng thẳng bất thối môn.

Viết rằng: Lại nữa chúng sanh mới bắt đầu học pháp, muốn cầu chánh tín, tâm này yếu đuối, ở nơi thế giới Ta Bà này tự sợ chẳng hay thường gặp được chư Phật để chính mình cúng dường. Nghĩa là tín tâm khó thể thành tựu; nên có ý muốn thoái thác. Nhưng phải biết rằng Như Lai có đủ phương tiện để nhiếp hộ tín tâm này. Nghĩa là dùng sự chuyển tâm niệm Phật thì đây là nhơn duyên, tùy theo nguyện ấy mà được sanh về đất Phật ở phương kia, thường hay thấy Phật, vĩnh viễn xa rời con đường ác như kinh đã nói. Nếu người nào chuyên tâm niệm Tây Phương Cực Lạc Thế Giới của Đức Phật A Di Đà thì nhờ tu căn lành hồi hướng đến thế giới kia và nguyện sanh về thì liền được vãng sanh, thường hay gặp Phật. Cuối cùng chẳng có thoái tâm. Nên quán chơn như pháp thân của Phật kia, thường hay tu tập tinh tấn, cứu cánh sẽ được vãng sanh và ở ngôi Chánh Định.

Luận rằng: Trong câu văn này lại có 7 môn. Những gì là bảy? - Một là hiển thị thú hướng giả nhơn môn; hai là quy y sở học giáo pháp môn; ba là yếm ác xứ sở thoái tín môn; bốn là Như Lai phương tiện thù thắng môn; năm là thừa lực đặc thắng diệu xứ môn; sáu là đặc thiện xứ định bất thoái môn; bảy là dẫn kinh chứng tự sở thuyết môn. Đây gọi là bảy.

Nói là hiển thị thú hướng giả nhơn môn nghĩa là hiển thị được thập tín vị trước 4 loại tâm, liền chẳng rơi xuống chúng sanh hạ phẩm. Như căn bản đã nói về chúng sanh rồi.

Nói là quy y sở học giáo pháp môn nghĩa là chúng sanh hạ phẩm thập tín kia quy y và tin tưởng sâu xa với vô cực đại thừa khi mới học tập. Nghĩa là tất cả lấy chư Phật làm Thầy, 3 đời chẳng động, 4 tướng chẳng gặp. Tự nhiên thường ở Địa Tiên, Địa Thượng ở những con đường lớn. Như vậy đây là pháp cho kẻ sơ học vậy.

Nói là yếm ác thú sở thoái tín môn nghĩa là đối với Thập Tín vị hạ phẩm chúng sanh kia tuy gần gũi thân cận nghe nhận pháp môn sâu xa kia mà tâm này thân này yếu đuối sợ 2 việc lớn chẳng thể tiến được; nên lại muốn thoái lui. Những gì là hai? - Một là quốc độ và hai là thắng duyên.

Nói là quốc độ tức là Ta Bà thế giới này. Nơi đây thô ác chúng sanh ô trược loạn động, phát khởi tịnh tâm và siêng tu hành thì thật là khó. Vì sao vậy? - Đối với tâm kia, đảo lộn cảnh giới, đối với tất cả lúc, đối với tất cả nơi thường hay hiện hữu trong tâm, mặt ấy luôn hướng tới chẳng thể buông bỏ.

Nói là thắng duyên nghĩa là đối với thế giới này nương vào chỗ ô trược loạn động tất cả chư Phật xuất thế thật là hy hữu, vô lượng Bồ Tát cảm phục thì quá xa. Chư Phật và Bồ Tát xuất hiện nơi đời tùy thuận theo tâm tình giống như tấm kiếng sạch và chẳng sạch. Nghĩa này là kẻ tu hành kia chẳng gặp được thắng duyên; nên sanh ra sợ hãi, phát ra ý nghĩ thoái lui. Như vậy muốn cầu chánh tín tâm này yếu đuối mà ở nơi thế giới Ta Bà này thì tự mình lo sợ chẳng thể thường hay gặp được Phật để được tự cúng dường. Nghĩa là lòng tin kia khó thể thành tựu và có ý muốn thoái lui.

Nói là Như Lai phương tiện thù thắng môn nghĩa là chư Phật Như Lai có bất khả tư nghĩ, thậm thâm cực diệu với những phương tiện lớn có thể lãnh nhiếp giữ gìn tín tâm của người kia chuyên thẳng tiến đến. Thế nào là chuyên niệm? - Nghĩa là chuyên chú ý hồi tưởng nhớ nghĩ đến cảnh giới Tịnh Độ kia có đủ loại y báo và chánh báo. Niệm này luôn liên tục làm cho chẳng dứt mất. Như vậy phải nên biết rằng Như Lai có thắng lực phương tiện nhiếp hộ tín tâm; nghĩa là chuyên ý niệm Phật nhơn duyên vậy.

Nói là thừa lực đặc thắng diệu xứ môn nghĩa là các Đức Như Lai dùng bất khả tư nghĩ phương tiện lực tùy theo sở nguyện liền được vãng sanh về cảnh giới Cực Lạc vi diệu. Như căn bản tùy theo nguyện ấy mà được sanh về Tịnh Độ kia.

Nói là được thiện xứ định bất thoái môn nghĩa là sanh về cảnh kia rồi mở mắt ra thấy Như Lai đầy đủ hình tướng tốt đẹp, tai được nghe bậc Thánh thuyết các pháp âm thâm diệu, vĩnh viễn xa rời tiếng ác. Từ định bất động, biến tâm gạn sạch thân thể trở nên trong sáng; nương vào chánh pháp vi diệu thanh tịnh. Ở đó thường hay thấy Phật và vĩnh viễn xa rời đường ác.

Nói là dẫn kinh chứng tự sở thuyết môn nghĩa là nên nhiếp lấy việc thuyết pháp mà những ngôn ngữ thuộc về kinh chính, tán thán lời nói ấy và giải thích câu văn, dẫn dụ câu kinh, nói rõ minh bạch, chẳng cần giải thích lại. Như tất cả các kinh văn dạy, nếu có người chuyên tâm nhớ nghĩ về Tây phương Cực lạc Thế giới của Đức Phật A Di Đà thì phải tu căn lành hồi hướng và nguyện cầu sanh về thế giới kia; tức liền được vãng sanh và thường hay gặp Phật. Cuối cùng chẳng có thoái chuyển. Nếu xem được chơn như pháp thân của Phật kia thì thường xuyên tu tập; cuối cùng sẽ được vãng sanh về chánh định tự vậy.

Đã nói qua về tu hành tín tâm phần rồi; bây giờ lần lượt nói đến khuyến tu lợi ích phần.

Viết rằng: Như vậy Ma Ha Diễn là tạng pháp bí mật của chư Phật, ta đã nói tổng quát rồi; nếu có chúng sanh nào muốn đối trước cảnh giới sâu xa của Như Lai được sanh chánh tín, xa rời sự phỉ báng, nhập vào con đường Đại Thừa sẽ giữ được luận này, suy xét tu tập, cuối cùng sẽ đến được vô thượng đạo. Nếu người nào nghe pháp này rồi thì chẳng sanh khiếm nhược; sẽ rõ biết người ấy như định sẽ có hạt giống Phật, tức sẽ được chư Phật thọ ký cho. Giả sử nếu có người hay biến hóa trong 3.000 đại thiên thế giới có đầy khắp chúng sanh, làm cho họ thực hành thập thiện; chẳng có người chỉ trong một bữa ăn suy nghĩ đúng đắn như pháp này trải qua những công đức trước thì chẳng thể ví dụ được. Lại nữa nếu có người thọ trì kinh luận này quan sát tu hành hoặc trong một ngày hay một đêm thì những công đức ấy có được vô lượng vô biên chẳng thể nói được. Làm cho thập phương tất cả chư Phật, mỗi vị đều trải qua vô lượng vô biên A Tăng Kỳ Kiếp tán thán công đức này, cũng chẳng cùng tận. Vì sao vậy? – Nghĩa là pháp tánh công đức ấy chẳng có cùng tận. Công đức của người này lại cũng như thế, không có ngần mé. Chúng sanh này đối với luận này hủy báng chẳng tin thì sẽ bị tội báo; trải qua vô lượng kiếp thọ nhận những khổ não lớn. Cho nên chúng sanh thường hay tin tưởng ngưỡng mộ, chẳng nên hủy báng, chỉ hại tự mình hoặc hại người khác, đoạn tuyệt tất cả hạt giống Tam Bảo, mà tất cả các Đức Như Lai đều nương vào pháp này để chứng được Niết Bàn. Tất cả các Bồ Tát như việc tu hành này mà nhập được trí huệ của chư Phật, sẽ rõ biết được các Bồ Tát trong quá khứ đều nương vào pháp này mà được thành tựu lòng tin thanh tịnh. Hiện tại các Bồ Tát hay nương vào pháp này sẽ được lòng tin thanh tịnh. Vị lai Bồ Tát sẽ nương vào pháp này được thành tựu tín tâm thanh tịnh. Cho nên các chúng sanh phải siêng năng cố gắng tu hành.

Luận rằng: Trong câu văn này lại có 8 môn. Những gì là tám? - Một là cử tuyên sở thuyết tổng kết môn; hai là cử ích khuyến như lệnh tu môn; ba là hiển ly nghi tín công đức môn; bốn là thử loại vi đối thị thắng môn; năm là cử thọ trì công tán dương môn; sáu là cử phỉ báng quá lệnh bố môn; bảy là thù thắng quảng thuyết ly báng môn; tám là tổng kết tu hành khuyến như môn. Đây gọi là tám.

Nói là cử tiền sở thuyết tổng kết môn nghĩa là lấy một chữ tổng và một chữ kết trong 8 loại Ma Ha Diễn vậy. Vì sao thế? – Vì pháp ấy nói lược chẳng có biết. Cho nên cử bốn nhiếp phần sau này. Như đã nói đây là mật tạng Ma Ha Diễn của chư Phật, ta đã nói tổng quát rồi.

Nói là cử ích khuyến như lệnh tu môn nghĩa là tập thành việc làm là nguyên như như biển cả, mà vì sự trang nghiêm pháp thân là kết quả. Thọ trì luận này suy nghĩ nghĩa lý, thường hay liên tục, chẳng có đoạn tuyệt. Như đã nói nếu có chúng sanh nào muốn ở nơi Như Lai được cảnh giới sâu xa thì được sanh chánh tín, xa rời sự hủy báng và nhập vào con đường Đại Thừa thì sẽ thọ trì luận này suy nghĩ tu tập một cách rốt ráo, thì có thể đến vô thượng đạo.

Nói là hiển ly nghi tín công đức môn nghĩa là có những chúng sanh khi nghe được Ma Ha Diễn này sâu xa cực diệu, quảng đại pháp môn rồi, liền trong tâm này lại chẳng có nghi sợ, lại chẳng yếu đuối, lại chẳng xem nhẹ, lại chẳng hủy báng mà phát tâm quyết định, phát tâm kiên cố, phát tâm tôn trọng, phát tâm tín thọ... thì rõ biết người này thật là một Phật Tử, chẳng mất giống Phật, chẳng mất giống Tăng, chẳng mất giống Pháp thường hay liên tục; thay đổi tăng trưởng cả đến vị lai, lại được chư Phật thân cận gần gũi thọ ký cho. Lại vì tất cả vô lượng những Bồ Tát hộ niệm cho. Nếu có người nghe pháp này rồi chẳng sanh khiếp nhục thì biết người này như định gần Phật và tất nhiên sẽ được chư Phật thọ ký.

Nói là thử loại vi đối thị thắng môn nghĩa là có người hay lành nhiếp hóa 3.000 đại thiên thế giới đầy khắp chúng sanh, tất cả đều thực hành thập thiện; hoặc có chúng sanh chỉ trong khoảng một bữa ăn mà đối với pháp sâu xa này quan sát suy nghĩ. Nếu so sánh công đức của hai người này thì người đầu được công đức thậm thâm vi diệu giống như hạt lúa tạo ra một phần trong trăm phần. Còn người thứ hai thì được công đức thậm cực rộng lớn số lượng giống như trong 10 phương thế giới vi trần. Như đã nói giả sử có người hay hóa hiện trong 3.000 đại thiên thế giới đầy đầy chúng sanh và làm cho họ thực hành thập thiện, chẳng giống như người này đối với trong một bữa ăn chánh tư duy về pháp này, trải qua những công đức trước chẳng thể ví dụ được.

Nói là cử thọ trì công tán dương môn nghĩa là nếu có người nào thọ trì luận này rồi quan sát nghĩa lý trong một ngày hay một đêm, trong thời gian ấy sẽ được công đức vô lượng vô biên, bất khả thuyết, bất khả tư lường. Giả sử trong 10 phương ba đời tất cả chư Phật và 10 phương ba đời tất cả các vị Bồ Tát cùng với 10 phương thế giới vi trần của lưới, mỗi mỗi đều ở trong 10 phương thế giới vi trần số kiếp ấy chẳng thể nói hết tán dương người này mà công đức kia chẳng thể cùng tận lại chẳng hủy báng mà phát tâm quyết định, phát tâm kiên cố, phát tâm tôn trọng, phát tâm tín thọ... thì rõ biết người này thật là một Phật Tử, chẳng mất giống Phật, chẳng mất giống Tăng, chẳng mất giống Pháp thường hay liên tục; thay đổi tăng trưởng cả đến vị lai, lại được chư Phật thân cận gần gũi thọ ký cho. Lại vì tất cả vô lượng những Bồ Tát hộ niệm cho. Nếu có người nghe pháp này rồi chẳng sanh khiếp nhục thì biết người này như định gần Phật và tất nhiên sẽ được chư Phật thọ ký.

Nói là thử loại vi đối thị thắng môn nghĩa là có người hay lành nhiếp hóa 3.000 đại thiên thế giới đầy khắp chúng sanh, tất cả đều thực hành thập thiện; hoặc có chúng sanh chỉ trong khoảng một bữa ăn mà đối với pháp sâu xa này quan sát suy nghĩ. Nếu so sánh công đức của hai người này thì người đầu được công đức thậm thâm vi diệu giống như hạt lúa tạo ra một phần trong trăm phần. Còn người thứ hai thì được công đức thậm cực rộng lớn vô lượng giống như trong 10 phương thế giới vi trần. Như đã nói giả sử có người hay hóa hiện trong 3.000 đại thiên thế giới đầy đầy chúng sanh và làm cho họ thực hành thập thiện; chẳng giống như người này đối với trong một bữa ăn chánh tư duy về pháp này, trải qua những công đức trước chẳng thể ví dụ được.

Nói là cử thọ trì công tán dương môn nghĩa là nếu có người nào thọ trì luận này rồi quan sát nghĩa lý trong một ngày hay một đêm, trong thời gian ấy sẽ được công đức vô lượng vô biên, bất khả thuyết, bất khả tư lường. Giả sử trong 10 phương 3 đời tất cả chư Phật và 10 phương 3 đời tất cả các vị Bồ Tát cùng với 10 phương thế giới vi trần của lưới, mỗi mỗi đều ở trong 10 phương thế giới vi trần số kiếp ấy chẳng thể nói hết tán dương người này mà công đức kia chẳng thể cùng tận. Vì sao vậy? – Vì công đức của pháp thân chơn như ấy sánh với hư không giới thì không có ngăn mé, hà huống là người phạm phu nhĩ thừa có thể xưng tán được; so với người thọ trì trong khoảng thời gian một ngày một đêm không có nhiều, lại được công đức bất khả tư nghĩ hà huống là 2 ngày hoặc 3 ngày hoặc 4 ngày hay đến 100 ngày, thọ trì đọc tụng suy nghĩ quan sát thật là bất khả tư nghĩ, bất khả tư nghĩ, bất khả thuyết, bất khả

thuyết vậy. Lại nữa nếu có người thọ trì luận này rồi quan sát tu hành nếu trong một ngày một đêm thì công đức ấy vô lượng vô biên chẳng thể nói hết được. Giả sử trong 10 phương tất cả chư Phật ở trong vô lượng vô biên A Tăng kỳ kiếp tán thán công đức này lại cũng chẳng thể cùng tận. Vì sao vậy? – Nghĩa là pháp tánh công đức kia không có cùng tận vậy. Công đức của người này lại cũng như thế, không có ngần mé.

Nói là cử phi báng quá lệnh bố môn nghĩa là chúng sanh đối với luận này dạy đừng cho sanh tâm bất tín, đừng làm việc hủy báng; như vậy chúng sanh này lại bị tội báo cũng chẳng thể nói hết, chẳng thể nói hết trong kiếp số, phải thọ quả báo khổ não và những nỗi khổ lớn. Như có chúng sanh nào đối với luận này hủy báng chẳng tin thì phải nhận tội báo trải qua vô lượng kiếp, thọ những khổ não lớn. Cho nên chúng sanh thường nên ngưỡng vọng tin tưởng, chẳng nên hủy báng, rồi nói tổng kết như trên đã giải thích rõ để khuyến thỉnh các hành giả.

Từ đây trở xuống tạo nhơn duyên này về thị trọng quá thất. Nghĩa là trong pháp này chẳng tin và hủy báng; mất đi căn lành của chính mình, làm tổn hại đến công đức kia, đoạn tuyệt tất cả hạt giống Tam Bảo, chẳng có thời kỳ tiếp nối. Như vậy tự mình hại mình lại hại người khác nữa làm đoạn tuyệt tất cả hạt giống của Tam Bảo.

Nói là thù thắng quảng thuyết ly môn nghĩa là 10 phương 3 đời các Đức Như Lai đều lấy Ma Ha Diễn làm căn bản để thành Chánh Giác. Mười phương 3 đời vô lượng Bồ Tát tất cả đều lấy Ma Ha Diễn làm căn bản đầy đủ như biển cả làm nhơn duyên. Như vậy pháp Ma Ha Diễn này thật sâu xa. Nếu có chúng sanh nào sanh tâm chẳng tin, tranh luận phi báng thì những chúng sanh này lại có tên là chặt đứt tất cả chư Phật. Lại gọi là đoạn phạt tất cả các vị Bồ Tát. Lại gọi là đoạn tuyệt Như Lai Tạng của chính mình và bản giác Phật. Như đã nói tất cả các Đức Như Lai đều nương vào pháp này để được Niết Bàn. Các Bồ Tát nhơn việc tu hành này mà nhập vào Phật trí. Nên rõ biết tất cả Bồ Tát trong quá khứ đã nương vào pháp này được thành tịnh tín và hiện tại các Bồ Tát nay nương vào pháp này nên được thành tịnh tín. Vị lai Bồ Tát sẽ nương vào pháp này được thành tịnh tín. Cho nên chúng sanh nên siêng tu học. Đây tức là nói tổng kết về tu hành khuyến nhơn môn phải nên quan sát suy nghĩ phán xét.

Đã nói về khuyến tu lợi ích môn rồi; bây giờ lần lượt nói về hồi hướng biển bố môn.

Viết rằng: Chư Phật với nghĩa sâu xa rộng lớn, ta nay tùy phần nói tổng quát, hồi hướng công đức này như pháp tánh để làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

Luận rằng: Trong một bài tụng này lại có 3 môn. Những gì gọi là ba môn? - Một là nhiếp tiền sở thuyết tổng kết môn; hai là triển xả công đức lệnh quảng môn; ba là thí ư chúng sanh phổ lợi môn. Đây gọi là ba.

Trong môn đầu lại có hai loại. Những gì là hai? - Một là thông tổng nhiếp tiền sở thuyết môn; hai là hiển thị năng thuyết tự tướng môn. Như đây lần lượt sẽ phán xét quan sát; chư Phật thậm thâm với ý nghĩa rộng lớn tức là thông nhiếp tiền sở thuyết môn. Điều ấy có nghĩa là thông nhiếp 33 loại pháp số căn bản. Nghĩa này như thế nào? – Nói chư Phật nghĩa là chẳng phải 2 pháp Ma Ha Diễn. Vì sao thế? - Điều này chẳng phải hai pháp, mà đối với hình tướng của vị Phật kia là cái đức này hơn cả. Trong kinh Đại Bản Hoa Nghiêm có nói như thế này: Cái đức viên mãn đầy đủ này của chư Phật hơn cả biển rộng. Cho nên điều này tất cả các vị Phật chẳng thể thành tựu đầy đủ bằng biển hẹp hòi. Vì sao mà bây giờ trong phần lưu thông của Hoa Nghiêm khế kinh nói như vậy? – Lô Xá Na Phật 3 loại thế gian vì thân tâm này, 3 loại thế gian nhiếp lấy giáo pháp không thiếu. Thân tâm của Phật kia lại cũng chẳng có chỗ để nhiếp lấy. Lô Xá Na Phật tuy nhiếp 3 thế gian, mà sự nhiếp ấy lại chẳng nhiếp; cho nên chẳng sai quấy.

Nói rằng thậm thâm có nghĩa là 2 lần 8 loại pháp căn bản Ma Ha Diễn. Với nghĩa gì mà đây gọi là thậm thâm? - Như vậy 2 loại pháp Ma Ha Diễn có thể nhập môn với vọng cực thậm thâm. Do nghĩa này cho nên lập nên nghĩa thậm thâm và nên phán xét suy nghĩ.

Nói là quảng đại vì lẽ 2 lần có thể nhập vào pháp môn. Vậy thì nghĩa gì mà gọi là to lớn? - Như vậy 2 loại có thể nhập vào pháp môn. Tất cả mỗi mỗi đều có thể rộng ra cho tự thể của mỗi pháp và có thể to lớn hơn cho tự thể của pháp, có thể làm cho chính pháp để tạo ra tên này. Dùng nghĩa này cho nên kiến lập được tên và nghĩa to lớn ấy.

Đã nói qua về thông tông nhiếp tiền sở thuyết môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến hiển thị năng thuyết tự tướng môn. Nói là ta nay tùy theo phần tông trì để nói; nghĩa là hiển thị có thể nói về tự tướng môn. Nghĩa là dùng chữ tông để thông qua chữ trì của tất cả các loại lời nói. Lập nên từng phần nghĩa trong Ma Ha Diễn gọi là Tông. Tức là phần này vậy. Vì sao nói một chữ thông trì? - Vì muốn hiển thị luận Ma Ha Diễn này là một luận như ý.

Đã nói qua về nhiếp tiền sở thuyết tông kết môn rồi; bây giờ lần lượt nói về triển xá công đức lệnh quảng môn. Nói là hồi hướng công đức này như pháp tánh tức là triển xá công đức lệnh quảng môn. Điều này nghĩa là tự chỗ mình làm được các công đức, rồi hồi hướng đến 3 nơi. Những gì là ba? - Một là chơn như; hai là nhưt tâm pháp; ba là bản giác Phật tánh. Đây được gọi là ba. Dùng nghĩa gì mà lại nói hồi hướng đến 3 nơi? - Nghĩa là vì muốn tự chỗ làm công đức, làm cho bình đẳng cho nên hồi hướng đến chơn như. Hoặc vì muốn tự chỗ làm công đức, làm cho rộng lớn thêm; cho nên hồi hướng đến một tâm; hoặc vì muốn tự chỗ làm công đức làm cho rõ suốt, cho nên hồi hướng đến bản giác; nên như thế mà rõ biết; cho nên như thế mà quán sát. Như vậy sự hồi hướng này có được lợi ích gì? - Nghĩa là nhiều lắm. Nghĩa này như thế nào? - Giống như dùng một hạt bụi đặt lên trên đất rộng. Chỗ để hạt bụi ấy cùng đất rộng kia chẳng có sai khác. Pháp môn hồi hướng lại cũng như thế ấy. Lại nữa giống như dùng một giọt nước rồi đặt vào trong biển thì chỗ bỏ nước vào đó cùng với biển lớn chẳng có chỗ sai khác. Pháp môn hồi hướng lại cũng như vậy. Lại nữa giống như đập phá một sự hiện hữu nhỏ thì liền với hư không lớn chẳng có gì sai biệt. Pháp môn hồi hướng lại cũng như thế.

Đã nói qua về triển xá công đức lệnh quảng môn rồi; bây giờ lần lượt nói đến thí u chúng sanh phổ lợi môn. Nói là phổ lợi tất cả chúng sanh giới; tức là thí cho các chúng sanh phổ lợi môn. Nghĩa là đưa công đức viên mãn to lớn ấy lên phổ biến khắp nơi làm lợi ích cho các cõi của chúng sanh vậy.

Hoan hỷ Đại Sĩ chí tâm động
Trong nhiều Phật Tử như biên cả
Ta đã trải qua kiếp lông, sừng
Qua khỏi sanh tử của bốn căn
Đầu tiên đủ loại ăn đầy đủ
Thứ đến Tăng kỳ lại vào không
Như thế này hãy các Phật Tử
Giống như hai tay trái và phải
Cầm lấy giải thích sáng như gương
Cùng bảy thức suy ra như mặt
Thấy lục trần cảnh giới dơ nhớp
Rửa pháp người chấp ta hằng bảo
Các người Phật Tử nếu như thế
Pháp thân, ứng, hóa cả ba thân
Như nhà đầy chữ ở trước đó
Thường lạc ngã tịnh là bốn đức

Như vào trong ao rồi ra khỏi
Ta từ bốn vua, xứ tự tại
Xuống vào biển lớn nơi long cung
Tùy theo các loại, biển khế kinh
Tổng số một trăm loại Lạc Xoa
Như vậy các kinh pháp chơn thật
Vô lượng vô biên, nghĩa khác nhau
Ma Ha Diễn Luận, trong ấy lập
Đề nhiếp an lạc, nói đầy đủ
Có các thiện nam cùng thiện nữ
Trong tay có được quyển luận này
Mỗi người trong tay cầm trăm kinh
Hoặc tự miệng mình tụng phần chính
Gọi đây tụng đủ trăm loại kinh
Người này lại được những công đức
Mười phương thế giới nhiều như bụi
Chư Phật cùng với Đại Bồ Tát
Mỗi vị tướng lười như vi trần
Như vậy ở trong nhiều kiếp số
Chẳng thể nói hết, chẳng nghĩ hết
Hà huống quan sát cùng ý nghĩa
Suy nghĩ câu văn cùng chú giải
Cùng thiện nam tử và thiện nữ
Sanh tâm chẳng tin và hủy báng
Người này sẽ bị các tội nghiệp
Mười phương thế giới nhiều như bụi
Chư Phật cùng với Đại Bồ Tát
Mỗi vị tướng lười như vi trần
Như thế ở trong nhiều kiếp số
Chẳng thể nói hết cũng chẳng cùng
Người này tội xưa mất chỗ nương
Tất cả chư Phật chẳng thể cứu
Cho nên hành giả trở về cũ
Hay nương luận này mà tu hành
Thật chẳng thể sanh tâm không tín
Hủy báng sâu xa lý Đại Thừa
Nay nguyện việc này lưu bố rộng
Biên khắp các nơi chẳng giới hạn.

Thích Ma Ha Diễn Luận
Hết quyển 10

*Dịch xong vào ngày 10 tháng 4 năm 2009
nhằm ngày rằm tháng 3 năm Kỷ Sửu tại
Trúc Lâm Thiền Viện Houston, Texas, Hoa Kỳ,
cũng là ngày Cựu Chín pháp danh Thiện Phẩm
làm lễ bái Sư và phát tâm xuất gia tu học.*